

# **Nước Đức, một chuyến đi**

Wolfgang Büscher

## Nước Đức, một chuyến đi

Phan Ba chuyển ngữ từ nguyên bản tiếng Đức "Deutschland, eine Reise", ấn hành lần thứ hai (2008) của Nhà xuất bản Rowohlt, ISBN 978 3499240508.

"Nước Đức, một chuyến đi" là tác phẩm bestseller thứ hai của Wolfgang Büscher. Ông đã khoác ba lô đi 3 tháng trời dọc theo 3500 km đường biên giới của Đức, đi bộ, đi xe buýt, đi nhờ xe hay đi tàu thủy. Cuộc hành trình như một giấc mơ đã bị lãng quên từ lâu – được thuật lại một cách rục rờ, đầy những khám phá khó tin.

Nhà văn, nhà báo Wolfgang Büscher, sinh năm 1951, bắt đầu nổi tiếng qua quyển bestseller năm 2003 "*Berlin-Moskau. Eine Reise zu Fuß*" ("Berlin-Moscow. Một cuộc hành trình đi bộ"). Ông đã nhận được nhiều giải thưởng: Giải Theodor Wolff của báo chí Đức (2002), các giải thưởng văn học Giải Kurt Tucholsky (2003), Giải Wilhelm Müller (2003), Giải Johann Gottfried Seume (2003) và Giải Ludwig Börne (2006).

*"... 'Nước Đức, một chuyến đi' đã biểu lộ một nước Đức làm cho tôi sửng sốt và kinh ngạc qua tính muôn màu, đa dạng, xa lạ, kỳ dị và đáng yêu của nó."*  
(Tổng thống Đức Horst Köhler trong bài diễn văn nhân dịp trao Giải thưởng văn học Ludwig Börne cho ông Wolfgang Büscher.)

# Nước Đức, một chuyến đi



Nước Đức, một chuyến đi

Tặng Fedor

Vào một ngày nào đó tôi nhảy xuống sông Rhein lạnh buốt .....	7
Cạnh biển xanh .....	9
Một thành phố cùng lứa tuổi với tôi.....	9
Xơ Swan từ Missouri .....	10
Chủ nhật trong những năm 70.....	12
Westfalen cực tiểu.....	14
Người sưu tập ma ở Leer .....	16
Gió.....	18
Vị bác sĩ ở Helgoland.....	19
Chuyến bay .....	23
Dân hí pi ở Klanxbüll.....	24
Bánh ngọt Timmendorf.....	27
Bên trong của không tưởng.....	29
Đảo đang nhìn bạn .....	32
Cái nghiệp của tên lửa V 2.....	33
Cái quán cá ở tận cùng của thế giới .....	35
Quán trọ Đức.....	38
Mùi cháy Pommern.....	38
Những bài hát từ góc không người .....	39
Đại đế Karl nhỏ .....	42
Cái quán ở cạnh sông Neisse .....	45
Thành phố tiền tuyến. Thành phố trong mơ.....	47
Rừng Bohemia .....	52
Người không chuyên.....	52
Đứa bé gái trong cái ba lô .....	56
Dresden, cái đó.....	57
Sự trần trụi của các nữ thần ở Dubí .....	59
Ánh sáng .....	62
Hänsel và Gretel trong Chemnitz.....	63
Zita và Karl .....	65
Vị nam tước tự đến thăm mình trong rừng .....	67
Số 5 – 7 đại lộ Tưởng nhớ.....	69
Siberia Bayern.....	77
Điên rồ duyên dáng trong Girgl .....	80
Tự do rừng .....	82
Trong tuyết.....	86
Đi trên núi .....	89
Một cuộc đời ở Passau .....	89
Trà trong Braunau .....	92
Maria đã cứu giúp .....	94
Nữ hoàng băng tuyết.....	97
Trong đất của Ludwig.....	101
Orlando .....	103
Đêm của mặt nạ.....	104
Nỗi buồn của Phương Tây .....	108
Con gái nhà giàu từ Tây Đức .....	108
Một ngôi vườn ở miền nam.....	110
Một bậc thầy trong Meersburg.....	112
Con gái sông Rhein.....	118

## Nước Đức, một chuyến đi

Khách sạn tưởng nhớ .....	121
Nhà thờ quê hương.....	124
Thành phố thứ 60 .....	125
Ramstein .....	131
Quán cà phê Thiên Thạch .....	133
Người khách cuối cùng .....	135
Đêm Yên Lặng.....	138

## Vào một ngày nào đó tôi nhảy xuống sông Rhein lạnh buốt

Người ta nói rằng có một thứ ánh sáng huyền diệu trên hạ lưu sông Rhein. Hơi nước có màu xanh êm dịu như vậy, và sương mù được chiếu sáng từ bên trong, ngay cả vào một ngày mùa thu như thế này, ngày mà bầu trời hút tất cả màu sắc vào, như thể chúng là chất độc. Chân trời, những đồng cỏ sông Rhein, xà lan chở hàng trên sông – tất cả đều bơi trong cái phản ánh sáng giống như sữa đó. Cây cầu cao ở phía xuôi dòng sông chỉ là một ý tưởng mơ hồ trong hơi nước, thành phố ở bờ sông bên kia là một phác họa bằng bút chì từ một quyển sách đã bị bỏ quên.

Chắc là tôi đã ngủ gật. Tôi mở mắt ra. Tôi ngồi trên một tảng đá ở bờ sông gần biên giới Hà Lan, ở km 852 của sông Rhein, nhìn dòng sông và những chiếc xà lan đang đi ngang qua, dài và thấp thành đoàn liền nhau, tôi đã ngồi ở đây cả ngày và chờ dấu hiệu của tôi – cho đến khi đoàn xà lan đứt đoạn. Đó là ngày đầu tiên trong chuyến đi của tôi.

Một mình tôi trên những cánh đồng cỏ, chỉ có một vài con bò đứng ở đó. Ngay lúc này, những con bò gan dạ nhất đang rời bầy để uống nước sông Rhein. Nó cho phép chúng. Nó không còn màng đến những gì ở cạnh bờ của nó, nó chảy đến nơi tan rã của nó và rộng ra như một cái hồ ở phía kia.

Cuối cùng – đoàn xà lan đứt đoạn. Không còn chiếc tàu nào sau chiếc này. Khoảng trống của tôi xuất hiện, lớn đủ để không sợ bị cày nát dưới chiếc xà lan kế tiếp chắc chắn sẽ đến. Sông Rhein cho tôi 20 phút, có thể nhiều hơn một ít.

Tôi vội vã cởi bỏ, áo, quần, giày, và khi tôi chạy băng trên sỏi và mảnh vỡ sò ốc, tôi liếc nhìn thấy con bò vừa uống nước sông Rhein gật mình sợ hãi và phi nước đại một cách lố bịch trở về đàn.

Nghệt thở. Tôi chưa từng bơi trong cái lạnh buốt như băng như thế này, trong một dòng sông lớn như thế này. Tôi cảm nhận được sức mạnh của nó. Không phải sức mạnh máy móc của biển cả, ném ra từng làn sóng một ra với tính ương bướng của một nhà máy – nó là một lực kéo òng ọc, nhỏ nhẹ, nhưng không khoan nhượng.

Tôi không bơi, tôi quạt nước, tôi tê cóng đến như thế. Tôi quạt nước cho ấm người lên. 100 lần bơi cho đẹp, bây giờ mình cần bao nhiêu đó. Bơi và trượt đi và bơi. Và 100 lần nữa và một lần nữa, rồi mình sẽ qua được.

Tôi bị cuốn đi. Tôi bị cuốn đi trên nước. Những làn sóng lạnh như băng mang tôi đi, như thể tôi đang nằm trên lưng của những con thú nhỏ tron lảng đang chạy thật nhanh. Chúng đã ngửi thấy mùi muối. Chúng không còn chờ đợi được nữa. Tôi tự ra lệnh cho mình đừng sợ. Không, không phải xuôi dòng – qua bên kia!

Tôi tìm một điểm ở bờ bên kia để hướng đến, một điểm kéo tôi đến. Một trong 3 cái tháp của thành phố nhỏ: Cái tháp nhà thờ 8 cạnh bên phải, cái tháp cụt ở phía trước tôi hay cái ống khói cao mỏng mảnh tí bên trái. Có dòng chữ "Nhà máy dầu Germania<sup>1</sup>" ở trên đó.

Cứ với mỗi nhịp bơi là tôi lại cảm thấy đôi cánh tay đã nặng trĩu: giống như một cái nam châm kỳ lạ đang làm tê liệt tứ chi trong một giấc mơ. Sắp hết thời gian, ý nghĩ vụt qua trong đầu tôi, khoảng trống sẽ đóng lại, dòng chảy sẽ đẩy mình xuống dưới chiếc xà lan chở hàng kế tiếp. Kết liễu.

Tôi không biết mình đã quạt nước và trôi đi như thế được bao lâu, càng lúc càng lạnh hơn và tê cóng hơn. Có lẽ chỉ 1 phút. Tôi có cảm giác lâu hơn thế rất nhiều.

Bất chợt tôi cảm thấy ấm hơn. Không phải, nóng. Cái nam châm đáng sợ ấy đã thả tôi ra. Cái lạnh vẫn còn đó, nhưng nó không còn ở trong tôi. Bây giờ con sông Rhein trở nên tron nhẵn, gần như dầu, nắm nó tốt. Tôi lặn xuống từng nhịp bơi một, trượt theo, lại ngấp vào – tôi bơi. Mấy chiếc tháp ở bờ sông trượt sang phải một đoạn

dài, ở phía ngược dòng sông, không thể đến được cả hai cái tháp nhà thờ. Tôi chỉ còn có thể hướng đến Germania.

Ngay trong khoảng khắc ấy nó cháy rực lên từ ở trên đỉnh. Ánh sáng lại đến, nó châm lửa đốt cháy, chẳng bao lâu sau đó cả cái ống khói đều cháy. Bầu trời cháy. Ánh sáng kéo lên thêm một lần nữa từ vùng châu thổ, từ những cảng Hà Lan to lớn ở cạnh biển – ánh sáng chiều mờ ảo ở phía tây dưới những lá cờ mây đỏ như lửa. Và màn đêm buông xuống dòng sông Rhein, một cánh buồm tối đen như mực. Nó làm đầy chân trời kia.

Bây giờ mấy cái tháp kia cũng đã cháy, cả thành phố cháy. Bây giờ dòng sông cũng đang cháy rực.

Tôi trôi đi trong vàng nguyên chất.

---

<sup>1</sup> Tiếng Latinh của "Đức".

## **Cạnh biển xanh**

### **Một thành phố cùng lứa tuổi với tôi**

Tôi ngủ vài giờ trong một khách sạn rồi đi vào phố. Phải mất một lúc lâu tôi mới nhận ra: Có cái gì đó không ổn với Emmerich.

Một thành phố nhỏ nép mình cạnh dòng sông lớn, âm điệu những ngõ hẻm và đầu hồi của nó, con đường đi dạo cạnh sông Rhein – tôi đi hết con đường đó và đến khu vực dành riêng cho người đi bộ ở phía sau những căn nhà. Tôi thơ thẩn đi qua đi lại giữa những cánh cổng cổ xưa với tên cổ xưa cho đến khi tôi nhận ra điều đó: Chúng hoàn toàn không cổ xưa. Ở đây hầu như chẳng có gì cổ xưa cả. Con đường đi dạo dọc theo bờ sông không cổ xưa và những ngôi nhà cạnh nó cũng không. Các đầu hồi trong ngõ hẻm quanh co cũng không. Tất cả chúng đều mới. Không già hơn mình. Nhiều cái còn trẻ tuổi hơn.

Cửa hàng đồ sứ ở quảng trường trang hoàng để kỷ niệm 100 năm tồn tại, nhưng ngôi nhà nó nằm bên trong còn chưa tròn 50. Và trên đầu hồi hình bậc thang bằng gạch nung cách đó vài bước có một niên hiệu từ một thế kỷ xa xôi: 1650. Phía dưới còn một niên hiệu nữa, niên hiệu thật: 1957. Cái đầu hồi từ cuối thời Phục Hưng ở hạ lưu sông Rhein lâu đời như túi quà cho lần đầu tiên đến trường Tây Đức của tôi.

Bất chợt tôi nhớ lại một bài hát, một bài hát rất phổ biến lúc tôi còn nhỏ.

Cát nóng  
và một đất nước đã mất đi  
và một cuộc sống trong nguy hiểm.

Và một hình ảnh: một đứa bé trước cái radio. Bài hát dần vật đứa bé với những câu đố của nó. Ngay giữa ban ngày nó hát líu lo về một điều bí ẩn mà người lớn không chia sẻ với nó. Họ biết một cái gì đó mà nó không còn biết và sẽ không bao giờ biết được.

Cát nóng  
và hồi tưởng  
rằng đã từng tốt đẹp hơn.

Đã có một cái gì đó trước khi có tôi. Một cái gì đó đã mất đi. Một cái gì đó đã từng tốt đẹp. Câu đố: Đó là cái gì? Cát và nguy hiểm, những từ này làm cho thằng bé bứt rứt, và đến đoạn về đất nước đã mất đi thì nó chỉ muốn chui vào trong cái radio khốn kiếp đấy để nhìn cho bằng được.

Giờ đây, trong Emmerich tôi nhìn thấy nhiều người đang vội vã băng qua khu vực dành riêng cho người đi bộ đang về chiều, họ hướng đến Viện bảo tàng thành phố. Trước đó tôi đã nhìn thấy một tấm áp phích: Emmerich kỷ niệm 60 năm ngày bị tàn phá<sup>1</sup>. Tôi theo họ vào trong gian phòng đầy người. Đèn tắt, người ta chiếu phim, những tấm ảnh vỡ hạt, được chụp từ khoang chứa bom hay từ bùn phía dưới. Chúng chập chờn trên bức tường trắng, tất cả đều ngời im lặng, những ai không tìm được chỗ ngồi đang đứng. Họ nhìn cái chập chờn trên tường một cách thành kính, thỉnh thoảng cùng thì thậm một cái tên, thì thậm nhắc lại như nhắc lại một kinh cầu nguyện, một amen. Tên của một tướng lĩnh, một con đường, một kiểu máy bay, một thành phố – vòng hoa hồng ở hạ lưu sông Rhein. Kleve biến mất. Wesel nát vụn. Rees thành tro, Rees thời Trung cổ. Đã từng có Goch? Emmerich ở đâu? Có ai nhìn thấy Emmerich không?

Đúng như vẻ ngoài – một buổi lễ cầu nguyện. Thành phố cử hành ngày kỷ niệm đen tối nhất, quan trọng nhất bằng một lễ cầu nguyện đen trắng. Tôi lặng lẽ lui ra và lại đứng cạnh sông.

Một chiếc thuyền sáng rực như trong ngày hội đang từ từ trôi qua, trở về nhà từ công việc du ngoạn. Những chiếc ghế đỏ không còn có ai ngồi, bàn trải khăn màu trắng vừa mới bị bỏ đi. Một phòng khiêu vũ trống vắng vẫn còn vương lại những âm thanh cuối cùng của giai điệu Bossa nova cuối cùng.

Rồi im lặng đến mức trong một giây hoang mang tôi nghĩ rằng mình bị điếc. Đến một chiếc ô tô muôn màng tôi cũng không nghe được. Tôi day tai của tôi, có nước ở trong, tôi thậm chí nói như thế, mình vừa ở dưới sông lên.

Nhưng sự im lặng vẫn còn đó. Nó ở trong mọi thứ, trong các ngõ hẻm, trong đất nước – không có tiếng vang, không có mơ mộng. Im lặng giống như sau khi một thiên thạch khổng lồ rơi xuống. Chân tay tê dại, cử động tê dại, vẫn còn như thế. Bụi vẫn còn từ từ, từ từ lắng xuống, bụi cần 100 năm và 100 lễ cầu nguyện và 100 bài hát. Nó cần 200 năm, chỉ có bụi mới biết nó cần gì. Cú va đập vẫn còn trong không khí. Nó hủy diệt tất cả những gì có trước đó. Nó xuyên qua tất cả, qua làn da, qua trí óc, qua toàn thể đất nước đã mất đi, qua bạn và tôi.

Sương mù biến mất vào ngày thứ hai của chuyến đi, và Emmerich là một thành phố tươi sáng cạnh sông Rhein gần biên giới Hà Lan. Đã có mùi hương Hà Lan. Mùi cà phê và thần học Calvin. Có bánh mì Hà Lan và thảm nhỏ trên bàn của những quán ăn nhanh, biển số xe màu vàng và gần như không còn màn che cửa sổ nữa.

Tôi đi ngang qua một cái thánh giá bằng đá. Trước đây 500 năm có một người đang trên đường đi bị giết chết ở đây, chiếc thánh giá xin hãy cầu nguyện hộ cho linh hồn xấu số của người đây. Tôi không thể nói là điều gì làm cho tôi ngạc nhiên nhiều hơn – rằng đã có thời mà người ta đặt dấu mốc cho một kẻ xa lạ, một người bị đập chết duy nhất. Hay chiếc thánh giá của ông ta đứng ở đầu của một cuộc hành trình không có mục đích.

---

<sup>1</sup> Trong Đệ nhị thế chiến, thành phố Emmerich bị phá hủy gần như hoàn toàn trong lần ném bom vào ngày 7 tháng 10 năm 1944.

## Xơ Swan từ Missouri

Nôn nóng cứ đẩy tôi lên phía bắc. Tôi muốn đi dọc theo biên giới, nhưng tôi cũng muốn đi cho nhanh, vì thế mà tôi đi bằng tàu hỏa. Nhưng chuyến tàu nào cũng rời xa biên giới. Không ai lại đi du lịch dọc theo biên giới. Nó không đi theo một dãy núi nổi tiếng, không dọc theo bờ biển hay thung lũng, dọc theo một con đường cũng không. Nó là một vạch vô hình xuyên qua những cánh đồng. Nước Đức biến mất ở đâu đó sau vùng đất thấp.

Tôi lọt vào một đường chữ chi rôi rắm. Giống như một con bọ cánh cứng muốn đi đến rìa và bị bàn tay của một đứa bé đang đùa nghịch đặt lại ngay giữa bàn, bất kỳ chuyến tàu hỏa nào cũng mang tôi rời xa biên giới và đưa tôi trở vào sâu trong nội địa, ở những nơi như Duisburg và Münster. Phòng chờ nhà ga. Nhiều giờ trong quán ăn trên tàu với trà túi âm âm. Trên sàn tàu, một vỏ chai bia lăn qua lăn lại, lăn qua lăn lại.

Trong một chuyến tàu như thế tôi bắt chợt ngược lên và nhìn vào mắt của xơ Swan. Xơ Swan từ Missouri và các thánh trẻ bên cạnh xơ, các thánh trẻ của Hội

Thánh Ngày nay. Xơ Swan và sứ mệnh của xơ ở người Đức và mái tóc dài màu nâu của xơ. Cứ xoắn và xoắn xuống như trong một bài hát chậm rãi. *It curls and falls down her breast*<sup>1</sup>.

Tóc xơ xoắn xuống chiếc áo trắng cài kín cổ, và chiếc váy dài đến gót chân được làm bằng một loại vải trinh trắng và cứng đến mức nó không thể bó sát vào thân hình của xơ Swan. Xơ chỉ cho phép thế giới nhìn thấy gương mặt trắng của một người con gái nông dân, đôi mắt xanh của xơ. Xơ thỉnh thoảng nhắm mắt lại trong giây lát, rồi một nụ cười xuất hiện, và hơi thở của xơ thổi một làn tóc mỏng sang bên. Hay xơ không đan tay lại với nhau nữa và viết một ý nghĩ vào trong quyển nhật ký màu đen có Chúa bị đóng đinh lên thánh giá ở trên đó, đỏ mặt như một người đang yêu. Xơ nhận ra điều đó, gập quyển nhật ký lại rồi nhìn xuống.

Các thánh đến từ Missouri, Utah, Idaho. Họ đã đến Xanten, theo như xơ Swan thuật lại, vì xơ đã bắt chuyện với tôi, và từ đó đến Kleve và từ Kleve đến Wesel, nơi tất cả họ đã cùng nhau cầu nguyện. Xơ quyết định tiếp tục đi đến Duisburg trong lúc cầu nguyện. Và bây giờ chúng tôi ngồi đây, trong chuyến tàu đến Duisburg.

Họ mang biển tên sáng loáng dễ nhìn thấy. Mụn vẫn còn nở trên những gương mặt của họ. Đó là những gương mặt trong những bức ảnh cũ. Họ nhìn người khác một cách rụt rè, để rồi lại nhìn xuống đất ngay trong khoảng khắc sau đó, giống như bị bắt quả tang khi đang làm một việc gì đó.

Tôi chỉ cần bỏ bớt đi một ít trong trí tưởng tượng là có thể nhìn thấy ở họ dòng người di dân thời ông cố của tôi. Chỉ có điều là ngược lại, cháu chắt của những người di dân lại trở về. Họ ở đây, để mang về những gì mà dòng người kia đã mang theo qua đại dương. Những từ ngữ cổ xưa nghiêm khắc, những phong cách cổ xưa nghiêm khắc. Tôi nhìn họ, những người lính trẻ tuổi của Chúa Trời và không biết rằng mình nên ngạc nhiên hay tức giận về sự nghiêm trang thần thánh này, về tính táo bạo trẻ con của chuyến đi chinh phục của họ.

Chuyện gì thế này, tôi tự nhủ, tất cả họ muốn gì ở đây với những tờ rơi của họ, những lời thiên khải của họ, những thánh thần của họ, họ nghĩ rằng họ đang ở đâu, ở một bộ lạc mới vừa được phát hiện chăng? Vì tôi đã còn nhìn thấy thêm nhiều nhà truyền giáo nữa. Một bà mẹ đầu quấn khăn từ Kazakhstan đứng cạnh một nhà ga khác đã chìa cho tôi một tờ giấy phục hồi đức tin. Đi về nhà nấu trà uống đi, mẹ bé nhỏ ơi, tôi lầm bầm lúc đi ngang qua, bằng tiếng Nga, để bà cũng hiểu tôi. Và bà không biết đó là tiếng nói của lòng nhân từ trong tôi, hay là tức giận, và đã làm dấu thánh giá. Nhưng đó là sự tức giận.

Đề tập nói tiếng Đức, xơ Swan và các thánh của xơ còn sử dụng cả thứ tiếng xa lạ để nói chuyện với nhau, nghe giống như là họ đang đóng vai đọc từ sách giáo khoa.

"Chúng tôi bao giờ cũng mua nhiều bánh mì", Elder Ernest nói, tay kẹp một túi bánh mì đã cắt thành lát.

"Thế à?", xơ Swan trả lời.

"Và chúng tôi ăn cơm với thịt mỗi tuần một lần."

"Ồ, thật à?"

Tôi ngồi đối diện với xơ Swan, và rồi tôi nói với xơ một ít bằng ngôn ngữ của xơ, một ít về Kleve và một chiếc thuyền do thiên nga kéo đi, và về một hiệp sĩ<sup>2</sup>.

Xơ nói: "Wow, ông biết nói tiếng Anh?"

"Một ít thôi."

"Ồ, không đâu. Rất tốt. Ông đã sang Mỹ lần nào chưa?"

"Rồi, ở sa mạc. Trong Tucson."

"Wow. Tucson, Arizona."

Xơ Swan nói rằng xơ rất yêu thích nước Đức, rất xanh và con người tuyệt vời. Tôi có yêu nó không? Câu hỏi làm cho tôi bối rối. Có lẽ xơ Swan cũng làm cho tôi bối rối. Tôi nói: "I liked Arizona, the deserts."<sup>3</sup>

Rồi xơ kể cho tôi nghe về *golden plates*, những bảng chữ vàng của tín ngưỡng của xơ, rằng chúng chứa đựng lời thiên khải Mỹ của Chúa Trời, vâng, đã có lời thiên khải thứ hai, vào thời Giêxu ở Mỹ, và những người đàn ông được truyền đạt đã ghi lại lời nói đó trên những bảng vàng đó, những tấm bảng được cất dấu qua bao nhiêu thế kỷ, cho đến khi đức cha thành lập đạo Mormon tìm thấy chúng cách đây sắp tròn 200 năm.

Xơ tiếp tục nói về những nhà tiên tri và phép màu nhiệm, và có thể hào hứng từng từ không quan trọng một mà tôi đã góp phần vào trong cuộc đối thoại, từ mà không có gì chống đối lại các bảng vàng của xơ. Rồi xơ lại nhớ đến sứ mệnh của mình. Xơ lôi nhanh ra một quyển sách đã được chuẩn bị sẵn cho những dịp như thế này để tặng cho tôi. Tôi từ chối.

"Xơ xem, tôi đang đi du lịch. Tôi chỉ có hành lý nhẹ thôi, sách của xơ quá nặng đối với tôi."

Tôi chỉ cho xơ xem cái ba lô nhỏ bé của tôi, nhưng xơ không chấp thuận, xơ đi sâu vào trong tôi, niềm tin của tôi ra sao.

"You must believe in something!"<sup>4</sup>

Ngay trong giây phút ấy đoàn tàu về đến nhà ga. Tôi đứng lên. Xơ vẫn kiên quyết nhìn tôi, xơ muốn có một câu trả lời. Trước khi đi, tôi nói: "Thưa xơ, tôi chỉ là một hiệp sĩ Đức rất bình thường."

---

<sup>1</sup> Nguyên văn bằng tiếng Anh: Tóc quăn và xõa dài xuống ngực của cô.

<sup>2</sup> Hiệp sĩ Lohengrin đi thuyền do thiên nga kéo là một hình tượng trong huyền thoại Đức. Swan tiếng Anh có nghĩa là thiên nga.

<sup>3</sup> "Tôi thích Arizona, sa mạc."

<sup>4</sup> "Ông phải tin vào điều gì chứ!"

## Chủ nhật trong những năm 70

Tôi đến Gronau và vào trong một khách sạn mà tôi cho rằng nó mang đặc tính vùng Westfalen nhiều nhất. Người chủ quán trọ nêu một giá thấp tới mức tôi phải nhắc lại con số để hỏi, nhưng ông ta chỉ đưa cho tôi chiếc chìa khóa và ra hiệu về hướng cầu thang.

Tôi mở cửa, bước vào và đứng trong một thế giới mà tôi đã bỏ đi từ trước đây lâu lắm rồi. Những cảm xúc ngày xưa, đã lắng xuống, lại trỗi dậy trong tôi. Trước đây một phút tôi vẫn còn cho rằng không thể còn tồn tại một căn phòng như thế này nữa. Và những cảm xúc như vậy.

Căn phòng đã từng sang trọng một thời. Bây giờ thì nó thực dụng. Một cái giường bằng gỗ dán màu sáng. Một bồn rửa mặt, đơn giản và trắng như có thể. Một cái tủ bình thường. Một tấm thảm mà người ta không thể nhớ lại được dù đã có hết sức. Vật duy nhất mang nét đặc sắc nào đó là chiếc ghế bành để ngồi uống rượu màu xanh lá cây. Phòng có vị của rượu sâm banh ngọt.

Nó là căn phòng dành cho người chủ trại chăn nuôi. Ông ấy bao giờ cũng nhận căn phòng này và chai rượu sâm banh đặt trên bàn ngủ, ông vào thành phố mỗi năm hai lần, vào ngày sau Lễ Thăng thiên và vào thứ sáu trước ngày chủ nhật của lễ tưởng niệm những người đã chết. Lần nào ông cũng dùng bữa trưa với giám đốc ngân hàng

và bàn bạc về nửa năm, bò nuôi lấy thịt một lần, vỗ béo một lần, rồi sau đó ông gặp người tình của ông. Cô ấy đi trên đường phố, ngừng lại trước những tủ kính bày hàng ở đây đó, chào hỏi và chờ, cho đến khi đèn ở phía sau bức màn cửa sổ được bật lên, nhìn quanh một lần cuối, thế rồi cô chạy vụt lên trên.

Nó là căn phòng dành cho người thầy giáo trẻ tuổi chưa vợ, người mà tối nào cũng cho mang lên phòng một chai rượu vang Herva mit Mosel, vì ông ấy che giấu việc mình là người đồng tính luyến ái và không chịu đựng được những lần làm mai mối trong phòng dành riêng cho thầy cô, những lời nói bóng gió của đồng nghiệp nam và những lần vô tình chạm phải của đồng nghiệp nữ – tiệc rượu Herva mit Mosel là cách thức của ông để tự rửa sạch những cái đó vào mỗi tối.

Nó là căn phòng dành cho người chơi trống gậy gõ của ban nhạc rock Hà Lan. Vào đêm sau buổi biểu diễn trong hội trường của trường trung học thành phố, anh ấy đã đập tan tàn nó, chỉ vì anh ấy đã đọc trong các tạp chí rằng tay trống của những ban nhạc rock đều làm như thế. Anh đứng cạnh bên mình, khi anh tự nhìn mình trong cái gương soi trên bồn rửa mặt, móng tóc dài dính chặt vào nhau, mắt đờ đẫn, nhưng rồi anh ấy cũng quơ lấy chiếc ghế ngồi uống rượu và nện vỡ tấm gương ra và chỉ còn thấy được những mảnh hình của anh. Những mảnh của một ngôi sao nổi tiếng mà ngày xưa người ta thường cắt ra từ tạp chí để sưu tập và rồi dán lại với nhau.

Tôi nhìn thấy tấm ảnh dán đầu tiên ở trên tường trong phòng của Achim bạn tôi, trong trường nội trú. Achim mang quần màu trắng bó sát và đút tiền bừa vào túi làm cho nó cộm lên. Tôi thích thói quen ấy đến mức cũng làm theo. Và cũng chẳng biết được, có thể Achim sẽ sống trong căn phòng khách sạn này sau khi bị đuổi ra khỏi trường nội trú. Trước khi điều đó xảy ra với một người quen của anh, người này đã dùng một loại ma túy nào đó và rồi đã bóp cổ Achim cho đến chết.

Nó là căn phòng cho tất cả họ, cho những bóng ma quen thuộc trong thời tuổi trẻ của tôi. Tất cả họ đã sống trong đó. Tôi đã ngược lên nhìn những cái cửa sổ của nó khi đi ngang qua khách sạn trong thành phố nhỏ của tôi. Bây giờ lần đầu tiên tôi bước vào bên trong, và nó giống hệt như trong trí tưởng tượng của tôi.

Bên cạnh cái giường ngủ bằng gỗ dán nhẹ như lông mà tôi đang ngồi lên và không thể tin cậy được là một cái gạt tàn thuốc bằng thủy tinh trên bàn ngủ. Cũng không thể tin nó được. Nó to đến mức người ta có thể dùng nó để đập chết một người đàn ông. Và một người phụ nữ trẻ tuổi đã ngồi hút thuốc trong chiếc ghế uống rượu màu xanh, dạng chân ra làm dáng và đang mang hay cởi tất, cô đã xem phim trong rạp chiếu bóng như thế.

Nó là căn phòng chạy trốn của tôi. Tôi đã chạy trốn tất cả những gì ở bên trong đó. Chạy trốn những vui vẻ và ưu phiền lạnh lẽo ẩm ướt trên cái giường này. Chạy trốn thứ ánh sáng đục của thành phố nhỏ chiếu vào đôi chân trần của người con gái trên chiếc ghế màu xanh. Chạy trốn viễn cảnh đến một lúc nào đó, bằng con đường nào đó tôi sẽ lạc vào căn phòng này. Khi tôi nghiêng người ra phía trước, gương mặt của tôi hiện lên ở góc trái phía bên dưới của tấm gương trên bồn rửa mặt.

Ngày chỉ vừa qua khoảng một nửa và biên giới thì gần, tôi đi bộ sang Enschede. Khi qua đến Hà Lan, tôi chợt nhận ra rằng qua biên giới đồng thời cũng có thể là thay đổi ánh sáng. Chỉ vài trăm mét thôi, những gì vừa ở trong ánh sáng Đức bất chợt lại đứng hoàn toàn trong ánh sáng Hà Lan. Nhìn thấy người châu Á trong Gronau, tôi nhìn thấy người xa lạ. Nhìn thấy người Á nào đó trong Enschede tôi lại liên tưởng đến những từ như "Java<sup>1</sup>" và "Batavia<sup>2</sup>", cả một công ty Đông Ấn<sup>3</sup> của mùi hương, thuốc lá Bidi của Ấn Độ, bánh ngọt poffertjes của Hà Lan, cần sa.

Một vòng tròn của có-lửa-không-anh-bạn và rock 'n' roll đang bao quanh ngôi Nhà thờ Lớn kiểu Roman – một vòng tròn của quán cà phê có nhạc và tiệm nhảy

mang tên "Lunatic" và "Crash". Chuông của Nhà thờ Lớn dù có kêu to đến đâu đi chăng nữa thì nó cũng không thể to hơn được tiếng vang yếu ớt của một cái kèng ba góc trong một nhạc hội rock, chính là cái đang diễn ra.

Tôi lại nhận ra được tất cả. Những ban nhạc ồn ào, hang rượu tối tăm mà họ đang chơi nhạc trong đó, những chiếc quần jeans bó sát, khán giả sát cạnh loa, đang lâm vào trạng thái *in motion*, đung đưa và nhún nhảy, ly bia trong tay hay một điều cần sa cong vẹo. Chỉ những gương mặt là có cái gì đó không ổn. Chúng già hơn gương mặt của những người nhạc sĩ trẻ tuổi đến một thế hệ, những người đang hát và đánh trống trên sân khấu, đu đưa mông.

Khói thuốc mù mịt của nơi trình diễn này có cái gì đó của một nạn nhân bị chết cháy. Nó đi vào mũi các người già và làm cho họ thỏa mãn. Những bà mẹ với hàng giảm giá trong ánh mắt và những bộ râu bạc với vàng của cướp biển trên tai thêm thường hít vào thêm một lần nữa. Một cái gì đó lóe sáng lên, một cái gì đó đã từng có. Một cử chỉ hoang dại, một tiếng hét, rồi nó lại biến mất, và những con mắt đánh phấn đen lại bắt đầu tìm những gì mà nhạc sĩ và tay trống và tay chơi đàn guitar đang ném vào họ. Một lần nữa, một lần nữa. *Wild thing, you make my heart sing... I think you move me*<sup>4</sup>.

Và như thường hay xảy ra tại những nơi đầy cảm xúc, nơi này cũng xuất hiện dấu hiệu của nó, lá bài tarot của nó. Ở đây là một người đàn ông trong áo đuôi tôm màu đen đội mũ cao, môi đỏ màu máu trên gương mặt đánh phấn trắng, với găng tay trắng. Ông vui vẻ và dịu dàng với những đứa bé trên quảng trường – một sáng kiến đẹp của những người tổ chức lễ hội, họ cũng nhớ đến bọn trẻ con.

Một người cha đưa cho ông ta đứa con trai bé nhỏ của ông. Cái chết trắng bồng đứa bé lên, cố làm cho nó cười, cù nó và biểu diễn cho nó xem vài màn ngắn, lúc đó những ngón tay của ông xoay tít trong không khí. Nhưng đứa bé không tin ông ấy, nó lui lại để tránh né ông ấy và giờ đây gương mặt của nó cũng trắng bệch ra, và ép sát mình vào người cha, nó vừa nhìn thấy một bóng ma.

Tôi trở về khách sạn vào lúc tối khuya. Từ phòng ăn bay ra mùi cỏ của xì gà nông dân. Và tiếng đàn ông hát, những bài hát lúc nhậu nhẹt từ thời mà người ông ít nói nghiêm nghị của tôi còn là một chàng trai trẻ tuổi. "Ôi, thế giới rất đẹp, / khi người ta gắn bó với nhau." Nhiều người đàn ông Công giáo đang đứng cạnh quầy rượu, uống bia và rượu mạnh và bàn về Giáo Hoàng. Vâng, họ bàn về Giáo Hoàng, nhắc đến tên họ và nhiều chi tiết từ Tòa thánh Vatican, những cái mà tôi chưa từng nghe đến bao giờ. Người chủ quán khắc kỷ đã cho tôi mượn phòng tự chứng tỏ mình là một người rót bia giống như con thần lẩn: Ông với lấy ly đã cạn và đặt ly đầy lên quầy một cách nhanh chóng, theo kiểu làm những việc bắt buộc phải làm.

Lúc đi ra tôi nhìn thấy một người gieo hạt trên tấm kính có vẽ hình được chiếu sáng từ bên trong của quán. Hay là người cầm lưỡi hái? Cái chết là một nhạc sĩ.

---

<sup>1</sup> Tên một hòn đảo thuộc Indonesia.

<sup>2</sup> Batavia: Tên nước Hà Lan trong tiếng La tinh, xuất phát từ bộ tộc Bataver, đồng thời cũng là tên của thủ đô nước Indonesia vào thời còn là thuộc địa của Hà Lan.

<sup>3</sup> Tên gọi chung một số công ty có đặc quyền buôn bán với Ấn Độ và Đông Á trong thế kỷ 17/18.

<sup>4</sup> Vật hoang dã, em làm cho trái tim anh ca hát... Anh nghĩ em đang làm anh xúc động.

## Westfalen cực tiểu

Vẫn còn là cuối hè trong tháng 10 này. Mùa hè chán chừ không muốn ra đi, nó giữ con lắc đứng yên và xoa dịu nỗi bồn chồn của tôi. Tôi để cho tàu hỏa chạy đi và chuyển sang xe buýt. Cái thô lỗ của tuổi trẻ nhà quê, buổi trưa tốt bụng buổi tối nóng tính, khi có cơ hội và bia thì lại chuyển sang những cảnh đổ máu, thường ồn ào xô đẩy nhau ở bên trong xe. Người ta rất thích bàn tán về chuyện đó.

"Tụi nó đập nhau vì gái!"

Thành Bentheim xuất hiện với những chiếc tháp to nhỏ của nó. Một vùng đất màu mỡ với những con ngựa nâu hiền hòa dưới ánh nắng mặt trời và những nông trại xinh đẹp. Gạch nung vùng Westfalen, màu đỏ tươi, không sẫm màu như ở hạ lưu sông Rhein, góp phần làm cho bầu không khí trở nên thanh thản.

Bác tài lái xe buýt nghe radio, khi đến gần Georgsdorf có tin rằng một con bò đực đã thoát ra ngoài, cảnh sát của cả 3 huyện đang săn lùng nó, người ta kêu gọi hãy nên cẩn thận.

Cứ với mỗi một chuyến buýt tôi lại đến gần Emsland hơn một chút. Bây giờ tôi xuống xe và tiếp tục đi bộ. Đường đi bắt đầu lầy lội hơn, nhà nông dân khiêm tốn hơn, con người, như tôi nhận thấy, Công giáo hơn. Làng mạc của họ trẻ tuổi hơn trong vùng Westfalen rất nhiều, con người mới bắt đầu định cư trong vùng đầm lầy này cách đây không lâu lắm. Đi dọc theo con kênh đào cũ dùng để chở than bùn, tôi đến Adorf rồi tiếp tục đến Twist, một ngôi làng cạnh biên giới. Trước nhà nào cũng có một cây thánh giá lớn, thường có một mảnh đất trồng hoa xung quanh. Có lần, một Magdalena<sup>1</sup> nông dân với mái tóc cắt ngắn thực dụng đang quỳ trước Đấng Cứu thế và dùng hoa cúc tây để thay những đóa hoa hướng dương đã héo tàn mà chiếc thánh giá của ngài mọc cao ra từ đó.

Trong tủ kính của cửa tiệm bánh mì ở Twist chỉ còn một cái bánh mì phó mát cuối cùng, trong tủ lạnh là một thứ nước uống màu hồng có vị dâu tây, chắc chắn là rất ngọt. Cửa hàng yên lặng như ngôi làng. Tôi đã từng trải qua sự yên lặng này, cái vắng vẻ hiu quạnh vào buổi chiều. Chủ nhật ở miền quê, những ngày thức dậy một cách sáng sủa, với tiếng chuông, và trôi chậm chạp vào hiu quạnh. Bánh xe của những mùa trong năm. Nghi hè, bầu trời xanh nhạt trải dài vô tận. Hành trình chậm rãi của những tuần lễ mùa đông. Sự yên lặng của miền quê là vô tận, vô tận. Được dọn dẹp và quét tước cẩn thận như căn phòng của một bà già. Không khí đứng yên, bụi nhả múa trong ánh nắng nghiêng nghiêng, chẳng ai nói, mi mắt sụp xuống một nửa, quyển sách mở ra đặt trong lòng, cái đánh dấu trang sách bằng len, chuông gõ đầu giờ, giày kêu tích tắc, giống như cứ mãi mãi như thế và không bao giờ chấm dứt, và sự thật là sẽ không bao giờ chấm dứt.

Tôi bước ra khỏi tiệm bánh, ngồi ăn cái bánh mì phó mát trên một tảng đá lớn và uống phần màu hồng còn lại. Mùi lá cây mục, mùa thu và đầm lầy ở trong không khí. Tôi bước vào một khu đầm lầy. Nó kéo dài cạnh biên giới với kênh nước và rừng, với những cây sồi và cây đỗ quyên. Đến một lúc nào đó tôi đứng trước những cánh đồng than bùn rộng lớn chông chát đầy những con vịt ở trên. Giống như cánh đầm lầy là một con thú mà người đã lột lớp da dày màu nâu sậm ra, và quăng thành những đống khổng lồ. Và những cái mà nhìn từ xa giống như đầu ngựa đang gật gù chính là nhiều nhóm máy bơm. Con sót đầu đã qua, nhưng những con ngựa đầu vẫn còn gật gù giống như chúng không thể nào tin vào chuyện đó được.

Trời bắt đầu sụp tối. Trời sẽ mưa ngay khi gió bắt đầu lặng. Và còn một cái gì đó trong không khí, một tiếng ồn kỹ thuật the the: Giống như những đoàn tàu hỏa ở xa xa đang lao vùn vụt qua giấc ngủ gật. Không, âm thanh cao hơn. Cũng từ ở phía trên cao hơn. Cánh quạt gió, bây giờ tôi mới nhìn thấy chúng. Dấu hiệu của chiến thắng, được cắm vào trong đầm lầy. Nhiều lắm – chiến thắng sự yên lặng đang được ca tụng.

Khi trời tối, tôi đứng cạnh con đường trong một ngôi làng có vài cửa hàng vừa mới đóng cửa, không hy vọng có thể tiếp tục đi tới hay tìm được một chỗ ngủ qua đêm. Tôi đứng cạnh tấm biển báo hiệu ở đầu làng và thử dùng ngón cái, khi thấy sẽ không thành công, tôi đi theo con đường dẫn ra ngoài làng, đến đường lớn và giơ ngón tay cái lên trong gió đêm. Cho đến khi tôi biết rằng cũng sẽ hoài công. Tôi trở vào làng.

Trạm xăng vẫn còn mở cửa, và tôi nhờ người bán gọi cho một chiếc taxi. Rồi tôi ngồi trên băng ghế sau và thề rằng sẽ không bao giờ làm như thế nữa cho đến khi tôi trở lại sông Rhein, đúng chỗ đó, đúng hòn đá đó.

---

<sup>1</sup> Magdalena: tên dùng đặt cho con gái. Maria Magdalena hay Maria Magdalene là một nữ tông đồ của Chúa Giê-xu.

## Người sưu tập ma ở Leer

Đã có không khí biển khi tôi đến Leer. Thành phố ri nước vì ẩm ướt, đèn đường trong ngõ hẻm có hào quang như mặt trăng trong đêm đang bốc hơi, biển phải ở gần lắm.

Ngay khi tôi rời khỏi con đường chính có vài khách bộ hành và những ngọn đèn của nó, điều hiển nhiên, rằng vào một ngày của một năm nào đó tôi đã lạc bước vào trong những ngõ hẻm này, đã tan biến đi. Một khách về muộn thời Eichendorff<sup>1</sup> cũng đứng không khác nhiều hơn là bao trong cái yên lặng của những ngôi nhà thờ gạch nung tối đen. Thỉnh thoảng tôi nghe thấy tiếng người, bước chân. Ở bên cạnh, một vài người đàn ông đang làm ồn ào cạnh chiếc thuyền của họ. Một tiếng chuông trong sáng ở phía trên làm cho tôi giật mình. Tôi sẽ không ngạc nhiên nếu như hơi thở có mùi thuốc lá nhai cay xè của một linh hồn người đi biển phà ra từ một góc phố, người không thể yên nghỉ được và bây giờ phải lang thang khắp nơi.

Ông ấy sẽ không cô độc. Dường như có rất nhiều hình bóng như ông ở trong Leer. Ma hiện về. Những người phụ nữ bất hạnh mà người ta phải cẩn thận khi gặp họ vào ban đêm trên đường đi. Những người ác độc muốn trả thù hay những người muốn cảnh báo người khác và lại làm họ sợ đến chết khiếp với sự xuất hiện kỳ lạ, trắng bệch, ướt đẫm của mình. Những hình bóng này và những câu chuyện về họ thuộc về nơi đây như sương mù và muối trên môi.

Vào cuối thế kỷ 19, một người con gái nông dân yêu anh đầy tớ trai. Cha của cô nói không. Ông cố đánh vào lòng tự hào của cô: Có ngày nào mà thằng đầy tớ lại lên làm nông dân sao? Cô mặc kệ. Người mẹ khản khoản sự kiêu ngạo: Con không thấy phiền vì người ta bàn ra tán vào à? Cô không thấy phiền. Người mẹ sắp xếp nhiều cuộc thăm viếng của những người cầu hôn thích hợp, con trai nhà nông. Không thành công. Người con gái tuyên bố rằng cô đã hứa hẹn với người đầy tớ và không muốn bỏ anh ấy.

Cô thuyết phục được anh cùng với cô đi sang Mỹ và bắt đầu một cuộc sống mới ở đó. Đôi trai gái đang yêu nhau bí mật rời bỏ nông trại. Bắt đầu ở Mỹ rất gian khổ. Nhưng cả hai người đều siêng năng, và chẳng bao lâu sau đó họ có được một nông trại.

Trong những năm đầu tiên họ ít khi nghĩ về quê hương, lao động là tất cả. Nhưng rồi người con gái nông dân miền Đông Friesland nhớ cha mẹ, cô luôn viết thư nhưng không bao giờ nhận được trả lời. Khi không còn cưỡng lại được lòng thương nhớ, cô nói với chồng rằng cô muốn gặp lại cha mẹ cô và đi tàu qua đại dương. Cô lên bờ, bước lên con tàu hỏa mang cô về quê hương và đi bộ đoạn đường cuối cùng.

Sương mù xuất hiện. Cái cầu thân quen ở ngay phía trước, và một bà cụ tóc bạc trắng đi về phía cô. Cô giật mình.

"Mẹ?"

Bóng ma cảm lạnh chỉ về hướng ngôi nhà. Người con gái nông dân chạy vội về hướng đó, nhưng cô không thể đi xuyên qua làn sương mù dày đặc được, giống như cô đang lao vào một bức tường. Cô quay trở lại cây cầu, nơi người đàn bà tóc bạc vẫn còn đứng đó. Chỉ khi có bà ấy đi cùng, người con gái mới về được đến nhà.

Cô nhìn thấy cha mẹ đã chết. Họ đã chết trước đây một giờ đồng hồ, người ta nói cho cô biết. Cô chôn cất cha mẹ và quay trở lại Mỹ, nhưng trong những năm tiếp theo sau đó cô luôn luôn trở về. Trong chuyến về thăm lần cuối cùng cô đi dạo trong rừng và rồi người ta không bao giờ nhìn thấy cô nữa.

"Người ta cho rằng thỉnh thoảng vẫn còn nghe thấy cô ấy gào khóc và ta thán ở ngoài đó."

Người đàn ông vừa nói câu đấy đang ngồi đối diện với tôi. Ông ấy đã kể cho tôi nghe câu chuyện huyền thoại này. Hay đã từng thuật lại một sự việc? Đó là vào buổi sáng ngày hôm sau, trong ánh sáng ban ngày tươi đẹp nhất, trong một căn hộ trên con phố chính của Leer. Trong phòng làm việc của một học giả, người ta có thể nghĩ như vậy. Ông chính là một học giả. Một người đàn ông cao tuổi, có học thức, thân thiện, một sự xuất hiện hết sức bình dân, tuy có nét giống Schliemann<sup>2</sup>. Chúng tôi ngồi uống trà và bàn chuyện phiếm về ma và tiền ma, về người con gái nông dân vùng Đông Friesland từ Mỹ.

Ông kể về cô ấy như một bác sĩ về một ca bệnh nhân đặc biệt. Và cũng như một bác sĩ, việc làm của ông có liên quan đến những cái bí ẩn, kỳ lạ, chỉ có điều là ông bảo quản chúng trong sách thay vì trong formalin – ông Theo Schuster, người bán sách, nhà xuất bản ở Leer. Ông đã viết nhiều tác phẩm kinh điển về những chuyện đó.

Phòng làm việc của ông chất đầy sách và bản thảo. Khắp nơi đều có ghế bành cũ êm ái và đèn đọc sách. Ông sưu tập huyền thoại, nhưng cái tát bật Schliemann không dẫn ông đến Tiểu Á, mà đến những nơi ở cạnh bên: như thể Schliemann đã lao đến quê hương Mecklenburg của ông và khai quật ở đó.

Ông Theo Schuster khai quật những vị vua của Friesland, những nhân vật từ vùng biên giới, với mơ mộng và truyện kể, phù thủy, những bóng ma hiện về, những con thú ma quái, làm sạch chúng, so sánh và dán nhãn và sưu tập tất cả chúng vào trong những quyển sách dày cộm của ông. Những huyền thoại thường hay xảy ra tại một địa điểm cụ thể và trong một thời điểm nhất định, nhiều nhân vật xuất hiện trong đó, những người mà ai cũng biết đến. Vùng đất có một gương mặt thứ hai, một bầu không khí thứ hai từ những huyền thoại được hít vào và tiếp tục kể lại. Chuyện ma đã là một đề tài thông trị trong phòng khách ở vùng Đông Friesland cho đến tận rìa của hiện tại, ông khẳng định.

Và vì trong chuyến thăm viếng một người sưu tập say mê như thế không thể nào thiếu được việc là đến một lúc nào đó ông ấy sẽ hé lộ cho người khách đến thăm xem những báu vật thật sự của ông ấy, nên bây giờ ông cũng cho tôi xem phát hiện có giá trị nhất và đẹp nhất của ông: câu chuyện cổ tích được giấu kín.

Ông đã phát hiện ra rằng chính người Đông Friesland không những thừa hưởng tài sản và tiền bạc mà đôi lúc còn cả một phần văn học riêng nữa. Câu chuyện cổ tích ông trình bày đã được lưu truyền qua nhiều thế kỷ như một bí mật của gia đình, từ thế hệ này sang thế hệ khác. "Vi thế mà anh em Grimm<sup>3</sup> đã không tìm thấy nó, tuy đó là một biến thể của 'Hänsel và Gretel'."

Chuyện như thế này. Jan Martje, tức là Jan nhỏ bé, sống trong căn nhà nghèo nàn nhất mà người ta có thể tưởng tượng ra được, trong một căn nhà bằng giấy. Nó chẳng có gì ngoài căn nhà đó. Hôm đó là ngày chủ nhật, và nó nhìn ra ngoài cái cửa

sổ bằng giấy. Có một mũ phù thủy đi ngang qua và dụ Jan tò mò hãy mở cửa ra: Mũ có một món quà cho nó, mũ giơ cho nó xem một cái tẩu thuốc bằng bạc.

Nó mở cửa ra, mũ tóm lấy nó, bỏ vào trong một cái túi rồi mang nó về nhà. Đang trên đường đi, mũ sức nhớ rằng phải mua mận để ăn tráng miệng – tất nhiên là mũ muốn nấu Jan lên và ăn thịt nó. Mũ nhờ vài người đàn ông đang đào kênh trông hộ cái túi. Jan kêu to lên và rồi kể về sự rủi ro của nó. Mấy người đàn ông thả Jan ra rồi đổ đầy bùn vào trong túi.

Về đến nhà, mũ phù thủy rất tức giận khi thò tay vào túi và lôi bàn tay dơ bẩn và hôi thối ra, nhưng mũ không bỏ cuộc. Vào những ngày chủ nhật kế tiếp theo sau đó mũ cũng cố dụ dỗ Jan. Đầu tiên là với một cái ống điều vàng, rồi với một cái ống điều kim cương. Lần nào cánh cửa mũ yêu cầu cũng được mở ra, hẹp hơn, lần nào Jan cũng xiêu lòng. Lần nào Jan cũng bị cho vào túi.

Đến lần thứ ba thì mũ phù thủy cuối cùng cũng mang được mẻ lưới về nhà. Mũ đưa Jan cho người phụ tá và nói: "Mày biết là phải làm gì." Bà ấy cầm lấy chiếc riu, lôi Jan ra khỏi cái túi, đi cùng với nó ra sau nhà và bảo nó đặt đầu mình lên khúc gỗ dùng để chẻ củi. Jan giả vờ ngu ngốc và hỏi nó phải lấy cái đầu ra và đặt xuống đó như thế nào.

Nó yêu cầu mũ già làm trước. Và bà ta thật sự là đã làm chuyện đó. Jan với lấy cái riu, chặt đầu bà ta, quăng vào nồi nấu đang sôi sục và nắp kín. Mũ phù thủy về nhà, nghĩ thấy bữa ăn thịt người, và khi mũ thêm thường chạy đến cái nồi nấu và mở nắp ra thì Jan đây luôn mũ ta vào nồi. Rồi nó chôn cả cái nồi với hai mũ già ở ngoài vườn.

Bây giờ, sau khi kết liễu mũ phù thủy theo đúng cách của phù thủy, nó dọn từ căn nhà giấy nhỏ của nó vào ngôi nhà xinh đẹp của mũ phù thủy và không còn phải lo lắng gì nữa. Từ đây, người ta nhìn thấy nó hút cái ống điều bằng bạc trong tuần, ống điều vàng vào chủ nhật và ống điều kim cương vào những ngày lễ đặc biệt.

Bây giờ thì tôi chỉ còn muốn biết một điều: Người đàn ông thân thiện trong cái ghé bành đối diện thật sự nghĩ gì về những chuyện này.

"Tôi có được phép trả lời bằng một câu chuyện cuối cùng không", ông nói, "một câu chuyện rất ngắn?"

"Rất vui lòng."

"Một hiệp sĩ từ xa đến ngồi cạnh bàn với đồng nghiệp và lái câu chuyện đến những việc này. Tất cả mọi người đều lắc đầu. Ma? Không đâu, chúng tôi không có những thứ đó ở đây. Nhóm người giải tán, cô hầu phòng chỉ cho chàng hiệp sĩ căn phòng của chàng. Trước khi bước ra cô nói: "Ông ơi, chúng tôi có những thứ đó ở đây chứ. Nhưng chúng tôi chỉ không nói với người lạ về những chuyện đó thôi."

---

<sup>1</sup> Joseph von Eichendorff (1788-1857): nhà thơ, nhà văn nổi tiếng người Đức.

<sup>2</sup> Heinrich Schliemann (1822-1890): nhà tiên phong người Đức trong ngành khảo cổ.

<sup>3</sup> Jacob (1785-1863) và Wilhelm Grimm (1786-1859): 2 anh em sưu tập truyện cổ tích và cũng là 2 nhà ngôn ngữ học người Đức.

## Gió

Cuối cùng cũng đến biển. Bây giờ tôi mới hiểu trước đây tôi đã thiếu gì – nổi bồn chồn của những ngày đầu tiên là nổi bồn chồn nhớ biển. Nhớ gió, thổi đi những ý nghĩ mòn mỏi.

Biển lặng và bầu trời gần như chỉ có màu xanh khi tôi đi phà từ Emden sang đảo Borkum, biển có màu xanh rêu. Gió thổi quanh những khách sạn trên bãi biển và quét gom lại những người đi nghỉ mát cuối cùng. Tôi thích bầu không khí cuối mùa du lịch. Cái xộp rộp của những nơi ở cạnh biển bây giờ xuất hiện càng nhiều hơn.

Tôi bước vào một quán cà phê trông vắng cạnh bãi biển, nó nhất định đã từng quý phái một thời, bây giờ đang có nhạc Scorpion ở đó. Người khách duy nhất đang ngồi cạnh quầy rượu, một người đàn ông không còn trẻ nữa, với chùm tóc thừa thớt kiểu đuôi ngựa, thỉnh thoảng lại huýt sáo qua hàm răng như quý hút máu người gọi chuột của nó trong những phim ngày xưa và thỉnh thoảng lại tru lên nho nhỏ. Ông ta vươn vai, dang tay ra, hít sâu vào và thở ra, nói to: "Bây giờ nó đến rồi. Aaa!"

Cô phục vụ, rõ ràng là đã quen với việc này, hỏi: "Năng lượng phải không?"

"Năng lượng của ông đã đến rồi. Aaa, tốt quá."

Ông ấy nhìn tôi chằm chằm, cứ như muốn làm trò đó với con người xa lạ này, nhưng dù có muốn đến đâu đi chăng nữa thì tôi cũng chẳng thấy ông ấy kỳ lạ gì cả, ham muốn của tôi đã được thỏa mãn hoàn toàn. Tôi trả tiền và bước ra bãi biển Borkum.

Sống ở biển, người ta không quay lưng lại với biển. Dưới một bầu trời như thế này thì người ta không nhìn xuống. Tôi chỉ biết nhìn những gì đang diễn ra ở phía trên. Nó bắt đầu với việc gió từ biển thổi về những đám mây trắng được kéo dài ra, chẳng bao lâu sau đó chúng trải ra từ chân trời đến chân trời, một nét vẽ táo bạo bằng bút lông Nhật trên một tấm giấy màu xanh nhạt không lồ. Nó chỉ là màn biểu diễn nhanh nhẹn đầu tiên. Nét bút thay đổi liên tục màu sắc và hình dáng của nó.

Mặt trời lặn và để lại một hàng tam biệt chói sáng rực ngay trên mặt biển. Rồi từ nơi ẩn nấp ở phía sau chân trời nó đốt những chữ viết bằng mây thành một ánh lửa tinh khiết. Chỉ trong giây lát nó biến thành một ngọn lửa cháy đỏ rực khắp bầu trời.

Mây tiếp theo mây, thêm một đám mây và thêm một đám mây nữa. Đám mây nào cũng cháy ngay lập tức, cả vùng biển phía nam nằm trong lửa. Và những cửa sổ của khách sạn ở bãi biển, vừa mới là kính bình thường, bây giờ đã trở thành những hình chữ nhật màu hồng.

Sau đó, trên đường về khách sạn – màn biểu diễn trên bầu trời đã chấm dứt từ lâu, trời đã về đêm – người năng lượng trong quán cà phê bất thành linh đứng trước mặt tôi. Ông trông có vẻ rất khôn ngoan và sáng suốt. "Mục sư", ông nói, "thật may gặp được ông, ông phải nghe tôi xưng tội, vì tôi đã phạm tội."

## Vị bác sĩ ở Helgoland

Lúc sang Helgoland thời tiết xấu hơn chuyến đi đến Borkum, gió mạnh cấp 8. Trên tàu có nhiều thiếu nữ hở bụng và nữ sinh Hồi giáo choàng khăn trùm đầu, một nhóm người Bayern đồng ca những bài hát của thủy thủ và một vài hành khách im lặng, chắc hẳn ra đảo vì khổ hình, và không phải là lần đầu tiên. Họ đứng cách biệt. Một người da đen cao lều nghều dùng một cái chìa khóa vặn ốc to tương đồng kín khoang tàu lại. Sau một giờ chúng tôi ra đến biển khơi.

Khi cơn bão ập đến, tôi bước lên boong trên cùng và nép vào trong một góc để người thủy thủ sơ tán boong tàu không nhìn thấy. Tôi đứng một mình ở trên đó – dạng chân ra, tựa lưng vào một trong 2 cái ống khói âm áp –, và nhìn những thung lũng mở ra giữa hai làn sóng, nhìn chiếc "MS Helgoland" chúi xuống và sóng đập mạnh vào mũi tàu. Đó là khoảng khắc đẹp nhất. Nhiều cầu vồng nhỏ lóe sáng lên một vài giây trong bọt nước. Chiếc tàu lại giữ biển ra và tiến lên ngọn sóng kế tiếp.

Ở dưới, trên boong lớn, các cô gái hở bụng bây giờ đang lạnh run rất đáng thương, và các nữ sinh Hồi giáo trong những tấm vải choàng mỏng manh của các cô cũng vậy. Một vài người cố vượt qua cơn bão bằng cách đứng sát lại gần nhau như những con thú, một vài người đã bỏ cuộc, mặt trắng bệch ra và chỉ còn biết gập mình qua hàng song sắt trên tàu. Nhóm người Bayern hát những bài ca thủy thủ ở bên trong. Vài hành khách uống bia và lắng nghe, những người khác yên lặng suy nghĩ miên man. Khi tiếng hát tạm lắng được ít lâu thì có người lại bắt đầu một bài hát mới và cổ vũ giàn đồng ca cùng chuyển sang hát. Một người đàn ông đi qua đi lại, đu đưa một đĩa bé trên tay.

Chiếc tàu chỉ hết chòng chành khi vào đến bến cảng của Helgoland, trông có vẻ mỏng mảnh trong biển động. Lên bờ vẫn còn theo lối cô truyền. Hành khách chen lấn đến lối ra, trời mưa và giông bão to. Chiếc thuyền mà tất cả mọi người đều phải xuống cập dọc theo mạn tàu, nhiều người đàn ông mang bộ quần áo bằng vải dầu sậm màu đứng ở trên đó, cầm móc sắt, mũ trùm che khuất mặt, với những cái kính râm kỳ lạ giống như được sản xuất từ Bắc Hàn. Họ túm lấy chúng tôi, những người hành khách – nữ sinh choàng khăn trùm đầu đang run lẩy bẩy, người Bayern không say sóng, đàn ông, đàn bà, người nhẹ cân, người nặng cân – và nhắc lần lượt từng người một vào thuyền của họ, đẩy đi tới nều như có người còn ngần ngại không muốn bước đến mạn thuyền đang bị bão quất vào. Chúng tôi ngồi chen chúc cạnh nhau, ép sát hành lý đã ướt đẫm vào người. Rồi chiếc thuyền mang chúng tôi vào bờ. Không đến năm phút, và bến tàu lại trống vắng như trước đó.

Tôi tìm một căn phòng ở ngay cạnh cảng, nó chật và nằm ngay dưới mái nhà, mưa đập vào cửa sổ. Tôi gọi trà và nghỉ ngơi một lúc, rồi mang áo mưa, đội mũ, đi thang máy lên vùng đất Oberland để dạo đêm trên cái lưng đầy hổ của hòn đảo.

Mưa không còn to nữa, bão dịu xuống, sau một lúc còn nhìn thấy cả mặt trăng, nhúng chìm cả hòn đảo vào trong ánh sáng studio nhiều phút liền. Vẫn còn nhận rõ được những cái hố. Vào ngày 18 tháng 4 năm 1947, hai năm sau chiến tranh, trong một ý định điên rồ nhưng rất nghiêm chỉnh, người Anh đã cố cho nổ tung cả hòn đảo. Ngày tháng được lựa chọn mang tính biểu tượng – tròn đúng 2 năm sau lần hàng ngàn máy bay ném bom của quân đội Anh không kích Helgoland, lần ném bom rải thảm cuối cùng của Đế nhị thể chiến.

Vào mùa xuân năm 1947 đó, hòn đảo chỉ là một núi đá vắng không một bóng người. Trong mùa hè năm 1945 người ta đã di tản toàn bộ họ, người dân Helgoland bị lưu đày lên đất liền, và bây giờ hòn đảo của họ sắp bị nổ tung. Trong suốt 9 tháng trời, người Anh đã lôi tất cả những gì chiến tranh còn để lại, đầu đạn ngư lôi, đạn đại bác, mìn, vào trong hầm tránh đạn, và bây giờ họ chằm ngòi nổ, từ ngoài khơi. 6700 tấn chất nổ. Báo chí đưa tin: vụ nổ phi nguyên tử lớn nhất trong lịch sử thế giới.

Từ bờ biển, người dân Helgoland nghe rõ tiếng nổ, trong nước mắt, như người ta nói. Họ nhìn thấy một đám mây khổng lồ cất lên từ Biển Bắc. Người ta đo được trận động đất ở khắp nơi trong châu Âu. Khi *big bang*<sup>1</sup> tan biến đi và bụi lắng xuống, Helgoland vẫn còn đó. Sa thạch màu đỏ đặc trưng của nó hóa ra rất đàn hồi. Nó chịu đựng được. Chỉ phần phía nam của đảo chìm xuống biển. Helgoland rạn nứt nhưng vẫn còn sống sót.

Nhưng những người dân trước kia của nó chẳng được gì, vì bây giờ đến lượt Không quân Hoàng gia ra tay với những tảng đá núi màu đỏ cứng đầu cứng cổ kia. Bảy năm trời, từ khi chiến tranh chấm dứt cho đến những năm 50, phi công của họ tập ném bom trên đảo Helgoland. Trong những lần tạm ngưng, hòn đảo đột biến thành bãi khai thác lộ thiên, vì một công ty buôn bán sắt vụn tìm kiếm kim loại trên đảo để tái sử dụng.

Việc đó kéo dài cho đến Giáng Sinh năm 1950, khi hai sinh viên Heidelberg nhờ sự giúp đỡ của một ngư dân Helgoland mà lên được đảo một cách bất hợp pháp, trèo qua quang cảnh đồ nát, nẩy tung cánh cửa sắt của cái tháp phòng không và chiếm giữ nó. Nó là công trình xây dựng duy nhất còn tồn tại trên hòn đảo. Rồi họ treo cờ Đức, cờ Helgoland và một lá cờ châu Âu nhỏ tự làm lấy. Trước đó, họ đã có kế hoạch để cho cả thế giới biết đến.

Hành động này đã dấy lên một làn sóng đồng tình. Ngay đến những người Helgoland vẫn còn được sinh ra là công dân Anh – trước khi Helgoland thuộc Anh trở thành Đức trong năm 1890 và ngược lại Đế chế Đức từ bỏ quyền hạn của nó trên đảo Sansibar – cũng thành lập một ủy ban và, cũng như nhiều người khác, kêu gọi London hãy dung thứ cho hòn đảo.

Sau một vài ngoại giao qua lại, Không quân Hoàng gia đã nhân nhượng, và năm 1952 người Helgoland được phép trở về hòn đảo đầy hồ bom của họ, đã bị xóa bỏ mọi dấu tích của cuộc sống con người, để tái định cư và một lần nữa bắt đầu lại từ đầu.

Trên đường về tôi gặp mưa to. Tôi phơi đồ ướt trong gian phòng dưới mái nhà, gọi trà mới, rồi cầm trên tay quyển ghi chép của vị bác sĩ trên đảo, quyển nhật ký chiến tranh của tiến sĩ y khoa Walter Kropatscheck. Tôi không đọc ngay. Tôi dừng lại ở tấm ảnh trên bìa, hình chân dung của ông.

Và tôi lại nghĩ rằng có những gương mặt đã mất biến, rằng thời gian có gương mặt của nó. Gương mặt này có một cái mũi cổ điển, hơi khoằm, và một cái miệng mỏng. Có một cái gì đó cương quyết trong nét mặt của ông ấy. Cái trán cao cũng góp phần vào trong đó, và mái tóc hơi thưa được chải ngược về phía sau, đôi mắt buồn. Một nét gầy nhất định mà sau này đã thoát ra khỏi những gương mặt. Ông có phải là một người đàn ông đẹp không, ông bác sĩ? Ông có hạnh phúc không?

Tôi chỉ có đầu của ông, tôi mặc quần áo cho ông. Mũ sĩ quan và quân hàm trên ve áo? Có thể lắm. Áo blouse bác sĩ? Chắc chắn rồi. Dài cổ áo và áo linh mục? Vâng, cũng có thể. Có một ít thần học ở quanh ông, ông bác sĩ ạ. Và vải tuýt ở quanh ông. Vải tuýt, ông điếu, khăn choàng bằng len sọc vuông đi chơi biển – sẽ thế nào nếu như tất cả không có chiến tranh, một cuộc đời không có nhật ký chiến tranh? Cũng có thể tưởng tượng được. Xin cho thêm một bộ y phục nữa, một bộ cuối cùng. Rimini<sup>2</sup>, sau đó. Cát trong tóc, cát trong miệng, và chỉ còn tấm biển, tấm biển, tấm biển.

Đến đây là chấm dứt lễ hội y phục trong gian phòng dưới mái nhà. Tôi không tiếp tục được với ông. Tôi chỉ đến được với thời gian còn đi học của tôi, cho đến rìa của cuộc sống tươi đẹp – nó chấm dứt ở đó, ngay từ đó y phục không còn phù hợp với ông nữa. Ông là một trong số những người ở bên kia của bức tường thời gian chia cắt thế kỷ vừa qua, ở ngay chính giữa. Không phải một người của chúng tôi ở bên này. Một người ở bên kia. Một người mà tôi rất muốn được làm quen. Hầu như không thể được. Những người như ông không còn nữa, ông bác sĩ ạ.

Ông ấy xuất thân từ một gia đình thần học Phổ-Áo (quân hàm trên ve áo, dài cổ áo). Học phổ thông tại Breslau và Göttingen, đại học ở Berlin (vải tuýt). Rồi lúc còn trẻ là bác sĩ hải quân ở miền nhiệt đới (ông điếu). Và cuối cùng là bác sĩ trên đảo Helgoland. Vào ngày 13 tháng 4 năm 1945, năm ngày trước lần không kích lớn, ông viết trong quyển nhật ký: "Y tá N., người mà chúng tôi đã phải cắt bỏ một quả thận trước đây hai tuần, nhận lệnh ra chiến trường. Người ta trồng nhiều luống hoa păng xê lớn trong vườn của nhà ăn sĩ quan! Viễn cảnh từ Bộ Tuyên truyền: 'Nữ thần của chiến thắng', 'những cánh đồng ngọn sóng', 'vòng nguyệt quế!'" Vào ngày trước đó ông đã ghi lại: "Trải nghiệm sống của một người trong 'Địa ngục'<sup>3</sup> hay 'Trong cơn mưa thép'<sup>4</sup> có khác nhau."

Đối với ông, cuộc chiến chính là sự kiện của cuộc đời. Đó không phải là một câu hỏi của đạo đức, và nó không hề có liên quan đến "cảm giác sống anh hùng". Trong hè 1944 ông ấy đã viết trong quyển nhật ký: "Hy vọng là sau này không một ai tin rằng những người trong thời chiến đây đã được xui khiến bởi những điều to lớn – xấu cũng như tốt."

Khi tất cả chìm xuống thì vẫn còn câu hỏi là người ta có dáng điệu nào trong lúc đó? Tan vỡ ảo tưởng? Đúng, nhưng cố giữ tư thế. Tư thế có tầm quan trọng thiết yếu. Cảm thông? Đúng, chỉ vì những lý do Hypocrates<sup>5</sup> thôi cũng đã đủ nhưng không ủy mị. Điềm tĩnh, tức là hiện đại. Đây suy nghĩ? Có chứ, vâng, tức là "Đức". Nhưng không trung thành theo kiểu của những Meistersinger<sup>6</sup>, không thể như thế được nữa. Và cái kia – phần không tưởng hay văn hóa còn lại? Vâng, nó cũng còn có. Nhưng sau khi thi hành nhiệm vụ, vào buổi tối. Những ngôi sao của ông có tên là Simplicius<sup>7</sup> và Seneca<sup>8</sup>. Ban đêm ông ghi lại những gì đã xảy ra vào ban ngày và những suy nghĩ của ông. Về tồn tại và đau đớn. Về người đàn ông già mang bệnh không chữa được, người mà một ngày trước khi chết đã hỏi bác sĩ rằng liệu ông có được sớm trở về nhà hay không, và người mà ông đã trả lời rằng: Vâng, không lâu đâu.

Tôi nhìn thấy ông ấy như một học trò tiểu học trong Göttingen khàn đục hay trong một quán cà phê bên chôn ở Berlin vào cuối những năm 20. Rồi tôi lại nhìn thấy ông ấy đi dạo trên vùng Oberland bão tố của hòn đảo, "pháo đài nhỏ đang chơi bài brit của chúng tôi". Một bác sĩ Zhivago<sup>9</sup> Đức, người ban ngày chữa trị cho người dân trên đảo, cho quân nhân, tù binh và tù nhân, người tổ chức đôi rượu cognac lấy ête gây mê từ ở đâu đấy trên đất liền và ban đêm được vị chỉ huy quân sự trên đảo lôi kéo vào trong cuộc chuyện trò liệu có để cho quân nhân dưới quyền chiến đấu thêm một lần nữa hay không và đề nặng lương tâm với cái chết của từng ấy người cha của gia đình, hay nên đầu hàng như Hamburg và Kiel đã làm.

"Cuộc chiến và những gì trước đó, cũng có thể cảm nhận được ở đây, tất nhiên. Có những người theo đảng và những người chống lại, phần sau nhiều hơn, nhưng cả hai đều không nhiều lắm. Có một lúc nào đó người đàn ông vĩ đại với nhiều bộ quân phục đẹp thắp từng đã đi trên đường phố – không phải là lý do để rút tay ra khỏi túi – và các quý ông lại ngạc nhiên bước từ cầu tàu xuống thuyền của họ."

Vào những ngày trước trận không kích lớn, ông cảm thấy những cuộc chuyện trò và tin đồn đã thay đổi giọng điệu. "Chưa từng bao giờ lại có nhiều câu hỏi như trong những ngày này trên đảo. Mục sư quân đội của chúng tôi trích dẫn Oswald Spengler<sup>10</sup>: 'Khi Adolf Hitler và những người trung thành với hắn bị treo trên giàn giá treo cổ 20 năm thì dân tộc Đức mới biết rằng đã có những gì ở họ.'

Người ta cho rằng trong một bài giảng mới đây của khoa thần học tại Bonn, Ernst Jünger<sup>11</sup> đã được trích dẫn.

Yên lặng cả ngày, không có báo động phòng không.

Trong Texel, quân nhân tình nguyện người Nga đã giết chết sĩ quan Đức của họ.

Những con tuyệt vọng và thịnh nộ của vị chỉ huy về 'những kẻ phạm tội ở vị trí lãnh đạo'.

Lại không có đến một cái máy bay duy nhất. Chiếc tàu thủy đến như trong hòa bình.

Một ngư dân già làm cho con trai tôi một cái 'Glipp', một loại lưới bắt cá. Vào buổi chiều, hai người thích thú mang về nhà 3 con gián và 2 con lươn.

Nếu như có một cây đuá thần làm sụp đổ cái cứ đang tiếp tục diễn ra ..."

Và rồi người viết nhật ký nói trực tiếp với tôi, đọc giả xa xôi của ông ấy: "Chỉ 100 năm nữa thôi, từ tất cả báo chí trên thế giới không còn ai có thể hình dung được chúng tôi đã thật sự sống ra sao."

Sai lầm, ông bác sĩ ạ, 50 năm thôi cũng đã đủ lắm rồi.

<sup>1</sup> Vụ nổ lớn, theo mô hình hiện hành của vũ trụ học cũng là thời điểm vũ trụ thành hình.

<sup>2</sup> Rimini: Thành phố biển ở Ý, nổi tiếng về du lịch.

<sup>3</sup> "Inferno" ("Địa ngục") tác phẩm từ trải nghiệm trong thời gian bạo bệnh của nhà văn August Strindberg (1849-1912).

<sup>4</sup> Tác phẩm từ nhật ký chiến tranh của nhà văn Ernst Jünger, xuất bản lần đầu tiên năm 1920.

<sup>5</sup> Hippocrates (460 TCN-370 TCN) được xem là người sáng lập ngành y học.

<sup>6</sup> Meistersinger: thi sĩ và ca sĩ trong thế kỷ 15 và 16 tại Đức, có tổ chức giống như hội của một ngành nghề, có trường dạy và được chia ra thành nhiều đẳng cấp.

<sup>7</sup> Simplicius (490-560): triết gia Hy Lạp, theo tư tưởng của Đa thần giáo.

<sup>8</sup> Seneca: học giả người La Mã, đại diện cho trường phái khắc kỷ (stoicism) trong triết học.

<sup>9</sup> Nhân vật chính trong tác phẩm cùng tên của nhà văn người Nga Boris Leonidovich Pasternak.

<sup>10</sup> Oswald Spengler (1880-1936) nhà sử học và triết học người Đức.

<sup>11</sup> Ernst Jünger (1895-1998) nhà văn người Đức ("Trong cơn mưa thép").

## Chuyến bay

Biển lặng và trời xanh vào buổi sáng ngày hôm sau. Chiếc thuyền mang tôi ra cồn cát, đến phi trường, tôi bước tránh qua vài vũng nước đến chiếc máy bay cánh quạt nhỏ. Rồi tôi ngồi ngác nhiên nhìn hòn đảo đơn độc và dễ tổn thương nằm ở phía dưới. Mỗi lúc một xa hơn trong biển màu xanh xám.

Nó dường như lúc nào cũng có một tác động đặc biệt lên những người đã đến đây. Trong những mô tả lâu đời nhất, nó đứng sừng sững như một hòn núi kỳ diệu, như một cánh rừng thần thánh ở giữa biển. Tacitus<sup>1</sup> đã gọi nó như vậy, ông đã nhìn hòn đảo như vậy.

Đêm qua, trong ánh trăng tôi đã nhìn thấy một tấm bảng kín đáo tưởng niệm Werner Heisenberg<sup>2</sup>. Ngày xưa ông đã từ làm một việc trên Helgoland mà các linh mục thời Tacitus chắc hẳn cũng đã làm, khi ánh sáng trẻ trung dùng những ngón tay hồng xua đuổi bóng tối của màn đêm đi: "Vào một đêm nào đó tôi đã sẵn sàng, đã gần 3 giờ sáng. Phương trình năng lượng được chứng minh là đúng, và vì thế tôi không thể nào còn hoài nghi tính đúng đắn của cơ học lượng tử được dẫn ra từ đó được nữa. Tôi đi đến mũi đất ở phía nam của Oberland. Tôi leo lên được tảng đá đứng đơn độc nhô ra biển và tôi chờ mặt trời mọc ở mõm đá của nó."

Tảng đá đó không còn nữa. Tôi tự hỏi không hiểu trong số nhiều nghìn phi công lái máy bay ném bom đã mở khoang chứa bom một cách kiên định suốt 7 năm trời liệu có được vài người phải tự cấm mình những khoảng khắc Tacitus như thế hay không. Tôi chắc chắn rằng đã có vài người, những người nhìn được cái đó – hòn đảo chứ không phải mục tiêu. Bao giờ cũng có vài người.

Ngoài tôi ra chỉ còn một đôi vợ chồng khoảng độ 50 trên máy bay. Sau chuyến ra đảo dữ dội, người vợ phải nhập viện vào ngày hôm qua vì đã ngất xỉu và không còn có thể thuyết phục bà ấy đặt chân lên tàu thủy thêm một lần nữa. Người chồng ôm chặt lấy vợ, nói trấn an, và chỉ cho vợ ngắm biển trong lúc máy bay đang ở cao độ thấp, làn da màu xám, lốm đốm, được trang điểm bằng nhiều dấu hiệu hàng hải, được vẽ nhiều vết tàu thủy màu trắng lên trên. Nó giúp cho bà vượt qua được.

Lúc máy bay lượn để đáp xuống Bremerhaven tôi chưa từng nhìn thấy đất nước như thế bao giờ. Nhìn nó mở rộng và dòng sông Weser giăng các bờ sông ra. Tôi ao ước được bay tiếp. Nhưng chúng tôi hạ độ cao và rồi chúng tôi đáp xuống.

Tôi đi tàu hỏa về Bremen. Ở đó, trong cửa hàng mà tôi thích nhất – một cửa hiệu bán hàng hóa từ những nước thuộc địa ngày xưa, chuyên về đồ may dẹt, mà quần và bộ com lê được treo có trật tự theo màu sắc – tôi mua một chiếc áo khoác màu cát có thể mang đi du lịch được, bằng một loại vải bền có nhiều túi nổi mà có thể bỏ vừa quyển sổ ghi chép của tôi và cây bút bạc của tôi. Rồi tôi mua khuy măng sét bạc có nạm đá mang màu của quả mọng hoàng liên gai Ba Tư. Người ta có thể tìm thấy những vật như thế trong cửa hàng này, chuỗi đeo cổ, đá quý, những vật bằng vàng và gỗ mun, chúng nằm giống như tình cờ giữa những bộ áo váy, được mang về từ một chuyến đi không bao giờ chấm dứt. Một cửa hàng như vậy chỉ có thể có trong một thành phố ở cạnh biển, trong một thành phố cảng. Tôi nhét mấy chiếc khuy măng sét vào trong túi áo khoác và thỉnh thoảng lại sờ đến chúng.

Tôi mang chiếc áo khoác đi xuyên qua Bremen, qua khu nội thành dường như rất nhộn nhịp đối với tôi, giống như hôm nay là một ngày đặc biệt – nhưng thật ra chỉ vì tôi vừa đến từ đảo, từ rìa. Cái mua sắm và đi loanh quanh này với ngày càng nhiều túi xách hơn, cái ăn-một-tí-vào-lúc-nghỉ-trưa, cái sau-khi-tan-học-đi-thành-nhóm-đầy-sức-sống-ồn-ào-vào-quán-kem, đoàn người dài và anh hùng của cả nhiều thế hệ đi qua những thành phố như thế với những khu phố cũ bị chiếm cứ và được kiên trì bảo vệ, với những rạp chiếu phim, chợ và quan hệ rắc rối của nó – tôi bơi ở trong đó như trong một bể nước nóng. Hiện tại nóng ẩm thuận khiết.

An tâm là có nó, tôi rời Bremen.

---

<sup>1</sup> Tacitus (khoảng 56-khoảng 116): sử gia La Mã.

<sup>2</sup> Werner Heisenberg (1901-1976): nhà vật lý học về cơ học lượng tử người Đức, nhận Giải Nobel.

## Dân hí pi ở Klanxbüll

Tôi thích chuyến bay đến mức tôi tiếp tục bay đến Husum. Từ đó, tôi chỉ muốn đi tàu thủy từ đảo này sang đảo khác, nhưng không thể được, giao thông trên những tuyến đường biển gần đã tạm ngưng cho đến mùa xuân năm tới. Tàu hỏa, nhà ga, trà túi. Thiếu nữ xỏ lỗ, thanh nam xăm mình. Những mẫu chuyện trong toa tàu mà chẳng có liên quan gì đến tôi cả. Trong một chuyến tàu, một thiếu nữ đẩy đà vùng Holstein tra hỏi một hoàng tử Ấn Độ mảnh khảnh theo kiểu mẹ vợ.

"Ồ chỗ cậu hiện đại hay là xưa cũ?"

Cậu thanh niên không hiểu ý cô gái. "Hiện đại?"

"Ừ thì bọn cậu đốt lửa để ngồi thành vòng tròn xung quanh, hay là có điện?"

Nó cười. "Lửa? Trước đây 20 năm thì có."

"Bọn cậu có máy giặt không?"

Nó cúi đầu xuống. "Không."

"Điện?"

Nó phủ nhận rất nhỏ giọng.

"Còn nước? Nóng, lạnh?"

Phần còn lại chìm vào trong tiếng rít ken két của đoàn tàu đang chạy vào một đường cong.

Tôi có một cái hẹn ở bờ biển, đối diện với đảo Sylt. Một họa sĩ sống ở đó với những bức tranh to lớn, trống rỗng của ông trong ngôi nhà to lớn, trống rỗng của ông, một ngôi nhà nông dân cũ. Tôi đến vào buổi chiều và nhìn thấy ông ấy đang đứng ở trước nhà từ hướng ngược sáng. Ông cao to như một người khổng lồ, không phải do

ông, nhưng ông rất thích thú khi trở thành hình ảnh của một người Friesen bất trị như thế. Ông rất thích sống trong thân thể của ông.

Ông để mái tóc thừa bay quanh đầu như cỏ dại bờ biển được một vị thánh kỳ dị nhặt được lúc đang đi trên những đụn cát và quần quanh đầu; một người tránh né những người khác khi đi qua làng và làm bầm nói: Một thìa danh dự, một nắm cát cho các ông hoàng của những đụn cát.

Rồi tôi ngồi cạnh bàn của ông, ông mang thức ăn và rượu vang ra. Cái bàn ở trong một căn phòng có rất ít đồ đạc, và phòng bên cạnh, ngoại trừ một giá sách, cũng gần như trống rỗng. Và ngoại trừ tranh của ông trên tường. Rất dễ chịu. Còn dễ chịu hơn nữa khi ông vẫn cư xử y như thế trong lúc chuyện trò. Một gian phòng lớn mà trong đó chỉ có vài câu nói rời rạc, một vài câu chuyện kê, một vài suy nghĩ.

"Im lặng là sang trọng. Không gian. Thời gian. Đó là như vua chúa."

Người chủ nhà đã từ đảo Sylt trở về lại đất liền. Ông đã từng quản lý một ngân hàng trên Sylt. Ông đã từ bỏ hòn đảo và cuộc sống đầu tiên của ông ở trên đó để trở thành họa sĩ ở đây. Đối với ông, điều đó có ý nghĩa như: là một người tự do. Hiếm khi tôi gặp được một ý tưởng tự do kiên định như vậy.

"Sylt cũng có một thứ tự do. Hỗn loạn lắm. Đường đi mất trật tự. Chuyện thời xa xưa về những người sống trong đụn cát, sống nhờ đi săn hải cẩu." Trong ông giống như một người có nhiều khả năng như thế, săn hải cẩu sống trong đụn cát.

Ông rời ngân hàng vào thời nổi loạn, và có một thời gian mà dường như họ đã từng hợp với nhau, cái tự do nổi loạn trẻ đẹp và ông. Thế nhưng thiện cảm dịu dàng của ông đã nguội lạnh đi sau khi ông đọc trong "Kế hoạch làm việc" về việc "Công xã 1" tương tượng cuộc sống cách mạng sẽ ra sao, nếu như có quyền lực trong tay.

"Công hòa Xô viết! Tiền lương như nhau cho tất cả! Tôi nghĩ, Chúa ơi, cái này là chống lại tôi."

Lúc đó có một cuộc biểu tình ở Westerland. Ông muốn tham gia, cuối cùng thì đó cũng là những người bạn của ông. Ông đã đứng ở cửa ra vào ngân hàng, sắp sửa khóa cửa và gia nhập vào đoàn biểu tình. Rồi ông nhìn thấy những người biểu tình đang đi đến từ cuối phố, những người đàn ông trẻ tuổi tóc dài mang áo khoác Thälmann<sup>1</sup>, phụ nữ trong áo choàng lông thú của Afghanistan và váy ngắn. Đi qua quán cà phê Orth, đi qua những người khách đang kêu lên của Sylt vì tất cả mọi thứ từ những nơi họ đến, nổi loạn trong các thành phố, lại bắt kịp họ – bây giờ cuộc nổi loạn bất thành linh lại ở đây, ở cái nơi mà theo ý của ông nó không hề phù hợp, dứt khoát không.

Bạn bè của ông đi ở hàng đầu, đoàn biểu tình đến mỗi lúc một gần hơn. Vâng, ông sẽ đóng cửa ngân hàng và đi biểu tình, cũng tốt thôi, ông không hài lòng với một vài sự việc trên đảo. Ông vừa định rút chìa khóa ra thì nghe bạn bè ông hô to: "Hò-Hò-Hò-Chí-Minh!"

"Lúc đó tôi nghĩ rằng ông ấy thì có liên can gì đến các bạn chứ? Chỉ là chuyện tầm phào. Tôi lại mở cửa ngân hàng và ngồi vào bàn làm việc của tôi."

Câu chuyện tình với lần nổi loạn không gây nhiều nguy hiểm lắm cho ông. Ở đấy, thật ra ông chỉ cần phải tin vào một vài câu khẩu hiệu và những lời hoa mỹ trên giấy và phủ nhận một vài điều mà ông yêu quý, điều đó làm cho sự đồng tình của ông nhanh chóng nguội lạnh đi. Nhưng vẫn còn có một người khác theo đuôi ông và cố gắng lôi kéo ông. Một cựu tướng lĩnh SS<sup>2</sup> sống trong vùng đang mê tít ông, muốn tuyên mộ ông theo kiểu một người con, một người bạn hay như thế nào đó, ông ta muốn trói buộc người thanh niên tốt đẹp của vùng Friesland với ông ta. Nhà họa sĩ không cần phải học thuộc lòng những câu khẩu hiệu như ở bên cánh tả, vị tướng chỉ muốn ông là người mà ông ta đang nhìn thấy, tất cả mọi thứ khác rồi sẽ đến sau.

"Rồi thế nào?"

Ông phát tay theo một cách không thể nào hiểu lắm được. "Tôi sinh ra trước lúc bắt đầu cuộc triển lãm 'Nghệ thuật suy đồi'<sup>3</sup> ở München chỉ 15 phút. Vào ngày 19 tháng 7 năm 1937. Tôi sinh ra vào lúc 9 giờ 15, triển lãm được khai mạc vào lúc 9 giờ 30."

Ông chỉ tay vào một trong các bức tranh của ông: "Cái này là suy đồi ư?"

"Có thể đây."

"Nếu không phải bức tranh thì là chính tôi."

Người ta nhìn thấy một màu sắc trên bức tranh và ngoài ra hoàn toàn không có gì khác, chỉ có dấu vết của những chuyển động tròn lúc ông tô màu lên tấm vải. Trước đây nhiều năm người ta còn nhận ra được nhiều thứ hơn trên những bức tranh của ông. Người ta có thể nghĩ đó là những đám mây xanh. Hay những hiện tượng màu sắc xuất hiện khi người ta nằm ngửa phơi nắng và nhắm mắt lại. Ông đã bỏ lại cái đó ở phía sau, cái phần giống như hình ảnh cuối cùng còn sót lại.

Bên ngoài trời vẫn còn sáng, chim di trú tập trung trên những cánh đồng đã thu hoạch. Một con mèo đi rón rén trong cỏ. Ngày xưa, nơi đây đã từng là một vùng đất khắc nghiệt. Đất của những người nuôi bò. Dân híp pi từ Sylt sang đây chỉ vì nhà nông dân ở đây rẻ tiền hơn rất nhiều so với trên hòn đảo đất đỏ.

Người ta cần can đảm để đến đây và nhà họa sĩ thì thần phục lòng can đảm. Nông dân nuôi bò căm ghét dân híp pi, bởi vì thế mà ông đứng về phía họ. Không dễ xảy ra chuyện gì cho ai, nhưng khi người nông dân bàn với dân híp pi về việc thuê đất thì ông mang theo hai hòn đá, mỗi tay một hòn, chỉ thế thôi, ông đập nhẹ hai hòn đá vào nhau trong suốt thời gian đó. Cắc-cắc, cắc-cắc.

Tiếng động có một cái gì đó giống như tiếng lách cách do một người đánh bạc đang bồn chồn gây ra bằng những đồng jeton cuối cùng của ông ta. Đã có thời người ta ngồi chơi roulette ở Berlin và đặt bằng bò béo đang đứng cạnh bờ biển của vùng này. Bò béo có nghĩa là: Vào mùa thu người ta mua lại một con bê của nông dân, giá rẻ như cho, rồi đặt nó trên những đồng cỏ đẹp tuyệt vời ở cạnh biển này qua mùa hè. Qua một mùa hè như vậy con bê béo lên thêm 4 tạ<sup>4</sup>, đó là lợi nhuận. Và dân híp pi đảo Sylt bước vào trong cái thế giới đó hay trong cái tranh sáng tranh tối của thế giới đó – cái càng làm cho sự việc thêm phần khó chịu – và mua lại những ngôi nhà nông dân cũ kỹ với giá rẻ. Có lẽ cũng vì thế mà họ bị người ta ghét. Cái nam tước bò béo giàu có nặng nề bị đào mồ chôn, và họ tổ chức một lễ hội hóa trang hài hước.

3, 4 khu híp pi thành hình, và sống trong ngôi nhà mà bây giờ chúng tôi đang ngồi ăn là người điên khùng nhất. Nhà họa sĩ cười nhẹ khi nói về ông ấy, lắc đầu như thể đang nói về người em trai rất đáng tiếc là hơi bị điên điên. Ông chắc hẳn đã yêu mến ông ấy. Ông cũng nhìn thấy một ít cái tự do riêng của ông ở ông ấy. Trong ánh mắt của ông ấy, trên gương mặt sạm nắng dưới mớ tóc cháy nắng.

Con người kỳ lạ ấy lúc nào cũng đỏ au vì cháy nắng, bởi vì ông ấy có thói quen đứng hàng giờ ngoài đồng và nhìn trùng trùng lên mặt trời, trong cái áo choàng của người chăn cừu nặng nề dài đến mắt cá chân và trong đôi ủng nặng nề mà ngay trong mùa hè nóng nực nhất ông ấy vẫn mang chúng. Ông ấy ít nói như nhà họa sĩ. Ông ấy cũng là một ông hoàng của những đụn cát. Ông ấy có tên là "Người chăn cừu" vì ông ấy đi lại giống như một người chăn cừu.

Điểm khác biệt là nhà họa sĩ biết mình muốn gì. Đóng cửa ngân hàng vào một ngày nào đó, không phải chỉ để đi biểu tình – mãi mãi. Để vẽ, để được tự do. Người chăn cừu cũng muốn được tự do, nhưng ông ta không cười lên ý muốn của ông – vì ông ta là một người chăn cừu. Ông ấy cho nó gặm cỏ trên một cánh đồng ngập nước và nằm dưới một bụi cây. Ông ấy có 12 đứa con với nhiều người đàn bà khác nhau.

Tất nhiên là dân híp pi trông cần sa riêng của họ, và tất nhiên là họ gọi nó là "cỏ cười vùng Friesland". Khi RAF<sup>5</sup> lại khủng bố thêm một lần nữa thì bạn bè từ Berlin đang đến thăm viếng, và chủ nhà Friesland vừa mới thu hoạch xong. Họ hong khô cần sa trên vải bạt dưới mái nhà. Khách Berlin muốn chứng tỏ mình quan trọng và thuyết phục người Friesen tin rằng bất kỳ lúc nào cũng có thể xảy ra bố ráp – phải biến cần sa đi. Ngay bây giờ. Họ cũng đã có một ý tưởng để thực hiện việc đẩy cho nhanh chóng, và người Friesen vui mừng hơn hở. Người ta lôi về nhiều cái nắp lớn để đập nồi giặt quần áo, rắc cả mùa thu hoạch vào trong đó rồi đơn giản là nồi lửa đốt lên. Khói kinh khủng, chẳng bao lâu sau đó cả ngôi nhà chỉ còn là một phòng hun khói duy nhất, tất cả nhảy múa qua các gian phòng và bị say hoàn toàn. Cảnh sát thì chẳng thấy đâu.

Trời mưa như trút nước vào cái ngày mà nhà họa sĩ đến nông trại để mua nó lại từ người chăn cừu. Người ta vào nhà bằng cách bò từ chuồng gia súc qua một cái lỗ trên tường. Người chăn cừu không có bàn ghế, chỉ có cái ống điều hút cần sa, một cây sáo, bộ y phục chăn cừu. Ông ta chỉ sống trong một căn phòng duy nhất của ngôi nhà nông dân rộng lớn mà ông ta chẳng biết làm gì với nó, ngoại trừ có những đêm ông ta trần truồng nhảy múa ở trong đó.

Rồi người chăn cừu và nhà họa sĩ bắt đầu thương lượng giá cả. Đó là một quy trình đơn giản nhưng cần thời gian của nó. Người chăn cừu mở cái cửa 2 cánh sang gian phòng kế cận, gian phòng mà bây giờ chúng tôi đang ngồi ăn tối, rồi đi qua đi lại ở bên trong đó, đi qua đi lại. Và thổi sáo. Cho đến khi người ta thỏa thuận xong. Kể từ đó, nhà họa sĩ sống ở đây.

Tôi hỏi ông có biết nhóm người híp pi đó bây giờ ra sao không.

"Một người thừa hưởng nhà cửa và đã treo cổ tự tử. Một người là thầy dạy nhảy eurithmy<sup>6</sup> đã về hưu ở miền nam. Một người là nữ doanh nhân, cứ vài tháng là có trong báo in trên giấy bóng láng với ngôi nhà riêng ở nông thôn của bà ta."

"Còn người chăn cừu?"

"Ông ấy đã thật sự trở thành một người chăn cừu."

---

<sup>1</sup> Ernst Thälmann (1886-1944): Chính khách của Đảng Cộng sản Đức.

<sup>2</sup> SS: Viết tắt của Schutzstaffel, xuất phát từ đội bảo vệ Hitler, trở thành một tổ chức độc lập của Đảng Quốc Xã Đức.

<sup>3</sup> Dưới thời Đức quốc xã, "Nghệ thuật suy đồi" là một khái niệm mang nhiều lập luận phân biệt chủng tộc nhằm để chỉ Nghệ thuật Hiện đại của thế kỷ 20. Cuộc triển lãm 'Nghệ thuật suy đồi' được khai trương năm 1937 nhằm để phi báng phong trào nghệ thuật này.

<sup>4</sup> Tạ Đức, khoảng 50 kg.

<sup>5</sup> Viết tắt của Rote Armeefraktion, một tổ chức khủng bố ở CHLB Đức.

<sup>6</sup> Eurythmy là một nghệ thuật nhảy múa hình thành vào đầu thế kỷ 20 ở Đức và Thụy Sĩ.

## Bánh ngọt Timmendorf

Tôi đến Timmendorf vào một ngày thứ bảy. Một người quen mà tôi đã gọi điện đến để nhận những chỉ dẫn đại khái nhất nói rằng: "Timmendorf, ở đó dân nhà giàu ngồi dưới lò sưởi trước quán cà phê để duyệt binh bánh ngọt." Tôi rất vui về chuyện đó. Nhưng lại càng thất vọng khi đứng trước những cái lò sưởi giống như một cây nấm to. Không có dân nhà giàu, không có bánh, không có duyệt binh. Mặc dù vậy tôi vẫn ngồi xuống.

Tôi nghe câu chuyện từ bàn bên cạnh. Khó có thể tránh được, vì ngồi bên đó là một người lãnh đạo công trình xây dựng, ông nói rất to. Ông kể về một sự việc ở Ả Rập Saudi. Một người của ông bị bắt gặp cùng với sách báo khiêu dâm. Người ta chặt cánh tay ông ấy để trừng phạt. Rồi cánh tay được đặt vào trong nước đá và cho bay đến Cairo, và người đàn ông thiếu cánh tay cũng vậy. Ở đó, người ta đã nói lại cho ông ta.

Tôi lại đến những cái lò sưởi hình cây nấm vào sáng ngày chủ nhật. Bây giờ thì cuối cùng họ cũng có ở đó, dân nhà giàu, nhưng mà những hình dạng nào vừa mới xuất hiện ở trang Timmendorf thế này hờ trời? Tất nhiên, cũng có một vài giản dị cổ điển trong màu trắng và xanh đậm, phù hợp với một bãi biển sang trọng. Nhưng chính họ lại nổi bật và rõ ràng thuộc về thiếu số trong nhóm người ở đó.

Điều ngạc nhiên ở những người kia là sự sột sỏ tự ghi chữ trên người. Nhiều người mang dây chữ viết tắt và nhãn hiệu giống như những người lái xe đua được trả tiền, và nhiều người có gương mặt quá nâu – cũng là chữ. Gần như tất cả đều đội những cái mũ lưỡi trai sặc sỡ không thể thiếu được với ký hiệu nào đấy ở trên đó, đàn ông cũng như đàn bà, và những màu sắc chói chang, vàng hay đỏ chói. Chân trần tháng 10 của họ nhét vào trong những đôi giày đang kêu to lên: Tôi là chiếc Porsche Cayenne trong số những hiệu giày! Tôi là thể thao vĩ đại!

Tất cả vì thể thao. Tất nhiên không phải là thể thao thật sự. Người ta cố gắng tạo nên hơi hướng thể thao xung quanh mình, cung cách ăn nói cố thoải mái cũng nhằm phục vụ cho việc đó, được bày biện cùng với những cái kính râm nổi bật càng nhiều càng tốt. Cung cách phổ biến ở cạnh bàn là uể oải trong bày đàn giống như sau một trận thi đấu mệt nhọc, ngồi tụ đội ngũ dưới cái lò sưởi hình nấm. Họ muốn tự do như thế, thoải mái như thế, một đội thể thao, không cở lỏ, không Đức càng nhiều càng tốt. Và phải tốn từng ấy công sức. Kê. Có một cái gì đó bắt buộc họ phải làm như vậy. Chắc có lẽ lại là Adolf Hitler.

Tôi lâm vào một trạng thái phê bình văn hóa, điều mà tôi thường cố tránh, vì tôi phát ốm lên vì chuyện đó. Sau khi tôi nhìn trừng trừng ra phía trước một lúc lâu, vào ngôi nhà đối diện, tôi mới nhận ra được có cái gì đó được viết trên đây, bằng đèn neon xanh: "Belle et triste<sup>1</sup>". Rồi lại mãi một lúc sau tôi mới biết rằng không phải như vậy. "Belletrist" ở trên đó. Đơn giản chỉ là tên của cửa hiệu sách Timmerdorf thôi, ngoài ra không phải gì khác.

Mỗi ngày vào buổi trưa có một chuyến tàu thủy đi dọc theo bờ biển đến thị trấn tắm biển Boltenhagen trong vùng Mecklenburg. Tôi đứng đợi trên cầu tàu, nơi nó đáng ra phải cập bến, nhưng nó không đến. Nó sẽ không đến trong thời gian dài tới đây, chủ nhật này là ngày đầu tiên của mùa du lịch đông. Tôi quyết định đi bộ dọc theo bãi biển hướng về Lübeck. Tôi đi sát biển, nơi cát cứng và âm.

Được giải phóng khỏi tất cả những tính khí của mùa hè, Biển Baltic chỉ còn lại màu nâu nhạt và xanh. Đồi thấp. Thông. Vịnh nông và kéo dài ra. Bờ biển đua đua trong những vòng cung từ mũi đất này sang mũi đất khác. Người ta không thể đoán được rằng cái từ "đáng yêu" lại có thể phù hợp cho bờ biển này, nhưng nó thật sự phù hợp. So với bờ biển của Biển Bắc thì bờ biển này đáng yêu.

Có lần một con cá đuối bơi cạnh tôi, nhưng nó chỉ là bóng của con diều mà một đứa bé đang thả chơi ở bãi biển. Tôi hỏi một người phụ nữ đang đi dạo rằng bờ biển dốc ở phía bên kia có phải đã thuộc về miền Đông hay không.

"Đúng rồi", bà nói.

"Người ta có bơi trốn qua đây không, lúc trước?"

"Ở đây thì không. Ở đây là đường biên giới, đèn chiếu sáng rục vào ban đêm.

Mấy chiếc đèn pha quét tìm dọc cả bãi."

"Nhưng có người bơi qua chứ?"

"Có, nhưng từ Warnemünde về hướng Fehmarn. Họ hy vọng phà sẽ nhìn thấy và vớt họ lên."

"Còn nếu không?"

Bà làm một cử chỉ thương hại. "Người ta chỉ biết đến những người được vớt lên tàu thôi. Không biết gì về những người khác."

---

<sup>1</sup> Tiếng Pháp: đẹp và buồn.

## Bên trong của không tưởng

Tôi ngồi trong tàu hỏa, trong một toa đôi nhỏ, chạy về phía đông qua những làng mạc của vùng Mecklenburg, dưới một bầu trời giống như đang có nhật thực toàn phần. Đen tối kéo đến như thể có ai đó đóng mui của một cái xe mui trần lại; chẳng bao lâu sau đó nó phủ kín cả bầu trời; chỉ ở quanh chân trời, sát mặt đất, nó mới để lại một dãy ánh sáng hẹp màu xanh. Tất cả, con bò ở đó, con lừa đang ngạc nhiên trên cánh đồng cỏ của nó, chiếc ô tô màu đỏ – toàn bộ quang cảnh của một mô hình tàu hỏa với cánh quạt gió, chỗ đỗ xe, nhà xây sẵn chìm vào trong một tranh tối tranh sáng màu vàng độc hại, như đang muốn báo thù, nhưng chắc chắn là nó chẳng nói lên điều gì cả.

Wismar lạnh, trong và đẹp theo một cách mà tôi chỉ biết từ những thành phố ở miền Đông, và ngôi nhà mà tôi đang ngồi ở bên trong là ngôi nhà lâu đời nhất của thành phố, một cửa hàng bán rượu vang từ nhiều thế kỷ nay. Người chủ nói rằng mấy thanh gỗ to làm dầm nhà được cắt ra từ những cây sồi bị đốn từ những năm 1254/55, các nhà khoa học đã phát hiện ra được điều đấy.

Một cô gái từ Frankfurt an der Oder đến học nghề ở chỗ ông, cô ấy rất yêu ngôi nhà bán rượu vang cổ xưa, yêu thành phố Wismar với những đầu hồi bậc thang và nhà thờ của nó. Một ngôi nhà như thế này, cô nói nghiêm trang, không có ở Frankfurt, cô chỉ biết nó mãi khi đến đây. Cô nhìn thấy mình đã đến một đất nước khác, một cuộc sống khác, tươi đẹp hơn với những tập tục khác, tươi đẹp hơn. Trong khi đấy thì cô chỉ từ sông Oder đi đến Biển Baltic.

Tôi lắng nghe một người đàn ông trẻ trong Nhà thờ Thánh Nicolai đang giải thích cho một nhóm khách tham quan ý nghĩa của những tượng thánh trên bệ thờ ở cánh nhà. Nếu như anh ấy nói về ma quỷ của người Aztec<sup>1</sup> và hình tượng thú vật thì chắc cũng không có tác động kỳ lạ nhiều hơn đến những người đó. Tất cả những cái đấy đều xa lạ đối với họ. "Thật là tuyệt diệu!", một người viết trong quyển sổ lưu niệm. Người đấy chắc hẳn có ý nói: Nhiều nhà thờ đồ sộ trong một thành phố nhỏ như vậy, nhiều cột cao, trần vòm và tháp bằng gạch nung như vậy. Thịnh thoảng tôi có cảm giác người Đức đã rơi ra khỏi thời gian và đang được dẫn trở vào một cách cẩn thận. Như một đoàn người di cư từ chốn hư vô, đứng hơi hoang dã trước những vật chúng hơi hoang dã: Tất cả những cái đó đã từng chính là chúng ta ư?

Tôi đi bằng tàu hỏa từ Wismar. Nó chạy chậm chạp qua một nhà ga miền quê đã bị bỏ hoang. Tấm biển tên của nó đã rơi ra khỏi tường. Nhà ga đã bị đóng đinh, cỏ dại mọc ra từ đường ray, một nhà ga trên thảo nguyên. Người soát vé đến. Ông ấy không mang đồng phục mà lại là jeans và tự hợp pháp hóa mình bằng cách giơ giơ ra và giặt giặt vào một cái thẻ nhựa như những người kiểm tra trong tàu điện ngầm ở Berlin.

Rồi tôi ngồi ở một vịnh của Mecklenburg và hít sâu vào hương mực nát có mùi muối của tảo biển nằm quanh quất thành từng đống màu nâu. Chim cốc đợi mời

trên những hòn đá ngập trong nước. Tôi không ngạc nhiên khi nhìn thấy một con vẹt màu trên một cây cồng lò, được những người đang đi dạo ngạc nhiên nhìn chăm chú.

Vài giờ sau đó tôi đứng trên một cầu tàu, và khi tôi quay về phía bãi biển, tôi nhìn thấy những dinh thự màu trắng của Heiligendamm – một bãi tắm của hoàng đế đã sống lại. 2, 3 dinh thự khách sạn, dinh thự thư viện, các biệt thự wellness. Cái không tưởng của một cuộc sống mùa hè giàu đẹp và không bị bất cứ một cái gì đè nặng lên. Và cái không tưởng nhất là cái mới không có dấu vết của nó: Một khách sạn sang trọng từ thời hoàng đế mà không thể nhận ra được những người khách và những xáo trộn từ hơn 100 năm nay. Tôi đi ngang qua hàng chào của những cái đèn tròn trên cầu tàu đến chỗ đó và hỏi mượn một phòng đơn. Có nhiều lắm.

Ở bên trong, không tưởng có màu kem và mùi rất mới. Tôi bước qua những hành lang và gian sảnh và nằm xuống giường, thử bẻ bơi. Bể có hình cong nhẹ nhàng của một cái bát Nhật, nước không quá nóng, và những cái áo choàng tắm đều dày và mềm mại.

Bây giờ tôi phạm sai lầm. Thay vì dùng bữa trong gian sảnh đèn nền, tôi bước vào quầy rượu và gọi một cái sandwich. Nhưng cái không tưởng chữa lỗi lầm ngay lập tức, bằng cách kê toa cho tôi một ly rượu vang đỏ kèm theo, loại đắt tiền nhất mà nó vừa nghĩ ra được. Tôi mặc nhận, tôi đang ở trong một tâm trạng không có ý chí.

Quầy rượu rộng lớn, nội thất bằng gỗ sẫm màu, chỉ qua đó thôi nó đã có một cái gì đó kiểu Mỹ, và nhân viên quầy rượu không có nhiều việc làm cho lắm trong cái buổi tối tháng 10 yên lặng này. Tôi gọi thêm rượu vang. Ở nơi tất cả đều mới như thế này, tôi thích cư xử như một người Nga mới. Tôi hỏi họ có loại nào đắt tiền hơn nữa hay không. Ngoài ra thì tôi không thích ngồi một mình ở bàn nữa. Tôi đổi chỗ đến quầy rượu và gọi thêm rượu vang.

Rồi tôi kể cho người bồi bàn đối diện, người không thể trốn đi đâu được vì còn phải đưa hóa đơn thanh toán cho tôi, nghe về "Grand Hyatt" ở Dubai, ở đó có 2 người Sikh cao lều nghèo đứng trước cổng với gươm đã tuốt ra khỏi vỏ, chỉ để mở cổng và mở cửa những chiếc xe limousine chạy đến. Ông ấy không biết nó. Còn "Empress" ở Victoria trên đảo Vancouver? Nơi họ phục vụ cái thứ nước đen ngòm đắng nghét mà họ muốn bán như trà vào bữa trà ăn tối, ông ấy đã thử dùng lần nào chưa? Ông ấy cũng không biết "Empress". Tôi lái câu chuyện đến "Raffles" ở Singapore, nơi mỗi tối vào lúc khoảng 6 giờ có bữa ăn đông người cho khách du lịch với Singapore Sling<sup>2</sup>.

"Có bước vào lần nào chưa?"

Không, ông ấy cũng chưa đến đây.

"Nhưng mà anh phải biết 'Grand Hotel d'Angkor' chứ, ở Siem Reap đấy? Ở đó người California mang dép tắm và quần soóc vào quán ăn và người ta phải mời người nữ đi cùng đôi ghế ngồi để tránh cho cô ấy không phải nhìn thấy những đôi chân như cây lý gai màu trắng".

Người bồi bàn ném vào tôi một cái nhìn giận dữ đến mức tôi định ngưng, nhưng tôi còn phải châm gai nhọn vào anh ta thêm một lần nữa.

"Lord Forte – anh chắc chắn là phải biết!"

Tôi bắt đầu kể về cuộc đời phiêu lưu của ông vua khách sạn London. Con trai của gia đình di cư nghèo người Ý. Quán bán sữa. Và cứ thế tiếp tục. Cuối cùng thì người bồi bàn cũng làm việc mà tôi đã chờ đợi từ lâu – anh ta cứ bỏ tôi đứng đấy. Rồi tôi nói với người phục vụ ở quầy rượu, người lắng nghe chúng tôi với nỗi kinh hoàng ngày càng tăng: "Nhưng ở đây cũng đẹp đấy. Chỉ có điều là anh nên mang thêm nhiều rượu vang ra đây."

Cái cuối cùng mà tôi còn nhớ lại được là bản hướng dẫn chữ cái cho cuộc sống không tưởng. Tôi nhìn thấy nó trong phòng của tôi. Dưới mẫu tự "K"<sup>3</sup> là: "Trong trường hợp mất điện, có nến và một hộp diêm trong ngăn kéo bên trái của bàn ngủ."

Làm cho tôi thích thú. Tôi tắt đèn, đốt nến và ngủ rất ngon trong những tấm trải giường mát lạnh của sự không tưởng.

Vào sáng ngày hôm sau tôi phải cần một lúc lâu mới nhớ lại hết mọi việc của đêm hôm qua. Hóa đơn thanh toán sẽ gây đau, còn đau hơn cả cơn đau đầu bây giờ của tôi, nhưng ý nghĩ sẽ chẳng có gì là xa xỉ khi đi bộ tìm đến một khách sạn xa xỉ và lại đi bộ ra khỏi nó đã an ủi tôi. Tôi khoác ba lô lên vai trong gian sảnh và đi bộ đến Warnemünde trong thời tiết đẹp nhất, lại dọc theo bãi biển. Nhót gai và tầm xuân, lớn như quả cà chua nhỏ. Rừng cây lá rộng rì rào trên những đụn cát. Những ngày chủ nhật cuối cùng. Hơi ẩm cuối cùng.

Fischland vẫn còn xanh đến mức đáng ngạc nhiên, Ahrenshoop không còn phòng trống cho tôi nữa. Nó quá được yêu thích. Tôi đi cả giờ trong màn đêm, không tìm được nơi nào để qua đêm, rồi tôi bắt được chuyến buýt cuối cùng đến Zingst. Ở đó tôi lọt vào tay của một người đàn ông từ nam Hessen. Ông biết điều đấy: Đang trên đường đi, lang thang trên đường tìm nơi nghỉ, hôm nay không cần phải như vậy, ông biết tôi có thể tá túc ở đâu, tôi nên đi theo ông. Ông mang tôi đến quán trọ của những người thợ lắp ráp, chính ông cũng ở đó. Nhưng không có ai ở đó để cho tôi nhận phòng cả. Người giúp đỡ tôi muốn gọi điện kêu ai đấy đến. Ông quá quen việc này, ông vắng tục, ông biết rõ cái đồng phân này.

Ngày hôm sau tôi đi phà qua Barther Bodden. Trời lạnh hơn, nhưng mặt trời ban trưa đặt ảo tưởng mùa hè lên Bodden. Nó ném một tấm màn che lên trên hình dáng của thành phố cảng bình thường mà chúng tôi đang tiến dần đến, và một ánh vàng lấp lánh lên tàu. Nó làm cho nước xanh thêm một lần nữa, sưởi ấm những con chim cốc lặn này đang tự nhiên thoải mái trên những cái lờ của ngư dân Bodden với mẹ cá của họ.

"Đẹp quá! Cảnh thật là đẹp! Không, tôi không cần phải đến Antalya<sup>4</sup> – đẹp quá!"

Người đàn ông bên cạnh tôi tự nhắc đi nhắc lại như một người đang yêu cố nhớ lấy một số điện thoại mà cuối cùng rồi ông ấy cũng có được và không được phép quên trong bất kỳ trường hợp nào.

Chúng tôi lên bờ. Tôi nhìn Barth mà từ ngoài biển mang về rất an lành, và đọc tên của các cửa hàng. "Đồ linh tinh". "Kho tàng". "Giảm giá". "Chợ rẻ tiền". "Bục hàng tồn đọng". "Chợ quần áo Việt". Thường như thế ở miền quê.

Nhà ga Barth có một đường ray duy nhất, cái đường ray mà phía trên có tấm biển viết tay "Đường ray số 1". Người ta thông báo một chuyến tàu đi đến Heidelberg, và sự tương tự có một con đường mòn bằng sắt gắn bó tất cả lại với nhau, một đường hoàn toàn không bị bất cứ một cái gì cắt đứt dẫn từ thành phố nghèo nàn ở Bodden này, từ cái hoang vắng của nhà ga này đến thành phố Heidelberg giàu có, đến lâu đài của nó và đến chú lùn canh giữ thùng rượu vang phô trương khổng lồ ở đấy<sup>5</sup> – tôi ngạc nhiên là thật sự có điều đó.

<sup>1</sup> Aztec: bộ tộc da đỏ sống ở Trung Mỹ.

<sup>2</sup> Một loại cocktail, xuất phát từ khách sạn Raffles ở Singapore vào khoảng năm 1915.

<sup>3</sup> Từ "nến" trong tiếng Đức bắt đầu với mẫu tự K ("Kerze").

<sup>4</sup> Thành phố du lịch Thổ Nhĩ kỳ cạnh Địa Trung Hải.

<sup>5</sup> Thành phố Heidelberg có lâu đài đồ nát là điểm du lịch nổi tiếng thế giới. Trong tầng hầm của lâu đài có một thùng rượu vang khổng lồ, trước đó có bức tượng gỗ của chú hề hoàng cung ngày xưa.

## Đảo đang nhìn bạn

Tại cảng của Stralsund, tôi hỏi thăm một thủy thủ người Pommer về giờ khởi hành của phà đi Hiddensee, và ông ấy trả lời với một tiếng Đức và với một cách xưng hô đã từng được dùng cách đây lâu lắm rồi: "Khi ngài có ở đây 15 phút sau 5 giờ thì tốt. Ngài còn có thể uống cà phê."

Nơi tàu cập bến có một quán trọ ở cảng, nó có thêm dòng chữ "từ 1332". Tôi đã định bỏ chuyến phà, nhưng rồi lại bước lên. Biển lặng, mặt trời chìm vào trong bọt biển ở phía tây. Ở boong dưới khách đi phà xếp hàng mua khoai tây chiên và bia, boong trên biển thành một quán cà phê sinh viên. Những từ như "Tübingen", "phản hồi tốt hay xấu", "trải nghiệm biển Baltic của tôi" thoảng qua không khí và trộn lẫn vào trong mùi hắc của thuốc rê.

Có một nữ hành khách đẹp. Lông mi dài sẫm màu, áo choàng dài màu đen có thắt eo, mũ bê rê xám, và cô ấy hôn người bạn trai như thế đó. Giống như cái đẹp, phải chạm vào một vết thương để được cảm nhận, phải tạo một nỗi đau nhẹ nhàng không cưỡng lại được. Một cái gì đó tạo ý muốn phải chạm vào nơi đấy ngay bây giờ. Ở cô ấy là cái gì? Những lọn tóc được nhét vào trong chiếc mũ? Một cái nhìn vượt ra khỏi cô và tìm một cái gì đấy ở nơi xa xôi? Có lẽ nó chỉ là nét xa lạ bí ẩn trong quán cà phê sinh viên quá quen thuộc. Nhưng cô ấy hôn người bạn trai không ngưng, và nó trở thành một loạt hôn kiêng ăn hoàn toàn không đau đớn. Tôi đi xuống boong dưới đến chỗ những người ăn khoai tây chiên.

Trời đã tối từ lâu khi phà cập bến. Tôi không nhìn thấy gì từ hòn đảo, nhưng chẳng bao lâu sau đó tôi cảm thấy nó vẫn chưa đủ khi được biển bao quanh. Nó còn có một sự bảo vệ bao quanh nó, một bầu không khí đặc biệt, kỳ lạ. Tôi tìm một quán trọ, xin thực đơn. Hòn đảo đặt Gerhart Hauptmann<sup>1</sup> trước thực đơn, câu Hiddensee của ông về "bãi tắm có tri thức nhất trong số các bãi tắm Đức." Ông đã nói câu đó trong tháng 8 năm 1935, đứng ở đấy, nhân dịp kỷ niệm 50 năm "thuộc về đảo". Bây giờ tôi biết rằng tôi đang ở trên một hòn đảo mà người ta có thể lắng nghe nó như lắng nghe một ngôi nhà thờ, một mục sư, một dòng tu.

Tôi nhìn ngắm ngôi nhà thờ vào sáng ngày hôm sau. Đó là một ngôi nhà thờ làng đáng yêu, vị mục sư có ở đó, và một vài người xa lạ đang chiêm ngưỡng trần vòm của nó, được một họa sĩ trên đảo của những năm 20 làm đẹp bằng những hình hoa hồng trang trí. Ông ấy cũng viết thơ. Ở cạnh cửa ra vào có treo một bài thơ về Hiddensee bằng tiếng địa phương plattdeutsch mà tôi đã đọc được ở nơi khác, rõ ràng là nó đã trở thành quốc ca của hòn đảo.

Hett di de Welt watt donn  
Und ä di weh  
Un will di nich verstohn,  
Dann pack dien Leed un Krohm  
Un goh noh Hiddensee,  
Do warst du lich un free!

Trong tiếng Đức chuẩn có nghĩa là: "Nếu thế giới làm bạn điều gì / Và làm cho bạn đau buồn / Và không muốn hiểu bạn / Thì hãy xếp nỗi buồn và các thứ của bạn vào hành trang / Và hãy đến Hiddensee / Ở đấy bạn sẽ thanh thân và tự do." Thanh thân và tự do, đó một cái gì đấy. Một đất nước có nơi người ta được như thế hay sẽ được phép như thế thì không thể tệ được.

"Sự yên lặng và thiên nhiên", trong khi đó vị mục sư giải thích cho những người khách tham quan, "đó là cái chúng tôi muốn, cái phù hợp với chúng tôi." To

tiếng và ồn ào đã có đủ ở nơi khác. Vâng, có lần có vài người đến đảo và muốn đốt pháo hoa và tổ chức ca nhạc ngoài trời. "Hòn đảo đã ngăn cản điều đó."

Tôi đi ra bãi biển và chạy ra xa. Câu nói của vị mục sư bám theo tôi. Thế tức là tôi đang ở trên một hòn đảo giống như một sinh vật. Nó có thể nghe và nhìn nhiều sự việc đang đến và còn có thể ngăn chặn được chúng nữa.

Trời tối nhanh một cách bất thường. Ánh sáng xanh từ ngọn hải đăng quét trên đất. Trong hoàng hôn, các con cừu trắng trên đồng cỏ lại càng sáng trắng hơn nữa. Biển nằm hoàn toàn yên lặng, gió đã nhẹ nhàng trốn đi.

Tôi đi theo con đường cát về khách sạn, nó tỏa sáng lung linh trong hoàng hôn, dẫn tôi xuyên giữa những cánh đồng cỏ và thông, ngang qua 2 căn nhà gỗ tối đen. Gerhart Hauptmann đã sống bên trái, Markus Wolf<sup>2</sup> bên phải. Tôi chỉ nhắc thế thôi, tôi không quan tâm đến những ngôi nhà của thi sĩ, tôi cảm thấy chúng có mùi hôi, và có một cái gì đó thô tục khi dẫn những người hiếu kỳ đi dạo qua những chiếc ghế bành bọc da, hầm rượu của họ và những chiếc giường mà họ đã qua đời ở trên đó.

---

<sup>1</sup> Gerhart Hauptmann (1862-1946): nhà văn, viết bi kịch người Đức, đoạt Giải Nobel văn học năm 1912.

<sup>2</sup> Markus Wolf (1923-2006) lãnh đạo Cục tình báo của Cộng hòa Dân chủ Đức.

## Cái nghiệp của tên lừa V 2

Tôi đi dọc theo bãi biển Usedom trong mưa, đi ngang qua những nơi tắm biển, mà với những hình nổi trát vữa chúng trông giống như Berlin ở cạnh biển. Lúc đến nơi tắm biển ở phía cực đông, tôi chuyển lên con đường đi dạo ở bên trên. Ở nơi nó chấm dứt có một cánh cửa mở của một ngôi biệt thự nhỏ, một tắm biển cho mướn phòng. Sau biệt thự chỉ còn rừng, và trong rừng là đường biên giới với Ba Lan.

Qua cửa sổ tôi nhìn thấy một người phụ nữ trong màu trắng đang tập yoga trong phòng khách. Tôi bước qua cửa mở đi vào trong, sự nhớ, quay lại, từ bên ngoài tôi nhìn bà đang vào thế trồng chuối ngược, tôi bấm chuông và nhìn bà đổ xuống. Ngay sau đó bà xuất hiện ở hành lang, nhanh chóng chỉ phòng cho tôi và đưa cho tôi chiếc chìa khóa. Bà chẳng muốn tiền mà cũng chẳng muốn biết tên tôi. Bà cũng không đưa tôi tờ giấy khai báo như thường lệ. Bây giờ bà phải tiếp tục, bà nói rồi biến mất. Khi tôi rời biệt thự vài phút sau đó, vẫn hình ảnh như thế: Phụ nữ trong màu trắng, yên không động đậy trong tư thế trồng chuối ngược.

Trời tạnh mưa. Sương mù xuất hiện, dày đặc và ẩm ướt. Tôi lại đi bộ qua những đụn cát ra đến biển và tiếp tục trên con đường đi dọc theo bãi biển của tôi. Không còn nhìn thấy được nhiều lắm. Phía sau tôi là một cái cầu tàu, được chiếu sáng đủ màu, mới trước đây tôi còn không nhận ra nó. Ánh sáng mờ ảo màu đỏ ở phía trước tôi, chắc phải là Swinemünde. Sóng tràn đến, trắng bọt biển và đen – như những con chó đang nhảy trên bãi biển.

Sương mù càng dày đặc hơn. Tôi gần như không còn nhìn thấy gì được nữa và định hướng bằng âm thanh của sóng biển. Sau khoảng một giờ đồng hồ, tôi nghe được tiếng Ba Lan và quay trở lại. Tôi đã ở trong Ba Lan từ lâu. Sau đó 10 phút tôi sa lưới biên giới, sa vào trong một hàng rào được căng ra mà tôi không nhận ra trước đó. Chắc là tôi đã đi quá sát biển và lưới biên giới không trải dài cho đến tận biển.

Trong lúc còn đang suy nghĩ không hiểu nó chỉ được giăng ở bãi biển hay sâu tít vào trong rừng hay có thể bao khắp cả nước Ba Lan thì tôi nhìn thấy đèn nhiều màu chiếu sáng trên biển. Vào mùa này không còn du thuyền qua lại nữa, nhưng dường như vẫn còn một chiếc đang trên đường đi, với một đường dây hoa đèn nhiều màu.

Tôi ước gì mình đang ở trên tàu. Tôi tưởng tượng một chuyến đi, tiếp tục dọc theo bờ biển về hướng đông bắc, một chuyến tàu ma vui về đến Kolberg, Pillau, Memel, Hungerburg, Narva<sup>1</sup>, với món trứng cá muối Ba Tư và một dàn nhạc Phần Lan đang say rượu.

Nhưng ngày hôm nay thì tôi đến từ Peenermünde, và một chiếc tàu thủy say rượu mơ mộng có nghĩa lý gì khi so với giấc mơ về một chuyến bay của tên lửa? Những người mơ mộng đã nghĩ ra cái tên lửa đầu tiên được phóng lên theo chiều thẳng đứng của thế giới. Tên lửa V 2 là cả hai: vũ khí và giấc mơ. Tất nhiên, giấc mơ đã bị chôn vùi dưới những đống đổ nát mà V 2 đã để lại trong những thành phố như London, nơi nó đã gieo rắc kinh hoàng và chết chóc, và người dân London chạy trốn dưới trạm tàu điện ngầm vẫn còn an toàn vào thời đó. Và nó đã bị chôn vùi trong Mittelbau-Dora, nơi hàng ngàn người đã chết, những người đã phải sản xuất nó dưới mặt đất. Nhưng tuy vậy – trong những lúc ban đầu và trong chuyến bay qua nhiều thập niên của nó, chiếc tên lửa Đức, cái trước tiên là phải trở thành vũ khí trước khi nó có thể là Saturn<sup>2</sup> bay đến Mặt Trăng, không khác nhiều khi so với những phát minh to lớn khác, những cái cũng đồng thời là cả hai: vũ khí và nhạc pop.

Berlin trong những năm cuối cùng của thập niên 1920 là nơi chôn của những kẻ mơ mộng, và cái tên lửa là một biểu tượng của thời đó. Tiểu thuyết nói về chuyến bay bằng tên lửa đến những châu lục xa lạ, một phim truyện về chuyến thám hiểm Mặt Trăng. Những người say mê tên lửa phân phát tờ rơi viễn tưởng trên đường phố và mời dân chúng đến dự những lần phóng thử ở những nơi tập bắn quanh Berlin – phải bỏ tiền mua vé vào xem, giấc mơ tên lửa phổ biến đến như thế đấy. Sự việc chỉ trở nên nghiêm trọng khi quân đội đang yếu thế nắm lấy nó và tuyển chọn những kẻ điên điên và những người mơ mộng có nhiều tài năng nhất. Những người như sinh viên khoa lý Wernher von Braun, ông cũng có một xưởng chế tạo tên lửa ở ngoại ô Berlin.

Cái tên lửa! Nó là cái mà chiếc tàu thủy hơi nước đầu tiên đã là, chiếc tàu hỏa đầu tiên từ Nürnberg đến Fürth, những cái cánh của Daidalos<sup>3</sup>, các bản vẽ kỹ thuật của Leonardo, cái cỗ máy bay được của Schneider ở Ulm. Một giấc mơ của con người về việc chu du qua thế giới và không gian.

Ở Peenemünde người ta đã đặt một bản vẽ dưới giấc mơ của tên lửa, một âm thanh cảnh báo gây miễn dịch cho những người khách tham quan. Trích dẫn Goebbels được nhắc lại trong một vòng bắt tạt, những mảnh âm thanh được xé ra từ các bài diễn văn của Bộ trưởng Bộ tuyên truyền về V 2 và về một cái V 3 trong tương lai, còn mạnh hơn thế nữa. Một bầu không khí kỳ lạ thống trị ở đây, như trong một lớp học thời xưa, nơi người thầy nói một cách nghiêm khắc và những đứa học trò thì thảo ở dưới băng ghế. Có tiếng nói to chế nhạo của Goebbels, luôn nhắc lại những lời đe dọa ấy như một con vẹt, có tiếng nói thì thầm của khách tham quan, nhận xét được thì thảo trao đổi trước những bản vẽ, vật trưng bày, mô hình của V 2. Nước Đức, sau đó.

Một người đàn ông trẻ đứng giải thích nhỏ nhẹ trước cái sơ đồ đang nhấp nháy của cơ sở thử nghiệm thuộc quân đội. Ông giải thích về những bình chứa nhiên liệu của tên lửa, bình nhiên liệu A của nó, bình nhiên liệu B của nó, nói về ôxy lỏng ở trong đó và về còn 72 độ. Cả hai đều được sản xuất tại đây, ông nói, tại Peenemünde – còn từ khoai tây trong vùng. Một người đang đứng nghe nói đùa. Vậy tức là V 2 đã bay với rượu vodka của vùng Pommern. Người đàn ông trẻ chững hững nhìn ông ta, nói: "Đó là một trong các trung tâm công nghệ lớn nhất thời đó", và một trong những người đang đứng quanh nói thì thầm: "... cái lớn nhất."

Mô hình bệ phóng tên lửa được xây trong một góc phòng: Bệ phóng, đường ray dẫn đến và kho chứa mà nhiều tên lửa đang chờ ở bên trong cho đến lượt được bắn đi – quả thật là kho chứa nghệ thuật. Chúng trông giống như lối đi có mái vòm.

Một người đàn ông đứng trước đó, và trong một chốc lát, có vẻ như thế, ông đã quên mất thế giới ở xung quanh ông. Ông chỉ còn biết nhìn cái mô hình tên lửa nhỏ đó, giống như cái tên lửa nguyên thủy. Giống như con vật biểu tượng của một hiệp sĩ đồ chơi. Cũng giống như tên lửa hiệp sĩ, nếu như hiệp sĩ có tên lửa. Ông không thể quay nhìn nơi khác được, ông nói: "Lúc còn bé tôi đã nhìn thấy một cái V 2 đang bay. Ở gần Hamburg, với mẹ tôi. Tiếng hú lên, nó bay cao khoảng độ một cây số. Màu bạc. Và rất nhanh. Đúng vậy đó, nó bay đi xa trong màu bạc, không thể quên được."

Biệt thự hoang vắng khi tôi trở về, cửa mở một nửa như trước đó. Đèn sáng. Tôi đi qua các gian phòng, bước lên cầu thang, tôi gõ cửa và gọi to, không có ai cả. Tôi ngồi xuống bậc cầu thang. Quả lắc của cái đồng hồ đứng kiêu Tân Nghệ thuật trong hành lang đứng yên. Tiếng động duy nhất là tiếng kêu rì rầm của cái máy phun nước màu vàng trên cái ghế thấp màu xanh nhạt ở trong phòng.

Tất cả mọi vật trong ngôi biệt thự đều tạo cảm giác ngôi nhà không có người cư ngụ thường xuyên, được trang bị thích hợp cho những người khách tạm thời. Trong phòng khách chỉ có những bàn ghế cần thiết nhất, nhiều đĩa CD nằm trên một cái loa. Nhạc raga Ấn Độ. Không còn ai xuất hiện nữa. Không còn ai vào buổi tối này và vào sáng ngày hôm sau cũng không.

Trong lúc chuẩn bị khởi hành và đang suy nghĩ không hiểu nên để tiền lại ở đâu và có nên đóng cửa nhà lại hay cứ để mở hé như cũ thì tôi phát hiện 2 tờ giấy viết tay, được treo trên tấm kính của cánh cửa giống như người ta treo nó khi chỉ đi vắng trong chốc lát.

Trên một tờ là: "Chúng tôi ở ngoài biển." Trên tờ kia: "Tôi ở trong biển."

Không còn nghi ngờ gì nữa, người phụ nữ trong màu trắng là một cư dân của biển.

---

<sup>1</sup> Kolberg, Pillau, Memel, Hungerburg, Narva: Các thành phố trong lịch sử đã từng thuộc nước Đức.

<sup>2</sup> Saturn cũng là tên của loạt tên lửa trong chương trình Apollo, được chế tạo dưới sự lãnh đạo của Wernherr von Braun, người cũng đã lãnh đạo chương trình chế tạo tên lửa V 2.

<sup>3</sup> Một hình tượng trong thần thoại Hy Lạp, dùng lông chim và nên kết thành cánh cho mình và con trai để bay vượt ngục.

## Cái quán cá ở tận cùng của thế giới

Tôi biết một làng trong Pommern, ở cực đông của đảo Usedom, một làng đánh cá ở cạnh Vịnh nước lợ Stettin với tên Kamminke, và tôi muốn gặp lại nó, chỉ vì cái tên thôi cũng đã đủ lý do<sup>1</sup>. Kamminke ở cạnh Vịnh nước lợ Stettin. Trước đây nhiều năm tôi đã đến đó. Tôi không thể nhớ là đã từng nhìn thấy một nơi hoang vắng hơn, xa vắng con người hơn như thế.

Xe buýt chạy qua làng mạc trong mưa, qua những con đường mà cứ ba đường thì có một đường tên là đường Hòa bình, qua những ngôi nhà thờ bằng đá và đài tưởng niệm Xô viết mà bây giờ người ta chỉ gọi đơn giản là "đài tưởng niệm". Rồi nó dừng lại cạnh vịnh. Gió pha vào trong mưa và thổi nó lên thành bão. Một vài thuyền đánh cá đang giăng giật giây buộc, những người đàn ông càu nhàu trong bộ quần áo màu xanh, những người mà đã ra khơi từ sáng sớm và bây giờ đang đứng quanh mẻ lưới đã được phân loại của họ. Xô cá vược. Xô cá pecca. Lươn uốn lượn trong một cái chậu nước. Một người đàn ông tách ra khỏi nhóm, dặng chân đi đến bến tàu, loay hoay dưới cái tạp dề rồi tiểu một cách khó khăn xuống bến cảng. Tôi hỏi thăm một

chuyến tàu qua vịnh, về đất liền. Có lẽ ngày mai. Có lẽ là hôm qua, chuyến cuối cùng. Có lẽ không còn chuyến nào trong năm nay.

Ở bên cạnh nhà của những người đánh cá là cái quán cá của Kamminke. Bão thổi mưa vào dưới những mái nhà bằng sậy che chở cho bàn ghế. Tôi là người khách duy nhất và người chủ quán chỉ cho tôi một góc ngồi còn tương đối khô ráo. Tôi ngồi vừa vặn vào trong đó với cái ba lô của tôi, cà phê nóng của tôi và con cá bon lưỡi ngựa hun khói của tôi. Cái đèn treo ở phía trên lưng lay, cờ hiệu của hãng bia kêu rần rắc, loa hát những bản nhạc được ưa chuộng của thập niên 60. Tôi lại đi đến chỗ những người đánh cá.

Chúng tôi nói chuyện về thời tiết, rồi tôi mới biết rằng đúng ra chỉ còn có một người đánh cá thật sự, và ai đó nói về tận thế. Nó đã thật sự xảy ra, rất gần đây. Một người đàn bà sống trong làng đã có mặt trong lúc đó. Bà chỉ mới 10 tuổi khi thành phố Swinemünde bị hủy diệt vào ngày 12 tháng 3 năm 1945. "Đối với tôi cái ngày đó giống như ngày hôm qua", bà nói, khi tôi đứng trước cửa, và mời tôi vào nhà.

Bà sống với bố mẹ trong Kamminke, chỉ đến thăm ông bà ở Swinemünde. Khi có báo động bà không kịp xuống hầm tránh bom. Điều đó đã cứu sống bà. Những người ở dưới hầm đã bị chôn vùi.

Bà là một đứa bé, bà không thể làm như người lớn, những người phải giúp cứu hộ ngay sau đó và nhờ vậy mà được lôi kéo vào việc khác. Bà không phải làm gì ngoài việc đứng nhìn. Đôi mắt bà ghi nhận, trí nhớ bà ghi nhận tất cả mọi việc như một cái máy ảnh. Những xác chết ở trên cây và những mảnh xác ngựa cũng bị hất văng lên trên đó. Bà mẹ của ông hàng thịt ở cạnh bên nằm trước cửa sổ. Chỉ còn nhìn thấy phần thân trên của bà ấy. Trong hành lang của nhà lán giềng, bụng và ngực bị xé nát. Xác chết, xác chết, trên đường phố. "Được đặt nằm như cá trích", bà nói. Người ty nạn, người ty nạn. Đây trên tàu hỏa, đây trên tàu thủy<sup>2</sup>.

Cháu trai của người đàn bà lán giềng – áo nâu<sup>3</sup>, băng chữ thập ngoặc – mang quan tài và lao công nước ngoài đến và lôi xác bà của ông ta ra khỏi đồng đồ nát.

Đến một lúc nào đó bố của bà đứng trước cửa và hét to: "Có ai còn sống không?" 2 người lính hỏi họ có thể giúp đỡ được gì không, rồi họ phát hiện ra cái bánh bông lan và lao vào nó. Cứu thương đến. Họ nhìn thấy người đàn ông chết trong hành lang, cuộn ông vào trong màn cửa sổ và mang đi. Ông của bà còn sống, nhưng đầy mảnh bom, họ cũng mang ông đi. Sau đó bà cùng bố và bà của bà đi tìm ông, cho đến khi có người nói: "Ông bà không biết sao, ông ấy đã nằm trên Golm từ lâu rồi."

Golm là một ngọn đồi, phía dưới có một dòng sông, một điểm du ngoạn được người Swinemünde yêu thích. Trong thế kỷ 19, ở đó có một ngôi nhà mang hình dạng một đền thờ Hy Lạp nhỏ; sau đó, vào thời phóng khoáng hơn, có một cái quán, nó có tên là "Chòi của cậu Tom". Điều dễ hiểu, lái những xe tải chở xác chết lên đồi, đào những mồ chôn lớn ở trên đó và đổ thành phố Swinemünde vào trong đó, cái phần đã chết của nó.

Golm, tôi đã biết nó. Tên, tên, tên, như trên những tảng đá của Seelow lần trước<sup>4</sup>. Alberti. Arndt. Bloch. Blitz. Brecht. Brendel. Bröhan. Burckhardt. Busch. Louis Deslandes. Marino Delle Donne. Dutschke. Engels. Hesse. Krupp. Voldemars. Lapskalus. Marx. Messerschmidt. Pape. Roth. Sütterlin. Thoma. Weber. Zorn<sup>5</sup>.

Lúc từ già, bà nói một câu mà trước nay tôi lúc nào cũng nghĩ nó là tuyên truyền, bà nói: "Không bao giờ chiến tranh nữa." Và như sợ tôi có thể phớt lờ không nghe, bà nhắc lại: "Tôi thường hay nói, chẳng thà nghèo như chuột trong nhà thờ, nhưng không bao giờ chiến tranh nữa."

Cuộc đời của bà ở trong một câu nói, nó không phải là tuyên truyền, không phải là nói theo. Bà đã nói về một ngày kinh hoàng mà so với nó, tất cả những ngày khác trong cuộc đời của bà chỉ là những ngày hết sức bình thường.

Bà ngồi cạnh chồng trong phòng khách, lưng thẳng, đặt tay trước bụng, với mái tóc ngắn của một người phụ nữ đã có tuổi ở thôn quê. Chắc là bà hay ngồi trên ghế như thế và nhìn ra cửa sổ hay xem truyền hình, giống như sau một ngày làm việc dài. Và chắc chắn cuộc đời bà là một ngày làm việc dài. Có một bộ ghế xa lông, đã từng là một lần mua sắm quan trọng, bộ sưu tập ly uống bia trong cái tủ kính ở phòng khách. Ngôi nhà của hai người là một ngôi nhà thấp vùng Pommern, cạnh con đường làng với một mảnh vườn hẹp ở phía sau, một nhà kho, một băng ghế cho những mùa hè nóng bức ngắn ngủi ở vùng trên đó.

Tôi nghĩ ông bà đang sống âm cúng trong những ngày tháng còn lại – cái câu đa cảm này bắt chợt xuất hiện trong đầu tôi. Tôi nhìn những cái khăn trải bàn nhỏ và cái tủ, những tấm ảnh đáng yêu, bé trai dễ thương tặng hoa cho bé gái dễ thương, sự im lặng đang kêu tích tắc trong phòng khách, niềm mơ ước hòa bình sâu đậm, và dường như trong khoảng khắc này tôi đã hiểu được tâm hồn Đức mới.

Cái sau đó. Sau cú va đập của thiên thạch. Cái thơ mộng vững chắc của những phòng khách và mảnh vườn, con hoẵng và người lùn và những thằng hề đang khóc của người này<sup>6</sup>. Và những ký hiệu hòa bình và những quyển sách cũ của Erich Fromm<sup>7</sup> và những tấm áp phích với đồng hồ Dalí sắp lỗi thời của người kia. Vì những khác biệt của hai người này rất nhỏ. Tất cả họ đều có ý muốn nói như nhau. Tất cả, tất cả, miễn đừng có chiến tranh nữa.

Nước Đức của cuộc đời tôi thay đổi rất nhiều từ thập niên này sang thập niên khác, nhưng điều này luôn luôn không thay đổi. Tất cả suy nghĩ, tất cả cảm nhận từ thời điểm thiên thạch. Đó là điều mà tôi tin rằng đã hiểu được từ Kamminke, rằng có sự hủy diệt mạnh đến mức nó làm tê dại cả một cuộc đời, cả một đất nước. Vàng, bụi vẫn còn đang lắng xuống. Tê dại vẫn còn đang từ từ giảm đi.

Cái quán cá vẫn còn mở cửa khi tôi trở về. Trời đã hết mưa. Ở đó có 3 người Pommern đang đứng, một người trong bọn họ với cái mũ kiểu Hoàng tử Heinrich. Bao giờ cũng có một người đội nó – dường như cho tất cả những người khác. Tôi gọi một ly rượu khoai tây, nhưng ông chủ quán lắc đầu và khuyên nên uống rượu vang đỏ vùng Baden. Tôi thật sự không thể đoán trước được là sẽ đứng cạnh đê chắn sóng của Kamminke trong một đêm thu, ly rượu vang Dornfelder trong tay, gió trong tai và sự im lặng Pommern.

Sáng ngày hôm sau tôi đi chuyến phà cuối cùng của mùa hè này qua Vịnh Stettin hướng về phía nam.

---

<sup>1</sup> Kamminke bắt nguồn từ tiếng Xlavor có nghĩa là hòn đá.

<sup>2</sup> Vào cuối Đệ nhị thế chiến, trong thành phố Swinemünde có rất nhiều người tỵ nạn đang dùng chân tạm thời, chờ được tiếp tục chuyển đi tiếp. Con số người chết trong lần ném bom ngày 12 tháng 3 năm 1945 dao động từ 4.000 đến 20.000 người.

<sup>3</sup> Màu của Đảng Quốc Xã Đức.

<sup>4</sup> Trận đánh ở dãy đồi Seelow trước cửa ngõ Berlin trong tháng 4 năm 1945 là một trong những trận đánh lớn trong Đệ nhị thế chiến, hàng chục nghìn người của 2 bên đã tử thương. Ngày nay có một đài tưởng niệm ở đây với nhiều bia đá.

<sup>5</sup> Zorn: (Sự) tức giận, cũng là một họ (tương đối hiếm) của người Đức.

<sup>6</sup> ...con hoẵng và người lùn và những thằng hề đang khóc: Người Đức hay dùng chúng để làm vật trang trí trong vườn.

<sup>7</sup> Erich Fromm (1900-1980) nhà triết học, xã hội tâm lý học Đức-Mỹ.

## Quán trọ Đức

### Mùi cháy Pommern<sup>1</sup>

Không phải là không có thú vị khi lớn lên trong một đất nước có nhiều vùng ma rộng lớn. Những cánh nhà cấm không được phép vào của một ngôi nhà to lớn.

Một ngân hàng có sáng kiến tặng cho con cái của khách hàng một quyển album ảnh về nước Đức, một quyển để sưu tập hình và dán vào trong đó. Đó là vào thời nước Đức vẫn còn đau. Các vết thương còn gây đau đớn và cần phải được chăm sóc. Cho nên điều hiển nhiên là cả những thành phố và vùng đất đã mất đi cũng được dán vào trong quyển album.

Nhiều thành phố và miền quê, và hay nhất là cả nhiều tuýp người, dần dần định cư trong quyển album trông của tôi. Bây giờ tôi hình dung được một vài tuýp người: Người Bayern trong cái quần da, người Westfalen với thịt đùi heo muối, ngay cả người Đông Phổ với giọng nói như hát không còn hoàn toàn Đức nữa.

Thế rồi có thêm một người nữa, cho đến lúc đấy là người lạ lùng nhất trong số họ – người Pommer. Bây giờ ông ta đang đứng đấy, quần nhét vào trong ủng, với cái đầu to và mũ bên trên, mũ với một biển nhỏ. Ông ấy, tôi cho là như thế, ngậm một cái ống điều gây trong miệng.

Chỉ riêng cái từ này thôi: "Pommer". Nó âm vang như thế đó: Cái mẫu tự đầu tiên âm i thô kệch nhảy vào – nó nổ tung vào "o" yên lặng như một người nông dân vào trong gian phòng khách. "Xin chào, tôi là người Pommer." Rồi ông tháo mũ ra, cầm nó bằng cả hai tay, quanh ủng của ông là nhiều vũng nước nhỏ, vì ông vừa từ ngoài đồng vào. Ông lúc nào cũng từ ngoài đồng vào. Trong mùa thu ông đi từ bùn vào, trong mùa hè từ bụi.

Tôi nhìn chăm chú cái từ Pommer kỳ lạ, và tôi nghĩ rằng cái chữ "o" tối đen, lặng lẽ đó không gì khác hơn là cái lỗ tròn tối đen của đôi ủng mà người Pommer mang, và cái Pommer-m đôi, được nâng lên thành bốn lần, chính là cái quần phùng ra của ông.

Sau này, khi tôi học tiếng Pháp, có thêm từ *pommes de terre*<sup>2</sup>, táo đất, mà tôi lúc nào cũng phải nghĩ đến Pommern, dù muốn hay không. Cái từ đó bắt đầu có mùi táo, có mùi táo và đất. *Pommern de terre*. Người đất.

Pommern, Pommern. Tôi nhai đi nhai lại cái từ đó. Nó mang lại cho tôi nhiều hình ảnh, nhưng không có hình dung của một vùng đất. Đất Pommern đã bị đốt cháy rụi. Chỉ còn lại cái từ đó. Chỉ còn âm tiết của nó, cái âm tiết xa lạ, bướng bỉnh, thô kệch.

Quyển album của tôi đầy dần lên, và cái từ này bắt đầu có bạn. Tất cả những địa danh ấy đều nghe có vẻ đen tối và bị cấm đoán. Insterburg. Chiếc cầu Tilsit. Memelland. Thành Marie ở cạnh sông Nogat. Ragnit. Ratibor. Hươu trên Kurische Nehrung. Trakehner, trại nuôi ngựa. Trakehnen<sup>3</sup>, chám dứt, đoàn người di cư trên băng tuyết. Không, nó không có âm giống như "Rhein" và "Main" và "Drosselgass", âm của nó xa xôi và nguy hiểm. Một cái tên như Tilsit – Có phải nó có mùi phó mát, mồ hôi của đoàn người di dân, số phận và lỗi lầm?

Với thời gian, cái chẳng làm gì khác ngoài việc trôi qua và khép vết thương lại, Phương Đông càng ngày nhích ra xa hơn và có một vai trò mới. Nó phục vụ cho Phương Tây như một đồng đồ nát của lỗi lầm: Nhìn kìa, các con yêu dấu, ngôi nhà đen tối ở phía sau cái hàng rào to lớn, đó là ngôi nhà của chiến tranh. Nhưng các con đừng sợ, nó đã đóng cửa mãi mãi. Hãy cầm lấy cái ống nhòm. Hãy nhìn cái cánh nhà

Đức ở phía đông, xem nó đang từ từ suy sụp, hãy nhìn những cái tháp đen tối của lối làm. Và hãy rùng mình đi, hồi những đứa con đang sống trong ngôi nhà của hòa bình, trong cánh nhà phía tây vừa được phục hồi, tươi sáng.

Nghi lễ cũ, co giắt cũ. Chỉ còn cách nhanh chóng lên tàu. Nếu có ai đó nhìn thấy tôi, chắc phải nghĩ rằng tôi đang nói chuyện với gió, nhưng không ai nhìn thấy tôi ở đây, và gió cứ mặc kệ chuyện đó. Nó thổi vào mặt tôi, tôi âm lên.

Tôi đi qua Vịnh Stettin. Ngay trong ngày hôm nay tôi sẽ bước vào một đất nước không còn nữa.

---

<sup>1</sup> Pommern là một vùng đất thuộc nước Đức. Sau năm 1945, vùng Pommern bị chia cắt, đông Pommern thuộc về Ba Lan. Người dân Đức trong vùng đông Pommern bị đuổi ra khỏi quê hương của họ, hoặc bị bắt buộc phải tái định cư ở nơi khác trong nước Đức sau này, thể theo những thỏa thuận của Hội nghị Potsdam vào tháng 8 năm 1945.

<sup>2</sup> Pommes de terre: tiếng Pháp "táo đất" tức là khoai tây.

<sup>3</sup> Trakehnen: tên Đức của một làng ngày xưa thuộc Phổ, ngày nay thuộc nước Nga. Trakehnen là nơi nuôi ngựa giống Trakehner nổi tiếng nhất và lớn nhất trong Đế chế Đức. Các địa danh được nêu ra cũng là những nơi đã từng thuộc Đức.

## Những bài hát từ góc không người

Ueckermünde nằm trong nắng thu khi tôi xuống tàu và cứ làm như thể ở đây vẫn còn thuộc Đức là một điều hết sức bình thường. Ngay cạnh cảng là "Rosi's ốc đảo cá" với giá cả thân thiện và cái dấu phẩy nhỏ của sở hữu cách trong tiếng Anh không thể tránh khỏi. Một chiếc xe bán thức ăn, một cái lều ở trước đó. Ngọn gió lạnh từ phía giắt giắt cạnh ốc đảo, làm cho mấy cái cột lều kêu ken két và những con mèo ăn cá mập mập, lười biếng trốn càng sâu vào trong bộ lông của chúng.

Người giáo viên dạy lái ô tô của thành phố nhỏ này bao giờ cũng sắp xếp để nghỉ giải lao ở chỗ Rosi. Tôi vừa mới đến thì ông ấy đã dẫn người nữ học viên vào trong lều, một cô gái tóc vàng ngượng ngùng 18 tuổi. Và khi một trong số các công nhân đang đứng trong lều cạnh tách cà phê có đường và sữa nói rằng con gái ngày càng xinh hơn, thì cô đỏ mặt và người giáo viên hãnh diện nhìn cô học trò của ông ấy.

Ngày ở đây trôi qua giống như trong Penny Lane<sup>1</sup>, trong cái thế giới nhỏ bé làm việc bình thản, chào nhau nhã nhặn và chọc gheo nhau này. Nó không có liên quan gì đến những tấm ảnh trong quyển album của tôi. Ueckermünde không đen tối và xa lạ. Nó là một dòng từ bài hát của Beatles, một thành phố tươi sáng cạnh phá với nhà trát vữa tươi sáng và một lâu đài tươi sáng và một điểm thu hút chân thật, Viện bảo tàng nằm ở cạnh nhà ga xe buýt. Đã qua mùa, khách không còn nữa. Bây giờ chỉ còn người ta với nhau và sửa chữa, xây tường, sơn phết, hoàn thành những gì bị gác lại từ mùa hè.

Tôi đi bộ đến Eggesin, thành phố kế cận, gió thu thổi trên đại lộ. Tôi đến đó vào buổi trưa. Xe buýt chờ học sinh ngừng lại và khởi hành. Và còn một chiếc xe buýt nổ máy đỗ ở đây. Chiếc duy nhất đi về miền quê. Tôi bước lên.

Người lái xe buýt là một người đàn ông Pommer trẻ tuổi lịch sự, anh ấy mang cà vạt, một cái áo công sở màu xanh, một cái kính mắt gọng nhỏ đang thịnh hành. Tôi nói nơi muốn đến.

"Đến Glashütte."

Anh ấy ngạc nhiên ngừng lên nhìn.

"Có thật không?"

"Tại sao không?"

"Chưa bao giờ có. Không ai muốn đến đây cả."

Anh ấy gõ địa danh vào máy tính tiền – nó không nhận. Nó không biết đến cái tên đó. Anh ấy cố thử thêm một lần nữa.

"Nó đình công rồi. Tôi không thể bán vé đến Glashütte cho ông."

Anh ấy đề nghị đến một nơi khác. Hintersee. Cái máy tính tiền biết Hintersee.

"Hai đồng một."

Chúng tôi chạy vào rừng và chẳng bao lâu sao đó qua một ngôi làng trông giống như chưa bao giờ có một miền Đông nghèo. Tôi không thể giải thích được sự giàu sang thịnh vượng Tây Đức của nó. Nhà riêng cho gia đình đã được tân trang trong những ngôi vườn được chăm chút với lò nướng. Rồi lại rừng.

Một thanh niên ngồi trước tôi. Trên cái áo khoác của anh ấy có chữ "Tấn công", "Mặt trận", "Chiến tuyến chính". Một thương hiệu Anh ở bên cạnh. Nhạc từ tai nghe của anh ấy to đến mức người ta nghe được. Những bài ca nhanh, được gào lên, với những từ ngữ cũng có trên cái áo khoác của anh ta. Rồi trở nên yên lặng, chàng thanh niên xuống xe. Còn lại một mình tôi với bác tài.

Không còn làng nữa, chỉ còn những xóm dân cư nhỏ và nhà riêng lẻ. Tôi nhìn thấy một con ngựa trắng gầy qua cửa kính. Nó hát mạnh đầu lên bầu trời trông giống như muốn cắn lấy nó.

Chiếc xe buýt đi càng lúc càng sâu vào trong hẻm lách. Con đường chúng tôi đang đi không còn là một con đường bình thường nữa, nó là một con đường rừng nhỏ, gập ghềnh, chúng tôi lắc lư. Hintersee xuất hiện, bác tài xe buýt người Pommer quan sát tôi trong kính: Liệu tôi có định xuống xe chưa. Nhưng Hintersee chỉ là một cái xóm nửa đã đổ nát, nửa bị bỏ rơi. Tôi ra hiệu cho anh ấy dừng dừng lại.

Trời mưa phùn. Bắt đầu đoạn đường mà anh lái xe nói rằng ngoài ra thì anh ấy luôn đi một mình. Khi chúng tôi đi ngang qua tấm biển "Biên giới quốc gia 4 km", cảm giác đi trong một xe buýt từ A đến B dần dần biến mất. Bây giờ có thể cứ mãi mãi như thế này.

Chúng tôi đi qua nhà của người quản lý rừng. Người ta đã đi sẵn. Thợ săn đứng ở đây, một con hươu đang bị treo lên và đong đưa, bị kéo lên cao bằng tời ở chân sau, ngược đầu xuống. Mũi của nó gần chạm đất ẩm. Nó đang đong đưa nhẹ nhàng.

Chúng tôi chạy ngang một đồng ô tô phế thải, rồi lại rừng và đến gần một ngôi nhà hípi được vẽ màu sắc sỡ mà rõ ràng đã bị bỏ hoang từ lâu rồi. Tôi đã nhìn thấy nhiều ngôi nhà như vậy ngay từ trong những xóm nhà vừa rồi. Tôi xuống xe ở đây. Bác tài gọi với theo bảo đây chưa phải là Glashütte. Tôi đứng trong mưa phùn và loay hoay với cái ba lô cho đến khi chắc chắn rằng người lái xe buýt không còn nhìn thấy tôi trong kính chiếu hậu nữa. Rồi tôi bước qua cửa nhà.

Tôi lục lạo 2, 3 phòng và chỉ tìm thấy một vài bàn ghế cũ và rác. Tôi hơi thất vọng và đã muốn bỏ đi, lúc đấy tôi nhìn thấy một cái máy cassette phủ một lớp sáp nến dày trên cầu thang. Nó trông giống như tác phẩm của một người bắt chước ông Beuys<sup>2</sup>. Dây điện chạy ngược lên cầu thang, nhưng căn nhà không có vẻ như ở đây vẫn còn có điện. Mặc dù vậy tôi vẫn bấm phím nghe – vào thời cái máy cassette còn sống, chủ nhân của nó đã cạo sạch nó kỹ lưỡng – và quả thật là có một cái gì đó bắt đầu than van cục cựa và chuyển động dưới lớp sáp. Tôi ngồi xuống cầu thang và đưa cái vật sáp nến đó kê sát tai. Rồi tôi nghe, rất yếu ớt, rất rỉ sét, rất xa xôi, tiếng hát của Neil Young. Một giọng rên rỉ giống như từ ngoài xa, trong thế giới không còn người sống nữa, và ông ấy hát bài ca của ông ấy. *Where the eagle glides ascending, there's an ancient river bending*<sup>3</sup> ...

Rồi bài hát bị cắt ngang, và một giọng khác, gần hơn, nói. "Khi anh nghe được những điều này thì em đã ... Xin lỗi anh, nhưng ... yêu anh, nhưng em không như anh, và ... Không, không có gì sai cả, ... tốt hơn là như thế, tin em đi ... rất xa ... một thế giới khác ... đi ngay bây giờ..."

Sắp nên đã mài vụn câu nói. Tất cả đều có thể: Một phụ nữ rời bỏ một người đàn ông ở trong rừng Pommer và quay trở về với thế giới quen thuộc, nơi người ta kiếm tiền, xây nhà, lập gia đình. Cô biết: Anh ấy là một người lập dị – anh ấy không thể sống ở nơi cô đi đến. Và nếu đó chỉ là một nhóm kịch diễn tập một vở chưa ai biết qua cả một mùa hè dưới ánh nến? Khi nến cháy hết thì mùa hè cũng đã qua, và họ lại đi tiếp. Họ bỏ lại chiếc máy thu âm vở kịch, trước sau gì thì cũng chẳng đi đến đâu với nó.

Tôi quyết định chọn phiên bản này. Tôi đặt chiếc máy thu âm vào chỗ của nó, đi xuống cầu thang, lại đóng cửa đã đi vào và rời căn nhà của các giọng nói.

Không nán ná, tôi đi trong rừng tranh tối tranh sáng, ngang qua nhiều nơi, bỏ hoang và có người ở, đi dọc theo một hàng rào quân sự một lúc lâu. Trời về đêm khi tôi đến đường tàu hỏa, cái nhà ga bé tí trên tấm bản đồ của tôi. Còn một chuyến tàu đi đến Stettin.

Vào buổi sáng ngày hôm sau, có một con tàu màu xanh với ghế da giả màu đỏ ở trên ga Stettin. Nó chạy theo hướng ngược dòng sông Oder về phía nam. Bóng dáng thành phố xuất hiện trong chốc lát – các cái tháp, cảng, lâu đài của các công tước Pommer. Nhân viên soát vé người Ba Lan<sup>4</sup> đi vào và yêu cầu trình vé một cách lịch sự đến nỗi tất cả mọi người trong toa đều cảm thấy mình quý phái trong giây lát. "Quý ông quý bà", ông ấy gọi và ý muốn nói mấy người già mệt mỏi với những bao và túi nhiều màu của họ và các thiếu niên đang ngủ gật hay hôn nhau với cái đầu cao trọc và áo có mũ trùm đầu giống như ở mọi nơi khác. Họ ngồi thẳng người lên, như được kéo lên bằng một sợi dây. Khi ông rời toa, họ lại sụp xuống.

Đường sắt màu xanh chấm dứt ở Greifenhagen. Ở đây, ở đầu cầu phía đông của sông Oder, tôi đi cắt tóc. Vì không ai hiểu tiếng nói của người kia nên tiệm yên lặng dễ chịu, chỉ có tiếng tách tách của kéo trong không khí.

Rồi tôi đi qua sông Oder. 6 con thiên nga tự sắp thành hàng trên mặt nước và nhìn tôi chăm chăm, cho đến khi tôi biến mất ở phía sau sậy. Trên đường ra biển, sông Oder chia làm 2 nhánh lớn gần như nhau, bao bọc lấy một vùng đất trũng rộng lớn. Tức là tôi đã vượt sông Oder đông và sau một giờ đi bộ sẽ đến sông Oder tây.

Một dây điện thoại cổ lỗ đơng đưa qua vùng đất trũng, một đường dây điện võng xuống từ cột gỗ mảnh khảnh thô sơ này sang cột khác. Tôi đi theo nó qua sậy cao ở hai bên đường. Đây tiếng nói, thỉnh thoảng chúng lại ngưng ít lâu, rồi chỉ còn gió trong sậy và rì rào về những điều mà tôi không hiểu được.

Tôi không thể tưởng tượng được một con đường nào bí mật hơn nữa để đi đến nước Đức. Tôi đến từ một góc đã bị lãng quên, tôi đến từ lau sậy. Tôi nghĩ đến sông Rhein: Nó khác biệt như thế đó. Nó bơm tất cả qua thung lũng chật hẹp của nó, hoàng đế, đạo quân, tàu thuyền, xe lửa, ý tưởng. Sông Rhein là trái tim và mạch máu. Sông Oder hoàn toàn không có gì như thế cả. Nó không lôi kéo con người và mơ mộng vào trong thung lũng bằng phẳng của nó. Nó hướng tâm nhìn qua bên kia, đi đến nơi xa xôi và luôn xa hơn nữa. Ở bờ sông của nó người ta mơ đến những đất nước chưa nhìn thấy, những chuyến phiêu lưu về phía đông.

Khi mặt trời lặn, có 2 người đàn ông đứng ở bờ sông gần Gartz, một người già và một người trẻ có bộ râu đen. Họ quay lưng lại với thành phố của họ. Gartz đã từng là một thành phố nhỏ ở tỉnh lẻ, có nhà dân giàu có, một cái kho, một cây cầu bắc qua sông, nhưng hai người này không có ký ức về việc đó. Họ đứng ở chân cây cầu bị giật sập

ngay trước khi chiến tranh chấm dứt và không bao giờ được xây lại. Và vì không còn ai sống trong những ngôi nhà cạnh dòng sông nên cửa sổ của chúng vẫn còn mù. Không ai nhìn thấy màu đỏ thẫm của dòng sông đang chuyển sang màu bạc, trong yên lặng uy nghi. Vẻ đẹp toàn hảo của những ngọn đồi thoải thoải ở bờ sông bên kia trong ánh sáng cuối cùng. Trăng lưỡi liềm xuất hiện, được xử lý tuyệt đẹp, treo dưới bầu trời gần như thể với tới được, nhưng 2 người đàn ông ở cạnh bờ sông không buồn nhìn ngắm.

Người già: "Có xem bóng đá không?"

Râu đen: "Chuyện vớ vẩn."

Người già: "Có xem phim sex không?"

Râu đen: "Vớ vẩn đến thế!"

Người già: "Ừ, có bạn gái thì tự làm phim sex được đấy."

Râu đen: "Cứ toàn nói chuyện tầm phào."

Người già: "Phải nói cái gì chứ, còn biết làm gì bây giờ."

Rồi cả hai bước đến những lối vào tối tăm của những ngôi nhà tối tăm mà họ biến mất trong đó không hề ngoảnh lại. Cũng không có ánh đèn sau khoảng thời gian người ta cần để bước lên cầu thang và mở cửa và mò mẫm tìm công tắc.

Thành phố nhỏ bé mù lòa với những căn phòng tối tăm của nó nằm ở đây như đã chết. Tức chẳng có gì đặc biệt, lúc nào cũng cùng cái bài ca cũ kỹ, ngu ngốc. Chúc ngủ ngon, thành phố nhỏ cạnh sông, *buona sera, kiss me goodnight*<sup>5</sup>.

---

<sup>1</sup> Tên một đường phố trong Liverpool, tựa của một bài hát của ban The Beatles.

<sup>2</sup> Joseph Beuys (1921-1986) là một nghệ nhân người Đức, ông cũng là một nhà điêu khắc, lý thuyết gia về nghệ thuật và sư phạm học.

<sup>3</sup> Nơi chim đại bàng lướt lên cao, có một dòng sông cổ xưa uốn cong...

<sup>4</sup> Sau năm 1945 thành phố Stettin (Szczecin) thuộc Ba Lan.

<sup>5</sup> Buona sera (tiếng Ý): chào buổi tối, kiss me goodnight (tiếng Anh): hôn tôi, chúc ngủ ngon

## Đại đế Karl nhỏ<sup>1</sup>

Tôi thức dậy trong một căn phòng trống rỗng và trên một cái giường đơn sơ đến mức tò mò muốn tìm hiểu cái thành phố tôi phiêu bạt đến. Tôi vén màn lên.

Những gì nhìn thấy từ Schwedt có thể làm cho người ta nghĩ rằng thành phố duy nhất chỉ là một trạm nghỉ chân khổng lồ ở cạnh đường cao tốc. Bây giờ tôi mới nhớ lại. Tối hôm qua, từ Gartz còn một chuyến buýt đến Schwedt, và người phụ nữ lái xe buýt hỏi tôi muốn xuống ở đâu. Ở trung tâm, tôi nói – đó là ở đâu? Ngưng một lúc bà ấy nói tôi nên ngồi lại trên xe. Rồi bà ấy lại chạy xe ra khỏi nơi mà tôi cho rằng đó là một thành phố, đến khu vực này của những xa lộ và trung tâm mua sắm bằng phẳng và bãi đỗ xe lớn có đèn cao chiếu sáng rực. "Trung tâm Schwedt", bà ấy nói khi đỗ lại. Tôi nên xuống xe ở đây và tìm nơi qua đêm. Tôi đã làm điều đó.

Tôi vội vã thay đồ và bước xuống, ngang qua phòng ăn sáng, ra khỏi trung tâm vào thành phố mang nét Mỹ nhiều nhất trong chuyến đi của tôi. Con đường mua sắm với những cửa hàng giảm giá của nó. Những người chỉ đi lại bằng ô tô. Cái mà hôm qua trong bóng tối tôi cho là trung tâm thành phố chỉ là một phần nhỏ còn sót lại của khu phố cổ, một *heritage walk*<sup>2</sup> ngắn.

Tôi hỏi thăm đường ra sông và được chỉ qua một khu dân cư mới. Nhà riêng cho gia đình, vừa được xây xong. Gạch ngói óng ánh như lớp gelatin trên bánh trái

cây, được mua trong cửa hàng lớn từ trên những tấm kim loại lớn. Xanh nước biển, đỏ, xanh lá cây. Việt quất xanh, mâm xôi đỏ, kiwi.

Dân cư tương lai của khu phố xúc đất vừa được chở đến, đổ lên những luống đất tương lai, cuốc và bóp vụn nó ra và nhét cây vào trong đó. Tôi đã vì tôi một thời gian dài và bất chợt nghĩ rằng sẽ như thế nào, khi bước đến một ngôi nhà như thế vào một chiều cuối thu, cặp hồ sơ và chìa khóa ô tô trong tay – đến những cửa sổ sáng ánh đèn của nó, phôi sạch tuyết đầu mùa ra khỏi những tấm gạch terracotta Tây Ban Nha trên tường cạnh cửa ra vào, ra khỏi số nhà được khắc trên đó bằng nét chữ uốn lượn trang trí. Tôi bước nhanh đi.

Còn một cây cầu gỗ cuối cùng nữa. Nhiều vòng cổ bằng giọt sương treo trên những mạng nhện của nó; rồi tôi đứng ở trên đê. Từ ở trên này tất cả đều không thể nhìn thấy được, không thể nhìn thấy được như chính tôi, và nó cứ như vậy. Tôi đi trong sương mù nhiều giờ liền, không nhìn được tôi đang ở đâu. Nó phủ đầy như bông trên dòng sông và trên đất, con đê là cái gờ giữa các vũ trụ. Cái của con người nằm bên phải, đôi lúc có một ô tô ở xa xa, thỉnh thoảng có chó sủa. Từ bên trái chỉ nghe được tiếng thú vật. Âm dài dẫn lời phản nản của bò. Tiếng thét khàn khàn của ngỗng trời.

Sương mù tan vào buổi trưa. Mặt trời làm cho nó tan chảy chậm chạp, bây giờ tôi nhìn thấy mình đang ở đâu. Bên phải là hình dạng của một ngôi làng. Một đại lộ dẫn đến đây, chắc chắn là ở đó có những trang viên và vườn hoa nhà thờ thơ mộng, và cũng có công viên nào đó của Schinkel<sup>3</sup>, nhưng tôi chỉ còn biết nhìn vũ trụ ở bên trái.

Màn kéo lên cho một đồng cỏ xavan Đức, một Serengeti<sup>4</sup> của miền Đông, được lưu lại trong một bức tranh phong cảnh của thế kỷ 19. Đồng cỏ và bụi rậm. Một vài cây đứng lẻ loi. Tất nhiên là cây sồi. Một đàn bò, đang đi dạo trong đội hình thưa thớt. Cừu, xúm xít xung quanh một gốc cây tàn bì. Chúng đã qua đêm dưới tàn cây rộng lớn. Tôi bất chợt có cảm tình sinh vật với nơi qua đêm ở ngoài trời này.

Bây giờ tôi nhìn thấy ngỗng trời. Nhiều hơn là tôi nghĩ. Đen nghịt cả mây cánh đồng cỏ cạnh sông. Nhiều bày khác bay đến liên tục, bay vòng qua nhau, kêu ồn ào, đáp xuống, bay lên. Tôi nằm trong nắng ở bờ sông và nhìn ngắm chúng.

Rồi tôi đứng lên và tiếp tục đi theo dòng sông về hướng nam. Khi khát hay đói, tôi sẽ đi ra đại lộ gần nhất, ở đây chắc sẽ tìm được một quán, một vườn, một bàn, một ghế. Bao giờ cũng tìm thấy chúng trong cái ngày hạnh phúc này.

Tôi đến Bad Freienwalde cao hơn vùng Oderbruch, và trong cái quán mà tôi đang chờ bữa tối còn có một người khách nữa. Ông ấy đổ ly rượu mạnh vào ly bia đầy, ngồi một lúc trước cái ly mà không hề chạm đến nó, rồi cuối cùng ông ấy đẩy nó ra xa. Người phụ nữ trẻ tuổi sau quầy rượu, đầu trong đôi bàn tay, nhìn ông.

"Không nổi nữa phải không, Karlchen?"

Ông ấy càu nhàu và đứng lên một cách khó nhọc. Bây giờ tôi mới thấy ông ấy dùng nạng để đi lại. Ông ấy gầy, trên 70, áo gió màu đen và giày da mũi nhọn màu đen. Dây thun quần thể thao màu đen của ông ấy trượt lên trên một tí hé lộ 2 vạch trắng. Ông khập khiễng đi ra.

"Karlchen là ai vậy?"

Cô phục vụ nói cho tôi biết một cách vô tư như thể cô đã chờ đợi câu hỏi này, và điều tôi nghe được đã khiến tôi làm một việc mà tôi cảm ghét. Tôi đi theo ông ấy. Cả hai chúng tôi không cần phải đi xa. Ông ấy hướng đến quán kế tiếp. Tôi nhìn thấy ông ấy ngay khi tôi bước ra đường, ông không đi nhanh bằng nạng được.

Tôi chờ cho đến khi ông chào hỏi xong bà chủ quán và những người khách quen và tìm được một bàn cho ông, rồi tôi bước đến và hỏi ông có đồng ý cho tôi ngồi xuống không.

Ông đưa tay mời. Tôi gọi 2 ly bia.

"Ông là trọng tài?"

Ông ấy nhìn tôi sững sốt. Rồi ông thẳng người lên và nói bằng tiếng Đức chuẩn trong sáng:

"Tôi là người trọng tài Đức được tặng thưởng cao nhất. Một huyền thoại, nổi tiếng ai cũng biết."

Ông nhìn xuống người ông. Gương mặt mang nét đau buồn.

"Chỉ xui xẻo đến mức tôi phải đi bằng nạng. Ừ, tôi không may bị xe đụng, tôi ngã xuống, đập đầu xuống."

Chúng tôi nâng ly, và trong khi ông uống một ngụm dài và cẩn thận đặt ly xuống, tôi có cơ hội để quan sát gương mặt của ông. Ông chải tóc bạc ra phía sau, theo lối của những người đàn ông quanh Sepp Herberger<sup>5</sup>, mang lại cho ông một nét sắc sảo, nghiêm khắc. Nét mặt trọng tài: cái mũi khoằm nhỏ, miệng là một đường thẳng nằm ngang, khóe môi là 2 đường rãnh thẳng đứng. Như những nét vạch trên tấm bia lót ly bia của tôi, bà chủ quán vừa dùng bút bi cho nó thêm 2 vạch mới nữa<sup>6</sup>.

"Chúc sức khỏe."

"Cũng chúc sức khỏe."

Ông luôn luôn mang gương mặt đó, cái mặt nạ 90 phút của uy thế về cơ bản là hoài nghi. Chỉ khi ông nói mới có chuyển động trên nét mặt. Thế nhưng ông nói không nhiều.

"49 năm trên sân! 4684 trận! Không có một ai khác trong toàn nước Đức."

Ông nói ngắn gọn như một phóng viên thể thao, một phóng viên trong sân vận động của cuộc đời riêng của ông. Tên họ. Trận đấu. Bàn thắng. "Motor Pankow! Motor Babelsberg! Dynamo Hohenschönhausen!"

Ông nâng cái ly đã gần cạn lên và chăm chú nhìn nó, như thể nó đáng được thể vàng.

"Tôi đã thổi còi tất cả. Cuối tuần nào cũng đi, ngoại trừ Phục Sinh với Giáng Sinh."

Bà chủ quán ân cần mang đến cho chúng tôi 2 ly bia mới.

"Thứ bảy giải bóng đá hạng ba, chủ nhật bóng đá hạng nhì. Năm 1988 danh hiệu Meister des Sports<sup>7</sup> trước 67 000 khán giả" – ông chuyển sang tiếng Đức chuẩn tinh khiết –, "đó là cái cao quý nhất."

Chúng tôi cụng ly. "Không hơn được thế. Chúc sức khỏe!"

"Còn gia đình?"

"Không bao giờ có thời gian. Không vợ, không con."

Câu trả lời nhanh nhẹn giống như ông đã phải trả lời câu hỏi này nhiều lần rồi.

"Tôi đã có nhiều cô bạn gái rất đẹp. Có lần tôi đã định đến thăm Dinh Friedrich với một cô. Đã đứng trong xe buýt rồi. Em trai tôi chạy tới nói: 'Anh còn phải thổi còi cho Motor Eberswalde nữa!' Thế là chấm dứt tình yêu." Ông chuyển sang tiếng Đức chuẩn. "Bóng đá đã làm cho tôi ra như thế đó."

"Còn Bern<sup>8</sup>?"

"Bern. Chúng tôi nghe radio trong quán của chúng tôi. Tiếp theo sau đó đã diễu hành trên đường phố."

"Còn thống nhất?"

"Không. Trước kia thì tốt hơn."

"Còn bây giờ?"

"Câu lạc bộ cổ động viên Bayern München Bad Freienwalde, tôi ở trong đó. Khi Bayern thua trận thì tôi thật muốn khóc òa lên."

---

<sup>1</sup> Tựa đề trong nguyên văn tiếng Đức: Karlchen der Große. *Karl der Große* (747-814) tức Charlemagne hay Karl Đại đế, Karl Lớn là Hoàng đế đầu tiên ở châu Âu sau khi Đế chế La Mã sụp đổ. Tác giả thêm hậu tố *chen* Karlchen – Karl nhỏ bé, Karl thương mến – để chỉ một người khác.

<sup>2</sup> Chuyến đi bộ qua di sản.

<sup>3</sup> Karl Friedrich Schinkel (1781-1841) kiến trúc sư, nhà xây dựng, quy hoạch đô thị và họa sĩ người Phổ (Đức).

<sup>4</sup> Công viên quốc gia Serengeti (Tanzania) ở châu Phi.

<sup>5</sup> Sepp Herberger (1897-1977) huấn luyện viên đội tuyển bóng đá quốc gia Đức.

<sup>6</sup> Trong quán nhậu ở Đức thường người khách gọi/uống bao nhiêu ly thì người phục vụ sẽ lần lượt vạch từng ấy vạch lên tấm bìa lót ly bìa.

<sup>7</sup> Meister des Sports ("Bậc thầy thể thao") là danh hiệu do chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Đức trao tặng cho các cá nhân có nhiều công lao hay thành tích trong thể thao.

<sup>8</sup> Điều kỳ diệu ở Bern: Đội tuyển bóng đá Đức thắng Hungary trong trận chung kết Giải vô địch bóng đá thế giới năm 1954.

## Cái quán ở cạnh sông Neiße

Freienwalde thả tôi đi trong lúc vui tính nhất. Một cái xe buýt đi đến vùng Oderbruch, đi trong một ngày cho không, uể oải. Bướm đu đưa trong nắng, chim di trú quên cả cuộc hành trình, học trò rối rít xô đẩy nhau như trong tháng 5. Đi qua làng quê một lần nữa trong gió hè. Với những ngôi nhà và nhà thờ bằng gạch nung, với những cánh cửa nhỏ, cửa sổ nhỏ, vườn nhỏ, làng mạc trong vùng Oderbruch trông giống như những nơi trong thế giới của người Hobbit – lớn hơn người lùn nhỏ, nhỏ hơn con người lớn. Altfriedland và Gottesgabe và một lâu đài nhỏ ở đây đó.

Một nhà ga nằm ở đâu đấy trên những cánh đồng. Tôi tựa lưng vào nó, nhắm mắt lại và chờ đón cái tiếng động thành hình khi chuyến tàu hỏa từ thành phố lớn làm cho đường ray tĩnh lặng kêu thét lên.

Nó đi đến Eisenhüttenstadt, lại một thành phố trong lứa tuổi của tôi. Nhưng tuổi của nó thật, nó trẻ thật sự. Trước đây 60 năm, ở đây chỉ có ruộng và đồng cỏ; chẳng bao lâu nữa sẽ trở lại như vậy. Cái vũ trụ đã thành hình quanh nhà máy luyện kim và Thành phố Stalin, đã nở rộng ra trong một thời gian dài và có thêm nhiều vòng đai dân cư mà vào lúc cuối đã ngày càng trở nên không đáng yêu và tồi tàn hơn. Bây giờ nó đang co lại. Người ta đang giật sập những vành đai không còn ai cần đến nữa.

Tôi đi qua một khu phố bị bỏ rơi như vậy. Nhiều khu nhà trống rỗng đứng ở đấy, bị trói lại, bị hôi của, đã sẵn sàng để được giật sập. Sau mỗi một cánh cửa là một tiếng động. Đập mạnh và vỡ tan. Kê lê và kêu rú. Một tiếng nổ to. Nghe giống như tiếng người. Tôi đứng trên quảng trường ngay trong đám cỏ dại giữa những ngôi nhà, một con ác là đậu trên thanh treo thảm, và trong một lúc lâu tôi tin rằng đã nghe được tiếng đánh nhau bằng những mảnh vỡ và thanh sắt và tiếng con gái đang cổ vũ ở phía sau những cánh cửa. Tôi nạy một cánh cửa ra và lần mò bước vào bên trong, nhưng không có bóng dáng con người ở trong những ngôi nhà đó.

Chính là các khu nhà đổ nát đã tạo ra tiếng động đó, chúng kêu lạch cạch và lập cập. Các đồ vật cuối cùng còn lại ở trong đó đập vào nhau trong những hầm cầu thang và hộ ở. Dây điện lỏng thòng. Đèn. Ống lác lác. Cánh cửa bị đập tung ra. Gió làm cho chúng chuyển động. Gió ở trong nhà, ngoài ra không có ai khác.

Cối xay nhà đang chờ ở phía sau khu phố và nghiền nhỏ tất cả ra. Người ta đập nhà ra thành từng mảnh. Chúng nằm đó, bị đập tan thành từng đống. Chúng đi vào cối xay như thế. Và chúng trở thành đống bê tông bị nghiền nhỏ cao như một ngôi nhà khi trở ra.

Tôi nhìn thấy sông Neiße vào lúc hoàng hôn. Có một cái quán xinh đẹp ở đó, nơi nó chảy vào sông Oder, nhà một tầng với cửa gỗ ở giữa, nhìn ra sông. Tuy là chiều tối ngày thứ bảy nhưng quán chỉ có vài người khách. Ông chủ quán là một người đàn ông trẻ tuổi với mái tóc vàng thắt đuôi ngựa. Ông có ác cảm với cây cầu biên giới chính thức ở tại Guben cách đây một đoạn theo hướng ngược sông. Vâng, ông nói, ngày xưa người tắm sông Neiße thỉnh thoảng đã bị bắn. Biên giới vẫn còn được canh phòng cẩn mật cho đến ngày nay. Nhưng tắm sông vào một tối hè nóng bức đơn giản là đẹp đến mức không thể không làm được.

Ông lôi ra một quyển sách hướng dẫn du lịch của năm 1914. Làng có 2 quán, ở trong đó viết như thế, tuy vậy người ta phải ưu tiên cho quán này hơn. Trong vườn ngay cạnh nơi sông Neiße nhập lưu, người ta sẽ thích thú nhìn giao thông tàu thủy nhộn nhịp trên sông Oder. Cái đó cách đây đã lâu lắm rồi.

"Ngày nay", một người khách đã lắng nghe chúng tôi nói to, "họ thích thú cảnh buôn lậu nhộn nhịp. Thuốc lá, người, bất cứ cái gì anh muốn." Lại vừa mới có 10 người lội qua sông Neiße.

Ông có kiểu tóc giống như Rudi Dutschke<sup>1</sup> từ đến từ Guben, và ông chủ quán nói rằng người Guben thích đến quán cạnh sông Neiße, vì thật ra không có quán nào ở chỗ họ cả. Tôi không tin như thế, Guben là một thành phố, tôi biết như vậy.

Người chủ quán trước ông chủ này suýt nữa thì đã nổi tiếng. Một người chuyên làm súng, kinh doanh cái quán cạnh nơi hợp lưu của sông Neiße từ những năm 30. Ông đã cưới con gái của gia đình chủ quán và vào năm 1933, lúc còn là một thanh niên trẻ tuổi, đã tiếp nhận cái quán lúc đó có tên là "Cái neo vàng". Ông Willi Dohme này cũng là một vận động viên chèo thuyền có nhiều thành tích. Ông luyện tập ngay trước cửa nhà, trên sông Oder và Neiße. Năm 1932 ông vô địch nước Đức trong môn thuyền đơn.

Sau chiến tranh, người vận động viên thể thao và chủ quán được ưa thích là một điều phiền nhiễu cho quyền lực mới. Không còn có thể nghĩ đến việc chèo thuyền trên sông Oder và Neiße nữa. Các con sông giờ đây là biên giới hòa bình, và hòa bình ở sông là tuyệt đối. Người ta thật ra rất muốn quốc hữu hóa cái quán nằm ở một vị trí nhạy cảm như thế, nhưng ông vẫn giữ nó cho tới chừng nào ông còn giữ được. Người ta cho chỉ điểm bám sát lấy ông, người ta theo dõi ông, người ta sưu tập tài liệu chống ông nhiều năm liền và cố kích ông nói những điều nào đó có hại cho ông. "Do ông ta có quan hệ qua Tây Berlin", theo như trong một bản báo cáo bí mật, "nên có khả năng ông ta là gián điệp." Khi tất cả đều không thành công, người ta cố gắng thu nhận ông làm người chỉ điểm. Dohme chỉ đơn giản là không đi đến điểm hẹn.

Những người chỉ điểm phần lớn đều là người trong làng, vài người có bí danh đẹp. "Vòi voi", "Hoa đồng thảo", "Linh lan", "Gió". Một người chỉ điểm có bí danh "Gió", thật là tuyệt. Nhưng người có bí danh đẹp nhất, kỳ lạ nhất lại là "cộng tác viên không chính thức Hòa Bình".

Rồi có người khai báo rằng ông đã nhìn thấy dấu hiệu đèn pin nhấp nháy từ trong cái quán cạnh sông Neiße hướng sang nước Ba Lan, nhưng cũng không thành công, người ta không nắm bắt lấy được ông chủ quán. Cuối cùng, người ta buộc tội ông đã phá hoại việc chống nước lụt, vì ông đã không cho một người lính cứu hỏa dùng điện thoại riêng của ông. Will Dohme bị bắt ngay trên đường phố và bị tuyên xử nhiều tháng tù treo. Cuối cùng thì có thể tịch thu được cái quán của ông. Đó là trong

tháng 7 năm 1958, và Dohme biết rằng sự tồn tại của ông ở cạnh biên giới hòa bình đã chấm dứt cùng với việc này. Chỉ một tháng sau đó ông đã chuẩn bị xong để bỏ trốn. Vào ngày 16 tháng 8 năm 1958, người chủ quán cạnh sông Neiße sang Tây Đức, mang theo gia đình và huy chương chèo thuyền của ông.

Trong lúc đấy chỉ còn lại hai chúng tôi, người chủ quán kể chuyện của người chủ trước và tôi. Đã đến lúc phải đi. Tôi tìm đèn quán trọ trong đêm tối như mực. Chó trong làng giúp tôi: Chúng chồm lên bờ rào và tạo thành một hàng rào danh dự hung dữ. Tôi mở cửa và không bật đèn mà lần mò bước lên cầu thang.

Đôi bàn chân của tôi cảm nhận được gỗ lát sàn đang oằn xuống, đầu ngón tay sờ vào giấy dán tường, chúng dẫn qua cạnh cứng của cái kệ bằng kính, chạm phải máy truyền hình, bộ bàn ghế, màn treo cửa sổ. Tất cả đều thơm mùi mới. Không chỉ ở trong này: Cả làng đều mới. Trước đấy, tôi không nhìn thấy một cái đầu hồi nhà kho nào mà không vừa mới được sơn xong, không một ngôi nhà nào mà không vừa mới được trát vữa. Tôi chui vào trong tấm chăn giả da hổ, nó cũng thơm mùi mới – tất nhiên rồi, bây giờ tôi mới sực nhớ ra. Sông Oder đã đến đây, trận ngập lụt. Sau lần chìm đắm đây tiên được gửi đến các làng mạc. Bởi vì thế mà Ratzdorf mới tinh.

---

<sup>1</sup> Alfred Willi Rudi Dutschke (1940-1979) nhà xã hội học người Đức, một trong những người phát ngôn nổi tiếng nhất của phong trào sinh viên Tây Đức trong thập niên 1960.

## Thành phố tiên tuyến. Thành phố trong mơ

Tôi chui ra khỏi tấm giả da hổ, hôm đấy là ngày chủ nhật. Tôi bước xuống dưới nhà, đi về hướng có tiếng người nói. Bữa ăn sáng và một lời nói thân thiện đang chờ trong phòng bếp. Gia đình đã dùng xong bữa sáng, người chồng sắp sửa đi, đứa con trai cũng vậy, người vợ chuẩn bị bữa trưa.

Làng quê vẫn như thời tôi còn bé – ngôi nhà có thể rộng lớn như nó muốn, người ta chỉ sống trong một gian phòng duy nhất. Các phòng khác được trang bị bàn ghế một cách vô lý và được lau chùi thường xuyên. Chúng không được sử dụng mà chỉ được để đó, thường ở tầng trên, nơi tôi vừa bước xuống.

Thật ra, chủ nhân của những ngôi nhà được xây mở rộng, có tầng lầu với nhiều phòng mới, giống nhau, trước sau vẫn còn sống trong ngôi nhà nông dân nhỏ của tổ tiên họ, những người mơ ước có dư thừa chỗ trống. Bây giờ thì họ có nó. Họ xây thêm phòng, để lưu trữ không gian ở trong đó. Không phải vì những vật ở bên trong, người ta nhận ra ngay tức khắc điều đó trong các gian phòng. Người ta đặt nhiều đồ vật vào bên trong, chỉ để cho cái trống rỗng dừng lại vắng ở trong đó. Tôi đã ngủ trong giấc mơ của một người nông dân, đã được mơ cách đây một hay hai thế kỷ; những thứ bề bộn hết sức hiện đại bám vào trong đó như một con ruồi trên cái đập ruồi.

Tôi từ già, người vợ tiễn tôi ra đến cổng và suyt con chó, rồi tôi tiếp tục đi dọc theo sông Neiße. Nó hẹp hơn sông Oder rất nhiều – tôi có thể ném một hòn đá sang bờ bên kia mà chẳng khó nhọc gì –, và nó chảy và rì rầm nhanh hơn rất nhiều. Tôi phải tự nói với tôi rằng nó là biên giới và người ta không được phép băng ngang qua nó một cách đơn giản, không nhìn thấy được như vậy. Dòng sông có vẻ cạn đến mức ở một vài nơi tôi có thể cởi giày và quần ra và bước qua bên kia mà không bị ướt. Người buôn lậu cũng làm như thế về đêm. Bờ sông này cũng như bờ sông kia: một

vùng đất thấp với cỏ và rừng ngập nước. Đồng cỏ, dẻ gai, sồi. Thỉnh thoảng tôi nghe thấy tiếng súng của một người thợ săn, tiếng kêu của chim di trú. Chúng đúng là bay dọc theo sông.

Tôi phát hiện một nông trại đồ nát ở bờ sông bên kia gần Coschen. Mái của ngôi nhà chính đã phủ rêu, dầm nóc của chuồng nuôi gia súc là một cột sổng đã biến dạng. Ngôi nhà nhỏ có lò nướng bên trong đứng xiêu vẹo xám xịt, các ống khói đã mục, gạch đã rớt hay bị đập ra từ ngôi nhà kho chứa rơm. Mùa mưa xám của 60, 70 mùa đông treo ở bản lề cổng. Tiếng chó sủa.

Rồi tôi đến Guben, và Guben đánh bại tất cả những gì tôi đã biết đến. Köln, Kiel, Kassel đã bị xóa sạch, bị đốt cháy và tan thành bụi, nhưng ở đây vẫn còn một cái gì đó có tên là Köln, Kiel, Kassel, và nếu có vài ý tốt thì vẫn nhìn ra được Köln, Kiel, Kassel. Ở đây thì khác. Không phải như ông chủ quán nói tối hôm qua, rằng không có quán nào ở Guben cả. Mà chính là không có Guben.

Tôi rất muốn uống một cái gì đó nóng nóng và mua thứ gì đó để ăn, nhưng tôi không tìm thấy gì hết. Những con đường còn sống sót lạc lõng trong khu vực của thành phố trước đây. Trong cơn xúc cảm buồn binh buồn cười, một con đường tự gọi mình là "trung tâm thành phố", nhưng chỉ là một con đường đầy bụi rậm dẫn sang Ba Lan, hướng đến cây cầu qua sông Neiße.

Tôi không biết phải đi đâu, và bước bộ quanh một vòng. Bất thành linh tôi đứng trước đồng đồ nát khổng lồ của một nhà máy theo kiểu của cuối thế kỷ 19. Rồi tôi phát hiện thêm một cái và thêm một cái nữa và một ngôi nhà có cổng gọi nghĩ đến một ngôi biệt thự lộng lẫy của người chủ nhà máy – vâng tất nhiên rồi, các nhà máy mũ Guben.

Vào đầu thế kỷ 19, đúng vào thời của cuộc cách mạng công nghiệp, có một người làm mũ từ thành phố Forst nhỏ ở kế cận dọn về Guben, ông ấy phát minh ra cách xử lý ni bằng cơ học và qua đó là phương thức sản xuất mũ công nghiệp cho quý ông và quý bà. Chẳng bao lâu sau, thành phố mà cho đến thời điểm đó vẫn còn hoàn toàn không quan trọng, có đến 7 nhà máy lớn chuyên sản xuất mũ. Trước Đệ nhất thế chiến, chúng cung cấp hàng năm nhiều triệu chiếc mũ cho châu Âu và bên kia đại dương. Guben cung ứng mũ cho toàn thế giới. Ngày nay, chỉ còn những di tích khảo cổ là vật chứng cho việc đó. Năm 1945 Guben đã là thành phố tiền tuyến, cũng như những thành phố khác cạnh sông Oder và Neiße, như Küstrin hay Frankfurt. Có thể còn sót lại một cái gì đó ở bên kia, Gubin, cái nửa kia của thành phố ở bên kia sông.

Tôi đi qua cầu biên giới và lại ở trong Phnom Penh. Các thành phố sau chiến tranh ở khắp mọi nơi đều giống nhau. Một cái chợ hoang dã rồi có trật tự và có mái che. Một cái chợ trên mảnh đất bỏ hoang đã từng là trái tim của Guben. Những lối đi chật hẹp, được chia thành từng khu rất chính xác, nhét đầy quần áo lót rẻ tiền và thuốc lá, quần jean giả hiệu và những tấm trải bàn bằng nhựa trong màu sắc đang kêu thét lên. Dụng cụ câu cá, xoong nồi, dao, thánh giá dùng trong lễ ban thánh thể, bánh mì. Đồ dùng trong lúc nguy cấp. Hàng hóa để mà sống còn.

Những chợ này có một cái gì đó thô và nguyên thủy và mang tính chữa trị ban sơ. Giống như một nghi thức của Beuys. Vì ở đây cũng giống như ở ông: đồ ni, mỡ, xe trượt tuyết, hàng được đóng dấu một cách thô sơ. Hàng hóa để mà sống còn.

Và chính Beuys cũng như những thành phố này. Ông cũng trở về từ chiến tranh như chúng; ông mang một tấm kim loại trong đầu, cũng như chúng mang những bộ phận giả bằng tôn gọn sổng. Và huyền thoại của ông như vậy: Người Tatar đã tìm thấy và cứu sống ông trên bán đảo Crimea ra sao. Họ cuộn lại và bảo quản chiếc máy bay Stuka rơi xuống như thế nào, trong ni và mỡ. Ông đã hồi phục và tìm đường trở lại hàng ngũ ra sao. Trong lần gặp ông ở Kassel, tôi đã hỏi ông rằng điều đó có thật không.

"Thật như cái này."

Ông chỉ tay đến một ngọn núi đá bazan, nằm ngay giữa Kassel, một đồng đá bazan to lớn thô sơ mà ông đã tặng cho thành phố hay, theo cách nhìn của phần lớn người dân Kassel, đang đề nặng lên nó. Thêm vào đó là từng ấy cây sồi. Ông muốn chúng được trồng, phân tán khắp thành phố. Mỗi một cây sồi với một hòn đá núi lửa. Thành phố chống lại, nó rên lên dưới đá bazan – cái ngọn núi mới của những đồng đồng nát này, cái mà ông Buyes của nó đã đổ vào ngay chính giữa đã bị đập nát ra, đã được làm sạch những đồng đồng nát và đã được dọn dẹp một cách rất cẩn thận. Nhưng rồi cái đồng trên Quảng trường Friedrich cũng vui đi dần dần. Cuối cùng, nó biến mất trong thành phố, từng cột bia mộ một, từng cây sồi một.

Tôi đi bộ vài phút qua chợ, rồi tôi quay trở lại cây cầu được kiểm soát bởi nhiều nhân viên hải quan, đang nghi ngờ vì có người lại nhanh chóng trình thẻ căn cước ra mà chẳng hề mua đến một tút thuốc lá.

Nhưng tôi vẫn còn có một câu hỏi, một câu hỏi rất thực tế. Làm sao để mà có thể sống được ở đây? Tôi đặt câu hỏi đó cho một người đàn ông ở bàn bên cạnh trong quán bán bánh mà cuối cùng rồi tôi cũng tìm thấy. Tôi dám làm điều đấy, vì ông ấy bàn luận với hai người khác về Gottfried Benn<sup>1</sup>.

"Xin lỗi, ông có thể cho là trơ tráo, nhưng tôi phải hỏi ông là làm sao ông chịu đựng được cuộc sống ở đây mà không phát điên lên?"

Ông ấy mang một cái áo khoác nhung màu sáng và một bộ râu cực nhỏ đang thời thượng và là một người tròn trịa, trông có vẻ bồn chồn. Ông không cười nhạo tôi và cũng không giận điên lên. Ông suy nghĩ không lâu lắm và trả lời một cách điềm tĩnh: "Người ta phải tìm một cái gì đó để sống sót trong nội tâm. Để đừng kết thúc trong rượu chè be bét. Tôi tìm hiểu về lịch sử, đó là phương pháp của tôi."

Phương pháp của tôi là đi tiếp. Đã sang tháng 11 mà không nhận ra. Trời mưa lất phất khi tôi đến Görlitz. Và nếu như Guben chỉ cho tôi xem thành ngữ "finis Germaniae"<sup>2</sup> có nghĩa là gì, thì Görlitz chỉ cho tôi xem cái đẹp, và nó giống như một cú đánh vào mắt. Đất nước đã từng đẹp đến dường nào. Chúng ta đã mất đi những gì. Tôi đi trong một thành phố còn nguyên vẹn đến mức không thể tưởng tượng được.

Có đôi lúc những người tàn phá vĩ đại thích dung thứ cho một hình mẫu và bảo tồn nó toàn hảo, ở nơi tất cả đều đã chìm vào trong tro bụi: Hãy nhìn đi, dường như họ muốn gọi hậu thế, quyền lực của ta to lớn như thế đấy. Ta chiếm hữu quyền lực về cái đẹp của thế giới, ta có thể làm với nó bất cứ điều gì mà ta muốn.

Từ trong một tính khí như thế của chiến tranh, Görlitz đã được dung thứ, và rồi thêm một lần nữa từ một tính khí của hòa bình. Mặt trận đang tiến về Berlin bước một bước dài và hướng hàng rào hỏa lực vòng qua thành phố thời Phục Hưng; 40 năm sau đó, các kế hoạch giạt sập khu phố cổ đã có, hồ chôn thuốc nổ đã được đào trên đường Heiliggrab, người ta chỉ còn phải đẩy những thanh thuốc nổ vào trong đó. Người ta đã không làm điều đấy. Görlitz vẫn còn tồn tại, ngược với tất cả những khả năng có thể xảy ra đến 2 lần.

Những người Tây Đức đầu tiên xuất hiện ở đây sau tháng 11 kỳ diệu của năm 1989 không biết là họ phải ngạc nhiên về điều gì nhiều hơn – phát hiện một mảnh Phục Hưng bị bỏ quên nhưng vẫn còn toàn vẹn tuyệt diệu, giấc mơ ban ngày khó tin mà họ không hề đoán trước và bây giờ đang đi xuyên qua nó. Hay là giá của giấc mơ này rẻ đến như thế: Tất cả các ngôi nhà từ thời Columbus<sup>3</sup> đều bị bỏ trống, người ta có thể mua chúng với giá ngang với giá của một chiếc ô tô rất, rất rẻ tiền đã qua sử dụng. Người Tây Đức hào hứng vì Görlitz, họ tháo cái tạp dề màu xám ra khỏi thành phố và tặng lại cho nó trang sức và màu sắc như nó đã từng mang trước kia.

Trời đã về khuya, tôi đi dạo trong khu phố cổ. Ở Bắc Ý, tôi sẽ nghĩ như vậy nếu như được thả xuống đây mà không biết mình đang ở đâu. Tiếng phụ nữ thanh thanh trong quán rượu, tiếng kéo ghế nhỏ trên sàn nhà bằng đá không bằng phẳng, những cánh công gỗ, tiếng mở ra và đóng lại nặng nề của chúng. Những cái tên đầy ý nghĩa và hình dung mà chúng gọi lên. Ngõ Sáng. Ngõ Đen. Ngõ Người phản bội.

Bước qua những con phố đó trong đêm, không phải là ngọt ngào hay đa cảm, đánh thức dậy một nỗi đau đã tê lạng lâu nay, cái mà người ta bắt chợt lại cảm nhận được. Tôi đi ngang qua những ngôi nhà có sảnh lớn thời Trung cổ, có những người yêu Görlitz cuồng nhiệt đang ngồi bên trong cạnh ly rượu vang. Tôi làm quen với một vài người. Họ đến đây từ khắp mọi nơi, lúc ban đầu có nhiều kế hoạch khác, muốn chuyển sang sống trong vùng Toscana<sup>4</sup> hay Provence<sup>5</sup>, nhưng rồi họ bắt gặp Görlitz. Bây giờ họ đang ngồi trong những ngôi nhà 500 tuổi của họ ở cạnh sông Neiße. Vị giáo sư từ Hawaii với người vợ Ba Lan, kiến trúc sư từ Bremen, nữ họa sĩ từ Hamburg, nhà kinh doanh khách sạn từ Frankfurt. Một đôi vợ chồng từ Berlin, sau khi về hưu thật ra muốn sang sống ở miền nam nước Pháp, bây giờ ngắm sông Neiße thay cho hoa oải hương, họ ngồi dưới mái vòm mà ở phía dưới đó chuyến phiêu lưu của một đôi khác đã bắt đầu trước đây nửa thiên niên kỷ, hai người kể lại cho tôi nghe.

Ông ấy là một trong số những người giàu nhất trong thời của ông. Luther<sup>6</sup> đã gọi ông ấy là ông vua của Görlitz. Thị trưởng, đại thương gia, đứng đầu trong danh sách thuế của thành phố, ông ấy trả gấp 3 lần người láng giềng, và người này là người giàu thứ nhì của thành phố. Georg Emmerich đã mua lại 14 làng, và rồi ông nghĩ đến việc cứu vớt cho linh hồn của ông và đến việc ghi tên mình vào trong lịch sử của thành phố. Ông sẽ đi đến Jerusalem, để được phong thành hiệp sĩ của Mộ Thánh<sup>7</sup>, và sau khi trở về, theo ý Chúa, sẽ hiến tặng cho thành phố của ông một bản sao của Ngôi Mộ Thánh. Nó vẫn còn đó cho đến ngày hôm nay.

Bà ấy cũng giàu có, con gái của một người buôn bán vải. Một quyển biên niên sử gọi bà là "người có tâm lòng", có vóc dáng đẹp, "và lông mày đen trên mặt", Agnes Finger lấy chồng là một người buôn vải, chẳng bao lâu sau đó đã qua đời, để bà góa bụa ở lại.

Görlitz trở nên giàu có nhờ buôn bán tùng lam, loại cây dùng để nhuộm vải xanh và đen thông dụng trong thời đó, trước khi có thuốc nhuộm màu chàm. Tùng lam mọc rất nhiều trong vùng Thüringen, và Görlitz có đặc quyền mua trước: Những người đi bán dạo phải ở lại thành phố trong một thời gian nhất định để chào bán hàng hóa của họ với giá phải chăng. Qua đó mà hình thành công nghiệp vải và giao thương xa cho đến tận bán đảo Balkan và Vương quốc Ottoman.

Nhưng không có đường hành hương dẫn từ Görlitz qua bán đảo Balkan đi đến Jerusalem. Người ta phải đi vòng qua Ý, người Venice điều hành một dạng giống như tuyến giao thông đường thủy đi đến Đất Thánh. Và Agnes Finger cũng muốn đi đến đó. Bà không nghĩ đến việc tái giá sớm và từ bỏ sự độc lập có một không hai của một người đàn bà góa giàu có. Bà sẽ đi, trong thời của bà đó là một việc chưa từng có đối với một người phụ nữ trẻ sống đơn chiếc. Đi như Georg Emmerich, vị phú gia – không, không như Goerg. Với ông. Các nhà viết biên niên sử không biết chắc chắn, nhưng họ không chỉ ngụ ý, rằng chuyến đi đồng thời của hai người đến Jerusalem, bên cạnh tất cả những gì của nó – đường hành hương, bảo hiểm linh hồn, trang sử vinh quang phú gia –, cũng là một chuyến phiêu lưu của tình yêu.

Tôi đứng cạnh cửa sổ trong phòng khách sạn của tôi. Trước tôi là quảng trường Untermarkt về đêm, đối diện là những mái nhà dốc đứng và một vài cửa sổ còn sáng đèn. Thành phố nằm ngủ. Nhưng tôi nhìn những chân mày công tò vò dương lên một nửa của nó, những mi mắt đầu hồi khép lại một nửa của nó. Đó là giấc ngủ không say của một nơi đã no thời gian. Tiếng người và bước chân về khuya, cười, nói thì

thầm. Có một sự yên tĩnh trong đêm như là âm nhạc, thái bình về đêm của những thành phố cổ xưa.

Cái bài thơ cũ rích, tất cả đều có thật.

---

<sup>1</sup> Gottfried Benn (1886-1956): Bác sĩ, nhà thơ và nhà văn người Đức.

<sup>2</sup> Tiếng La tinh trong nguyên bản, "tận cùng của nước Đức".

<sup>3</sup> Christopher Columbus (1451-1506) người khám phá ra châu Mỹ.

<sup>4</sup> Toscana (tiếng Anh Tuscany): một vùng đất trong nước Ý, giáp với Biển Tyrrhenus.

<sup>5</sup> Provence: Một vùng đất ở miền nam nước Pháp, giáp với Địa Trung Hải.

<sup>6</sup> Martin Luther (1483-1546) nhà thần học và học giả khởi đầu cho phong trào Cải cách Kháng cách

<sup>7</sup> Mộ của Giêxu.

## Rừng Bohemia

### Người không chuyên

Trời lạnh buốt ở Zittau. Thời gian âm áp, bây giờ nó đã qua rồi. Một mùa đông đến sớm xuống từ những ngọn núi, và những mặt tiền Baroque với màu sắc đã phai nhạt đứng quây quần quanh cả hai quảng trường ở phía nam, như thể muốn nhờ chúng mà sưởi ấm thân mình. Nhưng các quảng trường của Zittau đang nằm trong ánh sáng mặt trời, gần như là của mặt trời tháng 12. Tôi cũng đứng ở đây và cố tìm cách sưởi ấm. Tôi rét thảm thương đến mức phải mua găng tay len và quần lót dài trước khi bước vào ngôi nhà thờ trưng bày tấm màn mùa chay<sup>1</sup> nổi tiếng.

Nó được treo to lớn ở đó, sau tấm kính, nhưng đối với tôi dường như chuyến phiêu lưu của nó còn lớn hơn thế nữa. Những tấm màn mùa chay là những tranh tranh sùng đạo, chủ yếu là dễ đọc cho người dân bình thường trong ánh sáng nền yếu ớt của một ngôi nhà thờ tranh tối tranh sáng hơn là có tác động về nghệ thuật. Cái bức màn này gói gọn toàn bộ sự kiện cứu thế kể từ lúc Chúa Trời sáng tạo ra thế giới vào trong vài chục bức tranh, thô sơ nhiều hơn là đẹp.

Nhưng các bức màn không chỉ đơn thuần phục vụ truyền đạo, chúng cũng là đồ dùng sân khấu đầy tác dụng trong nhà hát khô hình. Trong mùa chay, từ Thứ Tư Lễ Tro<sup>2</sup> cho đến Phục Sinh, chúng che đậy chốn linh thiêng, và đồng thời cũng thể hiện một mùa chay tâm linh: 7 tuần không được gần gũi hình ảnh của Chúa đối với một con người thời đó cũng không kém phần hà khắc hơn là từ bỏ những món ăn thể xác. Tất cả mọi thứ trong nhà thờ qua đó đều trở nên đơn sơ hơn, nghiêm nghị hơn, lo âu hơn. Bức màn che dấu hình ảnh người con của Chúa Trời trên bệ thờ, cái hình ảnh mà các tín đồ đều nhìn và gửi lời cầu nguyện đến, qua đó mà nó hiện thực trước cái chết trên thánh giá, đêm đen Chúa Trời của thế giới, và làm tăng nỗi niềm mong đợi sự sống lại vào ngày Chủ Nhật Phục Sinh, khi cuối cùng rồi bài hát ca ngợi Chúa ngân vang lên và cả ngôi nhà thờ rực rỡ trong bông hoa trang hoàng. Giờ đây, bức màn cũng rơi xuống.

Ở đây nó được treo thả xuống từ trên trần, được cởi bỏ ra khỏi vai trò tẩy rửa linh hồn, được trưng bày trong một ngôi nhà thờ đã trở thành viện bảo tàng. Biến mất, bị xé rách, lại được tìm thấy, đã phai màu và được vá lại. Nhưng bền chắc. Vì chính tấm màn mùa chay Zittau đã đi qua cõi chết và sống lại, và không chỉ một lần. Từ thế kỷ 17, người ta cho rằng nó đã bị đốt cháy, nó không còn tồn tại nữa. Nhưng trong thế kỷ 19 người ta đã tìm lại được tấm màn.

Chuyến phiêu lưu cuối cùng của nó là chuyến phiêu lưu thô bạo nhất. Được mang đi cất dấu ở làng Oybin trong đồi núi Zittau, nó lọt vào tay quân nhân Xô viết trong những ngày cuối cùng của chiến tranh, những người đang cần một cái gì đó để che phòng tắm hơi tạm thời của họ, để giữ cho nó nóng và hơi nước không bay mất. Họ xé tấm giẻ tời tàn đó ra làm bốn và buộc chúng lên trên những túp lều để thoát mồ hôi của họ. Khi tiếp tục hành quân họ quẳng cái vật vô dụng đầy đi. Một người đàn ông nhìn thấy nó trong rừng, và vì, như sự tình cờ mong muốn, ông đã từng là người trông nom nhà thờ, nên ông hiểu được mình vừa mới lôi vật gì ra khỏi bụi rậm. Ông đặt tất cả 4 mảnh lên cái xe gỗ của ông, thắng ngựa và chở chúng về Zittau, nơi người ta vá nó lại với nhau.

Người giải thích tấm màn mùa chay giải thích cho tôi tất cả những việc đó trước tấm màn, một người đàn ông có vẻ am hiểu vào khoảng 40 trong chiếc áo khoác trượt tuyết màu xanh nước biển, người rõ ràng là thích đi vào chi tiết thay vì đọc bài

thuyết trình ngắn gọn của mình lần thứ một nghìn. Nhưng cái làm cho tôi mất tập trung trong khi ông ấy nói luôn là cái âm "R" giọng Mỹ của ông. Tôi đã biết điều này từ nhiều vùng nhất định của bang Hessen. Ai là người lạ đến đây thì sẽ nghĩ rằng chỉ toàn là người Mỹ sống ở đó thôi, mặc dầu đó chỉ là một nét đặc trưng của tiếng địa phương.

Nhưng người đàn ông ở vùng Oberlausitz này làm sao lại có được âm "R" của ông ấy? Ông ấy chắc chắn không từ Mỹ đến mà cũng không phải từ Hessen đến. Tôi muốn hỏi ông, nhưng lại thôi. Công việc của ông kết thúc, tôi là người khách tham quan cuối cùng; khi ông mời tôi đi cùng ông lên Jonsdorf, ở trên núi Zittau, tôi rất vui lòng nhận lời mời. Ông cũng đề nghị sẽ chỉ cho tôi xem biên giới Bohemia vào ngày hôm sau, ông rất quan tâm đến nó theo như ông nói với tôi. Tôi không biết phải quyết định ra sao nên không dứt khoát.

Đó là một buổi tối yên tĩnh ở Jonsdorf. Tôi chỉ nhìn thấy người chủ quán trọ ở nơi mà người tắm màn mùa chay cho tôi xuống – người này, ông nói, là nguyên bản và đi lang thang chần cừ trong bộ lông cừu – trong những tấm ảnh trên tường chụp ông ấy trong bộ quần áo của ông ấy. Tôi đóng vai trò quen thuộc: Mãi mãi là người khách duy nhất.

Vào buổi sáng ngày hôm sau, các cánh đồng của Jonsdorf nằm dưới sương, mặt trời xuất hiện, và các quán trọ nằm cạnh đường lên núi có tên là "Yên Tĩnh Rừng", "Thái Bình Rừng" và "Heidelberg cổ xưa". Rồi tôi nhìn thấy tuyết đầu mùa. Vào buổi trưa, khi tôi lên đến được trạm thuế quan lúc trước ở cạnh con đường đi dạo mang tên Kammweg, cũng là đường biên giới, tôi nhìn thấy 2 đài tưởng niệm, một cái ở bên phía Séc và một bên phía Đức, và người tắm vải màn mùa chay đang đứng cạnh đài tưởng niệm Séc trong cái áo khoác trượt tuyết của ông ấy.

Ông đang chờ tôi, ông nói, ông thông thuộc lối đi nên có thể dễ dàng đoán trước được khi nào tôi sẽ lên đến đây. Nếu như tôi bắt đầu đi ngay sau khi ăn sáng ở Jonsdorf, ông thêm vào với một nụ cười hài lòng. Chúng tôi không có hẹn trước. Ông ấy muốn gì ở tôi?

Tôi nhìn ngắm cả hai đài tưởng niệm. Chúng đứng đối diện chỉ cách nhau vài mét và đang buộc tội lẫn nhau. Đài tưởng niệm Séc nhắc nhở đầy tự hào về lần tập kích trạm thuế quan Đức 2 ngày sau Hiệp ước München<sup>3</sup>, và đài tưởng niệm Đức nhắc nhở đầy cay đắng về việc xua đuổi người Đức vùng Sudetenland 7 năm sau đó cũng qua chính trạm thuế quan này.

Một cuộc giao tranh nhỏ của các tưởng nhớ, không phải là cái duy nhất dọc theo đường biên dới dài ở Bohemia. Ngay từ bây giờ tôi đã có cảm giác nó lởm chởm hơn là biên giới Ba Lan nằm ở phía sau tôi. Ở bất cứ nơi nào cạnh sông Oder và Neiße, tôi không hề chạy lạc vào trong một cuộc đối đầu như thế này, vào một cuộc chiến hầm hào của các đài tưởng niệm như thế này. Tôi đã dự đoán nó phải ngược lại. Cuối cùng thì đường biên giới Ba Lan là đường biên giới mới và bị bắt buộc, cái đường biên giới này đây đã lâu đời và theo ý của thiên nhiên. Đỉnh núi và đường phân nước.

Người tắm màn mùa chay đề nghị ông ấy sẽ đi cùng tôi một đoạn đường và chỉ cho tôi xem biên giới. Tôi nói, tại sao không? Chúng tôi đi dọc trên những đỉnh núi, một con đường mòn, một phần có nhiều đá, một phần lại lầy lội, dẫn qua một cánh rừng thấp trên núi. Đá và cây ở trên này được vẽ đầy những biểu tượng quốc gia xanh đỏ và đen đỏ vàng, trông có vẻ hơi trẻ con và vụng về, giống như một bài tập khéo tay. Người ta phải nhảy qua nhảy lại, từ Đức sang Bohemia và khứ hồi chỉ là một bước nhảy, một bước dài. Tôi thật sự đã nhảy cả một thời gian dài, tuyệt tan, tuyệt lầy bắt buộc tôi phải làm như thế.

Nét trẻ con biến mất ngay khi tôi ngừng nhìn lên. Chúng tôi đi trên cao, phía dưới là một biển sương mù có những ngọn núi nhô ra ở đây đó, đi trên đỉnh núi, ngang qua nhiều đường rừng xuyên biên giới có đá tảng lớn chặn lại. Để chống buồn lậu bằng ô tô, người tẩm màn mùa chay nói.

Tôi suy nghĩ về ông ấy. Tại sao ông ấy lại lên núi và chờ tôi? Tại sao ông ấy lại dành thời gian cho tôi? Để kể lại những gì ông ấy biết: Tôi không nghĩ ra một nguyên nhân nào khác, và ông ấy hoàn toàn không làm gì khác trong chuyến đi trên đỉnh núi của chúng tôi, sự dè dặt ban đầu của tôi không còn tìm thấy lý do nữa. Hàng ngày, ông ấy đứng cạnh tấm màn mùa chay và kể lại những gì cần thiết nhất. Mãi bây giờ ông ấy mới có thể phô bày được ông có kiến thức đến đâu. Ông đã tự học tất cả những điều đó, ông ấy nói. Ông đã học nghề thợ mộc, nếu tôi nhớ đúng.

Dần dần tôi mới để mắt đến những người này, không phải ngẫu nhiên mà tôi thường hay gặp họ. Tuýp người này trở nên quen thuộc đối với tôi: người nghiên cứu nghiệp dư về lịch sử Đức, yêu thích công việc của mình, chìm đắm hoàn toàn vào trong đó. Và họ thật sự là những người say mê. Họ không có lý thuyết cho điều kiện đầu tiên của tình yêu. Nhưng họ biết rất rõ làn da của đất nước yêu dấu, mỗi một vết sẹo, mỗi một vết bỏng. Tấm màn mùa chay chỉ là một mảnh của làn da này.

Những mảnh khác là các câu chuyện huyền thoại mà người sưu tập ma ở Leer đã nhặt được trên những cánh đồng lầy và căng chúng ra để phơi khô trong những quyển sách của ông. Nhà nghiên cứu tận tụy trong cái quán bánh mì ở Guben lại sưu tập những cái khác. "Người ta phải tìm một cái gì đó để sống sót trong nội tâm."

Ở người thắp tùng của tôi thì không bi thảm như vậy. Rõ ràng là bây giờ tôi đã đến những vùng đất mà không gian của nó rộng lớn hơn, tự do hơn và chiến tranh không phải lúc nào cũng là một đề tài. Trong giây phút này ông ấy đang giải thích cho tôi nhiều chi tiết từ thời gian mà phía bên Bohemia của biên giới vẫn còn thuộc lãnh địa cai trị của dòng họ Habsburg<sup>4</sup>: Các công tước Liechtenstein đã ngồi ở phía dưới đó, ở sườn phía nam của dãy núi, cạnh họ là các hầu tước Kinsky<sup>5</sup>, và vào đầu thế kỷ 19, Ferdl ngu ngốc, vị Hoàng đế Ferdinand<sup>6</sup> đáng thương, đã được mang đến một lâu đài nằm ở đằng sau đó trong sương mù để rồi Metternich<sup>7</sup> ở Wien đã lợi dụng sự vắng mặt của hoàng đế.

Ông thuật lại một câu chuyện buồn cười nhưng có thật của thời Metternich. Ở phía bên Đức, trong một ngôi làng tên là Waltersdorf, có một ngôi nhà có con chim bồ câu trên lanh tô cửa bằng sa thạch. Đó là con chim bồ câu đưa thư, biểu hiện lòng biết ơn, vì chim bồ câu đã giúp nhiều người ở đây trở nên khá giả do nó nhanh hơn xe ngựa đưa thư. Đó là một câu chuyện về chơi xổ số và về một giấc mơ xưa cũ của con người: thuần phục sự ngẫu nhiên có tính khí bất thường, nhanh hơn may mắn.

Một phần vì xổ số Áo thời đấy rẻ tiền hơn là xổ số ở Sachsen, nhưng cái quan trọng hơn là có những vùng đất Áo lọt vào giữa Sachsen, những ngôi làng Bohemia lạc lõng từ thời xa xưa mà không còn bên nào giành giật nữa. Người dân làng đi buôn lậu, gần như không nhà nào mà không có một cái kho đầy hàng hóa. Trong những làng được ban phúc lành này, và đây mới là điều cốt yếu, ai cũng được phép chơi xổ số Áo, đối thủ cạnh tranh rẻ tiền hơn này bị cấm trong Vương quốc Sachsen nằm bao quanh. Những con số mang lại lợi nhuận được lôi ra ở Prag, xe ngựa đưa thư mang chúng qua núi, mất cả một ngày. Những người chơi xổ số trong các vùng đất ở bên này núi có thêm một ngày để đặt số so với những người ở Bohemia bên kia – cho đến khi xe ngựa đến.

Nếu biết được những con số trúng nhanh hơn và đặt nó ở đây, nơi mà một ngày sau đó chúng mới được công bố, trong khoảng khắc cuối cùng, thì người ta sẽ giàu có. Vì thế mà chỉ còn là câu hỏi của thời gian cho đến khi có người nảy ra ý tưởng dùng chim bồ câu đưa thư. Chúng mang những con số được xổ ở Prag bay qua

núi, người ta chỉ còn phải đặt tiền vào những con số đó và thế là trúng ngay lập tức. *Felix austria*<sup>8</sup> đã tặng cho nhiều người trong những làng nghèo khổ ở trên núi cả một gia tài nho nhỏ. Một người dân đã tỏ lòng biết ơn bằng con chim bồ câu trên lanh tô cửa.

Người tháp tùng tôi vừa kể lại như thế khi ông bắt chợt hỏi tôi rằng cái âm "R" của ông ấy không làm cho tôi để ý đến hay sao. Tôi nói cho ông ấy biết suy nghĩ đầu tiên của tôi, giống như tiếng địa phương vùng Hessen. Ông ấy gật đầu, nhẹ nhõm giống như một người mà người ta nhìn trừng trừng cả một lúc lâu và bây giờ cuối cùng mới nhận ra được. "Đúng rồi, tất nhiên. Đó là lần di dân của người Franken."

Đúng rồi, tất nhiên. Chỉ có điều là đã cách đây 1200 năm. Karl Đại đế và những người kế tục ông đã nhìn Oberlausitz như một vùng đất trống ở phía đông cần phải đưa người đến để định cư. Những người con trai nông dân Franken, những người mà ở quê hương phải phục vụ cho bố và anh cả như một người đầy tớ, đã vui mừng nhận lời đề nghị của hoàng đế, đi đến sinh sống ở đây như một người nông dân tự do. Và đã mang cái âm "R" từ Hessen đến đây. Voilà<sup>9</sup>.

Có lần tôi đã đi lang thang trong rừng Teutoburg cùng với một nhà khảo cổ học cũng mang nhiều nét của một người nghiệp dư. Ông ấy giận dữ hỏi tôi rằng tôi chẳng nhìn thấy gì hết hay sao, rừng đây những dấu vết, ngay chỗ này, nơi chúng tôi đang đứng, đã rất nhộn nhịp trong thời Đồ đồng. Nhưng tôi chỉ nhìn thấy cây, đường rừng, đồi, chẳng có đến một cái dấu vết nào của dấu vết cả. Rồi tôi được ông mở mắt. Kia! Và kia! Và ở đằng trước! Con đường rừng này: một con đường cho xe chạy thời Đồ đồng, người ta nhìn thấy rõ chỗ trống xuống vì bánh xe. Và kia: một ngã tư. Và kia: một đường song song, đường thứ nhất chắc hẳn đã quá lầy lội, xe không đi được. Và ngọn đồi ở đằng kia không phải là một ngọn đồi, đó là một cái mỏ cạnh con đường hàng nghìn năm tuổi, người đi đường thời Đồ đồng đã chôn cất một người của họ ở đó, một người chết dọc đường.

Bây giờ tôi cũng có cảm giác tương tự như thế với người đàn ông trong cái áo khoác trượt tuyết màu xanh nước biển và với cái âm "R" qua nhiều thế kỷ của ông ấy.

Tôi đứng hơi chùng hững trước những làn sóng dài của thời gian.

---

<sup>1</sup> Tấm màn mùa chay hay tấm màn khổ hình là một bức màn dùng để che hình ảnh mô tả Chúa Giê-xu, thường là chiếc thánh giá, vào mùa chay trong các nhà thờ Công giáo.

<sup>2</sup> Thứ Tư Lễ Tro là ngày thứ tư bắt đầu mùa chay trong Ki-tô giáo.

<sup>3</sup> Hiệp ước München được Liên hiệp Anh, Pháp, Ý và Đức quốc xã ký kết tại München vào ngày 23 tháng 9 năm 1938, cắt phần đất Sudetenland của nước Tiệp Khắc trước đây, nơi có phần đông là người Đức sinh sống, giao về cho nước Đức quốc xã.

<sup>4</sup> Habsburg là một hoàng tộc ở châu Âu, đã cai trị Áo, Bohemia và Hungary qua nhiều thế kỷ.

<sup>5</sup> Kinsky của Wehinitz và Tettau là tên của một dòng họ quý tộc ở Bohemia.

<sup>6</sup> Ferdinand I (1793-1875): Hoàng đế Áo 1835-1848, Vua của Bohemia và Hungary.

<sup>7</sup> Metternich, tên đầy đủ là Klemens Wenzel Lothar von Metternich-Winneburg zu Belstein (1773-1859) là bộ trưởng Bộ Ngoại giao, thủ tướng của Đế quốc Áo, một trong các chính khách dẫn đầu của châu Âu.

<sup>8</sup> *Felix austria* (tiếng La tinh): "Nước Áo hạnh phúc" là một tục ngữ được trích dẫn từ một bài thơ cổ bằng tiếng La tinh.

<sup>9</sup> Voilà (tiếng Pháp): thế đấy.

## Đưa bé gái trong cái ba lô

Biên giới trên những đỉnh núi cũng không thể tranh cãi được như đường chia cắt đất liền và biển cả. Thịnh thoảng hai nước nhô vào nhau như vịnh và bán đảo, rồi tôi đi tắt, đi từ Sachsen đến Sachsen bằng cách qua Bohemia, lần nào cũng qua một điểm mua bán của người Việt sát cạnh thanh chắn biên giới ở phía bên Séc. Cái đó cũng giống như ở bờ biển, một bờ biển vàng giả xa xôi. Công ty Đông Ấn mới đang chào bán một loại hàng hóa thuộc địa mới, sát sau cột mốc biên giới. Lòng nuôi chim và thuốc lá, thiếu nữ và tượng người lùn để trang trí vườn. Nightclub "I love You". Open 12-06.

Tôi đến một quán trên núi ở bên phía Đức. Nó mang tên của một kẻ cướp người Bohemia, có tiếng ở trong vùng này ngày xưa: "Tên cướp Karasek". Ông chủ quán đang mừng sinh nhật, người cha già của ông ấy cũng có mặt, bạn bè đến, cửa ra vào không đứng yên. Người con gái, một cô gái xinh đẹp khoảng 18 tuổi, phục vụ khách. Khi ông chủ quán ngắm nhìn cô, nhiều cảm xúc mạnh bộc lộ trên gương mặt của ông, như thể việc cô có mặt ở đây không phải là một điều hiển nhiên. Có lẽ tôi chỉ tưởng tượng ra như thế thôi, sau khi ông chủ quán đã kể lại cho tôi nghe về một đêm đã cách đây lâu gần bằng tuổi con gái của ông – cho tôi, một người khách hoàn toàn xa lạ mà ông đã ngồi xuống bên cạnh trong một lúc mềm yếu.

Tháng 4 của năm 1989, ông nghe radio nói rằng đã có một người thành công, vượt biên giới Hungary sang Phương Tây, vào ban đêm, không gặp trở ngại. Ông chú ý lắng nghe và rồi quyết định. Ông rút sạch tiền trong tài khoản ở ngân hàng nhà nước, dần dần, từng khoản tiền không gây sự chú ý một, giấu biến thư từ của người quen bên Tây Đức để xóa mọi dấu vết dẫn đến bạn bè, và ngoài ra thì chỉ làm những việc của một người không hề có ý định thay đổi cuộc sống của mình. Ông phải cẩn trọng, ông dễ làm cho người ta nghi ngờ. Là người điều hành một cái quán lớn trong Zittau, câu lạc bộ của công nhân dệt, người ta để mắt đến ông.

Trong mùa hè 89 hằng chục nghìn người, có lẽ là hằng trăm nghìn người Đông Đức đang ở Hungary, trong số đó là nhân viên an ninh và học viên sĩ quan, những người có nhiệm vụ ngăn chặn việc mà nhiều người luôn nghĩ đến: chạy trốn sang Áo. Họ đi thành nhóm 15 người sang Hungary. Ở đây, ông chủ quán nói với bạn bè rằng ông sẽ vượt biên. Không một ai đoán trước. Ông sắp tiếp nhận một quán mới, và đã đăng ký giữ chỗ cho lễ cưới, người ta trách ông. Đó chính là chứng cứ vắng mặt của ông, ông trả lời, nếu không thì ông đã không có thị thực như bây giờ.

Đến đêm, giữa tháng 8, mọi việc đều không trôi chảy. Họ hàng Hungary của ông không thể giúp đỡ ông, tất cả đều được hoạch định quá ít thời gian. Họ đưa cho ông một cái la bàn, chỉ có thế. Và tháo biển số xe trước khi đi vào vùng biên giới, việc mà người ta đã khuyên ông, sẽ làm mất quá nhiều thời gian. Ông cứ lái đi tiếp, với vợ và đứa con gái 3 tuổi. Họ tiến gần đến biên giới. Pháo sáng bay vút lên. Tiếng chó sủa. Một chiếc ô tô bám sát phía sau họ cả một lúc lâu.

Rồi chiếc ô tô kia biến mất. Họ bỏ chiếc xe của họ lại và đi bộ, trong màn đêm tối như mực và yên lặng, trên một con đường rừng có lát bê tông. Cứ mỗi lần có tiếng rảng rặc là họ lại nghĩ rằng đó là lực lượng biên phòng, chúng mình đang bị thao diễn. Thường hay có tiếng rảng rặc. Đến một lúc nào đó họ đứng trước cái hàng rào. Ông cắt nó ra, họ trượt xuống một cái dốc và đến một cột mốc biên giới với một chữ "Ö" như Österreich<sup>1</sup>.

Không thể thế được, ông nói thảm, không thể nào. Ông chỉ biết biên giới Đức-Đức, ở đó, sau hàng rào đầu tiên là đến dãy đất tử thần.

Họ nấp trong một cánh đồng ngô cả một giờ đồng hồ và quan sát con đường có xe ô tô chạy qua lại. Họ không thể tin rằng đó đã là Áo rồi. Họ bò đi tiếp và tìm

thấy báo, báo bằng tiếng Đức. Họ nghĩ đó là một cái bẫy. Cuối cùng, chỉ sau khi đánh liều đi vào làng và nhìn thấy biển số xe họ mới không còn sợ nữa.

Ông rất sợ phải đi tù, ông nói. Ông đã nhìn thấy nhiều người rất tự tin, ra tù như những người đàn ông đã gãy gục, những người bất thành linh im lìm trong xã hội và không còn nói nữa.

Rồi vợ ông và ông mới tháo đũa bé ra. Đến đây, ông đứng bật lên và lấy cái ba lô màu xanh nhạt đã đập vào mắt tôi trước đó vì nó được treo ngay giữa tường của quán. Vải của nó dường như mỏng đến mức sẽ rách toạt ra ngay dưới vật nhẹ nhất. Có 2 cái lỗ nhỏ được cắt ra.

"Cháu nó ở trong đó. Còn cái này", ông chỉ vào hai cái lỗ, "là lỗ cho chân."

Ông nói rằng ông đã lo sợ cô bé sẽ khóc thét lên và làm lộ họ, và đã điên đầu để tìm một giải pháp không phải mang con theo. Không có. Nhưng nỗi lo ngại của ông không có lý do, cô bé không kêu lên, cô bé đã im lặng hoàn toàn.

"Cháu nó không kêu đến một tiếng, trong rừng không, ở hàng rào cũng không, lúc trượt xuống dốc cũng không và cả giờ đồng hồ ở trong ruộng ngô cũng không."

Ông đã nhét một tấm sắt vào trong ba lô, ở phía sau đũa con gái của ông, giống như một cái để dựa lưng, cho con ông dễ chịu hơn.

"Khi chúng tôi kéo cháu nó ra thì lưng của nó đang chảy máu, tấm sắt cạ vào con bé đến chảy máu. Và nó đã im lặng, cả đêm."

---

<sup>1</sup> Österreich: Áo.

## Dresden, cái đó

Khi những chiếc xe buýt chở khách du lịch nằm cạnh nhau như những con thú lớn đang ngủ đứng về ban đêm, khi những người bồi bàn đếm tiền bo và một dòng chảy về nhà bắt đầu xuất hiện trong những ngõ hẻm quen thuộc thì đã nửa đêm. Gót giày gõ lách cách, chào và tạm biệt. Rồi trở nên yên lặng.

Tôi đứng trong bóng tối của một cổng nhà. Trong hầm tránh đạn của pháo đài, buổi liên hoan toàn công ty trước Giáng Sinh của một thương hiệu rượu mạnh được ưa chuộng vừa chấm dứt, nhiều nhóm người vui vẻ trào ra, khoác vai nhau, quạ kêu trên cây trụi, có lẽ chỉ là quạ Siberia đang trên đường đi, và trước một quán rượu mang về Australia nhiều người Anh trẻ tuổi đang cãi nhau về khác biệt giữa những buổi tiệc ở Siberia và ở Moscow.

Có một cái gì đó to lớn bất chợt đứng ở đây, tách ra khỏi những khách sạn và quán rượu có đèn chiếu sáng, một cái đồ sộ to lớn hơn tất cả những cái khác ở đây. Ai mới bước ra từ nơi sáng đều không nhìn thấy nó ngay. Với sự chậm trễ mà đôi mắt cần để quen với bóng tối, nó bước ra cản đường người ấy, đột ngột vươn lên cao. Như một lần cướp.

2 người đàn ông trong bộ com lê sẫm màu và áo bành tô mở tung khuy áo đi ngang qua. Một người nhìn lên và nắm lấy cánh tay của người kia.

"Nó đứng đây kìa, cái đó, xem kìa."

Người kia đưa ngón tay cái vào bóng tối:

"Nhà nước chi tiền hết đấy."

"Không phải, từ tiền quyên góp."

"Tiền quyên góp cái gì. Tự tự bịp mình cũng đủ rồi."

Mặt trăng hiện ra từ một đám mây. Trong ánh trăng, cái đồ sộ không còn mang vẻ đáng sợ giống như cướp của nó nữa. Đá màu sáng lộ ra – loang lổ, mang nhiều dấu cháy và tô đen – và đu đưa, âm điệu cao của một mái vòm bằng đá, rất oai nghiêm, rất gan dạ. Nó mang nét của lăng mộ Taj Mahal<sup>1</sup>. Nhưng cái đang hiện ra không phải là mặt trăng của đàn Sitar, cái đang chiếu sáng. Không có vũ nữ xuất hiện, không có bàn chân nhảy múa và trống. Một bài thánh ca bằng đá.

Cách đây vài bước, ở Altmarkt, vào một ngày mùa đông, tôi đã từng ngồi trong quán "Cà phê Prag", bây giờ không còn nữa. Trời đã tranh tối tranh sáng, nhưng có một sự im lặng căng thẳng đang nằm ngoài đây trên quảng trường, thống trị ở bên trong là một bầu không khí như bông của một quán cà phê cao cấp Đông Âu.

Thỉnh thoảng tôi lại đứng lên và đẩy nhẹ bức màn nặng nề sang một bên, để nhìn xem có động tĩnh gì ở bên ngoài trên quảng trường hay không. Chắc chắn sẽ có cái gì đó, như mọi năm vào ngày này của tháng 2. Rồi tôi bước xuống, đi qua quảng trường không người và bước vào Nhà thờ Thánh giá. Nó chưa từng đầy người như thế bao giờ. Có thể đặt câu hỏi, một mục sư sẽ trả lời. Vào thời đấy, đối với tất cả mọi người trong nhà thờ đó là một điều mang tính cách mạng, chưa từng có: Đàn ông và đàn bà đã trưởng thành ghi nguệch ngoạc trên giấy những câu hỏi mà không được phép đặt ra ở bất kỳ một nơi nào khác, được thu thập, mang lên phía trước, mở ra, đọc và một người nào đó nói về đề tài ấy.

Rồi đoàn người như mọi năm bắt đầu xếp hàng tiến về ngọn núi đỏ nát nổi tiếng nhất Đức, một đồng đá khó coi màu xám xịt trong tuyết của tháng 2, một đoàn người câm lặng. Hàng nghìn người nhập vào đoàn người đó, nhưng không có diễn văn mà cũng không có bài ca, cờ, biểu ngữ. Chỉ một vài chậu hoa được đặt lên trên các tảng đá màu đen, những hòn đá mà người ta vẫn để chúng nằm như trong cái đêm chúng sập xuống, khi Dresden bị thiêu sống<sup>2</sup>. Cuối cùng, đoàn người tản ra, và người ta đi về nhà.

Cái đồng đồ nát đáng thương đó cựa quậy và đứng lên vào một ngày nào đó, việc mà nó tìm lại được vóc dáng ngày xưa và có lại được nơi chốn của nó trong quang cảnh mờ nhạt của thành phố, là điều hoàn toàn không thể tưởng tượng được vào cái ngày mùa đông của năm 1984 đó. Tôi lái xe trở về Berlin và nguyên rủa những con đường khôn nạn của nông trường tập thể đang phá hỏng lớp và vòng bi, và tôi cố gắng về đến biên giới quân khu đúng vào lúc nửa đêm, vì lúc đó thị thực của tôi hết hạn.

Nửa đêm. Bây giờ tất cả chuông đều giống lên, những âm tiếng nhỏ bé sáng sủa, kim loại đồng sậm màu, đầu tiên là cái chuông ở trên chỗ tôi đang đứng. Tôi đi qua cây cầu Elbe vào khu Neustadt, để uống một ly chúc mừng lòng can đảm của những chậu hoa. Một quán Jazz vẫn còn mở cửa, và khi tôi vừa định nâng ly lên thì người dẫn đầu của nhóm cũng vừa mới vào nói với tôi: "Thầy ơi, tôi không muốn làm phiền, nhưng chúng tôi có thể ngồi ở chỗ có bảng tên của chúng tôi được hay không?"

Vâng, bây giờ tôi cũng nhìn thấy chúng, những tấm bảng đồng nhỏ hình chữ nhật của những người chơi nhạc Jazz đáng kính trọng của Dresden. Không làm gì khác được, tôi nhường lại bộ ghế nhà thờ nhạc Jazz đã chiếm cứ bất hợp pháp.

Vì thế mà không có được một cử chỉ nhỏ bé, và vì thế mà có một người khách du lịch đăng trí nào đó, bị cho là say sưa bước ra từ buổi liên hoan rượu mạnh trong hầm tránh đạn, đã đập tan một chai rượu sâm banh mà ông ta đã tìm được vào đêm khuya trong một khách sạn nào đó vẫn còn mở cửa vào Nhà thờ Đức Bà Dresden như vào mũi của một chiếc tàu. Có một tiếng vang đẹp, giống như tiếng súng. Một tiếng súng từ thủy tinh.

<sup>1</sup> Lăng mộ Taj Mahal ở Ấn Độ do Hoàng đế Shah Jahan xây cho vợ cả qua đời năm 1631.

<sup>2</sup> Nhà thờ Đức Bà Dresden được xây trong thế kỷ 18, bị dội bom phá hủy vào đêm 13 rạng sáng ngày 14 tháng 2 năm 1945 cùng với cả thành phố. Công cuộc tái xây dựng bắt đầu từ năm 1994 và hoàn thành vào năm 2005.

## Sự trần trụi của các nữ thần ở Dubí

Tôi lại đi xe lên núi. Đi lên qua những thung lũng hẹp, trong một chiếc tàu hỏa nhỏ mà qua cửa sổ của nó tôi nhìn thấy nhiều tầng núi đá xanh và lá cây màu đen xuất hiện dưới lớp băng rồi biến mất. Bây giờ, tuyến đường chạy dọc theo một con sông đang sôi sục, nước sủi bọt như thế đó.

Một thành trì. Một nhà máy đồng hồ nổi tiếng. Biệt thự. Những đồng đồ nát của nhiều biệt thự. Ngày không muốn sáng lên. Tuyết bắt đầu rơi từ Bärenstein. Ở Geising có học sinh lên tàu, vừa mới vỡ tiếng, tất cả đều tết dây mà không cần nhìn vào, dây tết đeo tay phức tạp của vùng Erzgebirge, các ngón tay cứ như tự chuyển động lấy.

Altenberg vừa mới ở đây thì đã bị tấm màn tuyết thổi bay đi khỏi thế giới có thể nhìn thấy được. Đã xảy ra tai nạn, người ta nói, một vài đường không thể lưu thông được nữa. Chuyến buýt qua Bohemia không đến. Đứng đây và đợi thì chỉ rét run nên tôi bắt đầu đi. Zinnwald, thị trấn Đức cuối cùng. Bóng dáng của những căn nhà tôi tắm và nhiều dãy xe tải, xe Hungary, Slovakia, Séc, Đức, Slovenia, Romania.

Xuống núi rất khó nhọc, đường đèo quanh co nằm trong sương mù và băng tuyết. Tôi cố đi sát cạnh sườn núi nhưng cứ hay bị trượt xuống đường vì băng tuyết. Lúc đầu tôi cứ nhìn theo từng chiếc xe tải một đến từ phía sau, nhưng rồi việc đó làm cho tôi quá mệt nhọc nên tôi đành tin cậy các bác tài xế sẽ nhìn thấy tôi.

Tới một lúc nào đó tôi đến Cínovec, thị trấn đầu tiên ở phía bên kia, nó cũng bị xóa mờ và bị tuyết phủ. Cạnh bên đường, một con suối từ trên núi đang cố lao thật nhanh xuống thung lũng.

Rồi tôi gặp những căn nhà có tên là "ăn nhanh". Một cái quán ăn nhanh như vậy chỉ gồm có một căn phòng duy nhất, chìm trong ánh sáng xanh hay đỏ. Cửa sổ nhìn ra đường to vừa đủ để là cái cửa kính bày hàng cho cô gái ăn mặc nửa kín nửa hở ở bên trong, đang dạng chân hay vắt chéo chân, ngồi trên một cái ghế, để cho những người lái xe tải đang trượt qua có thể nhìn thấy rõ. Vài người đàn bà đi qua lại trong cái quán ăn nhanh của họ, ưỡn ẹo trong những tư thế họ vừa nghĩ ra. Cùng một cảnh tượng dài hằng cây số.

Những người trong ngôi nhà con gái của họ có được khô ráo và ấm áp, những người khác đứng trong tuyết, đôi lúc vẫn còn là nửa trẻ em, với đôi chân trần và váy ngắn. Họ chẳng thèm nhìn khi tôi đi ngang qua, một người từ trên núi trong chiếc áo bành tô dài, mũ kéo che trùm đầu. Họ bước tránh tôi khi đường quá chật hẹp. Bất thình lình có một người xuất hiện trước mặt tôi, một người phụ nữ Digan trẻ tuổi với mái tóc vàng cắt ngắn và khuôn mặt cứng rắn của một người đàn ông đã nhìn thấy tất cả những gì là dơ bẩn và thấp hèn; đó là lần đầu tiên mà tôi bước tránh sang bên.

Trong Dubí, một cô gái trong chiếc áo khoác bông chần rẻ tiền màu trắng đang ngồi trên băng ghế đợi của một bến xe buýt. Cô vẫy tay gọi những chiếc xe chạy ngang qua, và bĩu môi vì chẳng có chiếc nào ngừng lại. Rồi cũng có một chiếc ngừng lại, nhưng khi người tài xế nhìn gần đưa trẻ đã lạnh cóng, sẵn sàng làm bất cứ việc gì, can đảm rõ ràng là đã rời bỏ ông ta, ông kéo cửa kính lên và nhún ga. Bây giờ cô ta nhìn thấy tôi. Quả thật là cô ấy mặc kệ tất cả: Cô bắt chuyện với người đàn ông trùm

mũ bị đóng băng có nhiều dòng suối nhỏ đang chảy xuống từ cái áo choàng và trên mặt – trời càng ấm lên khi tôi đi càng sâu xuống.

"Đi theo em nào, đi ngủ!"

"Bao nhiêu tiền?"

"30 euro. Đi theo em, em ngủ trong bungalow."

"Em bao nhiêu tuổi?"

"24."

"Nếu vậy thì tôi 80."

Khi quay lại nhìn thêm một lần nữa, tôi thấy cô ấy đang đi đến một lão già tã toi. Ông ấy giống như một người đang mang theo trên người tất cả những gì mà ông sở hữu, và toàn bộ sở hữu của ông ấy là một con chó đốm có bộ lông lờm chờm và một vài quả táo. Cô xin ông ấy một quả táo, rồi lại ngồi trên băng ghế đợi và ăn hết quả táo.

Một gã trẻ tuổi băng ngang qua đường. Hắn muốn tiền.

"3 euro, ô tô của tao hết xăng."

Tôi cười nhạo hắn. "Tôi chẳng có đến một cái ô tô."

Gã vẫy tay gọi một cô gái, cô ấy sang ngay lập tức, khoác tay gã, một cô gái gầy nhom có tóc vàng cắt ngắn và chân dài mà gã chào mời tôi. Cô này tốt hơn cái con nghiện đang ngồi trên băng ghế vừa mới xin lão du thủ du thực kia một quả táo, nó chỉ muốn dụ tôi vào góc khuất.

"Rồi cướp giật ngay!"

Cô tóc vàng nói: "20 euro."

Giá cả cứ giảm xuống theo từng góc đường một, từng phút một.

Khi tôi thoát được 2 người đó, có một người bắt chuyện, là nhân chứng của cảnh vừa rồi và cũng là nhân chứng của cảnh trước đó, ông ta nói: "Dubí xấu, xấu lắm. Ông đi khỏi đây đi, ông đi đi!"

Dubí kéo dài vô tận. Khoảng cách giữa những căn nhà của các cô gái ngày ngày nhỏ lại, bây giờ chúng đứng sát cạnh nhau. Dubí dường như chỉ duy nhất là một nhà thổ dài.

Màn trình diễn bắt đầu khi trời tối. Giống như một nhà ảo thuật trên sân khấu, đêm tối làm biến mất tất cả những gì mà Dubí còn là. Nó mang tất cả vào trong màn đêm đen của nó, ngoại trừ những cửa sổ, những cái cửa sổ di động được chiếu sáng đến chói cả mắt, bây giờ chúng lại xuất hiện càng sáng hơn, càng nhiều hơn, ánh đèn neon bật lên và thiếu nữ nhảy múa hững hờ ở bên trong đó. Tôi đi ngang qua sự trần trụi của họ, chân, mông, những mảnh hình tam giác nhỏ che đậy cử động ngang tầm mắt, từng đôi, từng nhóm 4, từng nhóm 7.

Họ cử động vụng về hay giống như búp bê hay như đang trong cơn mê. Vài người ngồi nghiêng ở cửa sổ, sát kính đến mức đùi trần của họ ép thành những hòn đảo ấm áp, phẳng lì trên tấm kính lạnh. Lại có những người khác choàng áo váy vào, chỉ để cởi nó ra, theo điệu nhạc mà chỉ có họ mới nghe được trong cái bể kính của họ.

Sự trần trụi của họ làm cho tôi lóa mắt. Tôi không thể nhìn lâu được.

Nhưng thật ra họ hoàn toàn không trần trụi, chỉ có cảm giác như thế khi nhìn từ xa mà thôi. Họ trần trụi mà không cần phải trần trụi, giống như sự trần trụi có ánh kim loại lấp lánh của những nữ thần được mô tả trong các bản ghi chép thời xưa. Siêu trần trụi, được nhúng vào trong một bể dẫn dụ ánh mắt. Tôi không biết họ làm như thế nào, nhưng những cặp đùi, cánh tay và bộ ngực óng ánh này không hề có một nhược điểm nào, chúng lóng lánh một cách tròn trĩnh và mượt mà, tròn trĩnh hơn và mượt mà hơn trong thực tế.

Tôi kéo chiếc mũ xuống thấp hơn để che mặt. Một cô gái bước ra và giật cái mũ của tôi. Cô quát tôi rằng cô không cho phép đàn ông xuất hiện trước tấm kính của cô mà cô không nhìn thấy được gương mặt, không được như thế, ngay Rubi cũng có quy định của nó. Tôi nói rằng tôi mặc kệ những quy định của Rubi.

Cô ấy nhìn tôi như nhìn một vật lạ, rồi cười và chuyển sang đề tài khác.

"Anh không thấy em đẹp sao?"

Cô nắm lấy tay tôi và đặt nó lên đùi của cô, cảm giác đúng như bề ngoài của nó ở phía sau kính. Óng ánh. Điện. Cô nắm chặt bàn tay hơn và dẫn dắt nó đi trên thân thể của cô. Nó tiếp tục có điện. Một cảm giác tê liệt và trống trải ập vào tôi. Cô ấy nắm tay của một người đến từ băng tuyết và dắt nó đến với cô, nhưng ở đây chẳng có gì để cô dẫn ông ấy đến hay để cho ông ta có thể thâm nhập vào. Tôi bỏ cô đứng ở đây.

Trời ấm lên. Đã hết mưa, tôi có thể đi không cần mũ và mở tung khuy áo khoác ra. Có cả khách sạn ở Dubí nữa. Cũng như các quán ăn nhanh, chúng có những tấm bảng quảng cáo vô hại đáng buồn cười: "Phòng có phòng tắm". "Rooms". "Khách sạn gia đình". "Thức ăn nóng". Tôi không cưỡng lại cái đó được.

Cái quán tôi bước vào chỉ có đèn mờ ảo nhưng ngăn nắp và chân chất như bất kỳ một cái quán nào khác ở cạnh bất kỳ một con đường có nhiều xe qua lại nào khác trong những phần đã được dọn dẹp tử tế hơn của thế giới. Người chủ quán, một người Séc dễ chịu có bộ râu ngắn màu trắng được chăm sóc cẩn thận, đang nói chuyện với một người thợ cơ khí sửa ô tô trong bộ áo liền quần màu xanh có chai bia Budvar sau ngày làm việc ở trước mặt. Thêm vào đó là nhạc hiphop Đức. Một tấm bản đồ châu Âu dân chủ còn mới được treo trên tường, và ở bàn bên trái có một người khách, một người Đức dễ chịu, ngồi với 2 người phụ nữ; một người mang ở phía trên một cái áo ngực màu nâu nhạt, người kia mang một cái áo váy bằng vải thun màu trắng trong suốt.

"No problem?"

"No problem."

Sau khi điều này được giải quyết, người khách dễ chịu bước đến ông chủ quán dễ chịu, trả tiền và nhận chìa khóa, rồi bộ ba bước lên cầu thang vào một căn phòng dễ chịu. Khi tôi rời quán, màn trình diễn của Dubí bắt đầu tăng tốc dần. Cửa sổ cô gái lại nhiều lên thêm một lần nữa, xe tải chạy xuống phố, vài chiếc ngừng lại. Rồi các cô chạy ủa ra để câu lấy một anh tài xế từ trong đêm tối, khoác tay, kéo lên thiên đàng đang có nhiều nữ thần nhảy múa hơn trước.

Dubí thưa thớt dần, nét óng ánh biến mất, ảo thuật sân khấu giảm dần. Bây giờ tôi mới nhận ra được những cái cửa sổ khác. Chúng tối tăm hơn rất nhiều, những ai không nhìn kỹ dễ đi ngang qua mà không nhận thấy. Chúng là địa ngục thật sự, không như những cái hộp đựng di vật sáng sủa của các nữ thần. Được trưng bày trong các tủ kính tranh tối tranh sáng này là những cảnh tượng của sự hoàn toàn bị bỏ rơi.

Qua cái cửa sổ cuối cùng còn nhớ lại được, tôi nhìn thấy một gia đình người Digan trong gian phòng trống trải có ánh sáng yếu ớt. Họ không hề cử động. Người chồng nhìn lên trần nhà, ông ta có tóc đen, dài, người vợ nhỏ và gân guốc và bế một đứa bé trên tay. Bà ấy nhìn vào bức tường ở bên cạnh ông. Tôi không biết là đã đứng đó bao lâu.

Người chồng cảm nhận được cái nhìn xa lạ. Ông chậm chạp quay mắt từ trần nhà qua cửa sổ, nhìn thấy tôi và nhìn tôi chằm chằm với một nét mặt hoang dại, cay đắng đến mức tôi ra khỏi Dubí bằng con đường nhanh nhất và đi xuống Teplice nằm hiền hòa trong thung lũng ở phía nam.

## Ánh sáng

Giống như có ai đó đã nắm lấy dây núi Erzgebirge ở nếp gấp giữa và giữ nó ra như một tấm khăn trải bàn, và những mẫu vận của cuộc sống đã rơi về bên mặt nam và ông già Noel cùng với tất cả dây kim tuyến và tất cả quà tặng ở mặt kia, dây núi cũng đối xử như thế với mặt bên Bohemia và mặt bên Séc của nó. Có thể cảm nhận điều đấy cho đến tận trong ngôn ngữ: Không một nơi nào khác trong chuyến đi của tôi mà tôi lại gặp gỡ từ "quê hương" nhiều như trong vùng núi Erzgebirge của Sachsen. Có cảm giác như tôi chỉ gặp quê hương ở đây, trong ngữ điệu vùng Erzgebirge: "Haamit".

Trước khi tôi đi qua Zinnwald đến Dubí, tôi đã sưởi ấm thêm một lần nữa trong cái quán Đức cuối cùng. Nó được trang hoàng bằng vô số thứ mang chủ đề Erzgebirge và lời bài hát quê hương. "Chúng tôi muốn là Đức và được tự do, vì chúng tôi là người Erzgebirge." Chen chúc nhau trên các bệ cửa sổ và trên bàn là những vòng cung ánh sáng, bé trai vùng núi mang ánh sáng và thiên thần mang ánh sáng hàm mỏ, những nhà thờ nhỏ, máng thức ăn nhỏ, nhà nhỏ được điêu khắc bằng tay và những cái bàn tí hon được bày biện với một thùng rượu vang nhỏ bé. Khắp mọi nơi đều như thế. Quê hương và ánh sáng được yêu thương nồng nàn và thè thốt trong những ngôi làng trên núi mà tôi đi ngang qua.

Để hiểu được sự tôn sùng ánh sáng, vì có một đôi thủ đen tối, ngọn núi. Tất cả những cây nến và ánh sáng trong cái tối tăm, tất cả những tổ ấm trung thành được điêu khắc, tất cả những tôn sùng cho cái máng thức ăn an lành, sáng sủa trong cái tối tăm của đêm dài nhất – đó là ngôn ngữ để hiểu trong một vùng đất mà người dân của nó đã phải chui vào đêm tối của núi đồi qua nhiều thế hệ để đào bạc và những loại quặng khác.

Nhưng tại sao lại có sự tôn sùng quê hương? Vì quê hương cũng có một đôi thủ đen tối. Nằm ở phía bên kia của biên giới là mặt đã quay lưng lại với ánh sáng của cuộc sống. Tất cả những gì không phải là một phần của trò chơi máng thức ăn đang trú ngụ và rình rập ở đó. Dubí và cướp giết. Có lẽ quê hương chỉ là một từ khác cho ánh sáng.

Nếu như có ai đó trong quán chơi đàn zither thì tôi đã để yên. Tôi sẽ ngồi yên lặng ở đó, múc từng thìa từ chén xúp cây com cháy nóng bốc hơi và sẽ ra đi trong yên bình. Nhưng không có ai chơi đàn zither cả. Thay vào đó là âm nhạc quê hương mà không phải thật như vậy, và nhiều hơn 1 vòng quay. Những bài hát giả trang thành bài ca quê hương được phát ra ảm ỉ từ những cái loa, và nhạc Đức ngày nay, phải nói ra, vì tôi đã chịu đựng nó qua nhiều tháng trời từ lúc ăn sáng cho đến bữa tối, quả thật là kinh khiếp. Quê hương, cái đó không xứng đáng với quê hương. Vội vã ăn món xúp, bỏng lười, quăng tiền ra, giặt lấy quần áo trên lò sưởi, lại tròng vào và đi ra, đi ra đến cái giá lạnh giải thoát.

Bây giờ tôi lại đi trên núi, lần này từ phía nam. Tôi đã bỏ lại Dubí và thảo nguyên công nghiệp màu nâu ở phía sau tôi – cái *waste land*<sup>1</sup> của Brůx có những đường ống lốm đốm vàng bò ngoằn nghèo như thú ác độc –, vượt qua đỉnh núi và trở về bên mặt của ông già Noel, ở đó, nơi quê hương cư ngụ. Các làng mạc đầu tiên sau biên giới có tên là Deutschneudorf, Deutscheinsiedel, Deutschkatharinenberg.

Trong Deutscheinsiedel, một người khắc gỗ chỉ tôi vào một hầm mỏ cũ, tôi phải đi đến đấy, người ta tìm Căn phòng hồ phách<sup>2</sup> ở trong đó. Thông tin này làm cho tôi nãn lòng. Căn phòng hồ phách có ở khắp mọi nơi trong đất nước. Nhưng trời mưa to, và người điêu khắc nói rằng đi bộ đến hầm chỉ mất 1 giờ, cứ theo đường biên giới, tôi có thể dừng lại nghỉ ngơi ở đó và có được thức nóng, vì thế nên tôi đi đến đấy.

Một người trong bộ đồng phục thợ mỏ tiếp đón tôi, một người đàn ông rất thân thiện. Ông ấy mở ngay cửa vào hầm, đưa cho tôi một cái áo khoác bảo hộ màu vàng và một cái mũ của công nhân mỏ và nói rằng ông sẽ giải thích tất cả cho tôi. Tôi nhanh chóng nhận ra rằng tôi không cần sợ lại phải nghe về một đien rò nào đó của Căn phòng hồ phách. Ông ấy không nói nhiều. Vừa mới bắt đầu một lời giải thích, ông lại tự cắt ngang, phẩy tay và gọi: "Đi thôi!"

Ông ấy dẫn tôi đi sâu hơn và sâu hơn vào trong hầm mỏ cũ, cho đến khi chúng tôi ở dưới mặt đất 15 m, nơi có nước nhỏ giọt và rỉ xuống. Thợ mỏ ngày xưa đã chui vào trong cái chật chội này, nhưng tất nhiên là chẳng nhìn thấy một tí hồ phách nào cả, ngoại trừ một giỏ đựng nhiều chai rượu nhỏ có dòng chữ "Giọt hồ phách" ở trên. Một phần thưởng nhỏ đền bù cho sự sợ hãi của nhóm khách tham quan – ai có can đảm đi cho đến tận đây thì được phép lấy một chai rượu nhỏ. Người dẫn đường thân thiện của tôi cũng dúm cho tôi một chai. Tôi đã mang nó về đến tận sông Rhein ở Hà Lan, như là vật may mắn.

Vụ Căn phòng hồ phách dường như chỉ là ý tưởng của một thị trường khôn khéo. Một người Mỹ gốc Đức đã xuất hiện vào một lúc nào đó, một người chuyên săn tìm kho báu, và đã bắt đầu tìm kiếm ở bên kia trong vùng Bohemia. Thế rồi người thị trường nhận được một cú gọi điện nặc danh đã bắt đầu tất cả. Người gọi tự nhận là người của lực lượng SS, đã có mặt khi người ta chôn báu vật trong hầm ở đây, ngay trước khi chiến tranh chấm dứt. "Anh thị trường", ông ta nói, "anh phải tìm ở phía bên Sachsen." Kể từ đây người ta cho khách tham quan nghe đoạn băng ghi âm này. Và cuối cùng, cộng thêm vào đây là đất sụp. Một cái hố sâu thành hình, và khi xuống hố người ta đã tìm thấy con đường hầm ngày xưa, đã bị lãng quên lâu nay mà chúng tôi đang dò dẫm đi ở bên trong.

Có cái khác tốt hơn Căn phòng hồ phách. Bánh bơ sữa, một loại bánh nướng lò có trứng và thịt mỡ. Người thợ mỏ cầm lấy một cái, và ngay khi chúng tôi lại ở trên mặt đất, ông ấy bắt đầu ăn một cách ngon lành. Rồi ông ấy nhìn thấy ánh mắt của tôi, đứng bật dậy, lấy một cái bánh thứ hai, dự trữ của ông ấy, và đặt nó xuống bàn cho tôi. Vừa khi tôi định ăn miếng đầu tiên thì ông lại bật dậy thêm một lần nữa, giống như sự nhớ ra một cái gì đó quan trọng. Ông tìm lửa và đốt nến, ánh sáng Erzgebirge. Khi không còn thức ăn trên đĩa, ông chỉ tay về hướng núi. "Bây giờ phải đi đến Seiffen. Trời tối rất nhanh. Và anh biết đây", ông cười, "khi trời tối người ta nói về người chết nhiều hơn là nói về người sống."

---

<sup>1</sup> Đất hoang

<sup>2</sup> Căn phòng hồ phách: Căn phòng được dát toàn bằng hồ phách là quà của vua Phổ tặng cho Nga hoàng Peter Đại đế. Gian phòng bị Đức quốc xã cướp đi trong Đệ nhị thế chiến và biến mất sau đó.

## Hänsel và Gretel<sup>1</sup> trong Chemnitz

Trời lại bắt đầu mưa khi tôi đi qua Ahornberg, đi ngang qua nhiều ngôi nhà không được trang hoàng được xây sát cạnh đường, và khi tôi đến Seiffen thì trời mưa như trút nước.

Seiffen duy nhất chỉ là một cây Giáng Sinh trong một nếp gấp của núi, một nhóm cửa hiệu đầy hàng khắc gỗ, dây trang hoàng cây Giáng Sinh và đàn chuông – tất cả đều là những thứ tôi không cần đến, vì tôi đang trên đường đi. Nhưng tôi không còn cách nào khác để tự giúp mình hơn là chạy vụt từ cửa hàng Giáng Sinh này sang

cửa hàng Giáng Sinh khác để tránh cơn mưa. Rồi tôi đứng kèn càng và ướt sũng trong sự ẩm cúng được chiếu sáng bởi hàng trăm ngọn đèn to nhỏ và phải chú ý từng cử động một để đừng va vào khách hàng hay những thiên thần đang mang nến, trong khi nước đang đọng thành vũng quanh đôi giày ống của tôi.

Khi có một xe buýt ngừng ở phía ngoài, tôi chạy vội đến. Sau một giờ, tôi xuống xe buýt ở một nhà ga tàu hỏa mà từ đó có một chuyến tàu chạy đến Chemnitz. Ở đó lúc nào tôi cũng hỏi đường đi về trung tâm. Người ta chỉ tôi đến một vùng đã bị bỏ trống cả một thời gian dài và bây giờ lại được xây dựng. Một trung tâm mua sắm, cửa hàng, đường có gió lùa, ở giữa đó là một vài quán rượu. Tôi ngồi trong một quán đó, bên cạnh một phụ nữ trẻ, thật ra vẫn còn như con gái, và một người đàn ông trẻ. Cả hai người gần như không lưu tâm đến tôi.

Cô ấy nói về cha của cô. Mãi cho đến gần đây ông ta vẫn còn tin rằng con gái của ông không hề biết ông. Nhưng cô đã biết ông từ bao năm nay rồi, còn bí mật tìm cách đưa tiền cho ông khi ông lại sạch túi, và thật ra thì lúc nào ông cũng thế, cô ấy nói với một nụ cười buồn.

Nghe lén người khác đã trở thành một thói xấu – một thói mà tôi phải lầy lầm xấu hổ khi có người bất chợt nhận ra rằng câu chuyện của mình có một nhân chứng, và rồi tôi phải chịu đựng một cái nhìn phân nộ, bất lực. Tôi cũng bất lực như vậy; như thể tôi giạt mình thức dậy từ một giấc mơ. Nhưng rồi chẳng bao lâu sau đó tôi lại tiếp tục nghe trộm. Không một ý thức phạm lỗi ra lệnh cho tôi. Tôi chỉ là một linh hồn đi lang thang, nhòm ngó vào trong các gian phòng và tâm hồn xa lạ.

"Bố em nói bố không thể gọi điện cho em được, bố đang thất nghiệp nên không có tiền để gọi điện."

Người đàn ông trẻ cười nhỏ. "Có nhiều người tuy thất nghiệp nhưng vẫn gọi điện cho con cái của họ."

Cô căng người ra. "Từ chủ nhật đến giờ em không tiếp xúc với bố nữa. Em xấu hổ lắm khi bố cứ lại say sưa làm âm ỉ trước quán rượu." Và nhỏ giọng hơn: "Bố chẳng bao giờ gọi cả."

Họ lặng thinh một lúc lâu rồi anh ấy nói. Rằng gia đình của anh ấy cũng đã tan rã. Rằng anh đã ở trong một hội võ thuật và đã dạy cho bọn nhỏ một ít. Rằng bây giờ anh không đến đây nữa, đắt quá. 50 euro một tháng. "Anh đã rất hãnh diện khi nhìn thấy bọn nhóc học được gì ở anh." Niềm hãnh diện mới của anh ấy là khiêu vũ, nhưng mà bây giờ anh cũng không đi nhảy nữa. Một cô gái ở đây đã bỏ anh.

Cô gái đặt tay mình lên cánh tay của anh. "Anh không được phép từ bỏ những gì quan trọng đối với anh. Đừng vì một cô gái."

Người bồi bàn đến và hỏi họ có còn muốn dùng gì nữa hay không. Cô ngồi trước cái tách cà phê cappuchino đã dùng thìa múc sạch, anh thì trước ly bia đã cạn.

"Không, cảm ơn." Anh ấy nhìn cô. "Khoan đã."

Anh còn muốn ngồi cạnh cô. Anh bảo người bồi bàn đưa tờ hóa đơn tạm thời và đếm tiền. Người bồi bàn dường như đã quen với việc này. Vì cái quán Pháp mà câu chuyện xảy ra ở bên trong thật ra không phải là một quán Pháp, nó là một biện pháp phục hồi sức khỏe trong khuôn khổ dưỡng bệnh của thành phố Chemnitz bị suy tim. Không có trái tim nào đang đập ở trung tâm của nó. Chemnitz đã đánh mất nó trong khoảng thời gian quen thuộc theo cách quen thuộc và chẳng hề quan tâm đến điều đó cả một thời gian dài. Thành phố vừa được cấy một quả tim nhân tạo mới. Cái quán này thuộc vào trong đó.

Tôi còn đến thăm người cha đỡ đầu của thành phố, người không lồ màu đen của Chemnitz<sup>2</sup>. Marx có miệng và bộ râu vi vu của một người hùng trong thần thoại Nibelungen, có thể là Hagen của Tronje<sup>3</sup>, và đôi mắt tướng quân của Thành Cát Tư

Hãn. Cái đầu đồ sộ trên cái bệ đồ sộ trông giống như bị cắt ra. Bị chặt đầu. Giống như nó chưa từng ở trên một thân thể.

---

<sup>1</sup> Hänsel và Gretel: Hai đứa bé trong truyện cổ tích cùng tên.

<sup>2</sup> Trong thời Cộng hòa Dân chủ Đức, thành phố Chemnitz mang tên Thành phố Karl Marx, có một bức tượng rất to của Karl Marx trong thành phố.

<sup>3</sup> Hagen của Tronje: Một người hùng trong thần thoại Nibelungen.

## Zita và Karl

Có ai đó đã chỉ cho tôi cách này để gỡ đứt cơn đau đầu: Lấy cái đầu đang đau và dùng 10 ngón tay gõ lên trán và thái dương, ban đầu nhẹ, rồi mạnh hơn. Tiếng động đánh thức tôi cũng giống như thế. Lúc đấy vẫn còn sớm. Trong tháng 11. Nó gõ vào kính, lúc đầu nhẹ, rồi mạnh hơn.

Tôi đứng dậy và đi đến cửa sổ. Chemnitz. Một quảng trường lớn nằm ở phía dưới, giữa vài tòa nhà lớn. Tôi không tin tưởng nó. Nhà hát, Nhà sưu tập nghệ thuật thành phố, tốt thôi. Nhưng cái hình bán nguyệt ở phía trước là cái gì: một nhà hát ngoài trời nhỏ hay là một bức tượng của Richard Serra<sup>1</sup>? Và ai đã bảo những người đó phải căng ô che mưa chạy qua quảng trường như trên bìa của một đĩa nhạc nhựa nổi tiếng mà tôi không nhớ ra được? Nhiều bản sao các tác phẩm của Miró<sup>2</sup> treo trong phòng ăn sáng của khách sạn, đèn bàn màu xanh cobalt có những bóng đèn màu xanh hình nón, và 1/8 quả cà chua trang trí đang nằm trên viền của cái đĩa ăn sáng khổng lồ. Nghệ thuật, nghệ thuật ở khắp nơi. Bây giờ tôi biết rằng nỗi buồn của miền Tây đã đến miền Đông.

Từ Chemnitz tôi đi tàu hỏa về hướng nam. Nó chạy rất chậm chạp qua những căn nhà cho thuê đang xuống cấp, những mảnh nhựa bay phấp phới từ những lỗ cửa sổ. Rồi một nhà máy, đầy graffiti. Nó nằm đó giống như bị hạ gục, thú rừng to lớn, chết vì bị hàng nghìn con côn trùng tấn công đã reo mừng chiến thắng phun chất tiết đủ màu của chúng lên trên cái thân thể đồ sộ.

Rồi rừng. Thung lũng. Đồi đen. Một đầu hồi bằng gỗ ở đây đó. Gàn như không có làng mạc. Schönberg. Gutenfürst. Và luôn có những cánh rừng lớn, an ủi. Có lần một con hoẵng đực chạy đua với tàu hỏa, có lần một con chim ó bay cạnh bên tôi.

Đèn được bật lên khi tôi đến Franzensbad. Tôi vào "Imperial" và thuê một phòng nhìn ra công viên. Khách sạn rất trắng và rất yên tĩnh. Một đài phun nước chảy róc rách, tôi nghe có tiếng nói nhỏ nhỏ ở tiền sảnh, nhưng trên đường đi qua các hành lang và tầng lầu, ngang qua những cột và trụ đỡ tường màu trắng, tôi không gặp một người nào cả. Một cái điện thoại reo mãi trong một căn phòng mà không có ai nhắc máy. Tôi tìm thấy quây rượu vẫn còn mở và nhìn quanh, tôi chỉ có một mình. Trong cái làm lạnh là rượu vang phốt hồng California bên cạnh sâm banh Bohemia, có Jägermeister<sup>3</sup> và Tequila<sup>4</sup>, quả hạnh có muối, thêm vào đó là nhạc Ireland.

Vào một ngày trong mùa hè đẹp của năm 1909, Đại công tước Áo Karl dòng Habsburg đã cưới ngựa đến đây từ một doanh trại cách không xa, trong bộ quân phục của một trung úy kỵ binh. Anh đã 22 tuổi và đã đến lúc phải tự quyết định lấy số phận của mình.

Việc đấy được thực hiện từ Wien một cách thận trọng, nhưng, như có thể thấy được sau này, rất có hiệu quả bởi nữ Đại công tước Áo Maria Theresia, người vợ góa

của ông anh, Karl Ludwig, tức mẹ ghẻ của bác anh, người kế vị ngai vàng Franz Ferdinand. Cuộc kết hôn của ông ấy không môn đăng hộ đối, vì thế nên con cháu không được quyền kế vị. Maria Theresia mong muốn ít nhất là Karl có thể nối tiếp được triều đại. Con gái của bà, Maria Annunziata, lo liệu việc đó. Cùng với nữ quý tộc trong cung, thị nữ, thị tỳ trình nữ và đầy tớ, bà vào khách sạn "Imperial". Bà đã sắp xếp để người kế vị ngai vàng trẻ tuổi đến thăm – và một cuộc gặp gỡ tình cờ với Zita của Bourbon-Parma 17 tuổi, người cũng đến đây nghỉ vài ngày hè. Zita và Karl trở thành một đôi, đôi cuối cùng như vậy: Hoàng hậu cuối cùng của Áo và hoàng đế cuối cùng.

Tôi đi bơi trong bể bơi của khách sạn rồi dạo bước trong công viên về đêm. Tôi quay lại nhìn ngôi biệt thự màu trắng. Zita của Bourbon-Parma đã sống trong đó, bên trái, cách cửa sổ của tôi 3 cửa sổ – tôi đã để đèn sáng –, trước đây chưa đến 100 năm cô đã ở đây và đã yêu Karl.

Trong một góc của tiền sảnh khách sạn tôi nhìn thấy một tấm bảng bằng đá hoa cương màu đỏ, ở trên đó là tên những người khách của "Imperial". Hoàng đế, đại hầu tước và nữ đại hầu tước, hoàng tử và công chúa vv. và vv. từ Nga với tên Đức của họ. Le Grand Duc Paul de Russie – Pavel của Nga, của Hy Lạp, của Hessen và sông Rhein. Thế rồi tấm bảng bị gãy ngang và cùng với đó là sự liệt kê, vết gãy nghiêng và không đều đặn. Chắc là nó đã ngã xuống.

Chưa đầy 100 năm? Như thế vậy là ít. Như thế vậy là nhiều. Thời gian là một chất dẻo. Có thể tạo hình được, co giãn được, như nó thích. Đặc tính vật chất tuyệt vời. Dễ dàng xử lý.

Karl và những người kia, đã xa lắm rồi. Xa hơn cả thời Đồ đồng mà ít ra là vẫn còn dấu vết xe ở trong rừng của nó. 100 năm? Chưa đầy 40 năm sau, người anh của hoàng hậu cuối cùng đã tự tìm thấy mình trong cái mà người ta gọi là trại tập trung, không xa đây lắm, ở bên kia biên giới.

Trong mùa xuân năm 1945, Hoàng tử Xavier của Bourbon-Parma đã ngồi trong Dachau, trong nhà thổ của trại tập trung có đèn treo màu đỏ mà các cô gái mãi mãi đã nhường lại. Một người sùng đạo, một người quý nhiều giờ liền ở một góc của gian phòng chung và chìm đắm vào trong cầu nguyện, một người tù khác đã mô tả ông như vậy, nhà ngoại giao người Đan Mạch Mogensen. Vị hoàng tử thuật lại cho ông ấy rằng ông đã hạnh phúc như thế nào, khi gia đình ông lại được phép sống ở Pháp sau nhiều thế hệ kể từ cuộc Cách Mạng Pháp. Hạnh phúc ngắn ngủi. Chiến tranh bắt đầu, nước Pháp bị người Đức chiếm đóng, dòng họ Bourbon-Parma tham gia lực lượng kháng chiến của người Pháp, và hoàng tử bị lộ. Vì thế mà người anh của Zita đã đến Dachau.

Từ Franzensbad tôi đi về Đức, cách không xa. Con đường dẫn qua một ngọn núi lửa cũ, khiêm tốn, ở một lúc nào đó giữa kỷ Neogen và kỷ Đệ tứ nó đã phun lửa. Bây giờ nó có tên là Kammerbühl và là một ngọn đồi ở rìa của một khu dân cư mới, có vân sam và sỏi và băng giải thích ở trên đó, vì trong thời Goethe<sup>5</sup> sôi động về khoa học tự nhiên, ngọn đồi Bohemia là một nơi nổi tiếng. Trong cuộc tranh cãi giữa những người theo thuyết Thủy thành và những người theo thuyết Núi lửa, nó cần phải đưa ra một quyết định. Đá xuất phát từ biển, như những người của thuyết đầu khẳng định, hay nó có nguồn gốc núi lửa, như những người của thuyết kia nói? Goethe, người qua đây nhiều lần từ nơi nghỉ hè trong Franzensbad, đề nghị đào một đường hầm vào trong ngọn đồi để nghiên cứu, việc cũng đã được tiến hành. Một người nào đó đã khắc hình của ông ấy trên bức tường đá bazan, với một cái mũi thính to béo đáng lưu ý, và ở dưới có khắc: "Goethe, nhà nghiên cứu của Kammerbühl".

Qua một vùng đất trũng cuối cùng, tôi đến gần biên giới, cò, diệc và chim cốc đang bắt cá ở sông và trên đồng cỏ. Một làn da băng tuyết mỏng phủ lên tất cả như thủy tinh mỏng mảnh nhất, nó vỡ ra dưới mỗi một bước chân. Tôi đi đến nước Đức trong tiếng vỡ nho nhỏ, đến vùng đất rừng ở hướng tây phía bên kia, đang trở dậy sau những cánh đồng ngập nước đã đóng băng. Trong những cánh rừng này có một lâu đài mà người ta đang chờ tôi ở đó.

<sup>1</sup> Điêu khắc gia nổi tiếng người Mỹ.

<sup>2</sup> Joan Miró i Ferrà (1893-1983) họa sĩ và nhà điêu khắc người Tây Ban Nha.

<sup>3</sup> Một loại rượu ngọt của Đức.

<sup>4</sup> Một loại rượu mạnh Mexico.

<sup>5</sup> Johann Wolfgang von Goethe (1749-1832) đại thi hào người Đức.

## Vị nam tước tự đến thăm mình trong rừng

Bước vào một lâu đài là việc hết sức bình thường khi người ta sở hữu nó.

Một chiếc ô tô nhỏ mang biển số đồng quê trong vùng chạy đến từ trên đại lộ, lượn một vòng bán nguyệt và dừng lại. Người lái xe, một người đàn ông trên 50, cao, gầy, mang quân màu nâu nhạt đã phồng ra ở đầu gối và áo khoác bền chắc, cầm lấy cái túi xách của ông ấy và đi đến cửa sau, loay hoay mở – cái cửa cũ bằng gỗ không phải là cái mà một người thợ mộc gọi là có thể đi được –, rồi vị chủ nhân lâu đài bước lên cái cầu thang uốn, hẹp và mời người khách đi theo ông.

Có thể nghe rõ tiếng bú và tiếng cưa từ bên trong lâu đài, vị nam tước gật đầu hài lòng. À, có tiền triển đấy. Trong cánh nhà bên kia, ông nói, cầu thang mới bằng gỗ đang được xây, sàn đang được lót và vài bức tường mới đang được dựng lên. Ông trao đổi vài câu với một người thợ về công việc mà chắc hẳn đã tiến triển chậm chạp hơn là đã hứa, trong lúc đó ông nói giọng Franken, tiếng địa phương của vùng này. Rồi ông đi vào cánh nhà đang ở, cánh nhà mà ông sử dụng một vài phòng trong đó, quăng chiếc áo khoác lên xô pha, dỡ thực phẩm mang theo vào trong bếp, bật cho ấm phòng, đun nước pha trà và nói: "Tôi đã quen trở thành ông nam tước khi tôi ở đây, người ta muốn như vậy. Họ sẽ cảm thấy kỳ lạ nếu như tôi không để cho họ xưng hô như thế. Người có rừng và lâu đài, đó là ông nam tước."

Ông chỉ cho tôi căn phòng của tôi, và tôi nhìn quanh quất trong khi ông lôi đồ đạc ra khỏi túi xách ở trong phòng bên cạnh, tự sắp xếp cho cuối tuần bằng những động tác thông thạo. Ông yêu opera, theo cái nhìn lướt qua những đĩa nhạc nhựa của ông ấy, nhưng ông cũng nghe nhạc pop. Bộ sưu tập đĩa nhạc nhựa chất đầy cả một bức tường: Trầm tích của một cuộc đời vào cuối thế kỷ 20, của một cuộc đời nửa trong thành phố lớn, nửa trong rừng.

Có thể ngắm cảnh lâu đài trong mùa đông ở trên một bức tranh khá to. Lúc đấy nó vẫn còn trong trạng thái nguyên thủy, với rất nhiều tháp và mái vòm. Tầng trên bằng gỗ. Phía trước có trẻ con trên một cái xe trượt trong tuyết và một con chó màu nâu. Trong phòng bếp ở bên kia có treo chân dung của một phụ nữ tổ tiên trong chiếc váy bó sát bằng nhung màu xanh lá cây, mũ có lông chim, thêm một con chó nữa. Tôi nhìn thấy một bản sao của Bismarck<sup>1</sup>. Ông ấy nhìn ra đây.

"Di sản của một người cô."

Ông dẫn tôi vào thư viện do bà ấy để lại. Ông cho là mình có nhiệm vụ phải bảo tồn tất cả. "Nhiệm vụ" nói chung là một từ mà ông đã dùng nhiều hơn 1 lần. Ông nói về thư viện cũng giống như về lâu đài hay khu rừng. Cả ba đều đến với ông, người thừa hưởng, cả ba đều mồ côi. Chúng rất cần một người chăm sóc chúng.

Lúc đấy, khi ông cần phải nhận thừa kế, dường như là người trẻ tuổi ở thành phố lớn với cái họ quý tộc, người thích giao du với nghệ sĩ và nhạc sĩ hơn là với người cùng đẳng cấp của Franken cổ xưa, hoàn toàn không phải là tuýp người có thể đam mê những thứ lật vặt cũ rích này. Nhưng rồi ông cũng làm điều đó. Ông đã tìm ra một giải pháp: Ông nam tước trong rừng Franken và người có tư tưởng tự do trong thành phố lớn chia nhau cùng một con người duy nhất. Ông giữ khoảng cách với tầng lớp quý tộc miền quê, giới vì lý do này nên cũng không ưa thích ông, và giữ không cho giới thành phố lớn đến gần cái lâu đài ở cạnh biên giới. Mỗi tuần ông đều tự đến thăm mình trong cuộc sống kia.

Hiện giờ, khu rừng đã trở thành công việc chính của ông, không phải sách và đĩa nhạc nhựa hay những thứ khác. Trong thời gian gần 30 năm là nam tước, ông đã biến nó thành một khu rừng tái sinh bền vững. Giới chuyên môn gọi đó là "rừng trồng".

"Ông thấy đấy, tôi rất hạnh diện về việc này. Không phải là hạnh diện của một người sở hữu – khu rừng lâu đời hơn tôi và sẽ sống lâu hơn tôi –, nhưng là niềm hạnh diện đã bảo tồn được nó."

Ông lôi một đĩa nhạc nhựa ra, đặt nó vào máy và tôi nghe những âm thanh đầu tiên của *Girl From The North Country*. Johnny Cash<sup>2</sup> và Otto von Bismarck sống sát cạnh nhau trong lâu đài này, gần nhau như những tính cách đang sống trong lồng ngực của vị chủ nhân lâu đài. Cứ mỗi lần người quen trong thành phố trở về từ những chuyến du lịch xa với làn da nâu sậm là họ lại chế diễu ông. Anh chàng Frédéric đi nghỉ mát ở đâu vậy? À vâng, Frédéric lại ở trong khu rừng Bohemia ngớ ngẩn của anh ta. Vì muốn họ để cho ông yên và ru ngủ họ trong những quan điểm ngốc nghếch của họ, ông còn cường điệu hóa cuộc sống của người trong rừng lên thêm một ít.

"Cứ như thể tôi lúc nào cũng chỉ đi vào rừng."

Bây giờ chúng tôi làm việc đó. Trong lúc chúng tôi nói chuyện phiếm thì trời bên ngoài đã tối, cũng thuộc sở hữu của ông là một cái quán trọ nằm ở một nơi hẻo lánh trong rừng, nơi chúng tôi khởi hành đi đến, trong hy vọng là sẽ có món thịt hươu rán ở đó. Chúng tôi đi ngang qua ngôi nhà của người trông rừng, những ánh đèn cuối cùng, và bước vào rừng như vào trong một cái lều đầy những bắt ngờ. Không tối đen như mực ở trong đó, vì có trăng treo ở phía trên, một cái đèn giao thông xiêu vẹo bằng băng tuyết trong đêm đầy sao. Người ta có thể lơ mơ nhận ra đường đi và còn có thể nhìn thấy cả một đoạn ngắn nữa. Cũng tương đối ám trong rừng, do hoàn toàn lặng gió.

Chúng tôi đã đi được có lẽ khoảng nửa giờ khi nghe tiếng động ầm ỉ. Lợn rừng chăng? Điều đó ít nhất là nằm trong phạm vi có thể. Chúng đã nhập cư kể từ khi biên giới Séc được mở cửa, và nó nằm rất gần đây. Ngày trước, ở phía bên kia, thỉnh thoảng có lợn rừng đập phải mình, và khi còn trẻ có lần ông nam tước đã nhìn thấy một con đã nổ tung trên dãy đất biên giới.

Nhưng không phải là lợn rừng. Nghe được tiếng răng rắc và bẻ gãy, chúng tôi tiến đến gần tiếng động. Ánh sáng vụt qua giữa những thân cây, và bây giờ tôi nhìn thấy một cây sồi to cao bị nhiều cánh tay sắt chop lấy và đốn và chặt ngay toàn bộ cành cây đi. Thân cây trụi được cưa thành nhiều khúc dài khoảng 4 m bằng nhau, tất cả đều nằm trong cái ánh sáng hư ảo của chiếc đèn chiếu sáng cỡ máy cưa tự động. Người ta có thể nghĩ rằng có một con robot ăn cây đang tự động làm việc đơn độc trong rừng, nhưng rồi tôi phát hiện ra ô tô của những người thợ đang lái và điều khiển nó. Vị nam tước ngạc nhiên.

"Cái bộ xử lý đó còn làm việc khuya như thế này ư?"

Chúng tôi rẽ sang một con đường khác. Bên cạnh tôi, người đang đi cùng bước qua khu rừng của ông ấy với vẻ chắc chắn của một người đang đi dạo trong vườn của

mình ngay giữa ban ngày. Cuối cùng, chúng tôi đến một bãi cỏ mà ông đã nhắc đến, và ở phía bên kia sáng ánh đèn của cái quán đã được loan báo. Chúng tôi rất vui vì có thịt hươu. Vị nam tước chỉ cho tôi xem bức chân dung ở phía trên của cái bàn. Bức chân dung của một người đàn ông kiên quyết có vẻ ngoài của Bismarck.

"Ông cố của tôi đây. Ông đã bị những người làm rừng đập chết sau khi ông bắn những người đó vì họ trộm gỗ trong rừng của ông. Vụ giết bá tước của Franken đã gây nhiều xôn xao trong thời gian sau Đệ nhất thế chiến."

Sau bữa ăn, chúng tôi đi về trên một con đường khác. Đã gần nửa đêm. Chúng tôi đi ngang qua một cái hồ đã đóng băng có nhiều miếng băng đang ngòi không động đậy ở bên trên. Ngồi.

"Chúng ngủ ở trên băng, ở trên đó an toàn. Cáo không dám bước lên vì băng còn quá mỏng đối với nó."

Chúng tôi đã đi tiếp được một đoạn khi bất thành linh có tiếng quàng quạc sợ hãi vang lại từ hồ. Con cáo vừa đặt chân lên băng trong khoảng khắc này.

Khi nằm trên giường tôi không ngủ ngay được. Những nhân vật và ấn tượng từ trong rừng không muốn biến mất nhanh chóng. Cỗ máy robot. Lợn rừng. Những người làm rừng nổi loạn. Vị bá tước tử thương. Chúng trộn lẫn lộn vào với nhau, không còn có thể phân biệt một cách rõ ràng được. Một người thợ làm rừng bị bắn trúng, ông lê đến một cái hố heo rừng bỏ trống và nằm ngất xỉu trong rừng, ông ấy bị quên lãng. Đông và hè đến rồi lại đi – tình trạng của ông không thay đổi, thường ông nằm đấy trong giấc ngủ sâu, thỉnh thoảng mặt trời lại cù ông, rồi ông nheo mắt và nhìn thấy ánh sáng của nó trên ngọn cây: Lá ở trên đó sáng lấp lánh và kêu rì rào. Có một lần, trong một đêm xuân, nhiều người lính Mỹ xuất hiện ở gần chỗ ông. Một cuộc chiến tranh vừa mới chấm dứt. Suýt tí nữa thì họ đã phát hiện ra ông, thế nhưng những chiếc xe tăng của họ chỉ chạy ngang qua ông và chỉ làm gãy và bóc vỏ một vài thân cây. Một lần khác, nhiều đứa bé đang đùa nghịch tìm thấy ông, chúng bàn nhau dưới một cây sồi và tuyên bố ông là điều bí mật của chúng. Chúng dùng nắp của một lon đồ hộp đã rỉ sét cửa vào cánh tay, uống máu lẫn nhau và thề một lời thề xấu xa không tiết lộ bí mật của người đàn ông đã chết trong hố heo rừng cho bất kỳ một ai.

Tôi là một đứa trong bọn chúng hay tôi đã nhìn tất cả từ trên ngọn của cái cây mà tôi đã leo lên? Tôi không chắc chắn, nhưng lời thề trói buộc tôi cho đến tận cùng của đêm nay.

---

<sup>1</sup> Otto von Bismarck (1815-1898) thủ tướng đầu tiên của Đế chế Đức.

<sup>2</sup> Johnny Cash (1932-2003) ca sĩ và nhà soạn nhạc đồng quê Mỹ.

## Số 5 – 7 đại lộ Tường nhớ

Tôi đến Neustadt an der Waldnaab và hỏi mượn phòng trong một quán có tên là "Cây sồi Đức". Mấy người đàn ông đang ngồi cạnh cái bàn dành riêng cho họ ngưng câu chuyện đang bàn tán sôi nổi khi tôi vừa bước vào, nhìn tôi một thoáng, rồi họ lại tiếp tục câu chuyện của họ và không màng đến tôi nữa. Họ đang nói chuyện gì trong tiếng địa phương vùng Franken của họ và họ đang cười về cái gì thì tôi chẳng hiểu đến một từ.

Trong hành lang của nhà trọ mà họ chỉ tôi đến có treo bức chân dung của một người lính Đức trẻ tuổi, chân dung vẽ rất thật. Đầu trần, cổ áo mở, ánh mắt cời mở, nghiêm trang. Tương phản giữa màu xanh xám tươi sáng của bộ quân phục và mái tóc

dây sẫm màu. Đó không phải là lần đầu tiên tôi nhìn vào một gương mặt của những năm 40 và có cảm giác một người ở đây và hôm nay đang nhìn tôi.

Tôi hỏi bà chủ quán trọ về bức chân dung. Vàng, người nhà. Một chiến hữu đã vẽ ông ấy sau chiến tranh, ông đã từ Nga trở về, nhưng với vết thương trong phổi thì ông ấy không bao giờ hồi phục lại được nữa. Qua đời năm 54 tuổi, vàng. Tôi không hỏi thêm nữa, tôi sẽ từng ấy tuổi vào sinh nhật tới đây.

Vào lúc sáng sớm tôi đi xe buýt đến trại tập trung Flossenbürg, địa chỉ số 5 – 7 đại lộ Tường nhớ. Có thể cảm nhận rõ là nơi này nằm trên cao hơn, gió thổi lạnh buốt, tuyết có hạt nhỏ và cứng quắt vào mặt tôi.

Nhà tiếp đón của trại là một tòa nhà hành chính vững chắc trong phong cách của những năm 30. Không còn có hình nổi đắp vữa như những công trình xây dựng cuối thế kỷ 19 với mặt tiền giống như biệt thự của chúng, cũng không sáng sủa và rộng rãi như phong cách mới sau Đệ nhất thế chiến, và nhất là không Mỹ. Các công trình xây dựng của Đệ chế thứ ba không chọc thủng bầu trời, ngay các công trình đồ sộ cũng không. Chúng đi theo chiều ngang, vào không gian, và chúng thường che dấu tính mạnh mẽ và kỹ thuật tinh vi nửa ở dưới đất. Prora<sup>1</sup> trên đảo Rügen. Sân bay Tempelhof ở Berlin. Bộ Hàng không của Göring với bãi đỗ xe ngầm đầu tiên trên thế giới.

Các tòa nhà khác biệt với những tòa nhà thời hoàng đế Đức như giới tinh hoa trẻ, theo thuyết hư vô của Đức Quốc Xã khác với những học viên sĩ quan trung thành của Wilhelm<sup>2</sup>. Lạnh lùng hơn. Cứng rắn hơn. Trống rỗng hơn. Hàng chào danh dự, đứng xếp hàng trong đá thiên nhiên. Hiện đại, màu xanh xám<sup>3</sup>. Chủ thuyết tiên phong của những người đàn ông trẻ này và những ngôi nhà của họ dựa hoàn toàn vào kỹ thuật, và nhìn về mặt kỹ thuật thì chúng hiện đại. Gương mẫu bí mật cho những tòa nhà chung cư thời cuối thế kỷ 19 là cái lâu đài phô trương. Gương mẫu hoàn toàn không bí mật cho các công trình xây dựng phô trương thời Quốc xã là những doanh trại và công sự. Ở bên trong là tính thực tế nặng nề. Ở đây cũng vậy. Lớp bọc ngoài của lò sưởi đập vào mắt tôi, được làm tốt, ám cúng, bằng gỗ sẫm màu.

Bây giờ các văn phòng làm việc của khu tưởng niệm được đặt trong tòa nhà này. Nếu như phong cách Quốc xã là một đoạn tuyệt với nước Đức trước đây thì rạn nứt giữa hiện tại Đức với tất cả thời gian trước đó cũng to không kém. Trong khi đó thì nó chẳng có gì là đặc biệt cả. Chỉ có điều là phong cách Đức mới, thoải mái, có khuynh hướng xung hô thân mật và mang áo sơ mi dành cho thời gian rảnh rỗi đã dọn vào trong ngôi nhà đầu của trại tập trung Flossenbürg. Các nhân viên, tất cả đều trẻ, đã mang nó theo cùng từ những viện lịch sử. Có cây trong văn phòng, tách văn phòng và chuyện tếu lâm văn phòng trên tường. Không thể lúc nào cũng nghĩ đến trại tập trung, ngay khi người ta có văn phòng trong một trại tập trung. Ngay cả khi cái văn phòng đó là một văn phòng tưởng niệm. Một phong cách chỉ cố gắng để *total recall*, tưởng nhớ toàn bộ, phải như thế nào thì tôi không thể và cũng không muốn tưởng tượng ra.

Nhưng trại tập trung là cái gì? Nó là một nơi của tự do. Tự do phạm tội tuyệt đối, không có công ước, không có tôn trọng đạo đức kìm hãm. Tự do lựa chọn vật thể. Tự do lựa chọn phương pháp. Tự do sáng sủa cho cái thường thờ hỏn hển và co giắt trong bóng tối. Tự do của bàn tay ở cò súng, ở dây treo, tự do của bàn tay ở điều thuốc lá, rượu và trong nhà thổ của trại. Một trại tập trung là một nơi bảo tồn ma quỷ. Không phải là có ma quỷ thật, là cái ghê gớm, lúc nào cũng có nó. Ghê gớm là "Lãnh tụ"<sup>4</sup> đã cho chúng một nơi chốn tự do.

Ma quỷ có ở trong hồ sơ lưu trữ. Trong những bản sao tồi tàn, thỉnh thoảng gần như không thể đọc được của những tờ giấy ghi chép chi chít, trong từng câu và

từng cảnh tượng và từng tên họ đã được những người thẩm vấn của phe Đồng Minh gõ vào máy đánh chữ của họ ở Naples trong tháng 5 năm 1945. Ngồi đối diện với họ là những tù nhân từ Flossenbürg đã được giải thoát.

Con quỷ của Flossenbürg – chỉ một trong số đó, nhưng chính là con quỷ mà không một người còn sống sót nào lại có thể quên được – là một Karl Weihe từ vùng gần Magdeburg. Do tù nhân gần như không bao giờ gọi tên của hắn, nên chỉ như vậy: Weihe, tên đạo phủ của Flossenbürg.

Một vài người, biết đến hắn ở đó, có mơ cũng không thấy được điều đầy một năm trước. Vì Flossenbürg có một bí mật: Có nhiều tù nhân đặc biệt đã bị giam giữ trong ngôi nhà quản thúc, một nhà tù riêng rẽ, một nhóm chọn lọc bao gồm nhiều nhân vật nổi tiếng của Đức và châu Âu. Lãnh đạo và bộ trưởng của nhiều chính phủ châu Âu. Người của nhà thờ. Tình báo Đan Mạch. Tướng lĩnh Đức và Hungary. Quý tộc. Người kế vị ngai vàng Bayern Hoàng tử nổi ngôi Franz của Bayern, Hoàng tử Philipp của Hessen, Hoàng tử Friedrich Leopold của Phổ. Nhưng sân trong của ngôi nhà quản thúc họ – phần ở phía sau có mái che của nó – là nơi chốn tự do của Weihe vào mỗi buổi sáng. Hắn bắn vào gáy ở đây, móc được treo ở đây, móc có treo dây mà hắn đặt quanh cổ của người bị hắn ra lệnh.

Tướng Georg Thomas đã bày tỏ nỗi nghi ngại về chiến dịch xâm lược Nga, về "Chiến dịch Barbarossa" của Hitler. Người cựu lãnh đạo của sở quân trang và kinh tế quân đội trong Bộ tổng chỉ huy quân đội cho rằng sẽ rất khó có thể thành công trong việc về mặt quân sự là một điều bất buộc nhưng đã thất bại trong những lần xâm lược nước Nga trước đây: Cung cấp lương thực cho đạo quân khổng lồ từ đất nước bị chiếm đóng. Quan hệ với những người đồng mưu quanh Graf von Stauffenberg<sup>5</sup> đã trở thành tai họa cho vị tướng lúc đó đã về hưu. Ông lại tìm thấy mình trong thế giới dưới hầm của Gestapo<sup>6</sup> trong dinh Hoàng tử Albrecht ở Berlin.

Vào ngày 7 tháng 2 năm 1945, sau khi trụ sở chính của Gestapo bị hư hại nặng trong một lần không kích, ông được mang ra khỏi đó và được đẩy lên một chiếc xe buýt cùng với những người mưu đảo chính khác. Đô đốc Wilhelm Canaris, sếp tình báo quân đội Đức ngồi ở trong đó. Và người cộng sự và người bạn và người đồng mưu lâu nay thúc dục hành động tướng Hans Oster. Đại úy Theodor Strünck, cũng thuộc tình báo quân đội. Đại tướng Franz Halder, cho đến năm 1942 là sếp của Bộ tổng tham mưu Lục quân. Karl Sack, chánh án và sếp của tòa án lục quân. Hjalmar Schacht, cựu thống đốc Ngân hàng Đế chế.

Rồi còn có một nguyên thủ quốc gia cũng ngồi ở trong đó. Thủ tướng Áo Kurt von Schuschnigg theo khuynh hướng quân chủ đã bị Đức Quốc xã bắt giam sau khi hành quân xâm nhập. Vera vợ của ông, sinh ra là nữ bá tước Czernin-Gugger, cũng ở bên cạnh ông, bà tình nguyện đi cùng ông qua các trại tập trung đã nhiều năm. Và một đứa bé 3 tuổi cũng ở trong xe buýt, Maria Dolores, con gái của vợ chồng Schuschnigg, được cha mẹ gọi là "Cissy". Cô bé không hề biết gì khác. Cô bé ra đời trong một trại tập trung.

Chuyến đi bắt đầu từ Berlin-Mitte về hướng tây, đi ngang qua căn hộ của tướng Oster trong Wilmersdorf và của tướng Thomas trong khu Grunewald quý phái, và chấm dứt sau 14 giờ tại trại tập trung Flossenbürg trước một ngôi nhà dài với 40 phòng giam, nhà quản thúc của trại tập trung. Vào lúc đầu, Tướng Thomas bị biệt giam và chỉ sau một thời gian mới hiểu được những gì đã xảy ra hằng ngày trên sân trước phòng giam của ông.

"Đó là một trại hủy diệt thuộc loại ghê tởm nhất", ông viết lại sau này trong hồi ký, "hằng ngày, ngay trước phòng giam của chúng tôi, nhiều đàn ông và phụ nữ phải tự lột trần truồng ra để rồi bị bắn chết hay bị treo cổ và xác chết được khuân ngang qua trước mắt của chúng tôi để mang đi thiêu. Sau công việc vào buổi sáng của

chúng, những kẻ giết người này, đồng thời cũng là những người canh tù của chúng tôi, ngồi uống cà phê và uống cà phê buổi sáng của chúng một cách vui vẻ."

Sân của Weihe. Đã có một vài người canh tù, vị tướng ghi chú, phải cố chịu đựng việc này, nhưng họ quá yếu đuối để có thể chống lại công việc giết người của họ. Weihe không thuộc trong số những người yếu đuối. Ngược lại, hắn rất thích treo cổ và thích nhìn thân thể trần truồng trong lúc đó. Khi tòa án quân sự dã chiến của SS ở trại tập trung nhóm họp và xét xử xong, và nó nhóm họp không ngừng nghỉ, hắn chuẩn bị làm việc.

Có lần hắn đã khoe khoang với một lính SS rằng hắn đã bắn vào gáy liên tiếp nhau nhiều đến mức nòng súng nóng bỏng lên – hắn đã phải thay súng. Trong khi đấy, bắn vào gáy hoàn toàn không phải là "chuyên môn" của hắn. Weihe chính là đao phủ, kẻ tích cực nhất trong trại, và hắn đã đi xa hơn những gì mà hắn phải làm rất nhiều.

Hắn thường thức việc đó. Hắn biến việc đó thành một sự kiện. Hắn có thể giết chết nạn nhân của hắn lạnh lùng như một bác sĩ. Nhưng hắn lại thường thức việc đó, làm mất nhân phẩm của họ, hạ nhục họ ngay cả trong cái chết. Hắn sử dụng họ. Như Armand Mottet, một người Pháp của Résistance<sup>7</sup>, đã giải thích cho những người thẩm vấn ở Naples: "Đầu tiên, nạn nhân được dẫn đến phòng tắm, ở đó hạ sĩ quan Weihe hạ lệnh cho họ phải cởi bỏ y phục ra. Rồi hắn trói tay họ ra phía sau lưng bằng một đoạn dây, giật bỏ tất cả nhãn và tất cả dấu hiệu đạo giáo mà họ mang trên người, xé nát ảnh gia đình của họ trước mặt họ và cuối cùng dẫn họ đi xử tử. Weihe tự tay mình treo cổ họ."

Mỗi ngày Weihe treo cổ ít nhất là một chục nạn nhân, thỉnh thoảng còn nhiều hơn. Vào ngày 8 tháng 1 năm 1945 hắn treo cổ 3 người phụ nữ của tổ chức kháng chiến Ba Lan, một người trong số đó đang mang thai đến tháng thứ 8. Vào ngày 11 tháng 1, 3 ngày sau đó, hắn treo cổ 2 bé gái người Ba Lan, 12 và 13 tuổi, và vì họ quá nhẹ cân nên hắn đu lên chân của hai em và giật cho đến khi đủ mới thôi.

Ông Weihe nhỏ người từ Wormsdorf gần Eisleben trong Magdeburger Börde, 53 tuổi, cao chưa đến 1 m70, vai khỏe, lưng cong, tuýp người miền quê. Không thông minh, những người tù nhân có học thức của hắn nói. Khó có thể tưởng tượng được rằng hắn đã không thường thức thêm việc nhiều quý ông và quý bà cao sang bây giờ lại nằm trong quyền hạn của hắn. Vào chủ nhật, theo như lời thuật lại, Weihe thư giãn trong nhà thổ của trại.

Cũng theo nhà ngoại giao Mogensen, Weihe đã đóng vai trò chủ chốt. Là phó lãnh sự Đan Mạch tại Danzig, Mogensen đã tham dự nhiều hoạt động phá hoại của một tổ chức kháng chiến Ba Lan, bị lộ và bị bắt giam tại Flossenbürg, trước khi ông cùng với những tù nhân đặc biệt khác về Dachau<sup>8</sup>. Trong bộ ma quỷ học nhỏ của ông về những đội canh gác, ông xếp Weihe vào loại người ác dâm. "Có một lần tôi ở trong sân sau một loạt vụ xử tử hình và đi ngang qua phòng canh gác, qua cánh cửa đang mở hé tôi nhìn thấy Weihe đang nhảy tung tung và thủ dâm."

Tự do lựa chọn vật thể, tự do lựa chọn phương pháp.

Vào đêm Giáng Sinh, Mogensen nhận được một gói quà nhỏ từ vợ ông. Một cái bánh nhỏ, được làm từ quả cây sồi đỏ đã được lột vỏ và một ít bột mì, có một cành thông nằm cạnh bên. "Tôi ăn cái bánh trước rồi đến cành thông sau." Lúc đó người ta đã dựng cây Giáng Sinh lớn ở bên ngoài, để cho tất cả mọi người đều nhìn thấy. "Nó được trang hoàng bằng một cái giá treo cổ và 2 người tù bị treo trên đó. Họ đội túi giấy lớn có màu sắc sỡ ở trên đầu. Vào buổi tối, dàn nhạc tù nhân chơi những bài hát Giáng Sinh. Trên quảng trường giữa nhà tù và nhà thổ họ cất tiếng hát 'Hãy vui mừng, hãy vui mừng, thế giới Kitô giáo'. Đó là đêm Giáng Sinh điên rồ và đáng sợ nhất trong cuộc đời tôi."

Diên rồ và báng bỏ cho tất cả, đó là quà tặng của ngày 24 tháng 12 năm 1944. Đó là Giáng Sinh ma quỷ cuối cùng của Flossenbürg.

Trước chiến tranh, trại này là một nơi xa mặt trận và nằm ở vị trí trung tâm, hẻo lánh như dễ đến. Giết người hằng ngày và thái quá đã có thể bộc lộ một cách tự do và không bị quấy nhiễu ở đây, mỏ đá granite trong vùng là cơ hội để cưỡng bức lao động có quy mô lớn. Giờ đây, trong tháng 4 năm 1945, khi mặt trận ngày càng nhích đến gần, Flossenbürg cũng không còn có thể giữ được nữa. Nó được sơ tán.

Con số tù nhân đã tăng lên gấp nhiều lần trong thời gian cuối, từ 4000 lên đến 15.000. Người Do Thái từ Ba Lan và Hungary, sau khi các trại hủy diệt ở phía đông được giải phóng. Những người bị đàn áp, vì chính trị hay những việc khác. Tất cả những người lọt vào tay của chế độ trong những lần đi xâm chiếm. Bây giờ họ, những người vừa mới bị mang đến đây từ những trại khác, lại bị đẩy đi về hướng nam, đến Dachau, phải đi bộ mà rất nhiều người đã chết trên đường đi. Họ bị bắt buộc phải đi thành nhiều đoàn, mỗi đoàn hàng ngàn người – ngang qua những đại lộ và làng mạc của vùng Bayern. Nhiều người đã nằm lại hay đã bị bắn chết. Sau chiến tranh người ta tìm thấy trên 5000 người chết trên các tuyến đường của những chuyến đi bộ man rợ này.

Lực lượng SS cũng đã nghĩ ra một vai trò đặc biệt cho các tù nhân đặc biệt của họ trong giai đoạn kết thúc: Họ cần phải đóng vai trò con tin cho những cuộc thương lượng hảo huyền của Himmler<sup>9</sup> với quân đội Đồng Minh. Vua Bỉ Leopold III, tướng lĩnh Pháp, dòng họ Wittelsbach – tất cả những gì có thể có giá trị đều được gom chung lại với nhau. Một hệ thống riêng bao gồm nhiều trại giam đặc biệt dành cho những người nổi tiếng đã thành hình trong nhiều lâu đài và khách sạn, không chỉ trong vùng Tirol mà còn ở trong Sudetenland, trong Sachsen và miền nam Đức. Con tin trong những trại tập trung và trại quân đội bị đưa lên xe và mang đi. Người ta muốn mang họ về thành trì trú ẩn cuối cùng, được gọi là Pháo đài Alps. Quần đảo Himmler, đã trải rộng khắp cả châu Âu, bây giờ lui về miền nam, trên núi, như trong cơn co giật cuối cùng.

Nhưng ý tưởng Pháo đài Alps đã chết trước khi nó bắt đầu có hình dạng, mà cái tốt là nhờ vào phản bội. Kẻ lãnh đạo SS tối cao ở Ý, tướng Karl Wolff của Waffen-SS<sup>10</sup>, đã bí mật thương lượng với quân đội Đồng Minh từ lâu, hẳn đầu hàng và giao ra sườn phía nam của cái pháo đài ma.

Vào ngày 9 tháng 4, các con tin trong Flossenbürg bị đưa lên xe tải và mang về phía nam. Hoàng tử của Hessen đã ngất xỉu trong chuyến đi; trên người của phó lãnh sự Mogensen là người đồng xứ Hans Lunding, một sĩ quan tinh báo Đan Mạch. Do phòng giam của ông nằm kề cận phòng giam của Canaris, Lunding cũng vừa mới là nhân chứng cho những ngày cuối cùng của vị đô đốc.

Từ khi hai người biết rằng họ nằm cạnh nhau, Canaris và Lunding đã dùng tín hiệu Morse để liên lạc. Trong những đêm cuối cùng họ đã nói, nói, gõ, gõ. Cuối ngày 8 tháng 4, Canaris trở về từ tòa án dã chiến. Những người hành hạ ông đã biết rõ tất cả, mặc dù vậy ông vẫn đấu tranh với họ cho đến cuối cùng. Vâng, ông đã tham gia âm mưu đảo chính, nhưng chỉ để phá hỏng nó vào giây phút cuối cùng, đó chính là nhiệm vụ của ông, sếp của tinh báo quân đội.

Chỉ đến khi họ mang người bạn của ông ra để đối chất, tướng Oster, người đã khai báo tất cả, ông mới chịu đầu hàng. Đã có một cuộc đối thoại gay gắt cuối cùng giữa hai người.

"Hãy để tôi giải thích, tôi chỉ giả vờ làm như thế thôi!" – "Không, không đúng. Tôi không thể khai những gì khác hơn những điều tôi biết. Tôi không phải là một tên vô lại."

Trong đêm đó, Lunding nghe Canaris được mang trở về phòng giam. Cánh cửa, ổ khóa, tiếng loảng xoảng của dây xích chân. Ông chờ cho đến khi im lặng rồi ông gõ. Mãi một lúc lâu sau đó ông mới nhận được trả lời. Và những gì ông dịch lại từ tiếng gõ ở phía bên kia của bức tường là một tờ di chúc.

"Thời gian của tôi đã hết.

Không phải là kẻ phản bội tổ quốc.

Đã thi hành nhiệm vụ như một người Đức.

Nếu ông sống sót, xin ông chuyển lời thăm đến vợ tôi."

Rồi hình ảnh cuối cùng. Lunding được đánh thức dậy bởi những tiếng động quá quen thuộc ở bên ngoài trên lối đi vào buổi sáng sớm. Bước chân. Mệnh lệnh. Leng keng. Còn chưa đến 6 giờ. Ông đứng dậy và nhìn qua một kẻ hở trên cửa. Một thân thể trắng, trần truồng, gần như chỉ là đường nét của một thân thể – và đi mất, đi qua. Đô đốc Canaris trên đường đi tử hình.

Tất cả những việc đó theo đuổi ông trên chuyến đi đêm trong chiếc xe tải nhét đầy người. Rồi buổi sáng đến và những người trên xe nhận ra phong cảnh và đoán được sẽ đi đến đâu: Dachau. Ở đó, nhiều hình ảnh mới ập đến. Những cảnh dã man cực cùng. Ở Dachau, năng suất giết người giờ đây không còn được thông báo bằng con số của xác chết nữa, mà được đo bằng con số xe cút kít chở tro ra từ lò thiêu. Người ta cho là 2 tá xe cút kít trong những ngày cuối cùng này.

Ngay giữa sự man rợ cũng có những khoảng khắc kỳ lạ. Khi người ta đứng xếp hàng cùng với một hoàng tử Đức ở trước nơi tiêu tiện thì phải cố gắng không nhìn chăm chăm vào vị tướng nổi tiếng, mang đầy đủ quân phục, trên cổ là cái huy chương Đức "Pour le Mérite"<sup>11</sup> cao quý nhất, đang ngồi đại tiện cùng với những tù nhân khác.

Dachau là điểm tập hợp của nhóm con tin cuối cùng. Tù nhân đặc biệt từ nhiều trại khác nhau về đây, không chỉ từ Flossenbürg. Thành viên nhóm mưu đảo chính của ngày 20 tháng 7, gia đình của Graf von Stauffenberg và những người khác. Và Hoàng tử của Bourbon-Parma, người đã là tù nhân bình thường của Dachau trước đó một thời gian khá lâu, giờ đây cũng được dẫn sang nhà thổ của trại tập trung mới được vội vàng dọn trống, đến với những người nổi tiếng khác. Cũng như Hoàng tử Leopold của Phổ, người được tù nhân Dachau rất quý mến. Họ bắt tay để từ giã, một hàng chào bắt tay danh dự.

Thời gian thúc giục. Mặt trận giờ đây cũng nhích đến gần Dachau một cách đầy nguy hiểm. Chỉ sau 2 tuần, cả nhóm lại được chất lên xe buýt và xe tải, vào ngày 24 tháng 4 được mang đi trong đêm về hướng Innsbruck và nhốt trong một trại trung chuyển ở gần thành phố. Các tù nhân không thể không nhìn thấy rằng những người canh giữ họ ngày càng bòn chòn hơn. Những người đàn ông, trong số đó có không ít người đã từng chiến đấu trong chiến tranh và là sĩ quan chuyên nghiệp, đang chờ đợi khoảng khắc họ có thể tự quyết định lấy số phận của họ. Cuối cùng thì người ta phải dự tính cho tất cả mọi việc có thể xảy ra. Trên chuyến đi qua quần đảo Himmler, họ đã nhìn thấy các nhà máy giết người lại tăng "sản xuất" của chúng lên thêm một lần nữa, ở thời điểm bắt đầu đi đến kết thúc. Cũng đã có những vụ tử hình bởi những kẻ cuồng tín tuyệt vọng trong phút cuối cùng.

Tướng Thomas nhận thấy những người canh giữ giống như rắn măt đầu. "Do chúng tôi không có vũ khí và nhóm áp giải của chúng tôi thì lại được trang bị vũ khí đầy đủ, nên chúng tôi phải tạm thời gác lại ý tưởng dùng vũ lực để giải thoát." Nhưng có một rạn nứt đi xuyên qua đội canh gác, và cái đó làm cho ông hy vọng. "Các nhân tố tử tế giúp đỡ chúng tôi bằng mọi cách, các nhân tố xấu ngày càng cứng rắn hơn trong mỗi bất an của chúng."

Các nhân tố xấu, đó là một nhóm người của SD<sup>12</sup> trông có vẻ lụn bại, được trang bị vũ khí đến tận răng có chỉ huy riêng, đã tăng cường cho nhóm canh gác trong

thời gian vừa qua. Các tù nhân lo ngại đây chính là những đao phủ của họ. Và thật sự là trong lúc say sưa, một vài người thuộc SD đã bộc lộ lời đe dọa rằng họ ở đây để bắn chết ít nhất là một phần của nhóm con tin nổi tiếng.

Sau 2 ngày, nhóm người lại được đưa lên xe. Tiếp tục đi, lên đèo Brenner về hướng Pustertal. Vào lúc giữa đêm, đoàn vận tải phải dừng lại nhiều giờ vì quân đội Đức Quốc xã chặn đường. Một hình ảnh quân đội hỗn loạn xuất hiện, đồng thời người ta cũng biết được điểm đến của đoàn xe tải – khách sạn nghỉ mát thơ mộng "Pragser Wildsee". Trung úy SS Stiller lãnh đạo nhóm con tin đã thương lượng được việc đó. Các con tin mô tả ông ta trong hồi ký của họ như một người cố gắng tạo hoàn cảnh tử tế.

Nhưng hóa ra một bộ tham mưu quân đội đã đóng quân trong khách sạn. Tiếp theo sau đó là giằng co giữa Stiller và các cơ sở quân đội. Vào sáng ngày 28 tháng 4, một ngày thứ bảy mưa mù âm u, nhóm người đi đến Niederdorf trong vùng Nam Tirol. Stiller cho dừng lại ở đây, cách làng không xa. Không một ai, kể cả ông ta, biết được sẽ tiếp tục như thế nào. Mệt mỏi, đói, thiếu ngủ, run lập cập vì lạnh, các con tin đứng ngồi cạnh đường. Nhưng không phải tất cả. Bộc lộ việc đội cai quản đã không còn có khả năng canh giữ được toàn bộ tù nhân. "Đội canh giữ chúng tôi", tướng Thomas nhận định, "ngày càng bối rối hơn, chúng tôi càng can đảm hơn." Vào buổi tối có quyết định: tất cả đi vào làng. Vào nhà, trên nệm rơm, trên giường ngủ đàng hoàng.

Sau một đêm giữa phấn chấn, đau khóc, giấc ngủ nặng nề, ngán ngùi và sợ hãi, nhiều sự kiện xảy ra dồn dập vào ngày chủ nhật. Thêm vững tâm qua sự tiếp đón nồng hậu mà họ nhận được từ người dân Nam Tirol – đặc biệt là khi biết được có cả thủ tướng Schuschnigg trong số họ – các tù nhân họp lại sau buổi lễ nhà thờ mà Stiller đã cho phép họ và lập một ủy ban. Chính người trung úy SS cũng chỉ nói như một trong số những người phát biểu. Ai đã từng trải qua trại tập trung và nhìn thấy cảnh này thì không còn có thể nghi ngờ gì được nữa: Đã đến lúc sắp chấm dứt.

Người hùng trong ngày là 2 sĩ quan, một từ trại tập trung và một từ quân đội: Bogislav von Bonin và Wichard von Alvensleben. Đại tá von Bonin tự đi tìm một điện thoại và bí mật gọi điện cho bộ tham mưu của Đại tướng Vietinghoff, tổng chỉ huy mặt trận tây-nam, đang đóng quân ở gần đó. Quả thật là ông đã tìm thấy một trạm thông tin quân đội, và sau nhiều cố gắng ông cũng đạt được điều không thể tin được. Ông, tù nhân của trại tập trung, liên lạc được với bộ tham mưu của Vietinghoff và xin vị đại tướng giải phóng cho họ. Rất cấp bách, không thể lưỡng lự trước SS và SD được.

Tướng Thomas cũng không để cho ai cảm đoán mình điều gì nữa và đã đi vào làng. "Khi tôi vừa đến đầu làng thì bạn của tôi, tướng Höpfner, bắt thành linh đứng trước mặt và ôm choàng lấy tôi." Đó là tín hiệu cho các tù nhân ngoại quốc, rằng những người canh giữ họ chẳng còn quyền hạn gì nữa và những người đồng cam chịu với họ, các sĩ quan Đức, đã liên lạc được với quân đội Đức.

Cuộc gọi điện của Bonin thành công. Alvensleben, chỉ huy tổng hành dinh của Vietinghoff và là sĩ quan từ một gia đình Phổ nổi tiếng, nhận nhiệm vụ giải phóng. Ông đi vào chiều tối ngày chủ nhật, đến Niederdorf vào lúc nửa đêm, gặp Stiller trên đường phố, tra hỏi ông ta và biết được rằng những người lính SS của ông ấy và nhóm SD, tổng cộng 86 người, đang canh giữ trên 180 con tin trong làng. Rồi Alvensleben tức tốc quay trở về, lại đến vào sáng ngày thứ hai và giải thích cho một chỉ huy SS khác rằng kể từ giờ phút này các tù nhân đứng dưới sự bảo vệ của quân đội: Hẳn phải sẵn sàng nhận mệnh lệnh. Ông yêu cầu tăng cường lực lượng, và chẳng bao lâu sau 15 hạ sĩ quan xuất hiện trong làng, nhận lệnh của ông bao vây phòng nghỉ tạm thời của đội SS. Tình hình căng thẳng và không có gì là đã ngã ngũ. Chỉ khi Alvensleben lại xin tăng cường lực lượng thêm một lần nữa và một đại đội 150 người của quân đội

xuất hiện thì câu hỏi lực lượng mới có lời giải đáp. Ông cho mang 60 chai rượu Cognac đến và phân chia ra cho các tù nhân.

Vào buổi sáng này trong vùng Nam Tirol, với lần cứu thoát toàn bộ nhóm con tin như một huyền thoại nhờ hành động của 2 người sĩ quan, việc mà những người mưu đảo chính trong tháng 7 trước đó đã hy vọng, việc mà họ đã hy sinh tính mạng cho nó và đã thất bại, cuối cùng đã trở thành hiện thực: Quân đội, lực lượng đã tuân lệnh Hitler và Himmler lâu như thế, giới quân sự như Tướng Thomas, những người đã tổ chức và lãnh đạo cuộc chiến của Hitler – họ đã giật lấy quyền chủ động từ đội lính màu đen<sup>13</sup>, nhờ sự giúp đỡ của những người mà tình yêu tổ quốc đã lớn hơn nỗi lo sợ phải trở thành và phải chết như kẻ phản bội. Đây là một khoảng khắc buồn, lớn vô tận. Như để gọi to với người đã bị treo cổ: Có thể chứ, có thể được! Như để chế giễu: Muộn rồi, muộn rồi!

Đã ngã ngũ. Họ được tự do, giải phóng bởi quân đội. Hồi ức cuối cùng của Tướng Thomas trong ngày này: "Ngay sau đây, du kích quân người Ý xuất hiện và đề nghị sẽ bảo vệ chúng tôi. Kẻ trưởng nhóm Gestapo (ông ấy muốn nói trưởng nhóm SD, Wolfgang Büscher) bị bắt và giải thích, ngay cả sau khi bị bắt giữ, rằng họ đã nhận lệnh trong mọi trường hợp phải bắn chết 5 người trong số chúng tôi, trong đó có tôi, và họ đã dự định thi hành vào ngày 29." Ngày 29 tháng 4, đó là ngày hôm trước.

Còn Weihe? Hạ sĩ quan Weihe, đao phủ của Flossenbürg ra sao? Hẳn biến mất không để lại một dấu vết. Hẳn ở lại trại cho đến cuối cùng rồi chui rút vĩnh viễn vào trong bí mật.

Cô bé Cissy thỉnh thoảng đã chạy theo hấn, khi hấn hét gọi những người sắp bị tử hình ra khỏi phòng giam của họ, để dẫn họ đến sợi dây treo cổ. Cô bé chạy theo sau hấn và bắt chước hấn. Tiếng hét của hấn. "Đi ra đây!" của hấn, khi hấn bắt buộc người nào đó bước ra khỏi phòng giam và cởi bỏ quần áo. Rồi người ta nghe một tiếng vang sau cái mệnh lệnh thô lỗ của Weiher trong hành lang của nhà tù. Đi xuyên qua xương tủy. Tiếng thanh cao của trẻ con.

Nêu Karl Weihe có lần nào đó bật dậy trong một đêm đen nào đó, ở đâu đó gần Magdeburg hay ở Nam Mỹ dưới một cái tên giả hay trong một thế giới hoàn toàn khác, và nếu như hấn có nghe được một cái gì đó trong khoảng khắc ấy, cho hấn biết rằng bàn tay trắng của sự điên rồ đang với đến hấn, ngay bây giờ và cho mãi mãi, thì đây phải là tiếng nói thanh cao, đã ở đằng sau hấn vào nhiều buổi sáng và đã gọi hấn.

"Đi ra đây!"

<sup>1</sup> Prora là tên một tòa nhà đồ sộ trên đảo Rügen, trên kế hoạch có đủ chỗ cho 20.000 người đến nghỉ mát.

<sup>2</sup> Wilhelm I và Wilhelm II: vua Phổ, hoàng đế Đức.

<sup>3</sup> Màu quân phục của quân đội Đức từ đầu thế kỷ 20 cho đến 1945.

<sup>4</sup> Nguyên văn "Führer", trong Đức quốc xã là từ dùng để chỉ Adolf Hitler.

<sup>5</sup> Claus Philipp Maria Graf von Stauffenberg là sĩ quan quân đội Đức quốc xã, người đóng vai trò chủ chốt trong vụ mưu sát Hitler vào ngày 20 tháng 7 năm 1944.

<sup>6</sup> Gestapo: viết tắt của Geheime Staatspolizei (Cảnh sát bí mật quốc gia), cảnh sát chính trị và hình sự trong thời Đức quốc xã.

<sup>7</sup> Résistance: Từ dùng chung để chỉ phong trào kháng chiến tại Pháp chống lại Đức quốc xã đang chiếm đóng trong Đệ nhị thế chiến.

<sup>8</sup> Trại tập trung Dachau gần München là trại tập trung đầu tiên của Đức quốc xã.

<sup>9</sup> Heinrich Himmler (1900-1945) tổng chỉ huy lực lượng SS, từ 1943 đến 1945 đồng thời cũng là Bộ trưởng Bộ Nội vụ của Đức quốc xã.

<sup>10</sup> Waffen-SS: lực lượng được trang bị vũ khí và tham gia chiến đấu như quân đội của SS.

<sup>11</sup> Tiếng Pháp: "Vì công lao"

<sup>12</sup> SD: Viết tắt của Sicherheitsdienst, lực lượng an ninh và tình báo của SS và của Đảng Quốc xã

<sup>13</sup> Màu đen là màu quân phục của SS.

## Siberia Bayern

Có điều kỳ lạ là tôi càng đi về phía nam thì tất cả lại càng an lành hơn. Và đó không phải là vùng miền nam giàu có quanh München. Vùng đất cạnh biên giới với Bohemia là một vùng đất nghèo. Đã như thế, vẫn như thế. Nhưng nó cũng giàu. Ở đây một làng là một làng, và một thành phố nhỏ là một thành phố nhỏ, không có cái đã từng là một làng và không có trích dẫn khu phố cổ. Một quán là một quán và không phải là một tiệm rượu lãng mạn cổ xưa dành cho *weekend*. Và một cái quán xập xệ cạnh biên giới vẫn là một cái quán xập xệ.

Cái quán mà bây giờ tôi bước vào nhìn thoạt qua cũng giống như vậy. Cái kệ thường đặt những chai rượu mạnh ở phía sau quầy rượu trống rỗng, như thể nó không phải để tiếp đãi khách và tất cả chỉ là một hậu cảnh được duy trì một cách chiếu lệ. Hay người chủ quán đã đi vắng một thời gian dài và chỉ vừa mới trở về cách đây không lâu. Khả năng này dường như hợp lý hơn đối với tôi, vì cái quán tạo đúng ấn tượng đấy. Nói chung là không sẵn sàng tiếp đón khách đến, lạnh lẽo, đã không được sử dụng từ lâu rồi.

Chính ông chủ quán, như ông ta ngồi cạnh một trong những bàn vắng khách, trước mặt là một đĩa khoai tây rán, cũng mang nét xa lạ trong chính ngôi nhà của mình.

Một người đàn ông khỏe mạnh, thờ phỉ phò, ông đang dùng tay ăn khoai tây rán. Ít ra thì ông ta cũng chào hỏi, trong khi ấy có thể thấy rõ rằng người khách đến đang làm phiền ông.

Người đàn ông trẻ hơn, ngồi cạnh ông như đũa đày tứ, còn chẳng thèm chào hỏi. Khách đối với anh ta còn khó chịu hơn cả đối với người chủ, anh ta có một cái gì đó không thành thật trên gương mặt và dáng điệu rình rập của một con cáo đang bò đến chuồng gà. Anh ta không hề ngừng nhìn lên một lần và biến mất ngay trong cơ hội đầu tiên. Nhưng mà người ta đã vui chơi trong cái quán không hiểu khách này, nằm trên một cái bàn là 3 cây đàn xép và 1 cây kèn tuba.

Ông chủ quán bắt đầu một cuộc chuyện trò mà sau vài câu đã biến thành một cuộc tra hỏi. Anh từ đâu đến? Ai đã chở anh đến Georgenberg? Thằng đó hả, vậy à. Anh ngủ qua đêm ở đâu trong Neustadt, ở chỗ thằng Schorsch hả? Ông ta cười. Chỗ thằng đó rẻ tiền mà, thằng Schorsch đó. Cái gì, không ở chỗ thằng Schorsch hả!? Anh trả bao nhiêu tiền phòng? Vậy hả, coi đó. Rồi ông ta muốn biết tôi có ở trong một cái quán trọ nào không, ở nơi mà tôi xuất phát để đến đây. Tôi bảo không, và ông ta gật đầu an tâm theo như tôi cảm nhận.

Tôi hỏi ông về biên giới.

"Ngày xưa là một cái hàng rào điện, anh mà tới đó là chết liền."

"Còn buôn lậu?"

"Không có buôn lậu."

Ông nói câu đó với một vẻ tiếc rẻ thông thạo.

Ngay sau cái quán trọ của ông, tôi bước qua biên giới không còn được canh gác nữa, rẽ sang phải và đi bộ dọc theo nó cho đến chiều tối. Sau một lúc lâu, tôi gặp nhiều bức tường đã đổ nát trong rừng, rồi tôi nhìn thấy cây cối ở đây trẻ như thế nào. Tôi hiểu được là mình đang đứng trên những bức tường còn lại của các căn nhà đã bị giật sập của một ngôi làng đã biến mất. Một tượng đài kỷ niệm chiến tranh trong rừng,

hội độc thân của làng đã hiến tặng nó sau Đệ nhất thế chiến, hé lộ tên của nó: Neulosimthal.

Có một hòm thư to như tổ chim treo trên cây, một dây hoa nhựa quấn xung quanh, ở trong là một tờ giấy viết tay: Người dân áp phích Hans và người dân áp phích Resi đã ở đây và gửi lời chào đến bất kỳ người nào tìm thấy tờ giấy này. Sau một đoạn dài trong rừng, thỉnh thoảng có khoảng trống, đường bắt đầu lên dốc một ít, và một hòn đá đứng ở trên đó, có gắn một tấm biển kim loại. "Các Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Genscher và Dienstbier đã cắt đứt Tấm màn sắt tại đây vào ngày 23/12/1989. Cộng hòa Séc – Đức."

Tôi phát hiện một ngôi nhà thờ trong rừng. Người ta đã xây tường bít kín, rồi đã phá ra và lấy đi tất cả nội tạng. Vì mái nhà đã đổ sập xuống nên tất cả đã hư hỏng. Mất của những năm 20 nhìn tôi trên nghĩa trang – ảnh của những người chết, được gắn trên thánh giá của những ngôi mộ. Những gương mặt có nhiều mạch máu nhỏ màu xanh. Đây là những ngôi làng đã bị phá hủy của những người mà người ta đã mang qua biên giới sau chiến tranh. Tôi đi qua nhiều làng như vậy.

Vào buổi chiều tôi lại đi đến đường biên giới và có được sự lựa chọn giữa "Cohiba Bar", một cái quán màu đất nung nằm quanh một cái sân trong kiểu Mexico, và "Mephisto Bar", giữa những quầy hàng của người Ukraina và của người Việt, giữa dù cui bằng sắt và đồ trang trí cây Giáng Sinh hay tượng người lùn đặt trong vườn. Tôi đi đến một quầy bán hàng hóa Nga và bắt chuyện với một người trong số họ bằng tiếng của anh ta:

"Từ đâu đến?"

"Từ Moscow."

"Tôi cũng thế."

Cười.

"Okay, tôi đến từ Berlin."

"Okay, tôi đến từ Kiev."

"Dosvidanje<sup>1</sup>."

"Tạm biệt."

Tôi đi cho đến chiều tối, qua đêm trong một quán trọ của làng và nhìn thấy thế giới trắng xóa vào buổi sáng của ngày hôm sau. Tuyết đã rơi rất nhiều, trời cũng lạnh hơn, nhưng tôi thích những con đường trong rừng, qua lại biên giới, tôi tiếp tục đi.

Đất bây giờ đã đóng băng, và người ta dễ mất định hướng trong tuyết. Lúc đầu, tôi đi theo một con đường rừng rộng. Tôi sắp phải rẽ, chỉ có điều là chính xác ở đâu? Có nhiều đường đi, nhưng khi ở dưới tuyết chúng không khác gì những con đường mòn chấm dứt sau 100 m.

Một chiếc ô tô bé nhỏ, xấu xí đang chạy lên trên con đường rừng, và khi tôi chặn nó lại, tôi nhìn thấy người lái xe là một người đàn ông bé nhỏ, xấu xí. Ông ta cũng có một trái tim bé nhỏ, xấu xí. Ông ta không trả lời câu hỏi thăm đường đi của tôi. Trước khi đạp ga và tiếp tục trượt đi, ông ta cầu nhàu qua cửa kính ô tô: "Ông có bản đồ chứ? Cứ nhìn vào bản đồ thì biết liền đây mà."

Tôi lạc đường, bước vào trong tuyết dày, khó nhọc quay trở lại, tiếp tục đi trong rừng đầy tuyết, rồi lên dốc qua đồng trống, gió lạnh thổi vào mặt tôi, tôi đã đi vòng qua ngọn núi có tên Eulenberg được một nửa, rồi lại quay lại, vì tôi nghĩ rằng đi lên núi có lẽ tốt hơn, leo lên núi rồi lại đi xuống ở phía bên kia và sau một đoạn ngắn thì đến được cái thôn cạnh biên giới mà tôi đã tìm nó. Một vài ngôi nhà gỗ nằm quanh hieu, nhà kho, chóc sủa, không một bóng người. Người ta nói với tôi rằng ở trên đây có cái quán kỳ lạ nhất trong vùng, nhưng phải chuẩn bị trước vì quán không được sưởi

âm, lò sưởi không hoạt động và bà chủ quán đã già lắm rồi, bà sống ở đó một mình, tôi chỉ cần gõ cửa rồi bà sẽ mở cho tôi vào.

Tôi gõ cửa, và trong một cửa sổ của tầng trên xuất hiện gương mặt của một người đàn bà già nua đội khăn trùm đầu. Bà sẽ xuống ngay, bà gọi to, tôi cứ vào đi, cửa mở.

"Con chó không làm gì đâu."

Nó cũng không làm gì thật. Nó chỉ nằm dài trên hành lang, đưa chân trước ra cho tôi và sửa. Rồi bà chủ quán xuất hiện trong chiếc quần đàn ông màu xanh đậm được là thẳng nếp, bà khoác chùng lên một cái áo choàng của phụ nữ ở thôn quê có vạt xanh trắng, chùng lên một cái áo len dày và chùng lên một cái áo gi lê lông thú dày, hơi rộng cho bà tuy là đã có cái áo len. Bà chăm chú nhìn tôi. Tôi nhận thấy bà ngần ngại, và nói vài lời thân thiện để xóa tan nghi ngại của bà. Điều đó không khó đối với tôi. Bà có một gương mặt trong sáng và đôi mắt xanh thắm, và mặc dù bà đã già và sống một mình, xa cách con người, tôi không thể tưởng tượng được rằng bà sống buông thả. Tôi cũng thích quán của bà ngay lập tức, nó đơn giản như có thể đơn giản được. Bàn gỗ cũ bóng láng, sàn nhà bóng láng, gỗ ốp tường cao xung quanh. Một cái ống lò sưởi chạy ngang qua gian phòng như một dòng suy nghĩ bằng bạc. Tôi ngồi xuống, và sau khi nấu cho tôi thức uống nóng bà cũng ngồi xuống, trên chiếc ghế của bà chủ ở rìa của cái quán, và nói: "Vâng, chùng chết rồi."

Bà không nói "Mann<sup>2</sup>", bà bỏ âm "n" và kéo dài "a" được làm âm tôi thành "o": "Vâng, chùng chết rồi." Và đứa con gái cũng đã đi rồi, đi lấy chồng ở nơi khác. Nhưng sau đó thì tôi mới biết là cô ấy sống cách đây chỉ vài kilômét, trong một làng lân cận, nhưng nghe có vẻ như cô ấy đã bỏ trốn qua bên kia đại dương.

"Chỉ còn con Susi ở lại đây thôi."

Đó là con chó. Tôi hỏi bà bao nhiêu tuổi, và ngạc nhiên khi bà nói: "Tám mươi."

Bà thấy tôi nhìn bức ảnh ở trên tường chỗ tôi ngồi.

"Hai người ngồi đúng chỗ này, đúng chỗ ông đang ngồi bây giờ."

Hai người ở phía trên chỗ tôi ngồi, đó là Franz Josef Strauß<sup>3</sup> và vợ của ông trong những sắc màu đỏ của ảnh những năm 70. Tôi còn nghe bà chủ quán nói, đây là một vùng đất bị lãng quên, vùng đất ở phía sau tuyết, Siberia của Bayern, nhưng ở đây vẫn còn cái gì đó treo trên tường, tôi chưa từng đọc được một cái gì tuyệt vời như vậy.

Trong vùng Bohemia ở bên kia, ngay sau biên giới, đã từng có một ngôi làng mà bây giờ không còn nữa, và bên cạnh tám bản đồ của ngôi làng ma này có danh sách tên của những bóng ma đã từng cư ngụ trong làng – tên hiệu đứng trong ngoặc sau mỗi tên chính thức. Mỗi người đều có một tên hiệu, và chúng nghe có vẻ như thiên thần bảo hộ ngôi làng đã hút hết cả một ống điếu Afganistan và đã nghĩ ra tất cả chúng, tên này tuyệt vời hơn tên khác. Michl lông mày. Jakl thợ dệt. Nhóc tí Phục Sinh và Resl ô dù. Báp tit chòi và Girgl nhà thợ mộc. Nhóc tí Nga. Peppi cút sắt, Sepl Đức, Michl chơi và Girgl cây sồi. Girgl ốc vặn. Michl ván che. Nông dân hoàng đế và Báp tit ngọt.

Còn một bức ảnh treo trên tường. Bà chủ quán hát đầu về hướng đó.

"Đã 50 năm rồi. Chùng tôi đấy." Bà mỉm cười. "Ông ấy là một người đàn ông đẹp có phải không? Đó là trong thời khó khăn." Ngưng một ít rồi bà nói: "Chúng tôi đã đi từ thời khó khăn sang thời tốt lành. Tôi nói với cháu tôi, các cháu đi từ thời tốt lành sang thời khó khăn."

Tôi bước ra ngoài đi vào trong tuyết đang che phủ mọi vật và đi xuống đồng bằng ở phía dưới, và thỉnh thoảng tuyết lại xoáy lên và chuyển động trước tôi như những cây cột bằng khói trắng.

Vào chiều tối, cách đó vài làng, tôi biết được lời giải đáp cho câu đố của cái quán xập xệ cạnh biên giới, của cái kệ trống rỗng, của những nhạc cụ nằm quanh, của người chủ quán không mền khách. Một ông chủ quán khác kể cho tôi nghe rằng ông ấy vừa mới ra tù cách đây vài ngày và đã ăn mừng nhân dịp này. Có nhạc sĩ.

"Sao ông ta lại ngồi tù?"

"Dính dáng với gái Séc, biên giới ở ngay bên cạnh mà. Nhưng tôi không biết chính xác, tôi không nói gì hết, tôi không muốn đổ tội cho ông ta bất cứ điều gì hết."

Sau đây một vài làng tôi hỏi thăm thêm lần nữa, lần này là ở một bà chủ quán. Bà hỏi với vẻ rất thông cảm: "À, ông ấy về rồi à. Rồi sao – ông ấy có đặng không?"

Bà dùng từ theo ngữ cổ. Ông ấy có vui vẻ, khỏe mạnh, ông ấy có khỏe không?

---

<sup>1</sup> Tiếng Nga: Tạm biệt.

<sup>2</sup> Tiếng Đức: chồng.

<sup>3</sup> Franz Josef Strauß (1915-1988) Bộ trưởng Cộng hòa Liên bang Đức (1953-1962, 1966-1969), thủ hiến bang Bayern (1978-1988).

## Diễn rồ duyên dáng trong Girgl

Tôi đến Lam, một thành phố nhỏ ở trên cao mà chỉ riêng cái tên một âm của nó thôi cũng đã làm cho tôi thấy thích thú, nó vang như hợp âm cuối đang tắt dần của một bài hát trong tiếng vỗ tay khen ngợi âm i. Đứng ở nơi họp chợ phủ đầy tuyết, tôi suy nghĩ không hiểu tên này nghe có hay hơn không với một Al của tiếng Á Rập hay một âm L đôi của tiếng Tây Ban Nha hay một âm Sankt Công giáo ở đằng trước. Al-Lam. Llam. St. Lam. Không, cứ như vậy thì tốt hơn.

Tôi bước qua đi vào quán. Nó được sơn phết bằng màu sắc sỡ ở mặt ngoài và sáng như một cây Giáng Sinh trong đêm, từ bên trong vang ra tiếng người và tiếng ồn ào vui vẻ. Người ta treo đầy trên tường của cái quán chật chội, không một góc nào còn trống cả. Bộ gạc với ngày tháng và tên của người bán, ảnh chó của chủ quán Zampert Xari, bảng tên của hội thợ săn và giấy khen thưởng, tranh hình trái xoan của Vua Ludwig, cờ Vua Ludwig nặng nề, tục ngữ bàn nhậu được vẽ trên miếng gỗ hình tròn, một cây thánh giá và tất nhiên là một máy truyền hình – tất cả trông có vẻ như đã mọc rễ vào quán và cũng phủ bụi một ít như cái quán. Nhưng ở cạnh cái quầy rượu to đùng có treo vài cây đàn guitar, chúng không mọc rễ và cũng không phủ bụi, chúng đã bập búng do được sử dụng thường xuyên.

Nửa tá đàn ông đang làm âm i. Họ ngồi quanh cái bàn của họ ở giữa quán, uống và gào thét đòi chơi nhạc. Người mà họ thúc giục vẫn còn làm bộ làm tịch.

"Không, tôi không có hứng."

Ông cựa quậy trên chiếc ghế và nhìn đi nơi khác, một người khắc khổ, gầy, độ 50 trong áo len màu xanh. Ông ra vẻ hoàn toàn không tham dự, và cái đó lại làm cho những người đàn ông càng điên lên trong lúc chờ đợi cho đến khi bắt đầu.

"Đi, Girgl, chơi đi mà!"

Nhưng Girgl có rất nhiều thời gian. Ông lờ mờ ngắm ly bia đã cạn một nửa, nhưng cái đó đã thuộc vào phần trình diễn, và ông nói với bà chủ quán: "Tôi già lắm rồi, tôi ngu lắm rồi, đi đi, Maria, đi lấy cho tôi thêm một ly bia nữa đi."

Và người điên khùng nhất trong những người đàn ông hét liên tục:

"Thằng Girgl, thằng Girgl, nó tán chuyện nhiều hơn là chơi đàn."

Rồi cuối cùng ông cũng đứng lên trong tiếng reo hò của cả bàn và vói lấy một cây đàn guitar. Girgl chơi hợp âm đầu, và người mà lúc nào cũng hét vang: "Nó tán chuyện nhiều hơn là chơi đàn", trở nên yên lặng và chỉ còn kêu cục cục và bây giờ nhắc đi nhắc lại: "Tuyệt vời, tuyệt vời."

Girgl gảy một điệu nhạc đơn giản và hát một bài hát thô tục.

Có lần tôi ngồi trên tường của tu viện  
Rình rập với cây chổi của tôi...

Thế rồi họ lũ lượt chạy vào trong bài hát của ông, các nữ tu sĩ đã chịu nhiều thiếu thốn. Họ tốc váy lên và trình diễn cho Girgl và cây chổi của ông những vần thơ dữ dội nhất.

Xơ Marie là người đầu tiên,  
Mà chổi của tôi phải quét.  
Nhưng lỗ của xơ đầy bồ hóng,  
Nên phải quét đến ba lần.

Những người đàn ông ngồi ở cạnh bàn phát cuồng lên. Girgl vẫn cứ thản nhiên tiếp tục hát nói, cứ như ông đang thuật lại giá của lợn con ở chợ gia súc vừa rồi, cái lại càng làm cho khán giả thêm phần khoái chí. Bây giờ ông lao vào chính trị.

Xơ Lisbeth rất cá tính,  
Đòi xem ngay cây chổi,  
Dùng tay nắm lấy nó,  
Và đút vào vì tổ quốc.

Rồi đến điệp khúc, nó ngắn gọn và đơn giản và chỉ cách một lời nói tục trong đường tơ kẻ tóc, đến mức tất cả mọi người trong quán đều thích thú cuồng nhiệt hét to lên:

Hôm nay quét nhà! Hôm nay quét nhà!

Girgl hát lời ca nghiêm túc, và những người khác làm những gì mà họ muốn. Chữ "e" trọng âm được nhích sang "i" và "g" thành "ck"<sup>1</sup>, và thế là nó trở thành một trò chơi tục tĩu – con heo xuất hiện trong bài hát. Tất cả mọi người đều gào lên, dậm chân, làm đổ cả ly bia của tôi.

Chỉ có bà chủ quán là ngồi tách ra. Bà mang đồ đan len ra và nhìn sự việc như một người mẹ đang dõi theo trò chơi nghịch ngợm của những đứa con trai, nửa thích thú nửa lắc đầu.

Nhưng Girgl, người chỉ là lảng giềng, một người đàn ông bình thường của Lam, thỉnh thoảng lại vào quán ca hát để uống bia không mất tiền, đang ở một nơi hoàn toàn khác. Ông trình diễn như một ca sĩ khôn khéo trong phòng trà, ông đôi tốc độ và sắc diện. Một nụ cười xuất hiện trên gương mặt của ông, đôi mắt sáng rực lên, cái mà một người ngoài cuộc có lẽ sẽ cho đó là điều báo hiệu cho sự điên khùng.

Và khi tôi đi chơi

Girgl hát,

Thì tôi sẽ mua một con gà mái.

Cả bàn nhậu nhắc lại trong con khoái chí ngạc nhiên.

"Con gà mái, con gà mái! Nó mua một con gà mái!"

Con gà mái cũng làm cho tôi phát điên lên. Nó được thì thầm nói ra, hoàn toàn điên rồ đến như thế, sáng tỏ đến như thế.

Girgl hát:

Cả thế giới không cần phải biết,

Con gà mái của tôi tên gì...

Cho đến đây thì nó chỉ là một trò tiêu khiển, nhưng bắt đầu từ bây giờ thì khác. Bây giờ có một ảo giác duyên dáng đến và nhập vào trong Girgl. Ông chìm đắm hoàn toàn vào trong ca khúc, với một nụ cười say mê, ông vuốt ve cây đàn guitar, và rồi nó xảy ra, nó lan đi, những người đàn ông nặng nề đầy mồ hôi không còn gào lên nữa, họ rên rỉ, thốn thớt và phân khởi như trong đêm tân hôn, và tôi cũng nghe được âm thanh cao vút đang dâng trào ra từ cuống họng của tôi, ông ấy hát, tôi nhảy múa và kêu gào lên thêm vào đấy.

Nhưng Girgl vẫn còn chưa lên đến đỉnh điểm của bài hát, ông còn làm cho nó tuyệt diệu hơn và thì thảo vào trong bầu không khí điên rồ đầy khói của quán cái tên mà cả thế giới không cần biết đến:

Con gà mái của tôi tên là Súng.

Đó là một niềm vui chiến thắng dịu dàng, sâu thẳm, yêu thương nồng thắm đến mức không thể nào là một con gà được, cái mà ông bí mật gọi là cây súng của ông. Ông hát về một người đàn bà, một người còn lý trí sẽ nói như vậy, như những ca sĩ blues da đen trong trang trại hát về *baby*<sup>2</sup> của họ, *cruel*<sup>3</sup>, tàn nhẫn với họ, và lại ám chỉ chủ nhân của họ, người mà họ không được phép lên án trong những bài hát của họ, chứ nếu không thì họ đã bị hành hình.

Nhưng ở đây chẳng có ai còn lý trí cả. Girgl đang ở đây, và ông đang để cho khẩu súng của ông bay trong không khí một cách tùy thích. Girgl là một người đã được sáng tỏ. Tôi chạy ra ngoài, lao người vào trong tuyết và làm dịu thần kinh đang bốc cháy khắp trên người.

Qua cửa sổ mở, tôi nghe ông tiếp tục hát. Bài hát có nhiều đoạn, và cứ mỗi lần như thế Girgl lại mua một con vật khác, khi ông "đi chơi", và cho nó một cái tên khác, nhưng không có tên nào mà ông lại thổ lộ và âu yếm với niềm tha thiết như cái tên đầu tiên.

Tôi nằm trong tuyết đầu mùa của Lam và tru lên như một con sói đang yêu.

---

<sup>1</sup> *Gefegt* – (đã) quét (nhà) biến thành *gefickt* – giao hợp (từ tục).

<sup>2</sup> Baby. Tiếng Anh, tiếng lóng gọi người yêu.

<sup>3</sup> Tiếng Anh: tàn nhẫn, phũ phàng

## Tự do rừng

Có những ngày mà tôi không gặp một ai. Những ngày sương mù âm ỉ. Đi ngang qua mặt tiền thời tiết của những căn nhà kho to lớn, những bức tường bằng ván gỗ có màu

đen của mưa gió, tôi đến cái tối tăm của những ngôi làng không có một ánh sáng giải thoát, không có trong bất kỳ một cái cửa sổ nào. Khi ngôi làng nằm ở phía sau tôi, sự yên lặng nhỏ giọt của nó, tôi thở phào. Tôi đang ở trong rừng.

Có người nói với tôi rằng 150 năm trước đây không thể nào vào Rừng Bayern và Rừng Bohemia được, chỉ những người đốn gỗ mới dám vào, để chặt thông cho người chủ sở hữu rừng, to đến mức 2 người đàn ông biến mất ở phía sau và chỉ tái xuất hiện khi cái cây khổng lồ đổ xuống.

Vật và người nhích lại sát gần nhau trong những quán như quán của Lam như thế nào thì tất cả ở ngoài này lại xa vắng như thế đó. Tôi có cảm giác như những quán trọ càng chan hòa và ấm i hơn khi thế giới xung quanh càng yên lặng hơn. Sự ghét bỏ trống vắng của Baroque Bayern, thánh giá ở khắp nơi, trang trí, điêu khắc, hình ảnh, thà nhiều hơn một cái chứ không thể ít hơn một cái, bích họa trên tường nhà, chằm chút từng chi tiết một trong lúc trang trí mỗi một đầu hồi, mỗi một góc – tất cả đều là những lời cầu khẩn của người bản xứ trong một thế giới mà nhận thức rằng ở ngoài đây hoàn toàn không âm cúng tí nào vẫn đang còn nằm trong xương tủy. Đam mê hình ảnh Bayern tương tự như các ngôi vườn trong những đất nước sa mạc, phải bù đắp lại cho tất cả sa mạc.

Vào một ngày như thế, một ngày không muốn sáng lên, tôi ngồi trong một làng gần Cham, trong gian phòng khách và nghe đồng hồ kêu tíc tắc và tiếng nói của một người phụ nữ, to hơn mức cần thiết, giống như những người khiếm thính. Nếu như tôi không thể nhớ lại được gương mặt của bà thì tôi có thể nói rằng đó là do bóng tối của căn phòng – người ta cũng không bật đèn trong gian phòng này – nhưng thật ra đó là vì tôi nhắm mắt đi theo tiếng nói. Người đàn bà kể về một thế giới mờ ảo, kỳ lạ, bà kể về cuộc sống trong những khu rừng, và tên của bà giống như một bụi cây hiếm quý đang nở hoa, sâu thẳm ở bên trong chúng. Rosa Tahedl. Bụi cây Tadedl đang nở hoa màu hồng.

Bà ra đời vào cuối Đế nhất thế chiến, trong một ngôi làng ở phía bên Bohemia của biên giới, thuộc trong số những ngôi làng mà khoảng năm 1800 hầu tước Schwarzenberg đã lập nên cho những người đốn gỗ trong Rừng Bohemia của ông. Thời đấy có 79 số nhà, vào khoảng 600 người dân và cũng từng ấy bò, ngựa, bò cái và bò thiên. Người ta đã dạy cho bé Rosa phải chạy đến khi nghe tiếng gọi "Hầu tước đến!", dạy cho bé vẫy tay khi chiếc xe tứ mã chạy xuyên qua làng, và phải thưa với hầu tước là "điện hạ", nhưng phải thưa nữ hầu tước là "công chúa", vì bà là công chúa của Liechtenstein. Trời vào thu khi tiếng gọi vang lên. Hầu tước khởi hành từ một trong các lâu đài của ông ở Bohemia để đi săn.

Nhiều năm sau đó, cô Rosa thi đỗ trung học hạng xuất sắc và được gửi đi học trường sư phạm tại Budweis<sup>1</sup>. Nhưng khi cô vừa tốt nghiệp thì thế sự xoay vần. Cuộc sống bắt đầu khó khăn hơn cho nhóm dân thiểu số của cô, trường lớp tiếng Đức bị giải tán, giáo viên người Đức bị cho nghỉ việc. Nhiều người trở thành nhạc sĩ để kiếm sống hay đi theo gánh xiếc. Cô có thể cũng phải làm như vậy, cô chơi đàn vĩ cầm, kéo đàn để kiếm sống, nhưng cô gặp may và được nhận làm gia sư trong một gia đình giàu có.

Khi bị sáp nhập vào Đế chế<sup>2</sup>, thế sự lại xoay vần, bây giờ người Đức được ưu đãi. Cô đi dạy trong một trường được vài năm. Rồi chiến tranh chấm dứt, và thế sự lại xoay vần lần thứ ba.

Cuộc xua đuổi bắt đầu bằng cách đơn giản nhất mà người ta có thể tưởng tượng được. Vào lúc 5 giờ sáng, cánh sắt đập cửa và thông báo rằng người ta có 2 giờ đồng hồ để tụ tập trên quảng trường của làng, với hành lý tối đa là 50 kg. Nhà nào cũng bị đập cửa – cả làng đều là người Đức, chỉ có duy nhất một người Séc sống ở đó. Từ quảng trường làng đi đến trại do Cơ quan Lao động Đế chế<sup>3</sup> để lại.

Xe bò chờ ở đây 14 ngày sau đó, nó đầy ắp khi sang biên giới Bayern và trống rỗng khi quay trở lại. Làng trở nên hoang vắng, nhưng không yên lặng. Bò vô chủ rống lên vì đói. Nhà nào trong số 79 căn nhà cũng đều có một con chó và một chuồng nuôi gia súc, nhưng đến chó cũng không được phép mang theo. Tất cả súc vật đều bị nhà nước tịch thu, nhưng không có ai ở đó để vắt sữa và cho chúng ăn.

Chỉ còn một vài người ở lại trong làng, thợ chuyên môn không thể thiếu được. Họ cho súc vật của láng giềng họ ăn cỏ khô còn lại. Khi hết sạch, họ giật rom đã mục trên những mái nhà cũ kỹ. Được một thời gian. Nhưng bò vẫn tiếp tục rống lên ở ngoài làng, trong những trang trại hiu quạnh.

Ai vào làng mà thích gà thì cứ bắt một con và ai cảm thấy thích ăn món ngỗng quay thì chỉ cần chop lấy. "Thời gian của những người đào vàng", chính người Séc đã gọi mùa hè đầu tiên sau chiến tranh như thế. Sau một thời gian, có người đã phát ớn gà và ngỗng quay. Khi làng còn dân cư, nhiều người từ nội địa đã đến đây, đi dạo một vòng qua làng, chọn một căn nhà và ra công sở xin cấp giấy, họ giờ nó ra cho người đang cư trú xem: Các người phải đi ra, nhà này bây giờ là của tôi.

Bây giờ thì gần như tất cả đã đi khỏi, và người ta giật tung cửa được niêm phong bằng những dải giấy màu vàng và mang đi những gì người ta cần. Đồ sứ. Bàn ghế. Đồ thủy tinh, thủy tinh nổi tiếng của Bohemia. Tất cả đồ vật quá nặng hay quá đẹp cho 50 kg hành lý mang theo người và một chỗ đứng trên xe bò. Vì thế mà nhiều cửa trong làng bị mở tung và gió chơi đùa với chúng. Chúng đập mạnh và kêu lạch cạch cả ngày lẫn đêm.

"Tiếng cạch cạch đấy là một tiếng động khủng khiếp", giọng nói trong nơi tranh tối tranh sáng kể lại. "Cha tôi lúc nào cũng đi ra để đóng cửa lại, cha không thể chịu đựng được nó."

Đó là thời gian mà 3 gia đình cuối cùng, không thể thiếu được, còn sống trong làng. Gia đình của Rosa là một trong số đó, cha của bà là công nhân đường sắt. Nhưng chẳng mấy chốc thì không còn gì để hỏi của nữa, ngoại trừ chính những căn nhà. Bây giờ mà ai đi qua làng thì người đẩy đang tìm cửa sổ, ngói lợp và thanh xà nhà. Người ta phải cẩn thận và báo hiệu cho biết chứ nếu không thì mái nhà trên đầu có thể bị giật sập. Đã xảy ra. Không lâu sau đó ngôi làng giống như vừa mới qua cơn hỏa hoạn. Tường không mái. Lò sưởi trơ trọi. Cuối cùng thì quân đội đã chấm dứt chuyện đó. Họ mang máy móc đến và san bằng cái làng ma của Hầu tước Schwarzenberg.

Trong lúc đẩy phòng khách gần như đã tối đen. Gần như không còn đoán ra được chiếc thánh giá trên tường nữa, thủy tinh Bohemia cháy đỏ sẫm trong tủ, nhiều quyển sách nằm ở đấy, bà viết hồi ký, thơ, chỉ còn chiếc radio to màu đen là còn tối hơn cái ngày mùa đông sắp tàn này. Tôi chợt nhớ đến những ngôi làng biến mất đã nhìn thấy trong rừng cách đây vài ngày. Tôi hỏi có gì còn sót lại từ làng của bà hay không.

"Mấy bụi cây phúc bồn tử và cây com cháy. Chúng ở ngoài vườn, chúng sống dai lắm. Ngoài ra không còn gì cả."

Bà không thù hận. Trong mùa hè thứ 3 sau Đệ nhị thế chiến, 1947, bà là một người phụ nữ trẻ, 29 tuổi, sống nhờ vào lao động cực nhọc và khôn khéo trong buôn bán chợ đen. "Tôi đi buôn cực khéo." Một vài năm sau đó bà cùng nhìn thấy chính những người Séc có nông trại đã mất tất cả vì sở hữu của họ bị quốc hữu hóa. Bà không còn những nỗi lo âu như thế nữa, bà không còn gì để mất, tất cả đã bị mang đi, kể cả trong nhà của bà cũng vậy. Bà đã lớn lên ở trong làng, đã sống trong thành phố, trong một ngôi nhà quý phái. Giữa nhiều người, giữa những người cuối cùng, và cuối cùng là giữa những đống đổ nát. Bắt đầu từ bây giờ bà sẽ sống trong rừng.

Bà không hề có một tưởng tượng nào về công việc trong rừng, bà là cô giáo, nhưng người ta nói với bà rằng bà sẽ học được thôi. Và vì bà biết tiếng Séc – những người làm rừng đều là người Đức, họ chỉ biết tiếng mẹ đẻ của họ –, bà có nhiệm vụ đánh dấu cây và làm công việc ghi chép.

"Rồi tôi bắt đầu đi vào rừng với đàn ông."

Bà nói về rừng như về một niềm hạnh phúc lớn lao, bí mật. Có một cái gì đó như tôn giáo kèm theo khi bà kể về nó. Một cái gì đó mà người ta tìm được khi đã bị lấy đi tất cả mọi thứ. Trong những khoảng khắc đó có một vài khoảng khắc, không nhiều lắm, mang vẻ giống như nhẹ nhõm. Bà tự làm mình thanh thản. Bà không chọn con đường của tức giận, tuyệt vọng hay trả thù mà tất cả đều thúc đẩy đến đó; thay vào đây bà đi đâu đó, có thể là đi vào rừng. Lần đầu tiên trong câu chuyện dài kể về cuộc đời của mình bà dùng từ "tự do".

"Tất cả những gì đè nặng tôi và những gì làm cho tôi có cảm giác tội lỗi của một người hòa theo – không mang tính cá nhân, tôi không làm hại ai cả –, tôi đã mang bỏ vào trong rừng. Tôi luôn tìm cách chạy trốn trong nó, ở trong rừng, khi có nguy hiểm. Tôi có cảm giác tự do ở đó, tôi đã tìm thấy tự do nội tâm hoàn toàn ở đó."

Có lần cái chết đã sượt qua cái đầu mơ mộng những ý nghĩ như thế trong đường tơ kẻ tóc. Họ đốn cây trong một cánh rừng tạp và đang cưa một cây thông, một trong những cây to đến mức người ta không nhìn thấy người thứ hai phía sau thân cây. Họ dùng tay ra dấu cho nhau biết vết cưa đã sâu đến đâu: còn 4 ngón tay nữa, 3, 2. Một người dùng nệm chèn để cây ngã theo đúng hướng. Rồi nó ngã xuống, ban đầu còn từ từ, và làm gãy một nhánh của cây sồi ở cạnh đó.

Rosa Tahedl chỉ còn có thể nhớ lại một tiếng động xào xạc màu xanh, rồi không còn biết gì nữa. Bà tỉnh lại trong xe cấp cứu với thương tích trầm trọng. "Tôi không oán giận rừng", tôi nghe bà nói, "đó thật ra là một cái chết đẹp."

Trong rừng, gần biên giới như vậy, thường có an ninh đi tuần. Một trong số các cảnh sát quan tâm đến bà. Một cô giáo làm sao có thể sống được ở trong rừng? Ông ấy tìm cách tiếp xúc với bà. Có lần, lúc đầy đã chiều tối, ông ấy đến trong chiếc xe chạy trên mọi địa hình, mang cho bà một quyển sách của Hermann Hesse<sup>4</sup> và chở bà về nhà.

Bây giờ tôi nghe được một tiếng cười nhỏ.

"Tôi thích lắm, mang cái quần dây nhựa thông ngồi trong chiếc xe sang trọng của ông ấy."

Cuối cùng bà nói về những loài hoa hiếm mà người ta chỉ tìm thấy sâu trong rừng, nơi những người bình thường không đến. Tôi có biết rằng cây rừng có hoa hay không?

Trên đường qua những ngôi làng tối đen về Cham, hoa rừng cứ ở mãi trong đầu tôi. Có 2 từ mà tôi chưa từng nghe bao giờ: "hoa vân sam", "hoa sồi". Cây sồi nở hoa màu cá hồi dịu dàng, và hoa của cây vân sam, chỉ xuất hiện 6 năm một lần, đỏ như hồng ngọc. Có lần Rosa Tahedl đã cắt lại một cành cây vân sam đang nở hoa, nhưng vào lúc chiều tối khi bà định mang nó về thì nó đã héo.

Từ Cham tôi đi tàu hỏa về hướng nam. Một người đàn ông bước vào, ông mang một cái ba lô cũ, đôi giày ủng bản và nói chuyện với con chó của ông. "Mình ngồi ở đâu bây giờ? Mà muốn ngồi ở đó hả? Ừ, tốt thôi. Cứ tìm chỗ ở đó đi. Còn tao ngồi ở đâu? Ừ thì thôi tao ngồi ở đây. Mà cũng mệt hả? Cả ngày rồi phải không? Mà rượt con mèo như vậy mà, mà săn nó vậy mà. Mình mệt rồi phải không Waldi." Ông ngáp và dịch qua dịch lại trên ghế, cho đến khi tìm được vị trí thích hợp rồi gật gù ngủ. Con chó chồm nằm cạnh ông trên đệm. Bây giờ nó đặt cái đầu dài của nó lên chân và chớp chớp mắt về buồn ngủ.

<sup>1</sup> Từ năm 1946 có tên chính thức là České Budějovice.

<sup>2</sup> Đế chế: Ý nói Đức quốc xã (Đế chế thứ ba).

<sup>3</sup> Cơ quan Lao động Đế chế: Reichsarbeitsdienst là một tổ chức của Đức quốc xã trong thời gian 1933-1945. Từ năm 1935, tất cả nam thanh niên đều phải thi hành nghĩa vụ lao động 6 tháng trước khi nhập ngũ. Nữ thanh niên từ khi Đế chế chiến bắt đầu.

<sup>4</sup> Hermann Hesse (1877-1962) nhà văn, nhà thơ người Đức-Thụy Sĩ, nhận Giải Nobel văn học.

## Trong tuyết

Tôi có nghe kể về một người đi rừng, một người đàn ông qua lại vùng cấm nhiều năm liền, các khu rừng gần biên giới, khi biên giới Séc còn có mìn và Bohemia còn là cộng sản. Người ta nói rằng ông sống ở bên kia trong Železná Ruda, nơi ngày xưa có tên là Markt Eisenstein và nằm đối diện với Bayerisch-Eisenstein của Đức.

Chiếc xe buýt mang tôi lên đó chạy ngoằn ngoèo qua những cánh rừng thông đầy tuyết trong vùng núi Großer Arber. Đường quanh co xoáy ốc lên mỗi lúc một cao hơn, và dưới bầu trời thấp lại càng có nhiều tuyết phủ trên những cây thông khổng lồ hơn. Lúc nào cũng có mây mới kéo đến và trút gánh nặng của chúng xuống vùng đất rừng. Bayerisch-Eisenstein vắng lặng như nghĩa trang và lạnh hơn những nơi từ trước đến giờ, còn lạnh hơn cả Zittau. Một người đàn ông trong xe buýt nói vấn đề chính là ở chỗ đó.

Vì thế mà tôi ngồi lại trong xe buýt và tiếp tục qua biên giới đến Železná Ruda, nơi cũng lạnh y như thế, nhưng sinh động hơn một tí. Tôi hỏi về người đi rừng trên đường phố. Không ai biết ông ấy cả. Tôi gặp một phụ nữ, người tuy cũng không biết ông ấy nhưng lại có hoài bão muốn tìm ra ông ấy.

Bà vừa từ siêu thị ra và nói rằng bà chỉ cần nhanh chóng xếp các thứ vừa mới mua vào trong ô tô là có thể bắt đầu được ngay. Trong cái mũ bằng len có búp ở trên và trong cái áo bành tô mùa đông dày cộm bà lần mò bước qua con đường đóng băng trong đôi giày ủng kền càng đến chiếc xe nhỏ sản xuất tại Séc của bà, ra hiệu cho tôi bước vào ô tô, và rồi trượt đi trên bánh xe mùa hè từ nhà này sang nhà khác. Sau khi chúng tôi nhìn vào nhiều gương mặt lúng túng ở trước nhiều cửa nhà, bà lái xe đến sở cảnh sát với lời nói rằng bây giờ đã đến lúc phải tìm kiếm thật sự.

Trong lúc bà đang cuối người xuống cùng với người cảnh sát có phiên trực nghiên cứu quyền danh bạ điện thoại của Železná Ruda, tôi có cảm giác như bà lợi dụng cơ hội này để tự giới thiệu mình với những người láng giềng mà chúng tôi đã bấm chuông và bây giờ là với cảnh sát rằng bà là một công dân hiểu biết thế giới có quen biết quốc tế – phòng hồ trước, biết đâu đấy, có ngày nó sẽ có ích.

Tôi mừng thầm vì bà tập trung vào viên cảnh sát và nhìn quanh cái sở cảnh sát nhỏ bé. Ở đó có một phòng giam coi có vẻ không vững chắc cho lắm với cánh cửa có song được mở toang ra và 2 băng ghế được bọc vải nhựa màu đỏ Vespa. Ai đã từng ngồi ở trên đó? Tôi tưởng tượng một người phụ nữ trẻ tuổi trong cái váy thắt eo có chấm to, đang lật quyển tạp chí "Vogue" của những năm 50, nhưng mà ai lại giam một người phụ nữ như thế, và làm sao mà bà đến Markt Eisenstein trên chiếc Vespa được?

Rồi còn có cô gái công môi ra đang là chương trình bảo vệ màn hình chụp chòn trên cái máy vi tính của cảnh sát. Và cái máy đánh chữ cơ cũ kỹ thế nào cũng có lỗi. Một cái dấu chấm phẩy bị kẹt, chỉ vì thế mà nó không còn được sử dụng nữa. Hay là một chữ "a" bị cong, nhảy lên khỏi hàng và ngồi trên đó như những âm cao trên

khuông nhạc mà một dàn nhạc kèn Bohemia điều hành trình diễn vào một ngày chủ nhật mùa hè ấm áp.

Hôm đấy là ngày chủ nhật, nhưng không phải là mùa hè, và âm nhạc duy nhất đang được trình diễn là tiếng chuông của cái điện thoại di động mà người cảnh sát đang tìm nó. Tôi lợi dụng tình trạng lộn xộn ngăn người đang xuất hiện, lên ra ngoài và đi ngược trở lại về biên giới đến Bayerisch-Eisenstein. Vừa có một chuyến tàu hỏa đi đến Zwiesel.

Ở đó tôi còn có một ít thời gian trước khi chuyến tàu đến Grafenau khởi hành và đi vào một quán. Trong cả hai gian phòng lớn của nó đều có lò sưởi cũ lát gạch men đẹp, giới khá giả miền quê đang dùng bữa trưa cạnh nhiều bàn ăn. Một quý bà đang hút thuốc. Vàng, một quý bà. Ở đây có quý bà và quý ông. Ông đáng kính trong áo gi lê có cúc áo bằng bạc và cháu ăn mặc bánh bao cho ngày chủ nhật đang chạy đuôi nhau quanh những bàn của họ hàng xa gần, từ chú bác này qua đến chị em họ kia.

Một nét thân thiện cổ xưa bao trùm lên tất cả, nó nằm trong niềm tin rằng thế giới này đã được sắp xếp một cách tốt lành và có bản chất hiền hòa. Thế giới này giống như cái áo khoác truyền thống được thêu may một cách triu mến. Không quá chặt, không quá rộng. Ở đây có đủ cho tất cả mọi người, và những ai không làm chuyện gian trá quá đáng đều được phép hy vọng rằng sẽ sống trong tốt lành suốt cuộc đời và không có bất cứ điều gì xấu xa có thể làm hại mình được.

Tàu đến, tôi bước lên. Nó trở thành một chuyến đi camera qua vùng đất trắng hoàn thiện. Đồng cỏ và rừng thông. Tôi có cảm giác như đoàn tàu hỏa nhỏ bé lắc lư có tình chạy chậm. Thỉnh thoảng nó lại chạm qua một nhánh thông đầy tuyết và vỗ một phát diều cột vào nó, thế rồi bụi pha lê ánh lên trong ánh sáng cuối cùng của mặt trời. Thỉnh thoảng rừng lại để lộ ra một dốc núi trong màu đỏ của hoàng hôn và một đũa bé đang dùng xe trượt tuyết viết dòng chữ đầu tiên trên tuyết mới.

Tôi qua đêm trong Freyung. Vào ngày hôm sau tôi lên đường đi đến Finsterau, nằm trên độ cao cả nghìn mét, không xa biên giới là bao. Tôi bước vào một xưởng sửa xe ô tô, mấy người thợ đang nghỉ giải lao và ngồi quanh một chiếc ô tô, nhai bánh mì, một chai bia đặt ngay bên cạnh ở trên sàn và lắng nghe câu hỏi thăm đường đi của tôi. Tôi muốn đi thành một vòng cung lớn có chạm biên giới. Lúc đầu họ lắng thính, như thể họ cho tôi là một thằng điên, rồi một người nói: "Cũng được, qua núi đến Hinterfirmiansreut, qua Hammerbaude rồi qua Suối Quý."

Sau nửa giờ đi bộ tuyết bắt đầu dày lên đến đầu gối và cao hơn nữa. Tôi tiếp tục đi. Khập khiễng nhiều hơn là đi, tôi rút một chân ra khỏi tuyết, lại cắm nó vào tuyết ở phía trước, rút chân kia ra và cứ tiếp tục như thế. Tôi đi tới theo kiểu đó một giờ đồng hồ và thêm một giờ nữa, rồi tôi phải thừa nhận rằng tôi không biết mình đang ở đâu. Tấm bản đồ chẳng giúp ích được gì cho tôi. Tuyết phủ che lấp tất cả biển chỉ đường, nó chỉ để cho nhiều lối đi ngẫu nhiên trong rừng, chấm dứt trước một bụi cây chỉ sau vài phút, trông giống như đường mòn.

Về quyền rũ pha lê của rừng tuyết đã làm cho tôi trở nên lơ đãng. Lúc đầu tôi đi theo một con đường có thể nhận thấy rõ ràng, rồi một đường mòn, rồi một cái gì đấy nhìn giống như đường mòn, rồi một dấu vết trong tuyết. Đầu tiên là những dấu vết lớn của thú vật, nhưng cũng có thể là từ một người. Ít nhất là tôi tự nhủ như thế. Bây giờ thì rõ ràng là tôi đã lần theo dấu chân của một con nai chứ không phải của ai cả.

Tuy vậy, cuối cùng tôi vẫn đến một ngã ba hay là cái mà tôi cho là một ngã ba. Tôi cho đó là ngã rẽ đi đến Hinterfirmiansreut nhìn thấy trên bản đồ và lại bắt đầu có can đảm. Sau một vài lần thở hồn hển lên núi, chỉ xuyên qua tuyết dày còn nguyên

vẹn chứ không có gì khác tôi lại bắt đầu hoài nghi. Tôi quay trở lại và đi đường khác. Hơn nửa giờ sau tôi bắt gặp một dấu vết. Có người nào đó đã đi từ phía ngược với hướng tôi đang đi. Nhưng dấu vết đột ngột biến mất và dẫn trở về đến dấu chân riêng. Dấu chân với đôi đầu ngón chân, một cái ở trước, một cái ở sau và còn mới. Đó là dấu chân của chính tôi. Tôi đã đi thành vòng tròn.

Hoang mang trời dậy. Cái nóng ám phá rồi sự suy nghĩ điềm tĩnh và trong trường hợp xấu nhất sẽ phá hủy nó. Tôi cố nhớ lại tất cả các lối rẽ, cố gắng lối ra từ trong ký ức mỗi một dấu hiệu mà tôi muốn nhớ, và nhận ra rằng tôi đã làm xáo trộn chúng. Chẳng giúp ích được gì. Tôi quyết định chọn một hướng và đi tiếp.

Tôi nhìn thấy nhiều cây thông nhỏ, nghiêng nghiêng như những người lùn đang cúi người về phía trước, hồi hải vật và đi trong màu trắng. Một con gà rừng ngồi trên một cây thông như vậy, nó nhướn người lên, xòe cánh và gáy không thành tiếng, cứng lại trong cử động. Bụi tuyết rơi xuống từ những cây to mà tôi đang đi ở phía dưới, rơi vào cổ áo và chảy thành một dòng nước lạnh buốt xuống lưng. Tôi đến một nơi có nhiều dấu chân thú gặp nhau, có chỗ ngủ, chỗ trú trong tuyết, đủ lớn cho một người nằm co lại. Chỉ còn nghe được bước chân của chính tôi, tiếng kẽo kẹt giòn khi tôi chìm sâu xuống, tiếng kéo lê nhẹ nhàng trên tuyết mới đang rơi không dứt.

Tôi tự nhủ, tất cả đều không tệ hại đâu; nơi có dân cư gần nhất chỉ có thể cách đây vài ki lô mét thôi; đập tuyết mà đi mệt nhọc lắm, mình không thể đi quá xa được đâu. Nhưng những suy nghĩ đấy cũng có thể bị đảo ngược lại. Ngay cả khi tôi không thể đi xa lắm trong tuyết dày thì cũng có thể mất nhiều giờ nữa mới tìm trở lại được đường đi.

Đến một lúc nào đó tôi đến một con đường mòn, không thể nghi ngờ gì được nữa. Nó phải là Kreuzsteig, con đường cũ của người đi rừng qua biên giới sang Bohemia. Chính là nó. Chẳng bao lâu sau đó tôi nhìn thấy một căn nhà. Tôi gõ cửa, và một đôi vợ chồng già nua xuất hiện ở cửa. Bà cụ nông dân già còng cả lưng, nhỏ người và phải mang một cái mông to. Ông ấy nói, trong lúc đó làm lộ những cái răng đã gãy vàng sậm, và chỉ cho tôi đường đi đến Suối Quý. Từ đó tôi sẽ biết đường đi.

Suối Quý quả thật đã dẫn dắt tôi trở về thế giới có người ở. Tôi đi dọc theo nó một lúc lâu để xuống thung lũng. Khi trời bắt đầu tối, tuyết rơi không ngưng từ lúc tôi khởi hành chuyển sang thành mưa to. Trước khi màn đêm phủ trùm lên rừng tôi đến được xưởng của một người thổi thủy tinh. Ông ấy đã vui lòng không chú ý tôi đến trong khi tôi cởi đồ ra và treo quần áo đã hoàn toàn ướt đẫm quanh ngọn lửa của ông ấy.

Ông ấy giơ thủy tinh đã nóng đỏ lên cao, và trong khi xoay nó ông rắc khoáng đủ màu từ trong những chén đặt ở phía trước ông lên trên nó, ấn chỉnh rìa của thủy tinh bằng một miếng gỗ đã đen thành than vì nóng, và chỉ gạt đầu chào khi tôi lại mang quần áo vào và ra đi.

## **Đi trên núi**

### **Một cuộc đời ở Passau**

Tôi đã ở đây từ 1 giờ qua và mang một tâm trạng phấn khởi kỳ lạ. Passau là thành phố đầu tiên kể từ Chemnitz, và cuộc hành trình xuyên rừng của những ngày vừa qua – ban đầu đi trong băng và tuyết ở trên cao, rồi đi trong mưa to dọc theo sông Ilz đang sủi bọt, mang nước từ băng tuyết tan ra dọc theo thung lũng chật hẹp của nó và trào lên bờ, làm cho con đường đi cạnh sông chìm trong bùn lầy, chỉ còn cách lép bép lội nước – chuyến bộ hành này đang đòi hỏi phải thưởng công cho nó. Không khác chi một nông dân trước đây 200 năm, người từ trong rừng ra, bước vào ánh sáng của các dinh thự và nhà thờ và quán xá, tôi rất muốn mang một cái áo sạch, cạo bỏ bùn bẩn ra khỏi giày ủng và đi dạo phố.

Vào buổi sáng ngày hôm sau, cái tôi nhìn thấy đầu tiên là cái mái vòm màu xanh của Nhà thờ Thánh Stefan mà ở trên đây mặt trời đang làm sương tan chảy. Đó là một ngày xanh biếc, âm áp như tháng 3 và không thể tin được rằng chỉ còn vài tuần nữa là đến Giáng Sinh. Tôi ngồi mơ mộng cả buổi trưa trên một băng ghế đầy nắng ở mũi nhọn của thành phố, nơi hợp lưu của sông Donau và sông Inn.

Bắt đầu từ đây sông Donau là sông biên giới. Tôi ước ao mình được ở trên boong của một chiếc thuyền sông Donau, nhưng mùa du thuyền cũng đã chấm dứt ở Passau. Ngồi ở đây, trong ảo tưởng đang đi trên một dòng sông rộng lớn, đền bù cho tôi. Đến một lúc nào đó tôi rời cái ghế trên boong tàu và đi dạo dọc theo bờ sông Inn. Từ cửa sổ được mở toang ra ở phía trên cao tôi nghe được một đội đồng ca học trò, chắc phải là trường Trung học Leopoldinum<sup>1</sup>. Lần đầu tiên tôi nghe được cái tên này là vào tối hôm qua, trong một ngôi nhà cổ xưa hàng nhiều thế kỷ ở cạnh bờ sông Donau, trong một văn phòng đầy tranh.

Chuyện về một họa sĩ, một họa sĩ hiện đại, lại chính ở trong Passau. Ông Georg Philipp Wörlén này đã hành nghề kiếm sống sau những cánh cửa sổ ở trên đó của trường trung học vào những năm 20. Cha vợ của ông đã bắt buộc ông phải làm điều đó, ông ấy đã dọa sẽ không cho cưới con gái của ông ấy nếu như ông không thể nuôi dưỡng cô ấy được, thế là ông đã khuất phục và chịu để cho đào tạo thành thầy giáo.

Con trai của ông đã kể lại cho tôi nghe. Ông đã gần 90, một người đàn ông mảnh dẻ có tóc trắng mịn, một cái áo sơ mi màu cam và một cái cà vạt thon thả màu đen của thuyết hiện sinh nhìn ra từ bên trong của chiếc áo len màu xám của ông. Ai đó đã nhắc đến ông, và tôi đã gọi điện cho ông. Nó bất ngờ đã trở thành một buổi tối dài.

Văn phòng kiến trúc sư của ông đã vắng lặng từ lâu, nhân viên của ông đã tắt đèn trong phòng của họ và nhẹ nhàng ra về. Chiếc áo bành tô và cái mũ ca rô của ông vẫn chơ ở giá treo áo như những con thú trung thành, chờ chủ nhân ra về. Nhưng ông không hề nghĩ đến điều đó. Ông đang kể chuyện. Ông ngồi dưới cây đèn trắng và nói về Passau, cuộc đấu tranh kéo dài cả đời ông với thành phố này, sự kháng cự dai dẳng chống lại cha của ông và những bức tranh của ông ấy, những bức tranh mà nó không hiểu được.

"Passau đen kịt, phủ bò hóng, đen như vậy đấy. Thành phố của giám mục. Nhiều nghệ sĩ sân khấu đã phải cắn răng khi khởi đầu ở đây. Và cha tôi là một tuýp người quý phái. Chiều chiều đi vào quán cà phê hạng sang, với kính một mắt. Thật ra là quá quý phái cho một thành phố nhỏ đen kịt. Người ta chỉ tay vào ông và tranh của

ông – thẳng đờ hơi." Ông ngừng lại. "Nhưng về mặt khác, Passau đã giúp ông như thành phố lập phương."

Passau có cái gì là lập phương? Tôi tin rằng đã hiểu được ông muốn nói gì. Cái còn nguyên vẹn, cái được xây dựng qua nhiều thế hệ, gần như là vật thể. Nhưng cũng là tinh thần đã trở thành vật thể. Cái lập phương ở Passau là cái lập phương ở Công giáo. Tôi có thể tưởng tượng được rằng thành phố đã dễ dàng kích động những tinh thần nổi loạn của thành phố cắn bập vào nó như thế nào. Nghĩ đến cái màu đen bỏ hóng Passau, tôi chợt nhớ đến những biếm họa mà người ta đã chuyền nhau xem ở phía bắc của đường biên giới La Mã ngày xưa, một tiếng vang muộn màng của cảm nhận thẳng thế Luther<sup>2</sup> chống lại miền nam giáo hoàng cổ lỗ.

Trên làn nước sơn Tin Lành thời trẻ của tôi có một vài dấu khảm Công giáo. Những thành phố nhỏ tổ chức lễ hội hóa trang và trong đó có nhiều người đàn ông và đàn bà diễu hành trong áo thầy tu màu đen và nâu. Mãi cho đến nay, sợ hãi và ghê tởm của những người già vẫn còn ở trước mắt tôi, khi họ nói về các tu sĩ nam nữ này. Và những tường thuật về các con rỗng già trong bệnh viện Công giáo hành hạ bệnh nhân theo đạo Tin Lành đã đủ để làm cho tôi phục tùng, khi một ngày nào đó tôi được đưa vào đây trong cơn sốt cao với ruột thừa đang có mũ và rơi vào tay các xơ có trái tim sắt đá.

Khi tôi tỉnh dậy, đã có một dấu may còn mới ở trên bụng của tôi, và từ đầu tiên của tôi là "nước". Từ đầu tiên mà người xơ già nua có hình dáng dai nhách, giống giấy da đang dần dần lột ra từ trong cơn mê thuốc của tôi nói với tôi là: "Đứng dậy đi, con trai, hãy làm việc có ích đi." Bà chỉ tay vào chiếc giường ở bên cạnh. Có một đứa bé trai nằm ở đây, trẻ tuổi hơn tôi. Em bị tai nạn xe đạp nặng, bây giờ đang nằm trắng bệch và rên rĩ cạnh túi nước biển đang được truyền vào. Xơ rỗng – tôi thật sự là đã đứng dậy – ấn túi nước biển vào tay tôi, nói "Cầm lấy!" và biến mất.

Tôi không biết là đã đứng yên ở đây bao lâu với cái ống truyền nước biển trong tay. Tôi vẫn còn đứng không vững, thỉnh thoảng mắt lại tối sầm, cái ruột thừa suýt tí nữa thì đã hạ độc tôi, đó là một ca mổ trong giây phút cuối cùng. Nhưng vào thời điểm đó tôi vẫn còn chưa biết được chuyện đây. Tôi cố không ngã quy xuống. Tôi tin chắc rằng mình đang thực hiện một nhiệm vụ quan trọng, và cố hết sức mình, cuối cùng thì đứa bé mà tôi đang cầm cuộc sống của nó ở trong tay còn nhỏ tuổi hơn cả tôi. Chắc chắn là thời đó đã có quy định tuyệt đối cấm không cho sử dụng trẻ vị thành niên trong bệnh viện. Nhưng dường như điều đó đã giúp cho tôi bình phục, giúp một người mới vừa được mổ mà bệnh tình còn nặng hơn cả tôi. Tôi khỏe lại nhanh chóng.

Cái phong cách hà khắc này thật ra hẳn phải làm vừa lòng những người theo đạo Tin Lành ở quê tôi, cứng đầu và trọng công việc cực nhọc. Nhưng tôi giữ kín trải nghiệm của tôi. Chẳng ai biết được là tôi có lại lọt vào tay bà xơ giấy da đó thêm một lần nữa hay không, và có lẽ là tôi cũng đã mừng tượng được một cái gì đó từ sự thông thái của những phương pháp của xơ. Dù thế nào đi nữa thì tôi vẫn nín thinh khi cái miệng đời Luther bàn về các con rỗng già nua và những điều giả dối ngoan đạo rợn rã của những người theo Công giáo.

Và tuy là vậy. Và tuy là vậy, các bình chứa của Công giáo đều to hơn, lâu đời hơn, cũng đẹp hơn. Một phép màu tỏa ra từ những ngôi nhà thờ lớn và chức vụ cao quý đó, cảm nhận được một làn gió thoáng, từ phía nam. Vâng, chúng tôi có Gothic gạch nung của chúng tôi và Bach của chúng tôi và ngôn từ. Họ cần phải để yên cho ngôn từ. Ngôn từ và thánh ca, chúng tôi lớn lao ở trong đây. Nó có thể tỏa hương, nó có thể làm cho no. Và nếu như chúng tôi có may mắn, thì chúng tôi có tổng thiên thần trên những bục giảng đạo đơn sơ của chúng tôi, những người con xương xẩu cao lớn

của Chúa Trời với gương mặt đầy sẹo, trong áo choàng màu đen. Tôi biết điều đó, tôi đã có may mắn như thế.

Và tuy là vậy. Tôi đã ở trong Nhà thờ lớn Passau. Cái đến và đi trong những dinh thự bảo hòa mùi nhang này. Các cánh đồng nền trước những Maria, các bức tranh đang bong ra. Các vết thương được đánh phấn đến chói mắt của các thánh, các khăn tay ướt đầm nước mắt của những người đàn bà đang quỳ trước họ.

Là họa sĩ quý phái thì tất nhiên là người ta nhìn sự vật một cách khác đi, cái rộn rã ngoạn đạo trong nhà thờ lớn và bỏ hóng đèn phủ lên trên tất cả - nó không chỉ là lớp gi đồng an ủi, người ta có thể chết ngạt vì nó. Nhà họa sĩ thích Venice hơn. Ông mang người con trai theo, 1931, để người con có thể học được ở đây cung cách cư xử và đi lại trong thế giới to lớn.

Ở nhà tại Passau, người con trai sống vì gian xưởng vẽ. Trên thực tế ông là người phụ việc trong xưởng vẽ của cha ông, người thường làm việc đến khuya, ông lắp khung và đặt mua màu cho cha. Ông thích làm việc đó, ông nói. Việc ông được quen biết với các nhà văn, nghệ sĩ và họa sĩ lui tới xưởng vẽ đã đủ là phần thưởng cho công lao của ông rồi.

Thật ra thì sự việc đã dừng lại ở đó. Ở sự phục vụ. Sự phục vụ trong xưởng vẽ của người con cho cha đã chuyển thành sự phục vụ của một người đàn ông trưởng thành cho nghệ thuật, ông trở thành nhà sưu tập. Và ông sưu tập họa sĩ, không chỉ tranh của họ. Ông khuyến khích họ và kéo họ vào nhóm nghệ sĩ của ông, cái mà ông gọi là Nhóm Rừng Donau.

"Ông thấy đó", ông nói, "tôi không có gia đình, không có con cái, không có du thuyền trên hồ Chiem, không có chuồng nuôi ngựa đua, không có bạn gái đất tiền ở khắp nơi. Chỉ có tranh. Chỉ có cô bạn gái nhỏ bé ở Budapest." Ông mỉm cười. "Không phải một người như vậy đâu."

Ông kể về những lần hội hè vui vẻ của nghệ sĩ ở trong rừng. Một họa sĩ từ Pommern sống ở đó, Heinz Theuerjahr, người thời trẻ đã đi lang thang qua khắp châu Âu. Ông ở một thời gian tại nơi của những công nhân làm rừng trong Rừng Bayern, họ yêu thích ông và đề nghị ông hãy định cư tại đó, trong một thị trấn nhỏ có tên là Waldhäuser. Ông đã đồng ý. Từ nơi đó ông thường hay đi du lịch sang châu Phi.

Vào lúc cuối, khi người đàn ông từ Pommern phải ngồi trên xe lăn, người sưu tập của ông đã có thể phục vụ cho ông lần cuối cùng. Người này vừa chiến thắng cuộc đấu tranh to lớn nhất của cuộc đời ông ấy, cuộc đấu tranh vì viện bảo tàng của ông ngay trong Passau – ông đã đưa tác phẩm của cha ông vào đền thờ cho thành phố, cái thành phố đã từng đào thải nhà họa sĩ như một vật lạ. Và tác phẩm của bạn bè ông. Người con trai đã sưu tập 2500 bức tranh. Ông đẩy Theuerjahr lúc đấy đã mang bệnh không chữa được lăn trong viện bảo tàng mới, ngang qua các tác phẩm của chính ông ấy. Ông, người sưu tập, nhìn người bạn họa sĩ ngắm lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng cuộc sống tiếp theo của chính ông ấy sau cái chết.

Tôi chưa từng bao giờ hiểu được những người sưu tập, bây giờ thì tôi hiểu họ tốt hơn. Chúng tôi vẫn còn ngồi dưới cây đèn màu trắng, ông ấy vẫn còn kể về cuộc đời của ông. Ông vừa đúc kết lại, ngắn gọn như một người La Mã. "Tôi đã có một cuộc đời thú vị, một cuộc đời có nhiều sự kiện. Tôi tin rằng tôi đã sống không uổng công. Tôi đã cứu thoát được tranh của cha tôi và của bạn ông khỏi cảnh bị lãng quên. Tôi đã cho chúng một quê hương. Một căn nhà cho chúng, chỉ được tạo thành từ ý muốn của tôi. Đã làm việc nhiều, đã sống khiêm tốn. Khi người ta mang tôi đi mai táng thì cái túi rỗng như mà căn nhà đầy."

Đêm đã khuya. Các bức tranh trên tường, các bức tranh được cứu thoát, được yêu thích của ông, chìm vào trong bóng tối. Trước đây vài giờ, có một bức tranh sáng rực

xuất hiện ở phía sau ông, trong cửa sổ hướng ra sông Donau, một phong cảnh về chiều có tựa đề "Bờ sông ở Passau". Hoàng hôn đã làm nó tối đi nhanh chóng. Bây giờ nó tối đen. Không có tựa đề.

Chẳng mấy chốc nữa tôi sẽ ra đi, chắc là chúng tôi sẽ không gặp lại, và chưa từng gặp nhau trước đó. Ông đã nói với tôi, nhưng cũng xuyên qua tôi đến một người khác. Cứ hãy tạm gọi là nói với một người bạn già. Một người đàn ông ăn mặc lịch sự, người nghiên nghiên đầu lắng nghe ông nói và mỉm cười, khi ông nghe đến những mưu mẹo nhỏ mà người sưu tập đã tiến hành để ép buộc thành phố cha của ông đi đến hạnh phúc của nó. Một người đàn ông mà từ "thanh lịch" hoàn toàn phù hợp. Tay trái của ông ấy đang đưa nghịch cái kính một mắt, nó tung ra nhiều tia chớp khi ánh sáng của cái đèn trắng bị khúc xạ trong ở đó.

Người sưu tập đứng lên, tắt đèn và bước cẩn thận xuống cầu thang, người con trai gần 90 tuổi của nhà họa sĩ trong mũ ca rô và áo bành tô. Ông còn nói: "Người ta đi tìm biểu hiện. Không phải bức tranh mà ở phía dưới có dòng chữ: Vô đề."

Rồi Hanns Egon Wörlin biến mất trong những ngõ hẻm của thành phố, cái thành phố đen đến mức có bò hóng, cái thành phố mà ông yêu nó đến mức đã đánh vật với nó cả một cuộc đời.

Người ta tìm biểu hiện, nói hoàn toàn theo cách của Passau, cái đối nghịch Công giáo với những ý định của người họa sĩ ở Sylt. Ở đâu có biểu hiện thì ở đó có hình tượng. Ở nơi nào có một bức tranh thì ở đó có một cái gì đó tiếp tục. Nơi người họa sĩ biến mất trong bức tranh vô đề của ông ấy thì lại khác. Hiện linh hay ngộ. Xuất hiện hay tiêu tan. Passau và Sylt, hai đầu của cái parabol Đức.

---

<sup>1</sup> Trung học Leopoldinum ở Passau là một trong những trường lâu đời nhất ở Đức, được thành lập từ trước thế kỷ thứ 9 như là trường của nhà thờ.

<sup>2</sup> Martin Luther (1483-1546) nhà thần học người Đức, khởi xướng phong trào tôn giáo.

## Trà trong Braunau

Passau là một cái bản lẻ. Nó uốn cong chuyến đi của tôi về hướng tây. Zittau cũng đã làm điều đó, nhưng mà cho đến bây giờ tôi không thể nói được là tôi đã về đến Phương Tây. Tôi rời thành phố vào sáng ngày chủ nhật đầu tiên của Mùa Vọng<sup>1</sup> lúc trời có sương mù nhưng vẫn còn ấm áp và đi ngược theo dòng sông Inn. Nó có màu như lá cây liễu đang rơi xuống ở bờ sông của nó.

Tôi dùng xúp tỏi với bánh mì và nước ở thành Mautburg cổ xưa gần Wernstein, và vì là ngày chủ nhật nên tôi ngồi hoàn toàn xa lạ chủ nhật trong quán ăn, xung quanh chỉ là gia đình trưa ngày chủ nhật. Ở bàn cạnh cửa sổ, sau món chính, người con trai hôn nhẹ nhàng vào sau dái tai của cô vợ chưa cưới có đôi tay gầy và thánh giá bằng bạc trên ngực, cha mẹ mỉm cười, kỷ niệm ngọt ngào. Khi câu hỏi trắng miệng cất lên, tất cả đều gọi món bánh kẹp, chỉ cô vợ chưa cưới mảnh mai là không. Tôi cũng không, bây giờ tôi không còn cần thứ gì ngọt ngào nữa.

Tôi tiếp tục đi dọc theo sông Inn, thung lũng của nó bắt đầu có vách đá, nước của nó giống như dầu, lá liễu lật ngửa trôi dạt ở trên, mặt sáng quay lên trên, như những con cá mảnh khảnh đã chết. Một con chó mực bé tí rình rập tôi và vừa sủa vừa chạy về chỗ tôi, tôi làm một cử động giật mạnh, nó chạy đi và tiếp tục sủa từ một khoảng cách an toàn. Ngày rút lui về trên đỉnh núi. Vào lúc chiều tối tôi đến Braunau.

Nhiều quỹ tín dụng danh tiếng có trụ sở trên quảng trường, trên các cửa hàng cạnh chúng là những cái tên quen thuộc cho quần áo, thể thao và trang bị nội thất. Chứa Cứu thế với quả địa cầu ở ngay giữa quảng trường chìm vào trong một vòng hoa Mùa Vọng khổng lồ, ghé ngồi trong quán cà phê ở chợ đã hóa trang, chúng đội mũ của ông già Noel trông giống như một cái bị ở trên lưng ghế, to đến mức có thể nhét vừa 2 đứa bé vào trong đó. Đa số khách đều có phớt lơ. Chỉ có một người cố tìm cách dùng mũi chạm vào cái búp trắng của cái mũ ông già Noel, vì mũ không lồ không chỉ được treo trên ghế, chúng cũng được treo trên trần nhà.

Phía trên một người đàn ông, người vừa gọi thêm một ly rượu vang đỏ Zweigelt và chăm chú nhìn tôi không ngưng – một người mang giày dày bùn vào quán uống ly trà và có thể là đang mang theo trên người tất cả những gì mà ông ta sở hữu – phía trên người đàn ông đó và ly Zweigelt của ông có treo bức tranh của một người đàn ông trẻ. Gày, tóc sẫm màu rẽ ngôi, nét mặt trang nghiêm cương quyết.

Không phải đâu. Chỉ là tổ tiên của gia đình làm bánh thật thà mà thôi.

Sau đó 2 ngày, tôi đi từ Berchtesgaden đến Obersalzberg. Tôi leo theo con đường mòn dốc đứng đóng băng dày lên Nhà Kehlstein một đoạn, con đường rẽ từ đường chính, nhưng tôi không có trang bị phù hợp, chẳng bao lâu sau đó tôi quay lại. Không những là không thể đi lên. Còn bị cấm đi nữa.

Nói chung là bị cấm nhiều thứ. Ngọn núi mà Hermann Göring và Martin Bormann<sup>2</sup> đã xây nhà ở trên đó là một công trình xây dựng khách sạn 5 sao được canh gác. Và khi tôi đang tìm cách từ rìa của cái quảng trường đã từng có doanh trại của lính SS băng xuyên qua bụi rậm đi tắt con đường chính thức trải nhựa nhưng xa hơn rất nhiều để đến khách sạn "Zum Türken" thì một chiếc xe cảnh sát xuất hiện, và người ta cấm tôi đi tiếp. Sắp cho nổ một quả bom máy bay, cả khu vực đang bị phong tỏa.

Nơi buồn cười. Đóng băng tuyết, bị cấm, âm à âm ừ. Chẳng bao lâu nữa sẽ trở thành sang trọng – ngay giữa khu đất được rào kín của lãnh tụ<sup>3</sup>, công việc xây dựng khách sạn sang trọng mới sắp hoàn thành. Ở đây người ta đang trình diễn một vũ điệu trên băng mỏng đã được đồng ý. Những cái tên làm cho người ta khó xử đơn giản là không hề được nhắc đến trên lịch trình xe buýt và bản đồ du lịch, người ta phải biết đó thật ra đã là gì: Nhà Kehlstein<sup>4</sup>. Quán trọ Platterhof<sup>5</sup>. Khách sạn "Zum Türken"<sup>6</sup>. Và tất nhiên là người ta biết điều đó khi người ta đặt chuyến đi du lịch đến Obersalzberg.

Rõ ràng là hoạt động rất tốt. Nhiều người đã từ nơi xa xôi đi du lịch đến cái ngọn núi Đức này, từ Mỹ, Nhật, Úc. Cái khách sạn sang trọng mới xây trông có vẻ lạnh lùng, khách quan, quốc tế. Ngay đến tên địa hình ở trên đó cũng song ngữ. Một vài chỗ đã nhập tịch tên thứ nhì bằng tiếng Anh. General Walker. Eagle's Nest.

Trong chuyến đi này, tôi chưa từng đến một nơi không những không cho tôi vào mà còn không cho phép tôi đi ngang qua nữa, cái nơi duy nhất chỉ là một lời yêu cầu quay trở lại một cách thô lỗ. Tôi đi trên con đường vòng trải nhựa, rồi tôi ngồi trên tường của "Zum Türken", ngắm chim sẻ ngô xanh và chú sóc đang rất khéo léo giữ thăng bằng trên một thanh gỗ, và muối đang nhảy múa trong mùa đông, vì đó là một ngày đẹp trời êm dịu.

Tôi tự nói với mình rằng nếu người ta xây lên được thì tại sao tôi lại không mặc kệ nó được? Cái ngọn núi có đặc quyền ngoại giao như khu đất của một đại sứ quán xa lạ thì có động chạm gì đến tôi? Một cách không tệ để vứt bỏ H. nhỏ người có tóc rẽ ngôi<sup>7</sup> ra khỏi Braunau, có lẽ đó còn là cách duy nhất. Cứ lấy nó đi, lấy nó đi như một vật lưu niệm đi. Bác tài xe buýt hiệu biết ở Berchtesgaden chờ tôi đến đây nói như thế nào nhỉ?

"Bây giờ người Ấn cũng đã đến đây rồi."

<sup>1</sup> Mùa Vọng: thời gian 4 tuần lễ trước ngày Giáng Sinh.

<sup>2</sup> Hermann Göring (1893-1946) là tổng tư lệnh không quân của Đức Quốc xã, Martin Bormann (1900-1945) giữ chức Chánh văn phòng của Đảng Quốc xã Đức, tương đương với bộ trưởng.

<sup>3</sup> Lãnh tụ: Ý nói Adolf Hitler. Năm 1933 Hitler đã mua lại ngôi nhà nghỉ mát trên núi và đổi tên thành Berghof. Sau đấy, nhà của Martin Bormann, Hermann Göring, Albert Speer (Bộ trưởng Bộ Vũ trang) và nhiều doanh trại của lực lượng SS được xây dựng xung quanh đó, tạo thành một khu liên hợp

<sup>4</sup> Nhà Kehlstein, trong các quốc gia nói tiếng Anh thường gọi là "Eagle's Nest - Tổ đại bàng" là ngôi nhà trên đỉnh núi Kehlstein do Đảng Quốc xã Đức xây và tặng cho Adolf Hitler nhân dịp sinh nhật lần thứ 50.

<sup>5</sup> Quán trọ Platterhof nằm trong khu liên hợp được xây từ thời Đức quốc xã, sau Đệ nhị thế chiến được đổi tên thành "Khách sạn Tướng Walker". Quân đội Mỹ đã sử dụng khách sạn này cho đến những năm 1990, sau đó trao trả về cho nước Đức.

<sup>6</sup> Trong thời Đức quốc xã đây là một doanh trại của SD, lực lượng an ninh và tình báo của SS và của Đảng Quốc xã.

<sup>7</sup> H. nhỏ người có tóc rẽ ngôi: Ý nói Hitler.

## Maria đã cứu giúp

Nhìn đường Nhà ga của Altötting thì không thể nhận ra được rằng không phải tôi đến một thành phố nhỏ nào đó của vùng Bayern xưa cũ mà đến một chốn linh thiêng. Thêm một nơi mà lần đầu tiên tôi nhìn thấy. Nhịp độ mà tôi nói điều đó với mình trong những tuần này chứng minh rằng tôi biết đất nước tôi tẻ đến mức nào.

Altötting ủng hộ cho nhận thức này bằng một cách mà tôi có năm mơ cũng không nhìn thấy được, khi tôi đi ngang qua quỹ tín dụng và những cái thông thường khác tiến thẳng đến nhà thờ. Tôi bước vào và những gì mà tôi nhìn thấy ở hành lang bọc theo sân trong đã làm cho tôi ngẹt thở. Một người đàn bà đang nói với Đức Mẹ Đồng Trinh Maria. Không phải như người ta thường thấy những người lặng lẽ cầu nguyện trong nhà thờ. Bà ấy thật sự nói với Bà. Bà thổn thức, khóc lóc, sờ vào Maria đang khoanh tay, khẩn cầu giúp đỡ, ôm lấy Bà và nói chuyện với Bà như với một người bằng xương bằng thịt. Như một đứa bé ôm chặt lấy mẹ và than van và khẩn cầu và muốn Bà cứu giúp và an ủi, ngay bây giờ.

Trong tiếng địa phương vùng Bayern, bà to tiếng cầu nguyện kính Kính Mừng Maria. Kính mừng Maria, đầy ơn phước. Thiên Chúa ở cùng Bà. Bà có phước lạ hơn mọi người nữ và Giêxu con lòng Bà đầy phước lạ. Bà lập đi lập lại không ngừng nghỉ, người run lên vì khóc thổn thức, xúc động và ôm choàng lấy vai của Maria, tay của Maria, ngã vào ngực Bà.

Người con trai đã trưởng thành đứng bên cạnh bà, tay đút túi quần, hoàn toàn bất lực, vụng về và cứng đờ. Tóc của anh ấy dựng lên lờm chờm, anh ấy có một cái trán vồ. Thịnh thoảng bà lại thoi vào sườn anh, hãy cùng làm và đừng có đứng ngốc ghêếc và vô dụng như thế.

Dần dần bà bình tĩnh lại, bà lau nước mắt, quỳ xuống và huých người con trai cùng quỳ xuống. Về ngoài thực dụng trong cuộc sống của bà cũng phù hợp với phong cách của bà: Quần ống túm sẫm màu dưới cái áo khoác sẫm màu, tất trắng sạch sẽ, mũ sẫm màu trên mái tóc bắt đầu bạc. Một người phụ nữ miền quê bình thường, hiểu biết nhưng cũng sùng đạo và cương quyết.

Nếu như tôi nhìn thấy một cảnh như thế ở Berlin, tôi sẽ đoán chắc trước mắt tôi là một người điên, cả thành phố đều biết đến, có lẽ thế, bà điên vì Maria. Có lẽ tôi đã biết bà từ chương trình thời sự của Đài truyền hình Berlin. Cho đến giờ phút này,

chỉ trong những đất nước xa xôi tôi mới trải qua cách đi đến Chúa Trời một cách trực tiếp, sùng đạo không gì kiềm chế nổi như thế.

Ở đầu đó trên đường từ Gujarat về Bombay có một hình dáng hãnh diện, tươi sáng đứng dưới một cây đa cổ thụ có khi đang đu đưa trên rễ. Một người phụ nữ già nua gân guốc, tựa nhẹ vào cái liềm hái có cán dài của bà. Cổ tay bà chỉ to như 2 ngón tay cái, làn da quanh mắt nhăn nheo như da voi. Người Rajput từ cái nhìn đầu tiên, thuộc giai cấp chiến binh. Khi tôi hỏi bà rằng bà chờ đợi gì trong cuộc sống, bà nói, và về mặt bà lại càng rạng rỡ hơn, mắt của bà reo mừng: "Hari Bhavan." Nhà Trời. Bà mong đợi chẳng bao lâu nữa sẽ đi vào Nhà Trời. Bà nói về Người như một cô gái nói về môi tình đầu tiên và duy nhất. Nhưng mà ở đây? Ở đây là Đức kia mà, ở đây không có gì đang reo mừng cả. Đúng vậy, nhưng ở đây là Altötting.

Tôi bước qua Nhà nguyện Đức Mẹ<sup>1</sup>, một ngôi nhà thờ nhỏ sơn trắng với hai tháp nhọn màu xanh, một tháp nhỏ và một tháp to hơn một tí. Tất cả đều xoay quanh nó, toàn bộ khu nội thành đều quay quần quanh nó, và cả nhà nguyện lại chỉ là lớp vỏ bọc dây của tấm tranh Đức Mẹ cổ xưa trong góc cổ xưa nhất, tối tăm nhất.

Maria, đã bị tô đen bởi khói nến của 7 thế kỷ, được tôn sùng bởi nhiều vua chúa, giáo hoàng, hầu tước, nhiều người đã từ rất xa hành hương đến đây. Và vô số người dân bình thường đã mang những nỗi lo âu của họ, hy vọng của họ, người tàn tật của họ, người điên khùng của họ qua những cuộc hành trình dài dằng dặc, để quý xuống những hòn đá này, đã được vô số đê giày và đầu gối nhào mềm ra và thì thầm những câu mà bây giờ tôi lại nghe được. Kính mừng Maria, đây ơn phước...

Về ơn phước. Về những việc rất cụ thể, chữa lành xương cốt và con cái. Treo trong hành lang nửa mở có mái che của nhà nguyện là hàng nghìn tấm bảng về phép màu và những tấm bảng nhỏ từ 5 thế kỷ hành hương, trong số đó có không ít bảng từ thời của Martin Luther. Có một tấm mang hình của một cô con gái, tóc dài xõa xuống, chân trần mang xích sắt, bị nhốt. Ở phía dưới tôi đọc được phần kết sùng đạo về câu chuyện của cô: "Margret con gái của Hann Eyseleis từ Mundraching đã không bình thường từ lúc 4 tuổi. Anh của cô đã hát kinh cầu nguyện Đức Mẹ. Trong vòng vài giờ nhờ Đức Mẹ đầy ơn phước cứu giúp cô đã trở lại bình thường."

Một bộ sưu tập truyện huyền thoại sùng đạo, một nơi lưu trữ tranh tràn ngập những cái không thể minh họa được, của nước mắt và nước mắt của niềm vui. Maria đã cứu giúp, câu này luôn luôn và luôn luôn có ở đó, trong kiểu chữ Gothic hay được một đứa trẻ thời chúng ta viết nguệch ngoạc. Mỗi một tấm giấy, mỗi một tấm bảng minh chứng cho một phép màu.

Tôi không thể cứu giúp tôi, tôi có cảm giác lại nhớ đến Ấn Độ. Các bức tranh sắc sỡ, đơn giản, mạnh mẽ. Bạc trần đầy trong nhà nguyện. Cái đen tối giống như trong hang động của nó. Màu đen của Đức Mẹ, làm cho Bà xa lạ và làm cho lối đi đến Bà trở nên nghiêm trang và phải sùng kính.

Tôn giáo ở đây không có gì cụ thể như ở những người theo đạo Tin Lành và cũng không có gì ngọt ngào như Giáng Sinh. Nó là cái khác, cái bí mật, cái bụi gai đang cháy<sup>2</sup>, cuộc vận lộn của Giacóp trong đêm<sup>3</sup>. Cái dơ bẩn, thể xác, máu me của tục lệ tôn giáo là cái làm cho tôi nhớ đến Ấn Độ, trái tim hầu tước được mai táng trong quách bằng bạc, nghi lễ trong đền thờ, đồ cúng lễ được chất thành đống, xô đẩy của những người hành hương, người đàn bà già nua, chậm chạp từng bước một mang chiếc thánh giá to bằng gỗ đi quanh nhà nguyện. Có mùi nhang và mồ hôi.

Vài giờ sau đó tôi cũng nhìn thấy mặt kia, mặt trí thức lạnh lùng gần như sâu muộn của Công giáo. Điều đó không khó ở Altötting, toàn thể vũ trụ Công giáo có ở đây, người ta chỉ cần phải đi một vài bước từ Nhà nguyện Đức Mẹ vào quán trọ.

Tôi tìm chỗ ngồi và ngay lập tức bị thu hút bởi vẻ ngoài của 2 người đàn ông trẻ tuổi mang áo thầy tu màu đen đang ngồi ở bàn bên cạnh. Họ dùng bữa với khách ngoại quốc và gần như không thể nào khác biệt nhau nhiều hơn được nữa. Một người cục mịch và khỏe mạnh, một anh nhà quê có má hồng. Ông thích cười và không bỏ qua cơ hội nào để làm điều đó cả. Như thể tất cả đều hơi mệt nhọc đối với ông, các phép tắc xã giao đã thuần hóa, cái vui vẻ quán xá bị ép vào khuôn phép, các thứ tiếng nói xa lạ, và ông lúc nào cũng tìm lối nhỏ thoát ra đến tính quần chúng, cái mà rõ ràng là ông xuất thân từ đó. Như thể ông cười trước trong niềm vui rằng cuối cùng rồi sẽ có người kể một câu chuyện đùa thô tục. Điều đó sẽ không xảy ra tại cái bàn này.

Người kia cao, gầy và trắng bệch seminar, ông có một cái trán cao và một khuôn mặt hẹp đập ngay vào mắt. Những cử chỉ khoan thai mà đôi tay của ông diễn đạt một cách chắc chắn và cứ như là tiện thể, chúng dường như là bẩm sinh. Thức ăn được mang ra, ông quan sát nó. Giống như ông quan sát một cách thích thú chiếc khăn ăn sặc sỡ màu Giáng Sinh một lúc lâu, trước khi ông cho phép nó chấm nhẹ vào môi của ông, bằng bên mặt trắng không được in. Tất cả cử động của ông đều như vậy. Làm chậm đi. Ở trong đó có một cách biệt đã trở thành hữu hình đối với tốc độ đáng sợ của thế giới. Người anh em linh mục của ông rõ ràng là sắp chết đói; chính ông lại chỉ ăn như chim sẻ. Ông thích nói hơn, và ông nói rất nhanh. Ông cùng với khách chuyển sang tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha không hề khó nhọc. Khi nói, ông chuyển sang nhịp điệu nhanh, và chỉ lúc đó. Suy nghĩ của ông phóng nhanh như tia chớp vào những câu nói chính xác, đôi tay đặt lên nhau, trong tư thế của một giáo sĩ đang nhẹ nhàng khinh thường thế giới, cái mang lại cho ông sắc thái chế giễu đó, ngay cả khi ông không hề chế giễu. Ông không bao giờ cười to. Ông chỉ thỉnh thoảng mỉm cười.

Bây giờ họ đứng lên. Khi ông đi ngang qua chỗ tôi người ta không hề nghe được một tiếng động, chỉ cảm nhận được một luồng gió nhẹ do chiếc áo thầy tu gây ra. Thêm vào đó là nhạc Giáng Sinh hỗn hợp, một thứ rì rầm hết sức khó chịu, cả thời gian vừa rồi, và ở bên ngoài trên chợ Giáng Sinh cũng rì rầm nữa.

Tôi muốn phòng trong một khách sạn hành hương đơn giản. Khắp mọi nơi đều có nhiều mảnh giấy dán lên cửa. "Nhóm hành hương Freiburg", "Nhóm hành hương Würzburg". Và nhắc nhở. "Xin tất cả mọi người lưu ý! Cấm hút thuốc trên hành lang và trong phòng vệ sinh!"

Vào lúc chiều tối tôi đi vào nhà nguyện thêm một lần nữa. Lễ cuối cùng đã chấm dứt, chỉ còn nhìn thấy vài người đang cầu nguyện trong cái nửa tròn quanh bức tranh ơn phước. Bây giờ rất yên lặng, nhà nguyện nằm tối tăm hơn nữa ở đây, bạc và vàng của nó vẫn còn sáng rực. Một tấm hình xưa nhiều thế kỷ bây giờ đang thu vào trong nó tất cả mọi thứ, cả những người đàn bà mặc đồ đen bất động trong những góc nhà gần như đen thui. Tôi lui ra, tôi không muốn quấy rầy, họ đang trở thành những nhân vật của tấm hình cổ xưa.

Người đàn bà tôi nhìn thấy vào ban trưa cũng ở trong số đó. Bà ngồi chìm đắm trong băng ghế, chìm đắm và kiệt sức. Bất cứ chuyện gì đã xảy ra cho bà, bất cứ điều gì mà bà muốn được khuyên can từ Bà trong lần cướp giật sùng đạo của bà vào trưa ngày hôm nay ở hành lang sân trong – Maria đã ban cho bà yên bình trong đêm nay.

Rồi tôi nằm thao thức và cố ngủ trên cái giường đôi trong phòng của tôi mà tất cả những người hành hương đã nằm lên. Tất cả mọi thứ xung quanh tôi đều như vậy. Không tỏ vẻ như vậy. Đã qua sử dụng và hao mòn như vậy, giống như quần áo cũ. Cái tủ sau chiến tranh nghiêng qua một bên, cái bàn không vững ở chân giường, cái mặt bàn bằng gỗ ép mỏng manh của nó được dán đồ giả gỗ, bức tranh Maria và Giêsu rẽ tiền, hình trái xoan to được treo ở phía trên giường, cái máy vô tuyến truyền hình rẽ tiền trên cánh tay sắt mọc ra từ giấy dán tường. Bao nhiêu nước mắt và nước mũi đã

chạy trôi đi trong cái bồn rửa mặt đã ó vàng này, bao nhiêu bàn chân đã đi trên tấm thảm tồi tàn này, bao nhiêu lần cầu nguyện dưới bức tranh này?

Cũng được thôi. Đến lúc nào đó tôi sẽ ngủ.

---

<sup>1</sup> Nhà nguyện Đức Mẹ (tiếng Đức Gnadenkapelle) ở Altötting, trong tiếng Việt còn gọi là Đền Thánh Đức Mẹ, là một điểm hành hương nổi tiếng thế giới.

<sup>2</sup> Bụi gai đang cháy: chuyện về Môi-se gặp Chúa Trời phán từ trên một bụi gai đang cháy

<sup>3</sup> Truyện trong Sách Sáng Thế của Cựu ước. Giacóp (Jacob) đã vật lộn với một người cho đến lúc rạng đông. Trước khi bỏ đi người đó nói "Người ta sẽ không gọi tên người là Giacóp nữa, nhưng là Ítraen (Israel), vì người đã đấu với Thiên Chúa và với người ta, và người đã thắng."

## Nữ hoàng băng tuyết

Một cây đoạn đứng giữa Bayrischzell, Vua Max đã trồng nó để kỷ niệm một chuyến đi. Trong mùa hè năm 1858 ông đã đi dạo dọc theo biên giới núi non ở phía nam vương quốc của ông, vị vua trầm lặng mà thời trị vì của ông đã lọt vào giữa thời của 2 vị vua điên rồ và nổi tiếng vì những việc khác nhau: Ông là người kế vị cha ông, Ludwig I, người phải thoái vị vì Lola Montez, tình nhân thèm khát quyền lực của ông ấy, và người tiền nhiệm của Ludwig II, con trai ông.

Trong mùa hè năm ấy ông đã đi 5 tuần từ Lindau ở hồ Bodensee đến Berchtesgaden ở hồ Königssee. Ông đi bộ hay cưỡi ngựa tùy theo địa hình, chỉ có một đoàn tùy tùng khiêm tốn và vài người tháp tùng ở bên cạnh. Ông thích có người uyên bác ở quanh mình, vì thế mà ông cho một nhà khoáng vật học tháp tùng, một vị tướng và một nhà thơ đã đi chu du khắp nơi. Ông gọi từng người một đến bên cạnh, để có thể chuyện trò với họ mà không bị quấy rầy, về những cải tiến mới của khoa học hay đặc thù của vùng đất, hay vị vua kể lại những câu chuyện từ cuộc đời của ông.

Ông không dấu tên trong lúc đi, nhưng thỉnh thoảng, khi ông xuất hiện trong một ngôi làng, nhếch nhác như một kẻ lang thang không nhà trong lúc có mưa to hay bão tuyết, trông giống như ông đang cải trang. Ông không quan tâm đến những lần xuất hiện trang trọng hay tiếp đãi nồng hậu. Ông muốn nhìn đất nước của ông. Nhưng thần dân của ông không muốn trao ông ra, một khi họ có ông ở chỗ họ. Ở nơi ông xuất hiện, để leo núi và thưởng thức sự yên lặng của đỉnh núi và phong cảnh, họ đã chuẩn bị sẵn cho ông bữa ăn ngoài trời và cho nhiều nhạc sĩ đứng cạnh đường đi.

Họ tôn sùng ông với những đội đồng ca trẻ em, dàn nhạc và pháo nổ, giới có địa vị ở địa phương dẫn dụ ông vào trong những cạm bẫy niềm nở và lăm le, đến những bàn ăn đã dọn sẵn và sau đó là đến tất cả mọi thứ mà họ nhất định muốn chỉ cho ông xem. Thường thì ông vẫn kiên nhẫn chịu đựng những lần bắt cóc trung thành với nhà vua này, chỉ đôi lúc, khi lòng yêu vua của người dân Bayern đe dọa phá vỡ toàn bộ kế hoạch của ông, ông mới dứt ra để leo lên một đỉnh núi hay cưỡi ngựa trong một thung lũng trên cao.

Ông đã đi đến Bayrischzell trên tuyến đường gần trùng với con đường mà ngày mai tôi muốn đi – theo hướng ngược lại. Qua Sonnwendjoch lên núi đến Valepp, tên của một con sông và sau đó là ngôi nhà của người trông rừng mà vua Max đã từng viếng thăm. Rồi tiếp tục đến hồ Spitzing và đến Kreuth. Nhưng trước tiên là tôi phải lùng sục trong Bayrischzell để tìm một cái giường ngủ qua đêm.

Có một quy luật cho việc này: gian khổ sẽ được đền bù. Khi rơi vào trong một căn phòng buồn tẻ vào cuối một ngày cực nhọc và tự tìm thấy mình trong phòng ăn sáng được sưởi quá nóng sau một đêm trên chiếc giường đơn sơ, trước một quả trứng ăn sáng đã nguội lạnh, bị tấn công bởi nhạc radio thật kinh khiếp và một người nữ dẫn

chương trình diên rồ đang muốn mang lại phần khởi cho tôi, cho một ngày mới tuyệt vời trong vùng phát sóng của cô ấy – thì rất có thể là vào buổi tối tôi sẽ rơi vào trong một cái gì đó tốt đẹp. Tôi cũng đã gặp may trong Bayrischzell, một đền bù cho Altötting: Chỉ có một khách sạn duy nhất mở cửa, khách sạn đẹp nhất. Và nó còn một phòng trống, một phòng duy nhất.

Ở đó có một ban công bằng gỗ, tôi ngồi ở đó và đọc quyển du ký của nhà thơ và giáo sư ngôn ngữ học Friedrich Bodenstedt, một người từ miền bắc nước Đức về đây sinh sống và đã tháp tùng vua Max trong mùa hè 1858. Khi ngược lên, tôi nhìn thấy cây đoan do vua Max trồng. Nó đứng trước ban công của tôi.

Quầy rượu khách sạn yên lặng, vào mùa này chỉ còn người bản địa ở đây. Họ bàn về bão gió phơn. Chắc phải là bão rất lớn và đến thật bất ngờ. Vào một buổi sáng cách đây 2 năm, người bán ở quầy rượu nói, cha của ông đã nói với ông rằng thời tiết không làm ông ấy hài lòng. Ông chẳng nói thêm gì. "Rồi chúng tôi mất điện 30 giờ." Con bão đã quật ngã cây cối như que diêm. "Và mái nhà nông trại to lớn bay đi cứ như là nắp băng giấy." Chỉ riêng gió phơn thôi thì ở đây người ta thích, ông nói, nó thổi không khí ẩm áp qua núi. Nhưng khi nó gặp không khí lạnh ở miền bắc thì sẽ hình thành một cơn bão hiểm độc, cuồng dại. "Trong lúc đấy có thể rất trong sáng và ẩm áp và trời xanh biếc."

Ngày hôm sau đúng như thế, xanh và trong, chỉ không ẩm áp thôi. Trời lạnh như băng. Tôi đi qua thung lũng, và trước khi bắt đầu đoạn đường lên Đồng cỏ khôn khổ, tôi hỏi ông chủ của cái quán nằm ngay chỗ rẽ, tại sao cánh đồng cỏ trên núi lại có tên như thế. Ông ấy nghe rồi cười.

"Bởi vì đi lên đấy khôn khổ lắm, cả một con đường dài khôn khổ."

Ông đã không đi đường này nhiều năm rồi nên không thể nói cho tôi biết tình trạng tuyết ở trên đây như thế nào.

Nhưng cái khôn khổ đầu tiên là tôi có cảm giác như vừa bước vào trong một phòng băng. Giống như có một cánh cửa vừa đóng lại ở phía sau tôi, thung lũng dốc thoải thoải mà tôi bước vào yên lặng như thế đó. Không có ánh nắng mặt trời ở đây. Nó ở trên đỉnh.

Tất cả đều nằm dưới một lớp tuyết đã đóng lại thành băng, có tinh thể tuyết ở phía trên. Tôi đi ngang qua núi lửa mùa đông, tổ kiến trắng như tuyết, sau đó là nhà của những người chăn bò. Tất nhiên là chúng không có người ở và được đóng kín vào mùa này. Thung lũng bắt đầu hẹp hơn. Nó chầm dứt không còn là một thung lũng nữa, nó trở thành một khe núi, có một con suối chảy ở trong đó, rãnh khôn khổ. Tôi vượt nó nhiều lần, con đường đi đã trở thành một con đường mòn, tôi nhảy qua nhảy lại cái rãnh khôn khổ ấy. Cho đến bây giờ tôi đã đi theo dấu vết của một người, nó chầm dứt ở đây. Tôi tìm dấu của thú.

Sự yên lặng trắng và toàn hảo, tôi ở trong đó một mình. Thỉnh thoảng tôi đứng lại và hít sâu nó vào, nó làm đau mũi, co giật nhỏ.

Cuối cùng, khi gần đến Đồng cỏ khôn khổ, tôi nhìn thấy căn nhà của người chăn bò từ xa, một căn nhà bằng gỗ đã bị thời tiết tô đen, và chẳng bao lâu sau đó, khi tôi đứng tựa lưng vào tường của nó, tôi có cảm giác những mảnh gỗ to, nứt nẻ vẫn còn lưu trữ được một ít hơi ẩm, một phần còn lại của mùa hè. Một đài phun nước kêu róc rách trong băng tuyết, tôi uống nước ở đó và ăn bánh mì trên băng ghé ở cạnh nhà. Bây giờ tôi mới nhìn thấy nhiều cây đinh sắt cũ ở trong gỗ, bức tường đầy đinh, hàng trăm vật đã được treo trên đó qua nhiều thế hệ. Ai có gì phải treo lên thì đóng một cây đinh.

Tôi không được phép ngồi lâu, ngày ngắn ngủi, và nhiều tiếng đồng hồ trước và sau tôi đều không có người, không một căn nhà có người ở. Tôi đứng dậy và leo lên đường yên ngựa khôn khổ. Ở đó, cạnh một cây thông, có một tấm bảng tường

niệm một phụ nữ chặn bò. Trước đây 50 năm một cái cây đã đẽ chết bà ấy – "một cái cây ngã xuống".

Đường đi lên xuyên qua vực dốc đứng, bây giờ đi xuống. Tôi đi theo con đường mà tôi cho là đường tắt. Chẳng bao lâu sau đó con đường mòn chấm dứt, con đường mà tôi cho rằng đã nhận ra được ở dưới tuyết, và biến mất vào trong bụi rậm. Tôi chìm xuống, ngã, xước tay vì gai nhọn trong lúc cố nắm lấy bụi cây để giữ thăng bằng và đập xuống vài mét ở dưới đó, trên những hòn đá của một con suối đã khô cạn. Tôi lại leo lên và đi theo dấu vết của chính mình, có thêm một vài vết xước và vết thâm tím.

Bất thành linh, sau một khúc quanh, tôi đứng trong ánh nắng. Từ mùa đông sang tháng 3 chỉ là một bước chân. Tôi giật cái mũ len màu đen trên đầu xuống, đưa mặt vào trong những tia nắng ấm áp và nhắm mắt nghe băng kêu răn rắc.

Bây giờ tôi đã ở rất gần biên giới Áo. Ở phía trên tôi Sonwendjoch nổi bật trên bầu trời xanh màu băng tuyết, trước tôi là một cánh đồng cỏ, mặt trời làm tuyết tan chảy thành những mẫu hình có màu nâu đất ở trong đó: một tấm da bò khổng lồ màu nâu trắng. Sông Valepp rì rào ở phía dưới, chắc phải là Valepp đỏ, sông Valepp trắng chảy trong một thung lũng khác đến Kreuth. Rồi tôi nhìn thấy căn nhà của người trông rừng.

Khi Vua Max còn cưới ngựa ở đây, ông đã có thể chuẩn bị tinh thần cho một đêm hè khiêu vũ thoải mái. Người tháp tùng ông Bodenstedt biết nơi này – "một khoảng đất trống giữa hoang dã của núi rừng hùng vĩ với duy nhất một nơi có người ở dưới dạng một căn nhà to lớn của người trông rừng". Với dây thừng xuyên leo, ban công có trồng hoa chạy bọc quanh và bộ gác hươu to đùng ở phía trên cửa, ngôi nhà đã tạo cho ông một ấn tượng sâu sắc nhưng ấm cúng, theo như ông ghi chú.

Vào một buổi tối như vậy, khi những người đày tớ đồn gỗ từ trên núi đá bước xuống và nam nữ chặn bò đến từ những căn nhà chặn bò của họ và giới trẻ từ dưới thung lũng lên đây, "để giậm chân nhảy múa, hò reo và ca hát thỏa chí ở Valepp", như nhà thơ diễn đạt, lúc đây những tự cao tự đại về giai cấp đã tan chảy đi. Rồi người ta chỉ còn là một con người trẻ trung và muốn nhảy múa. Và ở tại cái trang này, trong thế kỷ 19 xa xưa, đã xảy ra một cái gì đấy mà lẽ ra chỉ xảy ra trong thế kỷ vô giai cấp kế tiếp theo sau đó. Nhà thơ từ miền bắc chắc hẳn đã đứng đó với đôi mắt sáng ngời, người ta nhận ra được điều ấy từ trong quyển du ký của ông: "Vì thế nên ở Valepp, nơi tôi thường hay đến thăm từ Rottach và Schliersee, tôi đã nhìn thấy hoàng tử và bá tước nhảy múa với những cô gái chặn bò và công chúa và nữ bá tước với đầy tớ đồn gỗ." Và tất cả những điều đó đã diễn ra mà "không hề thiếu một chút nào phép lịch sự đặc trưng của những người sống trên vùng cao trong Bayern."

Mơ mộng. Mơ mộng thật của một người Phổ nhập cư yêu Bayern về một đất nước Đức hạnh phúc hơn, được ban phúc lành với thiên nhiên của nó, với một vị vua thông thái nghiên về khoa học, thêm vào đó là những thần dân đáng yêu, chân thật và lại thông thạo thế giới một cách đáng ngạc nhiên. Bodenstedt mô tả người Bayern như thế nào thì hàng trăm năm sau đó những người khác đã mô tả người Provence, người Hy Lạp trên đảo, người Nicaragua, người Thái như thế đó.

Tôi gấp quyển du ký của Bodenstedt lại và lên đường, trời đã tranh tối tranh sáng từ lâu.

Trời về đêm khi cuối cùng rồi tôi bước vào ngôi nhà cạnh hồ Spitzing, một ngôi nhà gỗ to có khách chen chúc nhau trong căn phòng khách lớn. Tôi e rằng không còn có giường trống. Trong lúc đang đợi chủ quán trọ, tôi nghe câu chuyện của một người đàn ông già trong chiếc áo khoác thô bằng len đan và nón của người đi săn với 2 người phụ nữ già. Họ bàn tán về bộ ngực của cô bồi bàn.

Ông ấy: "Cô ta quả thật là có khối gỗ trước nhà đấy."

Người đàn bà thứ nhất, sau một lúc: "To quá cũng không đẹp đâu."

Người đàn bà thứ nhì, cũng sau một lúc: "To quá cũng nặng lắm."

Chủ quán trọ đến và là một bà chủ. Một người đàn bà đẹp. Bà có mái tóc dài mượt mà và mang quần jeans bó sát người; nhân vật nhiều màu trên chiếc áo thun màu xanh da trời của bà, cái mà tôi cho là một vị thần Hindu đang nhảy múa, lại là Vua Ludwig, người con trai cải lương của Vua Max tốt bụng. Bà còn một phòng trống. Sau khi giải quyết xong chuyện ấy, bà lại trở về bàn của bà và tôi tìm một bàn ở gần đấy. Tôi ngồi ở đây cả buổi tối và cô không nhìn chăm chăm bà ấy, nhưng không được.

Bà đang ngự triều. Bà đang ngồi trọng thể ở đầu một cái bàn dài to lớn ồn ào mà tất cả đều chen nhau đến đây. Một người dạy trượt tuyết ngồi bên trái bà, một người thứ hai bên phải bà. Đó là bàn của bà, và bà là vị nữ hoàng của Valepp. Nữ hoàng không phải làm gì cả, họ chỉ phải là nữ hoàng thôi. Tất cả mọi người xung quanh bà đều đang cố tìm cách để làm bà hài lòng, họ cố thu nhỏ mình lại và kể chuyện đùa cho hay, tất cả đều là những chàng trai trưởng thành trẻ trung hay không còn hoàn toàn trẻ trung nữa, nhưng luôn có vóc dáng thể thao. Bà ngồi thẳng người ở đây. Không một điều gì thoát được bà.

Bà tặng nụ cười cho một người, nghiêng mình về phía một người khác, bà không cần phải làm gì nhiều hơn thế. Khi bà thích ai, có một nụ cười lấp lánh, thỉnh thoảng mang vẻ chế nhạo nhẹ nhàng, xuất hiện trên gương mặt thon với cái mũi Phục Hưng Ý của bà. Bà chỉ huy cả bàn và cả căn nhà bằng một cử chỉ, một lời gọi trong tiếng địa phương nặng nề của vùng này.

Sông Valepp là một vương quốc của những nữ hoàng được bầu chọn, và ngôi nhà là lâu đài. Giống như các ngôi nhà nông dân ở đây có tên gọi và không có số nhà, những người ngồi ở đây cũng không phải là khách trả tiền – ngồi ở đây là Hanni, Michi, Sepp. Tất cả họ đã quen nhau từ lúc còn bé. Những người đàn ông đã độ sức với nhau qua những lần vật lộn trẻ con, thi đua diễn tập cứu hỏa, trượt tuyết. Người thợ vào quán trong bộ quần áo lao động, thước đo vẫn còn trong túi quần, ngồi xuống bên cạnh bàn của nữ hoàng với sự tự tin như người bạn học cùng trường ngày xưa, người dạy trượt tuyết với cái kính râm đất tiền và tóc vuốt gel.

Vào buổi tối này tôi hiểu nhà thơ nhập cư Bodenstedt tốt hơn. Thiếu cái ít nói của miền bắc, cái im lặng ở cạnh bàn. Ở đây tất cả đều tròn trĩnh và hiện tại. Thơ sơ và dồi dào. Thơ sơ là căn nhà to lớn, thơ sơ là những tấm gỗ, ghé đầu, bàn, dồi dào là những đĩa ăn và vại bia và kho chuyện đùa. Ở miền bắc cũng như ở miền đông người ta thường bàn về những việc nghiêm chỉnh nhiều hơn và cũng im lặng nhiều hơn, cạnh những bàn nhậu ở đó thường là đề tài, ý kiến, vấn đề. Ở đây tuyệt không có vấn đề, ở đây là chơi đùa. Toàn những màn trình diễn nhỏ, người ta chọc ghẹo chế diễu nhau và tán tỉnh các cô bồi bàn trong chiếc áo truyền thống khoét cổ sâu.

Căn nhà thơ sơ này chỉ duy nhất là một sân khấu quần chúng kéo dài cả buổi tối, và cũng như trong nhà hát, nó cũng có một vài nét hấp dẫn khi nhìn xem các diễn viên quần chúng biết cách chế nhạo những người cạnh tranh của họ, những người đàn ông khác, và đùa cợt với phụ nữ như thế nào mà không gây ra thù oán. Chỉ là một trò chơi thôi, người ta phải làm chủ nó. Ở miền bắc người ta chân thật. Ở miền đông người ta thật thà.

Có lẽ là vì đồi núi. Một căn nhà ở giữa nơi hoang dã có một cái gì đó giống như lửa trại mà tất cả đều chen chúc nhau ở xung quanh đó, vì ở bên ngoài, trong vực sâu và trên đỉnh núi đều lạnh giá, và màn đêm thì tối tăm và không phải là không có nguy hiểm.

Tôi ngủ một giấc say sưa trong ngôi nhà và thức dậy vào sáng ngày chủ nhật thứ hai của Mùa Vọng.

### Trong đất của Ludwig<sup>1</sup>

Các ngày chủ nhật trở nên yên lặng hơn, ngay trong thành phố cũng gần như không còn có người đi lại. Tôi đi xuống Tölz trong một cái xe buýt gần như trống rỗng, trong một xe khác đến Kochel, với xe kế tiếp qua Mittenwald, qua những thôn xóm và nông trại có tên Freudenreich và Niemandsbichl. Dần dần tôi đi xuyên qua vùng đồi núi, lúc nào cũng đứng chờ một mình ở trạm buýt, ở một nơi giống như không có người.

Ngay đất đai cũng đang chờ. Mọi việc đã làm xong, gỗ được chất đống cẩn thận cạnh nhà, vườn tược đã được giẫy cỏ, mộ đã được trang hoàng, ngay đến đồi núi trông cũng có vẻ đã được dọn dẹp và chuẩn bị sẵn sàng cho mùa đông. Những cánh đồng đã được gặt hái, những cánh rừng rụng lá, trần trụi, đoàn nhà di động ở cạnh Hồ Kochel đang chờ đợi mùa đông. Tất cả đều đang chờ đợi mùa đông. Bây giờ chỉ còn núi Karwendel già nua xám xịt là còn đủ sức để kéo mặt trời về phía nó, đỉnh của nó đang cháy rực.

Khi tôi đến Oberammergau thì đã về đêm. Ở đó có Thánh Nicolas đang đi theo sau một chiếc xe ngựa được trang hoàng bằng thông xanh, trong y phục của linh mục, với mũ tế vàng và râu hiền hòa bằng bông. Và có tháp tùng hoang dã. Xung quanh ông là nhiều người có bộ râu đen, khoác bộ da cừu dài, đóng đưa roi làm bằng cành cây. Thánh đã nhờ nhiều nhóm vô thần giúp đỡ. "Krampus<sup>2</sup> của ông ta đó, vâng, vâng", người tài xế xe buýt nói với một giọng nói nhỏ nhẹ rình rập kỳ lạ khi ông nhìn thấy họ.

Tôi tiếp tục đi đến Lâu đài Linderhof và tìm được một khách sạn còn mở cửa, một ngôi nhà rất lớn. Người đầu bếp vội vã nấu cái gì đó cho tôi ăn, trước khi toàn bộ nhân viên khách sạn khởi hành đi dự lễ hội. Bây giờ tôi không những là khách duy nhất mà còn là người duy nhất trong một cái khách sạn mà ngoài ra hoàn toàn trống vắng.

Tôi đi lòng vòng trong các hành lang một lúc, nhìn các bức tranh, Vua Ludwig treo trên tường như một con hươu, rồi tôi bước ra màn đêm không có sao. Tôi đóng cửa khách sạn như người ta đã căn dặn tôi, rồi bước vào cái yên lặng đen như mực của khu vườn, cho đến khi tôi nhìn thấy lâu đài từ xa, giống như một vật thu nhỏ được chiếu sáng. Tôi thức giấc trong đêm vì có nhiều tiếng động ồn ào ở phía trên, cứ cào cào và phun phì phì, có một con vật trên mái nhà.

Buổi sáng lạnh lẽo và trong veo. Tôi muốn đi từ Linderhof qua núi đến Lâu đài Neuschwanstein. Ngay lúc tôi vừa bước ra khỏi cửa, những chiếc xe buýt đầu tiên bắt đầu đỗ người xuống. Một nhóm phụ nữ người Nhật, một nhóm người Ý, và chắc hẳn là tại vì hơi thoảng Ludwig nên tất cả họ đã đùa nghịch như con nít khi mới vừa đặt chân xuống đất Ludwig. Một nhóm phụ nữ Nhật đội lên đầu những cái mũ len trông rất buồn cười, họ ríu rít chạy vòng vòng và cười to, giống như họ được thả ra từ cái nghiêm trang của cuộc sống vào trong vui thú Ludwig. Các quý bà người Ý phát hiện vịt trong khu vườn. Họ nhất định muốn đùa với chúng và gọi chúng bằng tên.

"Paperini! Paperini! Qui<sup>3</sup>, qui qui!"

Một chiếc xe buýt thứ ba đỗ lại, và ngay sau đó một nhóm nghiêm trang người Đức Trung cổ miễn nhiễm truyện cổ tích đi lác lác thành hàng dọc thưa thớt xuyên qua

khu vườn của Lâu đài Linderhof, đàn ông và đàn bà vào khoảng 50 trong y phục thực dụng cho lúc rỗi rãi. Chúng mình thật là một bộ tộc kỳ dị, ý nghĩ băng qua đầu tôi.

Đoạn đầu của con đường, 2, 3 giờ xuyên qua rừng, thì dễ dàng. Chỉ có cái cửa máy của một người đốn gỗ thỉnh thoảng lại làm gián đoạn sự yên tĩnh to lớn của đồi núi xung quanh, càng sâu lắng hơn vì hoàn toàn lặng gió và thông đứng yên không động đậy, trắng xóa vì sương giá, cứ như là chưa từng bao giờ có gió và bão. Đến một lúc nào đó tôi vượt qua một con suối, trên lan can cầu có treo một tấm biển: "Biên giới quốc gia". Tôi đã sang đến Áo.

Đoạn thứ hai của đường đi dẫn lên một đường dốc đứng, Schützensteig, và dẫn vào một mùa xuân ngắn ngủi. Mặt bên này của núi nằm trong ánh nắng mặt trời. Nhiều dòng nước nhỏ chảy ngược về phía tôi. Tôi mở khuy áo khoác ra, trời dễ chịu đến như thế, và hít sâu không khí rừng ẩm áp vào.

Nhưng chẳng bao lâu sau đó đường quanh co lại xoắn ốc vào bóng của núi, và phần thứ ba của con đường bắt đầu, phần dài nhất và khó khăn nhất. Đường bây giờ đóng băng. Thỉnh thoảng lại chạy cạnh vực sâu. Tôi nắm chặt những cây thông non để không bị trượt chân. Lên đến độ cao gần 1500 m, và trong nhiều giờ tôi không hề gặp một người. Tôi lên càng cao thì tuyết càng sâu, thỉnh thoảng có suối đóng băng ẩn nấp ở phía dưới, tôi lọt xuống vài lần và lại kéo một cái chân ướt lên.

Có một lần, khi tôi ngừng lên, tôi nhìn thấy mình đang đứng dưới một cái đàn ống khổng lồ, một cái đàn ống băng tuyết. Vào mùa hè nó đã là một cái thác nước. Nó đã đóng băng trong lúc rơi xuống, ống đàn của nó chính là dòng nước lũ đã trở thành băng. Thế giới xanh biếc toàn hảo ở tít trên cao. Rìa của nó nằm trong ánh sáng chiều. Tôi nhìn thấy đỉnh núi, nó có màu sa thạch của những dinh thự ở Rajasthan.

Cuối cùng, khi tôi lên đến được đường yên ngựa và loạng choạng bước qua một cánh đồng tuyết rộng lớn thì nó đánh lừa tôi: Tuyết ở đây dày và có một lớp băng cứng, mỏng ở trên nên cứ mỗi bước chân là tôi lại đột ngột sụp xuống và chỉ có thể đi tới bằng cách đi lảo đảo, chân phải và chân trái cứ luân phiên nhau chìm xuống. Nếu như có ai nhìn thấy tôi từ xa thì chắc sẽ nghĩ rằng tôi đang say rượu bí tỉ.

Tôi bắt đầu đi ở Linderhof vào lúc sớm. Bây giờ, khi tôi đến gần mục đích của tôi, trời đã chập choạng tối. Trên những con đường quanh co khúc khuỷu dường như vô tận tôi đi xuống ngọn núi đã leo lên. Cứ như trượt trên đường trượt tuyết và về cuối là một cuộc chạy đua xuống thung lũng.

Sau khi tôi đi qua một thung lũng trắng thì lại lên dốc. Bất thành linh có một khe hở trong bức tường bằng đá ở bên phải cạnh tôi, và cái xuất hiện ở trong đó, bất chợt như một phát đạn, đã giật ra khỏi tôi một tiếng kêu kinh ngạc và thán phục. Lâu đài Neuschwanstein đứng trong khe đá, giữa hai vách núi đá cao, ánh sáng cuối cùng của mặt trời đang nhuộm màu cho những bức tường và tháp to nhỏ sáng màu của nó. Và ở phía xa, núi duỗi thẳng nằm dưới bầu trời màu đỏ như những con thú nặng nề đang ngủ.

Phía sau đó còn có núi cao hơn nữa nhô lên mây chiều, bây giờ trên một vài núi có nhiều điểm sáng, do người của Ludwig đốt lên theo cái vẫy tay của ông, và còn có nhiều mái vòm và tháp xuất hiện, giống như hình bóng Rajasthan trên bầu trời sa mạc.

Ludwig đã đánh bại vua mùa đông.

---

<sup>1</sup> Ludwig II (1845-1886), vua của Bayern, là người cho xây Lâu đài Linderhof và Lâu đài Neuschwanstein (cũng được gọi là "Lâu đài cổ tích").

<sup>2</sup> Krampus: Trong truyền thống Giáng Sinh ở vùng núi Alps, Krampus là một hình tượng hù dọa đi cùng với Thánh Nicolas. Trong khi Thánh Nicolas tặng quà cho trẻ ngoan thì những đứa bé hư hỏng sẽ bị Krampus trừng phạt.

<sup>3</sup> Lại đây! (Tiếng Ý).

## Orlando

Ở trên Baad, trong góc cao nhất và ngoài cùng nhất của Kleines Walsertal, có một người đàn ông đang đứng trước một căn nhà, gương mặt của ông trông giống như được điêu khắc, mỗi một nếp nhăn ở trên đó chạy dài xuống dưới. Ông kể về Orlando, người buôn lậu nổi tiếng Orlando, và về sức lực phi thường của ông ấy, về tính phàm ăn phi thường của ông ấy, muốn nuốt trọn tất cả những gì mà một người đàn ông có thể nuốt được.

"Cứ mỗi lần từ nhà riêng xuống thung lũng là hấn ở lại cả tuần. Lúc đó thì thôi đủ chuyện. Hấn toàn tán tỉnh đàn bà. Rồi còn nhậu nhẹt nữa!"

Cô con gái của ông đứng tựa vào cánh cửa mở ở phía sau ông. Cô không gây ấn tượng rằng cô có thể thích một kẻ điên rồ chuyên tán gái và buôn lậu từ trên núi xuống, cô trông có vẻ rất hiểu biết lý lẽ với kiểu tóc thực dụng của cô và trong quần áo thực dụng của cô. Cô nói: "Đàn bà ai hấn cũng tán tỉnh." Và một lần nữa, nhấn mạnh: "Ai cũng tán tỉnh!"

Cha cô ném cho cô một cái nhìn.

Có một lần Orlando đã vào đây, trong cơn say. Hấn gọi bơ và thịt mỡ. Hấn trét bơ trên miếng thịt mỡ – "bơ dày như thế đó!" – rồi ăn hết. "Bất kỳ ai khác là phải nôn ngay." Rồi hấn đi lên nhà của hấn.

Căn nhà Schwarzwasser dưới đỉnh núi Steinmannl là tổng hành dinh của hấn. Khu vực được lựa chọn tốt – vùng biên giới giữa Thụy Sĩ, Áo và Đức. Ai biết những con đường mòn trên đó thì có thể đi qua bên kia và trở lại bên này tùy thích.

Orlando biết chúng. Nhân viên hải quan Thụy Sĩ đã truy lùng hấn cả một thời gian dài; hấn vác hàng Thụy Sĩ qua Áo, thuốc lá, sô cô la, rượu vang, cả máy may nữa. Có đôi lúc họ đã bám sát gót hấn. Đã có ấu đả giữa họ và Orlando, nhưng lần nào hấn cũng trốn thoát được. Và tất cả những chuyện này không phải đã xảy ra ở thời xa xưa mà là sau chiến tranh.

Một vài người đàn ông khác nhập bọn với chúng tôi. Orlando giống như một võ sĩ quyền Anh lực lưỡng, một người nói. Hấn khỏe như gấu, tất cả đều công nhận như vậy. Người vùng Nam Tirol chính gốc. Một con chó hoang, nhanh nhẹn và dẻo dai. Hấn có tóc quăn màu đen. Một người nói: "Giống như người Kamogask." Đó là một cái thung lũng ở phía nam của núi Ortler, quê hương của những người chăn cừu, săn trộm và buôn lậu.

Kỳ lạ là không một điều gì mà người ta kể về Orlando lại có năm, ngày tháng. Không một ai trong số những người đàn ông có thể nói hấn đã đi buôn lậu trong thời gian bao lâu và thật ra hấn đã chết vào lúc nào. Lúc nào đó trong những năm 60. Không, trong những năm 70. Đơn giản là người ta không biết chính xác.

Người ta thích lôi ra thêm một câu chuyện hơn, về một cuộc ấu đả, một mối tình hay về việc Orlando đã đánh lừa lính biên phòng như thế nào. Buôn lậu dường như là một lẽ tự nhiên ở vùng trên này, lẽ tự nhiên của những con đường mòn trên núi và những con đường bí mật và những căn nhà cô độc. Tôi đứng cùng với những người đàn ông có thể cho phép mình đưa ra một phán quyết. Khi nói về buôn lậu, họ làm việc ấy với tạ Đức và kilôgam. Một người nói về Orlando và nhận được những cái gật đầu đồng tình: "Hấn cõng 1 tạ 20 chạy trên đèo."

Đó là trọng lượng của cả một người, và cái là việc kinh doanh bao tải thuốc lá hay máy may trong thời nghèo khó sau chiến tranh thì trong chiến tranh và ngay trước đó lại là việc kinh doanh người Đức Do Thái nguy hiểm hơn và lạnh lùng hơn rất nhiều, những người đã leo qua các con đường mòn trên núi này để tìm sự sống. Ai có thể mang một người qua bên kia thì sẽ làm việc đó vì tiền công hậu hĩnh. Ai muốn biết điều đó đều có thể biết được. Cái góc ở rìa phía nam khó kiểm soát được của Đế chế nổi tiếng vì việc đó, và dường như tất cả những việc đó vẫn còn cách đây không đủ lâu để trở thành giai thoại được người ta thích kể lại. Một người đàn ông trở nên ít nói.

Yên lặng xuất hiện. Một người đàn ông già chấm dứt nó, ông tiếp tục đề tài và nói đơn giản: "Hắn quả thật là bất hủ." Tất cả gặt đầu.

Tôi đứng thêm một lúc với họ, nhưng rõ ràng là tất cả đã được nói ra – câu chuyện về Orlando chấm dứt ở đây. Hình ảnh của ông ấy tan biến trong một lời đồn đãi.

Một trong số những người đàn ông còn biết thuật lại những năm tháng cuối cùng của ông ấy, rằng Orlando đã mở một triển lãm thú vật ở bên kia trong Oberstdorf. Ông ấy đã trưng bày dê rừng nhồi bông và các chiến lợi phẩm khác. Viện bảo tàng thành phố Oberstdorf đã mua lại những vật tốt nhất. Orlando hoang dại to lớn chấm dứt như thế đó, trong Viện bảo tàng thành phố.

## **Đêm của mặt nạ**

Tôi cũng đi đến Oberstdorf. Trời tối khi tôi đến đó, và nơi này vắng người một cách kỳ lạ. Tất cả quán xá đều đóng cửa, chỉ trừ một quán, cảnh sát mang trang bị chiến đấu đang đứng ở nơi họp chợ, vài ba nữ sinh hồi hộp nép mình vào trong khe cửa. Nhà thờ nằm tối tăm ở đó, như muốn nói rằng nó hoàn toàn không có liên can gì đến cái sắp sửa xảy ra. Tôi hỏi có việc gì.

"Ma thú tới!"

Và rồi họ cũng đến ngay. Một tiếng khua leng keng hoang dại theo nhịp điệu tiến đến gần, cảnh sát đứng dạng chân ra thêm, các cô gái ùa ra. Họ chạy ra quảng trường, các con ma thú, hơn 1 tá, có lẽ là 2. Nhưng không được khai hóa và được dẫn qua làng dưới sự trông nom của Thánh Nicolas như các ông kẹ của Oberammergau. Và không chỉ hóa trang mang vẻ quỷ quái một ít. Tôi nhìn thấy mặt nạ, mặt nạ cổ xưa dữ tợn, và những người mang nó không những không còn có thể nhận diện ra được, mà họ còn biến hóa vào trong những cái mặt nạ này nữa. Họ tạo thành một cái gì đó giống như một hội bí mật. "Ma thú tới!" Đó là tất cả những gì mà người dân địa phương trên quảng trường biết. Không một ai có thể nói đó là người nào vào lúc ban ngày, cái người bây giờ đang gầm lên và hung hăng nhảy giữa các cô gái đang kêu thét lên.

Xa lạ và đáng sợ, đó là cái đang nhảy bổ vào các cô. Không phải là con cừu 2 chân. Hoàn toàn không có gì quen thuộc. Không phải chuyện đùa. Những cái mặt nạ có rất ít điểm tương tự với thú vật thông thường như những con thú của họa sĩ trong hang động thời Đồ đá. Một vài cái đầu to bất thường, có một cái được làm toàn bằng bộ da thú trắng, chỉ có 2 khe hở để nhìn: Giống như một con chim tu hú trắng khổng lồ. Họ đội bộ gạc hay sừng, lộ ra từ bộ da trùm đầu trong một pha trộn hoang dại.

Đó thường là những hình thể to cao, nhưng chỉ có bắp chân và cẳng tay gân guốc là lộ ra trần trụi khỏi hình dạng của con thú, khi họ quất những cây roi dài vào

những người đang hoảng sợ bỏ chạy. Và có một điều có thể thấy rõ, tất cả đều là trai trẻ khỏe mạnh, và họ bắt được ai thì người đó sẽ bị một trận đòn.

Cái là một cuộc diễu hành chậm chậm ở Oberammergau thì ở đây lại là một cuộc săn lùng vô đạo. Những cái mặt nạ đang giận dữ và hung hãn, họ săn lùng không ngừng trong các ngõ hẻm, họ được phép nhảy bổ vào bất cứ người nào vẫn còn đứng trên đường phố, đặc biệt là phụ nữ trẻ. Họ tập hợp thành nhóm 3, nhóm 6, đứng nhảy múa tại chỗ. Họ dùng chuông tạo một tiếng ồn hỗn loạn, để rồi trong khoảng khắc kế tiếp nhảy bổ vào người mà họ chọn ra.

Một người lao vào tôi với tiếng quát: "Xuống!" Anh ta muốn tôi quỳ xuống trước mặt anh ta, giống như những cô gái đã làm ngay tức khắc khi bị bắt được. Họ phải ca hát trong tư thế hạ mình hay nằm sấp chống tay đẩy người lên xuống và mặc dù vậy vẫn bị đánh đập. Tôi không thể làm điều đó. Bất kỳ là ai đang dấu mình sau cái mặt nạ, anh ta trẻ tuổi hơn tôi nhiều. Anh ta đứng ngay trước mặt tôi, hồng hách, run lên vì giận dữ thật sự, tôi cảm nhận điều đó, tôi có thể nhìn thấy đôi mắt của anh ta qua 2 cái lỗ trong bộ da thú đen. Bộ sừng của anh ta liên tục gật mạnh xuống phía dưới. Xuống!

Anh ta đã nhập thành một với cái mặt nạ. Anh ta là cái mặt nạ. Và nó đòi hỏi phải quỳ xuống. Nhưng cũng chính anh ta. Một thanh niên trẻ tuổi muốn bắt buộc người đáng tuổi cha của anh ta phải quỳ xuống. Không được. Tôi nhận thấy chính tôi bắt đầu tức giận. Tôi quát anh ấy, anh thiếu sự tôn trọng người lớn tuổi. Có tác động phần nào. Anh chàng trẻ tuổi sau cái mặt nạ chần chừ.

Nhưng cái mặt nạ vẫn kiên quyết đòi quyền trừng phạt của nó. Và anh ta đã chạy vào trong mồ hôi và giận dữ đến mức anh ta không thể để cho tôi đi một cách đơn giản. Không còn gì để nói nữa, bây giờ tôi phải quay người bỏ đi. Khi tôi làm điều đó, anh ta nhảy theo tôi và dùng cây roi cứng quất tôi 2, 3 phát vào chân và vào lưng, những cú quất mà tôi vẫn còn cảm nhận được nhiều ngày sau đó, và các vết thương do những bụi cây cứng của Valepp gây ra cũng không lành lại. Rồi anh ta chạy về hướng những người cùng bọn.

Rõ ràng là tôi đã sa vào đê mê ma thú vô hại nhất mà người ta có thể nhớ lại được. Người dân Oberstdorf ngạc nhiên khi thấy cuộc săn bắt chấm dứt chỉ sau 2 giờ đồng hồ. Người ta nhìn thấy những con ma thú đứng quây quần với nhau, giống như họ nói với nhau rằng sức lực đã sớm giảm đi trong năm nay, ma thuật cổ xưa không còn có tác dụng nữa. Người ta lại có can đảm bước ra ngoài và kể cho nhau nghe chuyện ngày xưa. Đã từng có nhiều cái quá lộ, vâng. Trước đây nhiều năm ma thú đã đìm một người phụ nữ trẻ xuống giếng nước, tất nhiên là lạnh như băng vào mùa này, và cô ấy đã suýt chết đuối. Và có người đã lỏng ống nhựa đổ đầy cát vào cây roi của họ.

"Anh nghĩ coi đau tới chừng nào!"

Sau đó, khi đêm của họ sắp đến, những con ma thú phải ghi tên họ vào danh sách và được chụp ảnh trong bộ hóa trang riêng, từng người một. Cẩm ma che mặt, thật là một ý tưởng lạ lùng. Mất thể diện như thế đó.

Những gì mà tôi nghe được về việc làm của họ cho đến khi chiến tranh xảy ra đã đẩy lui tất cả những điều này vào trong bóng tối. Nghe có vẻ như một câu chuyện từ một thế giới khác, cái thế giới còn chưa biết rằng chỉ trong vòng vài thập niên sắp tới đây niềm mong muốn được bảo hộ chống lại mọi thứ sẽ lan tràn khắp nơi, và thật sự là chẳng bao lâu nữa người ta sẽ có thể có được bảo hiểm cho gần như mọi thứ. Cho việc mất một ngón tay, cho lo âu đủ loại, cho số phận. Niềm tin vào sự an toàn đã thay thế cho niềm tin vào ma quỷ.

Tôi trò chuyện với một người đàn ông già, người cũng đã tham gia khi còn là thanh niên nông dân trẻ tuổi và ngày đây còn là người cầm đầu nữa. Trước chiến

tranh, ông nói, không một người nào dám bước ra đường trong cái đêm này. Ai nấy đều xem nhà đã đóng chặt cửa chưa, cửa sau cũng đã cài then chưa. Thay vì là một vài cái chuông nhỏ buồn cười, các ma thú vào làng với những cái chuông khổng lồ được họ xỏ dây kéo theo sau người. Họ chộp được ai thì sẽ đập người đấy một trận, không phải chỉ dùng roi cây quất một ít vào bắp chân. "Đánh như tử", ông nói trong cách diễn đạt vùng Allgäu của ông. Cái mà tôi vừa nhìn thấy là còn hoàn toàn vô hại. Du khách từ xa đến đây để xem. Và thật sự là như vậy, họ xúm xít đứng sau tấm cửa kính to của cái khách sạn duy nhất còn mở cửa.

"Ngày nay, tất cả những cái này chỉ là màn kịch nông dân."

Rồi mới biết rằng ông còn tự nghiên cứu nữa. Ông tìm hiểu về nguồn gốc từ người Celt của tập quán ma thú và đã công bố một vài bài viết. Ông yêu thời gian ngày xưa, nhưng khi là con trai nhà nông, ông đã không lãng mạn hóa nó.

"Thời gian tốt đẹp ư? Chưa bao giờ có. Thời gian tốt đẹp là từ 1948 cho đến ngày nay, và bây giờ nó lại biến mất rồi."

Làng mạc ở những thung lũng trên núi nghèo xơ nghèo xác, khi còn chưa có khách du lịch. Rồi ông kể về con đường đói ăn, con đường hằng năm của trẻ em. Ngay khi chúng có thể làm việc được, chúng được gửi qua Oberstdorf đến vùng Schwaben trong mùa hè, để chăn heo và chăn ngựa. Bớt đi 1 hay cũng là 10 miếng ăn trên bàn. Cho đến những năm 30, đấy là một việc phổ biến. Rồi nếu như chúng nhận được một món tiền công vào cuối hè thì chúng đã thuộc vào trong số những đứa bé hạnh phúc. Nhiều em chỉ nhận được một cái áo mới cho chuyến đi về giá lạnh trong mùa thu. Và vì các em thường chẳng có gì khác trên thân mình nên vài đứa đã chết rét.

Bệnh tật, rui ro, số phận – diễu hành ma thú chính là vì vậy. Để đuổi ma, trừ tà. Trong những đêm đông kỳ bí, thanh niên trẻ trong những ngôi làng trên núi tụ tập lại để tranh đấu với chúng. Dụng cụ của họ là mặt nạ và tiếng ồn, vì họ phải có vũ khí tương đương, nếu không thì họ sẽ không có được đến một cơ hội, nếu không thì kẻ thù sẽ coi thường họ. Thế nhưng trong cuộc vật lộn với tà ma, chính họ lại trở thành ma quỷ và không lường trước được. Là một người dân làng bình thường, không tham gia, người ta tốt hơn là lánh xa đi.

Với thời gian trôi qua, do thiếu ma quỷ nên cuộc săn lùng người của chính mình đã trở thành công việc chủ yếu. Bây giờ ma thú làm cho những người dân hiền lành hoảng sợ và gây phiền hà cho họ, khi ma thú phát hiện được một cửa sổ không đóng kín, một cánh cửa không được khóa lại. Và sau đó, cái làm cho người dân khiếp sợ một cách thô bạo teo lại thêm một lần nữa, trở thành cái của ngày hôm nay: đi săn lùng phụ nữ trẻ đang kêu thét lên.

Đêm của ma thú đã qua. Họ đi vào khách sạn, họ khát nước, và họ lần lượt tháo mặt nạ của họ ra. Những gương mặt tồ đen hiện ra, trên đó vẫn còn một ít của cái hoang dại và hơi thở nóng bỏng ở phía dưới mặt nạ, xa lạ và ám muội vẫn còn lập lòe, ngay cả khi họ đứng đó, cái đầu ma quỷ dưới nách, một ly bia trên tay, và thảo luận với du khách từ vùng Rheinland về đồng euro và đất đỏ. Họ vẫn còn chưa có vẻ giống như nhân viên của quỹ tín dụng hay của cửa hàng ô tô mà thật ra chính họ là những người đấy. Như thể cái mặt nạ mang về ngoài kỳ bí cũng có một mặt trong làm thay đổi cá tính của nó, như thể nó đã đóng dấu ấn lên gương mặt của những người đàn ông trẻ tuổi, và cần phải có một thời gian nhất định để lực ấn của nó giảm đi.

Có một người không tháo mặt nạ ra, một người duy nhất, anh ta đứng cô độc trong đám đông. Con chim cú màu trắng khổng lồ, cái mặt nạ kỳ bí nhất. Trên đầu có 2 cái sừng bò vạm vỡ, sừng nai mọc hoang dại ra từ sọ. Người anh ta đầy râu và cằn thồng, giống như còn vương lại từ chuyến bay xuyên qua rừng. Chân thú nhỏ

lùng lẳng dưới những mảnh da thú dài trên người anh, và run rẩy khi anh ta cử động, rồi mấy cái chuông cũng cử động, nhỏ nhưng vẫn chói tai. Anh ta đứng đó như thế và buổi tối càng ấm cúng hơn thì lại càng kỳ bí hơn.

Tôi nghĩ thầm bây giờ có thể có một cái gì đó. Bây giờ có thể xảy ra một cái gì đó. Bây giờ, khi sự căng thẳng của cuộc săn lùng mặt nạ hoang dại tự tan biến vào trong một buổi tối quê hương Oberstdorf ấm cúng. Nơi nó lại nằm xuống và lại ngủ thiếp đi, nỗi lo sợ vũ trụ xưa cũ mà những cái mặt nạ đã khuấy động đến giấc ngủ không say của nó thêm một lần nữa – ở ngoài đó có cái gì hay hoàn toàn không có gì, chỉ có màu xám và giá lạnh? Bây giờ, khi cú nắm bắt lạnh buốt vào con tim đã nhường chỗ cho cái ở trong nhà dễ chịu và ở trong phòng người ta đang bàn về những cái gần gũi thực tế, bực mình hay buồn cười của cuộc sống. Không phải là không có nhẹ nhõm, như tôi cảm thấy.

Quê hương là phép màu ngược lại.

## ***Nỗi buồn của Phương Tây***

### **Con gái nhà giàu từ Tây Đức**

Tôi đến Lindau ở hồ Bodan, và tất cả vẫn còn ở đó, tất cả vẫn còn ở nơi chốn của nó. Tây Đức vẫn còn đó. Chẳng có gì đáng ngạc nhiên, nó chưa từng đi đâu cả. Tôi đã đi xa, và bây giờ tôi đi qua Lindau này và đứng trước toàn những thứ mà chỉ riêng sự vẫn còn tồn tại của nó không thôi cũng đã làm cho tôi cảm động như lòng trung thành của một người tình đã bị bỏ quên mà tôi không xứng đáng với nó.

Tôi không phải là người ở đây, đây còn là lần đầu tiên tôi đến Lindau nữa, mặc dù vậy vẫn giống như trở về nhà. Lindau rất thật. Một thành phố được xây dựng chen chúc nhau trên một hòn đảo ở miền nam. Văn phòng luật sư lâu đời, quán trọ, hiệu thuốc, cửa hàng, nhà thờ, tất cả những cái đó. Không phải là thành phố quốc tế. Không phải là lều của dân du mục hiện đại. Không phải là bộ khung bằng thép có da bằng kim loại và kính căng ra ở trên. Không có những cuộn băng màu đỏ báo hiệu trong một nửa số cửa kính bày hàng: "Chủ mới".

Những gương mặt sắc sảo của người Alemanni làm cho tôi chú ý, giống như được khắc từ gỗ cây đoạn bị một ăn, riêng biệt từng người đến mức như biếm họa. Tôi đi qua chợ Giáng Sinh, và nó thật sự là một chợ Giáng Sinh, không phải chỉ là viện cớ cho sự ồn ào huyên náo mùa đông như trong Berlin nghèo nàn của tôi. Và cái cây Giáng Sinh khổng lồ từ vùng Rừng Đen che chở khắp chợ và để cho con người trông như bé tí hon – nó chắc chắn không được đón theo nghi thức như ở Berlin, nơi một kẻ điên rồ mà cả thành phố đều biết cựa gục nó hằng năm. Dĩ nhiên là tất cả ở đây vẫn còn ở nơi chốn của nó vào lúc sáng sớm.

Lindau trông có vẻ đáng tin cậy. Ngay sự phi nghiêm trang của Phương Tây, những trò chơi trẻ con vĩnh cửu của nó, cũng bắt chước làm cho tôi cảm động như một tính khí đáng yêu. Ở kia – một phòng điều trị về giao thiệp, tình yêu và nhận thức. Bảng chỉ đường dẫn đến những "gian phòng hòa bình" trong ngôi biệt thự trên sườn đồi. Chúa ơi, căn nhà môi trường bé nhỏ cạnh hồ. Chỉ một văn phòng kiến trúc sư chuyên về nhà thụ động là tôi chỉ không thể tự giải thích được. Cư ngụ thụ động, đó phải là một trò chơi mới mà Phương Tây đã nghĩ ra sau khi tôi đi khỏi.

Lần ra đi của tôi, đó là một việc làm khiêm tốn. Vào một buổi tối nào đó tôi đã xếp một vài thứ không thể thiếu được vào trong ô tô và lái xe đi. Tôi chạy đến Helmstedt và từ đó chạy vào hành lang Đức, vào buổi sáng của ngày hôm sau tôi ra khỏi ở đầu phía đông của nó và dọn vào một căn phòng nhỏ trong ngôi nhà ẩn dật Berlin. Chỉ trong ngôi nhà ẩn dật Berlin người ta mới có thể ở trong nước Đức và tưởng tượng rằng không phải như thế.

Tôi đi xuyên qua Lindau và lạc vào một quán cà phê, giống như một quán rượu nhỏ ở Địa Trung Hải. Tranh Colorfield<sup>1</sup> vẫn còn treo trên tường, ngôi ở phía dưới là những người đã không đi xa. Những người phụ nữ không còn trẻ nữa, trong những chiếc áo váy đất tiền không còn thắt eo nữa, với những con chó trắng đất tiền và những món quà Giáng Sinh có không mang về Giáng Sinh càng nhiều càng tốt trong những túi xách nhỏ màu đen. Ông chủ quán được gọi là "Pepe", cách diễn đạt "thùng hài hòa" bay ngang qua, chữ "điều trị" chạy thoáng qua, và tại sao lại không? Mọi người có thể bình thần lắng nghe tình trạng của một người ra sao, ở đây, trong quán cà phê của Pepe, thì dù thế nào đi chăng nữa tất cả đều đã qua cùng những quyển sách ấy và cùng những người đàn ông ấy.

Vừa khi tôi đang ngắm cây đèn trần từ những năm 1970 được bắt vít vào gỗ sồi sẫm màu trông giống như một cái hộp thì người phụ nữ đến, người còn thiếu. Và trong khi bà ấy hỏi liệu cái ghế bô không ở cạnh bàn của tôi có trông không, tôi tự hỏi, liệu đó có phải là một nét giống ngẫu nhiên hay không. Tất cả đều đã lâu lắm rồi. Ghế ngồi còn trống.

Pepe đích thân mang thực đơn đến. Người ta quen biết nhau. Chào. Hôn. Ôm. Cả hai chúng tôi đều gọi rượu vang vùng Sicily, bà ấy kéo một điều thuốc ra khỏi gói thuốc lá đã rách tả tơi. Cách hút thuốc này, nghiên đầu sang một bên. Cách ngậm ngừ này, để có thời gian, nhún đầu ngón tay vào trong rượu vang đỏ và mút nó một cách đáng trí như mút ca cao, vẽ những vòng tròn nhỏ trên mặt bàn – tất cả đều quen thuộc như thế. Ngoại trừ một vài sợi chỉ bạc trong mái tóc sẫm màu, nhưng chắc chắn là không quá 10. Và làn da chín mùi hơn, như táo mùa đông.

Bây giờ Pepe ấn nút đẩy âm nhạc đi mất, cái người Ý già nua này, lúc nào cũng hát *it's wonderful, it's wonderful*<sup>2</sup> hay chính xác hơn là nói với giọng khàn khàn của ông ấy mà người ta rất thích, và đây ông người Pháp già nua vào trong máy hát đĩa CD, tôi không nhớ ra tên, hình như là người Armenian, thôi mặc kệ, bây giờ người Pháp Armenian hát "Ave-Maria". Chúng tôi uống cái thứ nước Sicily đen như anh đào. Bất chợt tôi phát hiện mình đang hút thuốc, cái đây cũng đã lâu lắm rồi.

Tất cả lại ở đây, đen ngọt ngào như thế, chín mùi như thế. Tất cả nhạc Jazz. Em đã ở đây. Em ở trong ngôi biệt thự tàn tạ của em.

Điều quan trọng đối với em là sống trong một biệt thự hơi tồi tàn một ít. Và em thích điều đấy, sống gần ngọn lửa ngày đấy đang cháy, nhưng em không đốt lửa. Cách mạng đối với em chỉ là nước hoa, không hơn thế.

Anh rất thích thức dậy trong ngôi biệt thự tàn tạ của em. Một cái hộp kiểu Duy sử nặng nề trong một ngôi vườn bị bỏ hoang. Tân Gotic, sảnh cao, cửa cao, nhiều gỗ đen. Có lần, trong một khoảng khắc hoang mang, anh đã tự thú với mình rằng anh không chắc chắn đã yêu cái gì nhiều hơn, ngôi biệt thự hay là em. Cho đến khi anh nhận ra rằng anh không hề có được sự lựa chọn. Em và nó bao giờ cũng kết đôi với nhau. Nó là chiếc áo váy của em. Anh không thể nghĩ ra được một ai khác mang nó đẹp hơn, và không một ngôi biệt thự nào đẹp hơn ngôi biệt thự mà em đã chạy trên sàn bằng terrazzo mát lạnh của nó với đôi bàn chân trắng của em.

Tại sao không cứ mãi như thế được? Anh không biết. Anh đi đến nền cộng hòa tu sĩ Đức tồi tàn trong cát ở phía sau sông Elbe. Rồi một ngày nào đó anh nhìn thấy em qua tấm ảnh trong một tờ báo. Em toàn trong màu đỏ. To, kéo qua 2 trang. Đang nhảy múa điên dại trước một ông già có râu trắng với đôi mắt của một diễn viên múa rối. Em không được sắc nét trong cử động của em, ông ấy hoàn mỹ, ông ấy để cho tông đồ nhảy múa. Anh nhận ra em ngay tức khắc.

Sau đấy anh nghe rằng em đã lấy tất cả đĩa nhạc nhựa của em mang đi cho và sách của em, toàn bộ những thứ seminar dai nhách, em chưa từng đọc nó, đó cũng chỉ là nước hoa, và đã mua một vé máy bay đến Bombay. Em dọn đến nơi mát lạnh để chịu đó ở những ngọn đồi trên thành phố, nơi tất cả đều đi lại trong màu đỏ, nơi mà họ gọi là tu viện – một ngôi biệt thự khác, một ngôi biệt thự trong Ấn Độ.

Không biết bao nhiêu là tạp chí nghệ thuật cũ đang nằm vô tích sự trên bệ cửa sổ ở chỗ Pepe, anh có cảm giác như thế. Em nhìn thấy ánh mắt của anh và dọa anh với ngón tay rượu vang đỏ: Người khổ hạnh già nua.

"Berlin tôi luyện tính cách."

Tôi giật mình – tôi đã nói to câu đó. Người phụ nữ xa lạ ở bàn ngạc nhiên nhìn tôi. Bà ấy dụi tắt điều thuốc, đẩy cái ly còn một nửa của bà ra xa với một động tác mạnh đến mức rượu vang sánh ra bàn, đứng dậy, để lại một tờ tiền giấy và bước đi.

Pepe đã quan sát tất cả. Ông ấy nhìn tôi cười nhẹ và làm một cử chỉ của ngôn ngữ miền nam nước Pháp. Tant pis<sup>3</sup>!

Tôi vẽ một vòng trong rượu vang vừa đổ ra, đặt một tờ vào tờ của bà ấy và cũng đi ra. Bây giờ Lindau là một nơi ít đa cảm hơn.

---

<sup>1</sup> Color field painting là một trường phái hội họa đương đại.

<sup>2</sup> Thật tuyệt vời, thật tuyệt vời

<sup>3</sup> Tiếng Pháp: Không sao!

## Một ngôi vườn ở miền nam

Vào ngày hôm sau tôi muốn đi bộ dọc theo hồ Boden đến Meersburg. Mặc dù sương mù của tháng 12 để cho hồ nước và đất đai nằm trong một ánh sáng mờ ảo, mặc dù tất cả đều yên lặng và vắng tanh vào thời gian này – nhà thuyền, cầu tàu, vườn tược, làng mạc – và gần như không thể nhận ra bờ hồ ở bên kia nữa, tôi có cảm giác như mùa đông ở đây chỉ là một màn sương mỏng. Thịnh thoảng có mùi trái cây đã lên men.

Tôi đi ở bên mặt có ánh nắng của hồ, đi qua một niềm vui về đã no nê trong những mùa hè dài, chỉ duy nhất là một vườn bách thảo. Nhiều biệt thự ẩn mình ở trong đó, và nhà quý phái, làng mạc và những thành phố nhỏ, hoa hồng, hoa đỗ quyên. Tôi đi qua một rừng tre nhỏ và qua những cây cù tùng mà vỏ đang lột da của chúng có màu da của con đười ươi. Có lần, một người đàn ông trong bộ quần áo lao động đang phát quang một đồi trống nho. Ông ấy đốt lửa và khi ông quăng cây nho vào trong ngọn lửa thì nó lại cháy bùng lên. Tro nhỏ xám trắng bay lơ lửng qua đến tận bên này.

Mùa đông trong vùng đất được ban phúc lành này là một mùa đông khác với trong miền bắc. Không phải là cái chết của tất cả, không phải là vương quốc băng giá đối nghịch. Nó phủ lên miền đất đang ở trong giấc ngủ không say của nó – như đang phục vụ cho bạn bè. Hiếm khi, rất hiếm khi nó đi đến mức đóng băng cả cái hồ mùa hè, và nếu như nó làm việc đấy thì cũng chỉ để cho người Áo, người Thụy Sĩ và người Đức ở bờ hồ vui mừng và thích thú trượt tuyết. Nó đã trình diễn cho họ xem quang cảnh đây 3 lần trong 500 năm vừa qua, một lần trong thế kỷ 16, rồi mãi đến thế kỷ 19, và một lần nữa trong thế kỷ vừa qua. Và cứ mỗi lần như vậy người ta gắn một tấm bảng đá màu xám vào trong Nhà thờ của Thánh Georg trên bán đảo của Wasserburg để kỷ niệm. Vào thời của Luther người ta đi dạo qua hồ, hơn 300 năm sau đó họ cưỡi ngựa hay đi bằng xe ngựa và xe trượt tuyết, lần thứ ba với ô tô, ngay máy bay cũng đã đáp xuống băng năm 1963.

Bây giờ tôi đi nhanh hơn, hoàng hôn buông xuống, ở Langenargen có một người đàn ông sống bước đi cùng. Ông ấy bắt chuyện với tôi và nói rằng ông sống trên một chiếc thuyền, ngay cả trong mùa đông, và cái hồ sạch đến mức ông mức nước lên để pha cà phê. Hồ Boden trên thực tế chỉ là nước pha cà phê. Nói cách khác, nó thiếu chất bản trầm trọng. Người đàn ông cười thích thú. Thịnh thoảng lại có những người câu cá ngậy thơ đến đây để có cá. Nhưng cá không có ở đây. Ông chỉ tay về hướng cửa sông của con sông Argen nhỏ. Những người câu cá thông thạo ngồi ở bên đấy, họ biết rằng cá không thể sống trong nước pha cà phê được, rằng chúng cần một ít chất bản để ăn, loại hạt nào đấy và nó chỉ có ở đó. Chỉ còn sông Argen là có chất bản. "Vâng", ông nói trước khi biến mất vào trong một tiệm bánh để mua bánh mì ăn cùng với cà phê hồ Boden của ông ấy, "hồ sạch đến như thế đấy."

Vào cuối ngày tôi nhìn thấy những cây cọ của Meersburg, những cái đầu đang trùm trong bộ áo mùa đông của nó.

Trời đã gần tối khi tôi đến Meersburg, và hồi ức trong suốt nhất của buổi tối đấy là lời phàn nàn của một nữ trí thức người Alemanni ở bàn cạnh bên về chồng của bà ấy, một người Westfalen. Bà nói với một bà bạn đeo một cái kính mắt nhọn bằng kim loại – một cái kính công kênh được mang bởi những người phụ nữ cho rằng tính từ này là một lời khen mà họ thích quy về chung cho cá nhân của họ –, và với một người đàn ông nhỏ bé gầy guộc. Có lẽ ông ấy chỉ trông có vẻ nhỏ bé như thế vì ông ấy đã trượt nửa người xuống dưới bàn. Với bộ râu đen của ông ấy, cái đầu hói một nửa của ông ấy và cái kính nickel tròn của ông ấy, trông ông ấy giống như Allen Ginsberg<sup>1</sup>. Ông chỉ cười nhe răng và cười khúc khích về mọi điều được nói ra tại bàn, giống như vừa mới ăn xong một tô bánh Maultaschen có nhân cần sa.

Bây giờ người phụ nữ trí thức kể rằng bà mặc quần áo lót màu đen và mô tả phản ứng của chồng bà ấy. Chẳng có phản ứng nào cả. Ginsberg cười cục cục. "Em biết đấy", chồng của bà ấy nói, "anh không thích nước xốt". Nụ cười của Ginsberg trượt qua bên trái xuống phía dưới và vướng lại méo mó và không hiểu trên khóe môi, và người phụ nữ công kênh đang say mê theo dõi lời tường thuật cũng lắc đầu ra ý bà ấy không hiểu người bạn gái hay chính xác hơn là chồng của bà ấy muốn nói gì. Người phụ nữ Alemanni giải thích, rằng chồng của bà thích không có quần áo lót màu đen hơn, không có gì tất – tức là không có nước xốt. Người nữ công kênh cười to quá mức và nói "Ra thế à!", và ông Ginsberg tốt bụng nhắc lại từ "nước xốt" và dùng lưỡi chọc vào má bên trái mạnh như thể ở đó vẫn còn một vài cái bánh Maultaschen nấp ở đấy.

Người phụ nữ kể chuyện, bây giờ dường như đang suy nghĩ về việc khác, bất thành linh nói: "Có lẽ chị đã tìm tảng đá chống đỡ những ngọn sóng to."

Người công kênh kêu thét lên: "Chị định nói anh chàng Westfalen của chị đấy à?!"

Người thứ nhất gật đầu chậm rãi và thông hiểu như một người đã tìm được an bình. Và Ginsberg cũng tìm lại được nụ cười của ông ấy qua cái an bình Westfalen này, ông ấy vẫn còn cười khi tôi rời quán.

Rồi tôi đi trên những con đường hẻm dốc, vắng người để đến Unterstadt ở cạnh hồ và nhìn ngắm những ngôi nhà cũ và lâu đài với những cái tháp của nó. Cô Annette ốm yếu đã từng sống trong một tháp đó, viết những vần thơ có những cơn mưa nhỏ yên lặng đi qua, những vần thơ mà không một người nào trong gia đình quan tâm đến, cho đến khi chúng xuất hiện trong một nhà xuất bản nổi tiếng vào một ngày nào đó và cô gái von Droste-Hülshoff ốm yếu mua được một ngôi nhà trên một cánh đồi trông nho ở phía bên kia của thành phố, ngôi nhà mang tên Fürstehäusle – bây giờ tất cả đã chìm vào trong bóng tối.

Vào những tuần cuối cùng này trong năm chỉ còn một vài quán trọ mở cửa. Ngoài tôi ra không có ai trên đường phố, và tôi không biết phải đi đâu. Tôi chỉ muốn trở về căn phòng buồn tẻ đã mướn ở phía trên của cái quán pizza khi đã mệt đến mức có thể ngủ ngay lập tức. Tôi cũng không muốn vào quán. Tôi đi ngang qua cửa sổ của chúng, nhìn vào trong những gian phòng trống vắng, đi tiếp để tìm một cái tốt hơn, và biết rằng sẽ chẳng đến đâu trong đêm nay. Đã Giáng Sinh lắm rồi.

Tôi mở cửa vào quán pizza, và khi muốn nhẹ nhàng bước lên cái cầu thang kẹo kẹo thì tôi nhìn thấy ánh đèn trong quán. Cửa mở hé, tôi nhìn vào và thấy ông chủ quán pizza. Ông ngồi hút thuốc một mình ở cạnh một bàn. Và khi tôi lặng lẽ ra hiệu không muốn làm phiền thì ông ấy phẩy tay. Không sao cả, ông đang có một tâm trạng như vậy. Tôi có hơi bực tức một ít về sự thân mật này – ông biết gì về tâm trạng của

tôi? – và lại ngúi đi. Ông mang ra cho tôi một cái ly, quên rượu vang, quay lại, trong lúc đi thì lại quên ông đã muốn gì, ngồi xuống và để cho tôi ngồi trước cái ly không. Không ai trong chúng tôi nói một lời. Ông ngoảnh về hướng cửa sổ nhìn ra ngõ hẻm tối đen và hút một điếu xì gà nhỏ, và tôi nhìn theo chuyển động duy nhất trong phòng: Làn khói bay lên từ điếu xì gà nhỏ, như một hình dáng kiêu diễm xoáy tròn thoát ra từ đó, quay vòng và giãn ra và tan biến đi.

---

<sup>1</sup> Allen Ginsberg (1926-1997): nhà thơ người Mỹ.

## Một bậc thầy trong Meersburg

Thế tức là Franz Anton Mesmer đã sống và qua đời trong một căn nhà Đức cổ xưa, tối tăm ở ngoài kia, nhà thuật sĩ của hồ Boden. Một người cực kỳ nổi tiếng ở châu Âu, nhà phát minh thuyết Mesmer.

Khi lực của thiên thể, thí dụ như mặt trăng, mạnh đến mức nó làm cho đại dương dao động và tạo ra thủy triều, Mesmer tự nói, thì tại sao lại cho rằng chúng không có tác động lên con người? Ông cho rằng chính lực vũ trụ này là nguyên nhân gây ra sự dao động của những chất dịch trong cơ thể, giống như thủy triều ở bên trong. Chất mà nó hoạt động ở bên trong đó, ông nghĩ rằng nó ở thể lỏng. Một chất lỏng vũ trụ.

Nhưng đó chỉ là luận đề, ý tưởng, đó là việc phụ. Con đường thăng tiến trở thành người bác sĩ đầy bí ẩn và nổi tiếng khắp châu Âu bắt đầu với một phát hiện ở chính bản thân. Khi Mesmer trẻ tuổi có mặt lúc người trích máu, ông nhận thấy máu đang chảy ra tự thay đổi tùy theo ông tiến đến gần hay bước ra xa. Và ông tìm tác động chữa trị của chính cơ thể ông lên thân thể của những người khác. Đó chính là cái đã thu hút người khác, không phải thuyết "Từ tính học động vật" theo như ông gọi hiện tượng đây một cách dễ gây hiểu lầm.

Phép kỳ diệu và chữa bệnh đã ở quanh ông. Nguy hiểm, chét chóc và nổi tiếng. Vô số tường thuật của nhân chứng về việc chữa bệnh ngay cả cho những ca nặng nhất, cả người mù nữa – ban đầu với nam châm đủ loại, chậu tắm và chai lọ có từ tính, sau đây chỉ nhờ tay không đưa ra –, đã được lưu truyền lại.

Lúc sinh thời ông đã gây ra tình thương và mĩa mai, 2 phần đều nhau. Một thiên tài, nhiều người nói. Lang băm, những người khác gào lên và chống lại ông ở bất cứ nơi nào mà họ có thể – bác sĩ thông thường từ những nguyên nhân dễ hiểu, những người duy lý hống hách từ bảo thủ ý thức hệ. Tất nhiên là những người mơ mộng đều yêu ông, nhưng không phải chỉ họ. Schopenhauer<sup>1</sup> vinh quang ông. Fichte, Schelling, thủ tướng Phổ Hardenberg, Wilhelm von Humboldt<sup>2</sup> và những người khác đã là tín đồ của Mesmer, Mozart lúc trẻ tuổi thường xuyên tới lui chỗ ông. Ông bác sĩ từ tính trở thành một tuýp người của thời đại, ông đi lang thang trong các quyền tiểu thuyết của họ, và đã diễn xuất trong các vở kịch và ca kịch của họ. Con đường chiến thắng của tâm lý học, chiến thắng thần thoại và truyền thuyết, bắt đầu trong nội các của Mesmer.

Ngay chính Mesmer cũng có từ tính. Từ trường xuất hiện sớm. Ra đời trong làng Iznang, sâu tít trong thời gian cũ, vào ngày 23 tháng 5 năm 1734, con trai của một người thợ săn làm việc cho giám mục của Konstanz, ông lớn lên trở thành một người không muốn ở trong nhà và không muốn ở trong trường. Ông thường và thích trốn học, lang thang ngoài trời.

Thêm vào đó, tất cả những cái gì đang chảy đi đều thu hút ông. Ông đi dọc theo các con sông và suối đổ vào sông Rhein nhiều ngày trời. Ông đi theo chúng hướng ngược dòng, muốn tìm thấy nguồn và quay về với đá và sò ốc đã thu nhặt trên đường đi. Những gì chảy trẻ con khác vào trong nhà lại dẫn dụ ông ra ngoài. Gió mạnh. Mưa giông. Mưa đá. Tuyết. Khi về già, ông thường hay kể lại cho khách đến thăm rằng thời đấy ông đã chạy vào trong chính những thời tiết đó.

Ông cũng chạy vào trong chính bản thân mình. Trong một thời đại, cũng như Mesmer, đang bị mê hoặc bởi điện lực vừa mới được khám phá, ông nhận biết được tài năng mình có. Khi là một bác sĩ trẻ tuổi, ông không còn đi tìm nguồn của một con suối nữa, mà nguồn của dòng sông của cuộc sống và nguyên nhân làm cho nó ngưng chảy. Ông là một đứa con của thời đấy, một người tài trí say mê nghiên cứu, mong muốn theo dấu những quy luật tự nhiên còn chưa được khám phá – không phải là một người không tưởng, ngay cả khi nhiều người nghĩ về ông như vậy. Ông chống lại việc những người học trò huyền thoại hóa ý tưởng của ông; ông tin là có thể nhận biết được thế giới và tự nhìn mình đang theo dấu vết của một phát hiện đột phá. Qua đấy, ông không khác biệt với những người duy lý đang đấu tranh chống lại ông. Nhưng ông cảm sâu chơi rộng hơn họ. Nếu như lúc ban đầu nghiên về việc giải thích lực chữa bệnh của mình như là một hiện tượng điện, thì sau này ông lại cho rằng tác động của ông lên bệnh nhân giống như tác động của một nam châm.

Nhưng ông làm gì? Ông dùng tay vuốt ve một người, thường là không chạm vào người đó, vuốt đi vuốt lại, lúc thẳng, lúc tròn, và qua đó gây ra phản ứng của cơ thể, có thể mạnh đến mức làm cho bệnh nhân lâm vào tình trạng nguy kịch. Đau ngực bất thành linh, buồn nôn, giống như ngất xỉu – có không ít lần bệnh nhân của ông đã la mắng và chửi rủa ông trong lúc điều trị. Lúc đó ông nói với họ rằng họ chỉ cần tin ông, và cứ qua mỗi lần như vậy bệnh tình thuyên giảm bớt, và cuối cùng những con đập chắn sẽ tan biến đi, năng lượng lại chảy và họ không còn bị bệnh tật hành hạ nữa. Những người mà các bác sĩ khác đã không còn phương cứu giúp lũ lượt kéo đến tìm ông.

Cứ hãy tưởng tượng một người đàn ông trung niên đẹp, thành công và giàu có, cao 1,76 mét, tóc nâu và mắt nâu, trán cao, một người bình thản, một sự xuất hiện nhìn chung là thu hút và dân dã. Một người có tư tưởng độc lập vào thời cuối của kỷ nguyên quý tộc, với quan điểm cộng hòa dứt khoát và những ý tưởng tiên phong, từ việc giải tán quân đội đang tồn tại và vũ trang cho nhân dân trong thời chiến qua thể thao quần chúng cho đến phát hành tiền giấy. Và: Một bác sĩ yêu thích âm nhạc và ưa giao tiếp trong Wien của những năm 60, 70 của thế kỷ 18, vì ông đã đến đó. Một bác sĩ thời thượng của giới quý tộc và là tâm điểm của xã hội Wien, tự tay chơi nhạc trong những buổi dạ hội do ông thường xuyên tổ chức mà giới thượng lưu của thành phố hoàng đế rất thích đến – với một nhạc cụ mà bản thân nó cũng là một vật hiếm: chiếc đàn glass harmonica của ông. Ông đã đặt người làm nó theo mẫu chiếc đàn của một người phụ nữ sống ở Wien, người được Benjamin Franklin<sup>3</sup> tặng cho nhạc cụ này do có họ hàng với ông ấy. Nhưng cây đàn glass harmonica của ông to hơn và đẹp hơn, và thỉnh thoảng ông cho Mozart trẻ tuổi chơi cây đàn này.

Không, Mesmer không có một tí gì ma quái cả. Trong thư từ và từ hồi ức bạn bè của ông, tất cả đều mô tả ông là thân ái và lời cuốn.

Vào một ngày khác chúng ta nhìn thấy ông ở trong phòng riêng. Nhìn ông thả chìm nam châm vào trong một bể nước như thế nào. Ông sắp xếp bệnh nhân thành vòng tròn và cho họ nắm tay nhau ra sao. Ông một mình đứng trước một người trong số họ và chỉ tay vào một người đàn ông, người mà bây giờ bắt đầu toát mồ hôi trán như thế đó. Ông đứng đó như thế, đầy uy quyền và tập trung, tiết kiệm cử chỉ và

không chế vòng tròn và điều khiển bằng cách dùng tay ra dấu hiệu, gật đầu ra lệnh – đã trở thành nghi thức; bây giờ chung quanh Mesmer có một cái gì đó giống như linh mục. Sau này ở Paris ông còn khoác lên người chiếc áo của một pháp sư – một doanh nhân khôn ngoan quy lụy trước ý thích của khách hàng hoàng cung vào cuối thời Ancien Régime<sup>4</sup>, một tội lỗi đi ngược lại với chính tinh thần của ông.

Ông có thể đi khắp thế giới như thế, như một pháp sư chữa bệnh. Nhưng ông không muốn là một người thuật sĩ nổi tiếng. Việc ông có thể chữa bệnh vẫn không thỏa mãn được ông, ông muốn biết tại sao. Ông muốn lật đổ khoa học, ông tìm một y học vũ trụ mới. Hơn thế nữa, ông tìm một nghệ thuật để sống. Và khó khăn bắt đầu ở đây.

Nhà pháp thuật, người muốn là một nhà khoa học, không thể hiểu được rằng người ta không hiểu ông. Đơn giản như vậy mà. Ông có nó trong tay, ông dùng nó điều trị hàng ngày. Ông chữa lành bệnh kia mà. Nhưng ông đã lạc lối trong cái rộng lớn của trí tưởng tượng của ông, nơi nó trở thành lý thuyết và suy đoán. Ông tự cảm nhận được điều đó, ông không vượt qua được. Và chính cái mâu thuẫn này đã dẫn vạt ông.

Dường như lúc nào ông cũng có cảm giác rằng những khái niệm, những từ ngữ đều quá hạn hẹp, không thể mô tả được những việc ông làm và những điều ông biết. Trước khi chết, khi những cuộc đấu tranh của cuộc đời đã kết thúc từ lâu rồi, ông tiết lộ với một chàng trai trẻ đã kết làm bạn nối ác cảm của ông đối với danh từ. Người này thuật lại: "Danh từ đã góp phần lớn trong việc làm rối rắm các khái niệm của chúng ta, Mesmer nói với tôi hôm nay, bằng cách mang lại cho những sự vật một tính cá nhân mà chúng hoàn toàn không có, thí dụ như lạnh, ánh sáng, âm áp vân vân. Người ta không nên dạy nói cho trẻ em trước khi chúng tròn 4 tuổi, ông tiếp tục; chúng cần phải tự tìm hiểu sự vật và tự học suy nghĩ qua trải nghiệm."

Cũng như chính ông. Đứng trước mắt người đàn ông già nua này thêm một lần nữa, dường như thế, vẫn còn như thế, là một đứa bé, chính là ông thừa nào, đi lang thang tự do cạnh những dòng sông, ở trên núi. Ngao du nghiên cứu chính là thế mạnh của ông. Trong thế giới của những danh từ và những hệ thống cứng nhắc, ông đi trên lãnh thổ của đối phương.

Ở Wien ông rơi vào trong một cuộc khủng hoảng mà những bệnh nhân bị khủng hoảng chữa bệnh của ông chắc là chưa từng trải qua một cách mạnh mẽ hơn. Đại học Wien nổi tiếng đã trao bằng bác sĩ cho ông năm 1766 – chỉ cho những luận đề của ông. Một thành công tốt đẹp. Nhưng Mesmer lại trình bày chúng như một "luận đề tranh cãi": "De influxu planetarum in corpus humanum". Về ảnh hưởng của hành tinh lên cơ thể con người. Một vài năm sau đó, ông tóm tắt tất cả lại thêm một lần nữa và gửi bản tuyên ngôn của ông đến tất cả các học viện khoa học. "Người ta tiếp nhận những ý tưởng đầu tiên mà tôi dám công bố với một sự lạnh lùng làm cho tôi phải kinh ngạc", ông viết lại sau này trong một bản thảo tự truyện. Nó làm cho ông phải kiểm nghiệm lại các suy nghĩ của ông thêm một lần nữa.

"Một ngọn lửa thiêu hủy chiếm lĩnh cả tâm hồn tôi. Tôi không còn đi tìm sự thật với sự ưa thích triu mến tràn đầy nữa, tôi đi tìm nó trong nỗi khắc khoải cực cùng. Chỉ còn đồng ruộng, rừng cây và những nơi xa xôi hoang vắng nhất là còn có thể thu hút được tôi. Ở đó tôi có cảm giác gần gũi với thiên nhiên hơn. Thịnh thoảng, trong những rung động mãnh liệt nhất, tôi nghĩ rằng trái tim của tôi, đã quá mệt mỏi vì những quyền rũ hoài công của nó, đang chối từ chúng một cách mãnh liệt. Ôi, thiên nhiên! Tôi gọi trong những cơn như thế, người muốn gì ở ta? Thật may mắn vì ngoài cây cối ra không có ai là nhân chứng cho sự mãnh liệt đó của tôi trong yên lặng của những rừng cây. Vì quả thật là tôi phải đã giống như một người điên."

Ông hối hận vì đã nhọc công tìm từ ngữ và khái niệm cho những dòng suy nghĩ của ông. "Và rồi tôi đã đi đến một quyết định kỳ quặc, để tự giải phóng mình ra khỏi cảnh nô lệ này. Tôi đã suy nghĩ không cần từ vựng 3 tháng trời."

Sau đó, yên bình đã trở về trong ông. Bây giờ ông tin chắc rằng con đường đi của ông sẽ mang ông đến gần sự thật hơn. Không còn bất cứ một bạo lực nổi loạn nào ở trong ông. Ông là người mà ông đã là; ông làm việc mà ông đã làm.

Tiếng tăm của ông đã lan truyền ra khỏi Wien. Một nam tước Hungary còn chưa đến 30 tuổi, mang chứng co giật ở cổ đến mức ông ấy tưởng chừng như sẽ chết ngạt vì nó, người mà các bác sĩ hàng đầu của Wien đã không thể giúp được, nghe kể về ông và mời ông đến lâu đài của ông ấy. Nhờ một nhà khoa học người Đức tên là Seyfert đã có mặt ở đó mà người ta có được một bản tường thuật chi tiết về thời gian Mesmer ở đây: "Vào thời gian mà ở Hungary người ta cũng bắt đầu bàn tán về cách chữa bệnh từ tính của Mesmer", ông ấy viết, "tôi đang ở tại Neutrater Comitatus, trong làng Rohow, làm việc trong cung của nam tước Haretzky de Horka và phu nhân của ông, nữ bá tước Nyary de Bedegh." Quan điểm về Mesmer rất khác nhau ở Hungary, cũng như ở khắp mọi nơi. "Tôi, người thời đấy thuộc trong số các học giả phủ nhận, chối từ sự thật của thuyết Mesmer, đã tuyên bố công khai rằng ông ấy chỉ là một lang băm và đã tố cáo ông ấy đến vương quốc của những điều không thể. Tiếp theo sau đó chính tôi phải tự thuyết phục tôi rằng tôi đã sai lầm và đã đối xử rất bất công với Mesmer."

Mesmer xuất hiện ở lâu đài Hungary trong mùa hè năm 1775. Seyfert vội vàng đến gặp ông, và ngay từ lúc đó đã không rời mắt khỏi ông nếu có thể. Sau lần trò chuyện đầu tiên với vị nam tước, ngồi cạnh nhau trên chiếc xô pha, nơi mà Mesmer đã hưởng ảnh hưởng của ông đến người ngồi cạnh ông, ông hỏi ông ấy rằng ông ấy hoàn toàn không cảm nhận gì hết hay sao. "Không, hoàn toàn không", Seyfert nghe ông nam tước trả lời, và ông ngạc nhiên khi Mesmer nói với vị nam tước điều mà giới tinh hoa của bác sĩ hoàng cung Wien cũng đã nói với ông ấy: "Thế thì bệnh của ông chỉ là tưởng tượng mà thôi."

Tin người đàn ông kỳ diệu đã đến đây lan truyền đi nhanh chóng, và giới quyền quý và học giả và còn nhiều hơn nữa là những người tìm cách chữa bệnh chen nhau tìm đến, đông đến mức người ta phải nhường cho ông một gian sảnh riêng. Bây giờ Seyfert quan sát thấy một điều kỳ lạ: Không phải ai cũng được Mesmer tiếp nhận để từ hóa, chỉ những người bệnh về thần kinh. Ông tra hỏi các bệnh nhân đang đổ xô đến rất kỹ lưỡng và chuyển những người rõ ràng là không mang bệnh thần kinh đến bác sĩ khác, đến một người đồng nghiệp bình thường.

Trong những ngày ở lâu đài Rohow, ngoài những người khác, Mesmer đã chữa trị cho: một người Hungary từ trong làng có bàn tay đã cứng đơ; một người Do Thái trẻ tuổi từ làng kế cận mà bệnh trong ngực đã làm anh ấy yếu đi; một vài người quý tộc tò mò muốn biết liệu lực của ông có tác động xuyên qua tường dày 2 foot<sup>5</sup> hay không; một người nông dân đau dạ dày; một người già vờ muốn thử ông.

Mesmer chạm vào người thứ nhất, rồi ông cùng những người khác đứng thành vòng tròn quanh ông ấy. Sau vài lần chữa trị, người Hungary này có thể cử động tay của ông ấy, sau khi Mesmer ra đi, ông ấy cuối cùng đã có thể thưởng thức được hoàn toàn việc đấy. Mesmer dùng ngón tay chỉ vào người Do Thái, thế rồi ông ấy ho và khạc nhổ rất nhiều đờm, và ông ấy khỏe ra. Mesmer trình diễn cho những người quý tộc tò mò xem cả một màn biểu diễn Mesmer: Ông bước qua bên kia, và một người thí nghiệm còn lại trong gian sảnh lên con đầu ít hay nhiều tùy theo bàn tay của Mesmer hạ xuống hay nâng lên, và lâm vào trạng thái quay tròn khi ông xoay tròn tay mình. Người nông dân đau dạ dày lên cơn đau khi ông ấy áp vào bụng chai nước mà Mesmer đã dùng 2 bàn tay ôm lấy một lúc lâu trước đó. Tình trạng của ông ấy tốt hơn

một ít nhưng ông ấy không được chữa lành hoàn toàn. Và người già vò đã ngã té xuống khi bị Mesmer đặt ngón tay vào gáy, tự thú và biến mất.

Chỉ ông nam tước, chỉ vì người này mà Mesmer đã đến đây, là không có cảm giác và cảm nhận gì cả. Mesmer lại nói thẳng vào mặt ông ấy rằng những cơn co giật ở cổ của ông ấy có đáng sợ đến đâu đi chăng nữa thì cũng chỉ là tưởng tượng mà thôi. Nhưng thế rồi, vào ngày thứ 6, dường như ông đã xét lại phán quyết của ông. Seyfert có mặt khi người đầy tớ chuyên nạp đạn súng của ông nam tước, một người đàn ông lực lưỡng đẹp như tranh vẽ theo như ông ghi nhận, sợ xanh mặt và đang bị nguyên rửa, lao ra khỏi phòng ngủ của ông ấy. Ông nam tước đang ốm nặng. Ông nằm dưới lớp da sói trên giường, sốt và nói nhảm. Vợ của ông ấy, bà nữ bá tước, rất lo lắng, nhưng Mesmer vẫn bình thản và tuyên bố rằng ông đã tiên đoán được cơn khủng hoảng của ông nam tước và hoàn toàn kiểm soát được nó, bà ấy chỉ cần phải chờ xem.

Hình ảnh mà Seyfert nhìn thấy đã làm cho ông cười to, mặc dù tình cảnh đang nghiêm trọng. "Mesmer ngồi trên một cái ghế ở phía bên phải giường, cánh tay trái quay về hướng đó, mang một cái áo váy màu xám như màu con cá chó, có dây trang sức bằng vàng, một chân mang tất bằng lụa trắng, chân để trần còn lại nhúng vào trong một chậu gỗ giặt quần áo đầy nước." Ngoài ra còn có một nghệ nhân đàn vĩ cầm ở trong cung của ông nam tước đang ngồi cạnh chậu giặt, ông ấy thay thế người đầy tớ nạp đạn súng đã chạy trốn và đang liên tục chà xát lên lên xuống xuống một cái ống Tây Ban Nha nhúng vào trong nước. Người ta có thể nghĩ rằng đang nhìn thấy ở trước mắt mình một cảnh lang băm chữa bệnh, Seyfert phải thừa nhận. "Tôi không như thế, vì tôi biết rằng cọ xát và nước có khả năng gì trong lúc điện hóa."

Tuy vậy, tình trạng bệnh nhân vẫn còn rất nguy kịch. "Ông nam tước vẫn không ngừng nói lảm nhảm, chửi mắng, khóc lóc và rên rỉ. Ông ấy nhiều lần khẩn cầu chúng tôi hãy bắn chết ông ấy đi." Mesmer vẫn tiếp tục im lặng. Dường như ông có thể điều khiển được cơn khủng hoảng của ông nam tước trẻ tuổi tùy theo ý muốn. Khi nó trở nên không thể chịu đựng được nữa, ông bỏ tay của ông ấy ra và nắm vào ngón chân, sau đó đau đớn giảm đi. Chẳng bao lâu sau, ông đã chữa cho ông ấy hoàn toàn bình phục. Khi người bác sĩ đến, bác sĩ mà bà bá tước đã cho người đi gọi vì lo ngại đến tính mạng của chồng, thì ông nam tước đã nhảy qua lại trong gian sảnh và chơi đàn vĩ cầm một ít. Chứng co giật ở cổ biến mất một thời gian dài, và sau 2 tuần Mesmer lên đường trở về Wien.

Ông đã sống ở đây 15 năm. Sau đó ông đến Paris, nơi ông được hoàng hậu Mari Antoinette bảo trợ và giới quý tộc để cho ông chữa trị cũng như những người của cuộc cách mạng sắp diễn ra. Thợ học nghề làm bánh, gái bán dâm, người nghèo vô sản, bá tước, sĩ quan và những người trong hoàng cung dùng những bàn tay nứt nẻ hay được chăm sóc cẩn thận để nắm lấy nhau trong những vòng tròn từ tính vô giai cấp. Ngay trong giữa trái tim của nền quân chủ sắp tàn, Mesmer dẫn đầu một cộng đồng tôn giáo của tự do, bình đẳng, bác ái mà các phép tắc của giai cấp phong kiến đã không còn có hiệu lực ở trong đó nữa. Nhưng cũng chính ông Mesmer này, người mở rộng cửa chẩn bệnh không mất tiền cho tất cả các giai cấp, đã cư xử một cách nhất quán khi vấn đề không phải là trở thành bình đẳng mà là trở thành giàu có. Ông tính tròn 100 đồng Luisdor cho mỗi lần dạy từ tính hóa. Đồng thời ông yêu cầu mỗi một người học trò mới phải viết giấy cam kết giữ kín những gì đã học được và không truyền bá đi tiếp.

Mesmer thoát được đao phủ 2 lần, một lần đao phủ tiến đến gần ông từ ở tít bên trái, một lần từ ở tít bên phải. Nhưng ông Mesmer từ hồ Boden chứng tỏ mình có một trực giác rất tốt. Từ Paris, nơi ông chữa bệnh thành công 10 năm trời, ông đã tự cứu mình thoát chết bằng cách bỏ trốn đi khi cái máy chém đang thúc đẩy quyết liệt tiến trình dân chủ hóa, nó đã chém đầu vài người bạn sinh ra trong cảnh giàu có của

ông. Vài năm sau đó – khi đã trở về Wien – ông lại thoát được tình cảnh nguy hiểm đến tính mạng bằng cách rời bỏ đi đúng lúc. Cuộc Cách mạng Pháp đã mài sắc các giác quan phản cách mạng trong thành phố Wien của hoàng đế đến mức cực cùng, đó chính là cơ hội của những người chỉ điểm cho cảnh sát, và Mesmer đứng hàng đầu trong danh sách những người Giacôbanh nguy hiểm. Người ta nhìn ông như một mật vụ từ Paris. Và những người khác đã chết, những người đã ở lại quá lâu.

Dù nghi ngờ này, rằng ông có thể là một mật vụ của những người Giacôbanh, có vô lý đến đâu đi chăng nữa – Mesmer đúng là có thiện cảm với nền Cộng hòa. Một vài người lãnh đạo là bạn bè của ông. Và chính phủ Pháp đã trả cho ông một khoản tiền hưu cho đến cuối đời. Các ông chủ mới ở Paris đã không quên rằng dưới thời của Louis cuối cùng ông là một tư tưởng tốt cho họ và đã giúp đỡ nhóm của họ.

Rồi bắt đầu yên lặng quanh ông Mesmer, người đã phân cực các học giả và hoàng cung châu Âu như chưa từng có trước đây. Lửa bay chung quanh ông đã tắt, và người đàn ông đã đốt nó lên, người đã bình thản và tự tin bước qua vinh quang, trong tận cùng của thâm tâm không hề rung động trước sự ồn ào quanh ông, con người này đã trôi vào lãng quên vào lúc cuối đời và cuối cùng đã lui về nơi ông sinh ra. Trong những ngõ phố này, cạnh cái hồ này.

Tính huyền diệu của ông đã giảm xuống thành sự kỳ lạ ở Meersburg. Khi ông chèo thuyền qua đảo Mainau trong những ngày còn lại của cuộc đời, chim yến trên đảo quay quần bên cạnh ông ngay khi con thuyền vừa xuất hiện. Khi ông chèo trở về, chúng tiễn ông một đoạn trên nước. Ông mang theo một con chim về.

Mesmer có tính khôi hài, tức ông không phải là một người cuồng tín thật sự. Ông đã từ tính hóa mặt trời, từ đó nó đã có tác động tốt hơn rất nhiều, ông viết trả lời một người Áo đã làm cho ông bức dọc bằng những tra hỏi quá kiên trì trong thư từ.

Ảnh hưởng của ông lan cho đến cả châu Mỹ trẻ trung. Tướng Pháp La Fayette, người đã giúp người Mỹ nổi dậy chiến thắng người Anh, là một người bạn và người tin cuồng nhiệt vào ông Mesmer, ông ấy đã truyền bá tư tưởng của Mesmer trong các bài thuyết trình tại Mỹ và tạo điều kiện cho nhà tiên phong của thuyết Từ tính liên lạc qua thư từ với nhà tiên phong của điện năng, Benjamin Franklin, Mesmer đã cho người chế tạo lại cây đàn glass harmonica của ông ấy. Ông đã chơi cây đàn này cho đến cuối đời. Khi cảm thấy cái chết sắp sửa đến, ông đã cho gọi một người trẻ tuổi cũng có thể chơi cây đàn ấy đến. Ông muốn ra đi trong tiếng vang của thủy tinh.

Ở Mỹ, La Fayette còn tìm đến nhiều làng mạc của người da đỏ và quan sát những vũ điệu nhảy múa tế lễ về đêm của họ. Đối với ông ấy, họ dường như cũng có nhiều tài năng giống như người bạn ở hồ Boden của ông ấy. Ngay khi đã không thành công trong việc từ tính hóa mặt trời thì sau khi chết ông đã thành công trong việc từ tính hóa châu Mỹ. Ông, người cho rằng danh từ chỉ là một sự tai hại, đã tự vô vật chất hóa chính bản thân mình – họ của ông. Lúc người Đức chúng ta nói rằng có một cái gì đó rất đặc biệt làm cho chúng ta giật bắn cả người thì người Mỹ dùng từ *mesmerized*.

*And isn't that really mesmerizing?*<sup>6</sup>

<sup>1</sup> Arthur Schopenhauer (1788-1860): triết gia người Đức.

<sup>2</sup> Immanuel Hermann Fichte (1796-1879) triết gia, nhà thần học người Đức, Friedrich Wilhelm Joseph Schelling (1775-1812) triết gia người Đức, Karl August von Hardenberg (1750-1822) bộ trưởng Bộ Ngoại giao, thủ tướng Phổ, Wilhelm von Humboldt (1767-1835): học giả người Đức.

<sup>3</sup> Benjamin Franklin (1706-1790) học giả, chính khách người Mỹ, được xem là người phát minh ra loại đàn glass harmonica.

<sup>4</sup> Ancien Régime: tên gọi của thời kỳ từ khoảng thế kỷ 14 đến thế kỷ 18 trong châu Âu.

<sup>5</sup> Foot: Đơn vị đo chiều dài Anh (bằng 0,3048 m)

<sup>6</sup> Điều đấy thật là kỳ lạ có phải không?

## Con gái sông Rhein

Tôi đi thuyền đến Konstanz, trong lúc đi trong đêm qua Niederburg, khu phố lâu đời nhất của thành phố, tôi dừng chân dưới một cửa sổ đang mở và lắng nghe 2 sinh viên đang tranh cãi về sự tồn tại của Chúa Trời. Rồi tôi ở trong cái khách sạn đầu tiên của chuyến đi này mà vào buổi sáng trong phòng ăn sáng chỉ có tiếng nhạc nhỏ của dương cầm thay cho một cái radio ồn ào.

Trong các ngõ hẻm nhộn nhịp có nhiều người ăn xin đến mức đáng ngạc nhiên với làn da sạm màu và tóc đen kịt đang ngồi trong cái lạnh giá của ban ngày ngắn ngủi này và lúc nào cũng làm một động tác cầu xin duy nhất đã học thuộc. Người Konstanz, và đặc biệt là phụ nữ Konstanz, rõ ràng là khó chịu về điều này. Họ không muốn là những bà chủ mà người ta quỳ xuống bụi bôn ở trước mặt họ. Và vai này thật ra cũng không phù hợp với họ. Họ trừng phạt cái nhìn và bước nhanh qua, và những người ăn xin lại trắng tay. Phô bày cái nghèo nàn của số phận để cầu xin ở những người giàu có tiền định, không nguy trang và không vòng qua con đường làm cho lương tâm cắn rứt, không được ưa thích. Những người ăn xin đã diễn tập một vở kịch sai lầm.

Tôi tiếp tục đi bằng tàu hỏa đến Schaffhausen để ngắm thác sông Rhein. Đó là một chuyên tàu Thụy Sĩ. Người soát vé của nó, với tư thế bước thong thả trên lối đi, phân phát từ "Merci!" của ông sang bên trái và sang bên phải, với vóc dáng đầy đặn và cặp hồ sơ màu đen kẹp dưới cánh tay, có một cái gì đó giống như giáo sư. Tôi là tiến sĩ tàu hỏa. Các nhà ga cũng phù hợp với việc đây. Chúng tôi ngừng lại tại nhiều nhà ga nhỏ có tên đôi khi khó đọc, nghe giống như họ của những nữ giáo sư đấu tranh vì bình đẳng nam nữ. Tägerwile-Gottlieben. Mannenbach-Salenstein.

Con sông Rhein đang rơi xuống là một sự kiện giống như mạch nước phun. Nước đang lao xuống bốc hơi lên, tảng đá nghiêng ngã cắm trong lòng sông như những chiếc răng trong một bộ xương hàm thời tiền sử, và những gì không lao xuống thì tụ lại trong những cái bát bằng đá, nước trong đó mang màu của một bể tắm nước nóng được chiếu sáng. Trắng như bột và xanh như rêu.

Rồi con đường của tôi tách rời khỏi sông Rhein một đoạn. Khi tôi lại nhìn thấy nó thì nó đã có một con đê, và một mùi hương công nghiệp phủ trùm lên nó. Sau Waldshut, một người công nhân chỉ cho tôi con đường tắt xuyên qua khu đất của một nhà máy, có một con chim két đang hát trên ống khói. Tiếp theo đó, tôi đi trên con đê thẳng tắp, sông Rhein chảy hiền hòa bên cạnh tôi, và vì chẳng bao lâu nữa trời sẽ tối và mặt đê thì lại gập ghềnh nên tôi đi trong dấu vết lầy lội của một chiếc xe và thỉnh thoảng lại nghe nó kêu gùn gục nhỏ. Phía bên kia có một nhà máy điện ở cạnh bờ sông, rất yên tĩnh và cam lặng. Chỉ có một cái nhấp nháy màu đỏ đều đặn từ trên tháp làm nguội, như một lọ hoa không lồ chống ngược xuống, là hé lộ nó ra.

Tôi rời con đê với bùn đen tận gối và bây giờ đi dọc theo một mặt ngoài bát tận bằng cửa sổ của một nhà máy, được chia thành những tấm kính nhỏ. Một tấm đã bị đập vỡ. Ở bên trong, tôi nhìn thấy một nam công nhân và một nữ công nhân đang nấp trong một container. Cô ấy dùng 2 tay ôm đầu và hôn anh ấy. Anh chàng vụng về như một người đã lâu không có đàn bà, và khi cô cúi đầu anh ấy xuống phía dưới, anh ấy cố mở bộ áo liền quần của cô một cách bối rối và vụng về.

Tôi khát nước và đi vào một quán công nhân ở cạnh đường. Một người khách béo mập có bộ râu của Hoàng đế Wilhelm và áo sơ mi ca rô đang nói chuyện với bà chủ quán về những người đàn ông phải đi làm ca. Bà chủ quán nói rằng bà có một người chồng tốt, bà không phải lo cho ông ấy vào lúc sáng sớm.

"Thức dậy lúc 5 giờ sáng. Uống một ly cà phê rồi biến đi."

"Tôi cũng có ca tốt", ông mập trầm ngâm nói.

Trên thanh ngang bóng loáng như bạc của cái cần rót bia có một hộp nhựa tròn và trong suốt với những điều xì gà nhỏ rẻ tiền. Treo trên tấm giấy ảnh dán tường là một mặt trời đỏ trên một vùng đất hoang dã.

Bây giờ tôi đang đi ở đoạn sông Rhein có tên là Hochrhein. Có một cái gì đó của phương nam ở trong không khí, cũng như đã có ở hồ Boden, tuy có nhiều sương mù hơn. Ngày càng đơn độc hơn, điều đây không làm phiền tôi, còn làm cho tôi hài lòng nữa, nhưng thỉnh thoảng tôi lại không tìm thấy cái ăn trên đường đi.

Có lần, khi tôi đang đói khát thì một lâu đài xuất hiện trong sương mù sau những cánh đồng. Tôi quyết định tìm cái ăn cái uống ở đây. Trên một tấm giấy ở cổng có dòng chữ hôm nay là *sacred dance*<sup>2</sup>. Cổng chính đã đóng kín, nhưng tôi không bỏ cuộc nhanh như thế. Tôi đói lắm. Tôi đi vòng quanh lâu đài và bắt gặp một cánh cửa mở, nó dẫn đến một cái cầu thang cuộn chật hẹp, tôi bước lên.

Túi xách phụ nữ và giày phụ nữ nằm ở trước một cửa đôi. Bên trong gian sảnh, phán đoán theo túi xách và giày, có nhiều người phụ nữ Baden không còn trẻ nữa đang mê mải với cái không phải là nguyên nhân chuyến viếng thăm của tôi. Tôi rón rén bước qua và chẳng bao lâu sau đến một gian sảnh mới. Sảnh ăn. Tất cả các bàn ăn đã được bày biện, tôi nghe tiếng người nói và tiếng bận rộn từ nhà bếp gần đó. Thật ra tôi có thể hỏi xin vài cái bánh mì kẹp thịt, nhưng tôi lại phát hoảng lên vì sợ người ta sẽ đuổi tôi ra và tôi lại tiếp tục phải đói. Tôi phải hành động nhanh chóng, tiếng người nói đang đến gần. Tôi quơ bánh mì, xúc xích, bánh ngọt pho mát, những cái vừa đang có ở đây, còn nhìn thấy một chai rượu vang đã mở nắp, cũng lấy nó và bắt đầu đi xuống qua cầu thang cuộn.

Tôi phải đi một cách cẩn thận, tôi mang mẽ lưới bằng cả 2 tay. Khi tôi đi ngang qua những cái túi xách và giày thì cửa mở hé ra một ít, một trong số những vũ nữ thần thánh nhìn ra ngoài, trong quần trắng và áo trắng. Khó có thể nói được tại sao bà ấy lại ra cửa đúng vào ngay lúc này. Bà ấy không thể nào nghe thấy tôi được, tôi không gây ra tiếng động nào cả.

Bà ấy nhìn tôi, và tôi nhìn bà ấy. Bà vẫn đứng ở đây, đầu và ngực nhô qua khe cửa. Và tôi cũng không cử động. Ở phía sau bà ấy nhiều bóng người mang mạng che lướt ngang qua, đây chính là *sacred dance*.

Tôi không được phép nói với bà ấy trong bất kỳ tình huống nào, điều đây có thể sẽ làm vỡ đập, nó sẽ dẫn đến một cuộc đối thoại, các vũ nữ trong sảnh sẽ chú ý đến và bước vội ra cửa. Tôi muốn ra hiệu cho bà ấy, đặt ngón tay trên môi, nhưng không thể được – mẽ lưới. Tôi đã quơ lấy tất cả một cách quá vội vàng và mang chúng một cách vụng về đến mức tôi không thể làm gì khác ngoài cách đứng cứng đờ ra và bị bắt quả tang ở đây và đang cố giữ lấy thăng bằng.

Tôi có thể nhìn thấy bà ấy đang nghĩ gì. Trong khoảng khắc đầu tiên, bà ấy nghĩ rằng: Ô, một người đàn ông! Rồi bà ấy suy nghĩ xem bánh mì, xúc xích, bánh ngọt pho mát thể hiện điều gì, một nếp nhăn sâu suy tư xuất hiện trên trán của bà. Ô, một người đàn ông đang hoảng hốt, một người đàn ông đang chạy trốn! Bà ấy sắp quyết định. Bà ấy còn chưa biết quyết định điều gì, nhưng bà ấy sắp sửa.

Cái duy nhất mà tôi còn có thể dùng để gây ảnh hưởng với bà ấy là gương mặt của tôi. Tôi đã muốn nhăn mặt ra vẻ đói ăn, miệng nhai rõ rệt, một cái gì đó giống như vậy, thế nhưng một quyền lực cứu thoát nào đó ở trong tôi đã ngăn không cho tôi làm việc đó, và tôi ngạc nhiên khi thấy chính mình làm một việc khác. Tôi bắt đầu nhảy múa. Bất chợt tôi nhìn thấy một hình ảnh Ấn Độ trước mắt. Phần thân thể ở giữa của người vũ công thần thánh với 6 cánh tay không cử động, chỉ có chân là cử động, đầu nhảy múa trên cái cổ rất uyển chuyển. Tôi ngạc nhiên là tôi có thể làm điều đây, và bà ấy cũng thế. Vừa mới đây, suýt tí nữa thì bà ấy đã đánh động, bây giờ có một nụ cười

xuất hiện trên gương mặt của bà. Và khi con hoảng hốt qua đi, tôi nhận ra đôi tay gầy của bà và đôi mắt màu cà tím của bà. Một người đẹp tóc đen Baden.

Rồi bà ấy làm điều mà tôi mong muốn và cảm ơn trời là tôi đã không làm: Bà ấy đặt ngón tay trở lên đôi môi đỏ của bà. Bà ấy nhìn tôi cười thông đồng và nhẹ nhàng lui vào trong.

Tôi ngồi dưới một cây đu trượt ở cạnh một con đường làng và bắt đầu ăn. Tôi cũng uống rượu vang kèm theo, một chai pinot noir vùng Baden. Tôi bước ra khỏi lâu đài mà không hề ngừng lại hay quay người lại, và đã mang thức ăn một cách vụng về và cứng đờ như lúc tôi qươ lấy chúng cho đến tận đây.

Sau những miếng thềm thường đầu tiên, có một cặp vợ chồng người Baden dừng lại trước mặt tôi. Người già đang đi dạo, nếu họ có con thì chúng cũng đã lớn khôn và dọn ra khỏi nhà từ lâu. Có thể ông đang giữ một chức vụ danh dự nào đó ở trong làng, và bà ấy đan găng tay trẻ em để làm từ thiện. Cả hai người chăm chú nhìn tôi, rồi ông ấy nói.

"Picnic mùa này muộn lắm rồi."

Sau đó họ nhìn nhau, và người đàn bà nói: "Ồ nhà còn bánh táo mới làm, đi thôi nào! Còn có cả cà phê nóng nữa."

Sự việc nhỏ này làm cho tôi cảm động, lòng tốt bụng Phanxicô<sup>3</sup> của cả 2 người. Tôi có tiền trong túi và chỉ tình cờ rơi vào trong hoàn cảnh này mà thôi. Tôi có thể gọi một chiếc taxi, bước lên và cho chở đến một nhà hàng. Tất cả mọi việc trong tình huống này có vẻ ngoài hoàn toàn khác. Nhưng thật ra tôi là ai và hoàn cảnh ra sao đều không quan trọng. Cả hai người chẳng cần biết đến điều đấy. Họ nhìn thấy một người đàn ông xa lạ ngồi ở cạnh đường dưới một cây đu đang ăn ngón ngấu bánh mì, bánh ngọt và rượu vang mà ai đó vừa mới cho ông ta. Họ đã mời người này, không hề đắn đo, chẳng hề hỏi ông ấy đến một câu. Tôi suy nghĩ suốt cả đoạn đường kế tiếp, xem trong đời tôi đã từng có ai chào mời tôi sự giúp đỡ và căn nhà của họ một cách hoàn toàn không ngờ vực như vậy hay không – hoàn toàn không một ý nghĩ nào khác. Vì tôi đã từ chối lời mời dùng bánh táo. Và tôi đã hổ thẹn trước 2 người vì đã từ chối.

Tôi đến Lörrach vào lúc chiều tối, cửa hàng trên chợ Giáng Sinh vừa đóng cửa, người ta tỏa ra các quán ở xung quanh đó, uống những loại cocktail đang thịnh hành và nghe nhạc đang thịnh hành. Có áp phích cho buổi biểu diễn của một nghệ sĩ dương cầm bậc thầy trong nhà văn hóa thành phố vào sáng ngày hôm sau.

Vào sáng ngày hôm sau, đó là ngày chủ nhật, tôi đi ngang qua nhà văn hóa. Tôi vừa mới bước vào thì một người Lörrach đã tặng cho tôi vé vào cửa của ông ấy. Ông ấy không có thời gian, và quả thật là rất đáng tiếc khi nó hết hạn mà không ai dùng đến. Tôi không thể lại từ chối thêm một lời mời nữa. Tôi cảm ơn người đàn ông, đi vào gian sảnh và ngồi xuống ghế của tôi.

Ở phía trước, ngay trước sân khấu, giống như trong một buổi biểu diễn nhạc pop, chỉ có 2 cô gái trẻ tuổi ngồi – khán giả để trống hàng ghế đầu tiên. Nhạc sĩ dương cầm trong màu đen xuất hiện và biểu diễn Schumann như một ông thần đồng ánh dâm đang.

Ông ấy nắm lấy bản nhạc. Và nó không phải là sự va chạm dịu dàng của người tình. Nó là sự thềm thường. Một sự lan man thềm thường muốn hoang dại với ý định nắm bắt lấy một cái gì đó. Ông nắm lấy nốt nhạc như thể ông nắm chúng ở dưới váy. Mũi ông ấy, miệng ông ấy, cả gương mặt hóa nhợt khi nhạc chuyển sang nhanh. Ông nheo mắt chấp nhận tốc độ của nó như lời thách thức, giống như một tên ma cô. Ở những đoạn nhỏ nhẹ thanh nhã, có một nét mỉa mai thô tục xuất hiện quanh đôi môi của ông, như thể muốn nói rằng ối trời ơi xem nó làm điều kia kìa. Đừng có giả vờ nữa, đồ đĩ thõa, tao biết mày quá rồi.

Cả hai cô con gái trên hàng đầu ngồi thẳng người trên ghế theo dõi trò chơi của ông, cứng đờ, chăm chú, như thể nó chỉ dành riêng cho các cô. Ngay khi người nhạc sĩ dương cầm đứng bật dậy sau hợp âm cuối cùng, họ vỗ tay cuồng nhiệt, gần như là bay đến với ông. Ông thân đồng áng màu đen đã bắt chuyện với họ trên đường phố, từ trên tấm áp phích trong lúc đi lễ nhà thờ, trong một cách mà trước đó chưa từng có ai bắt chuyện với họ như vậy, và ông được phép làm điều đó, vì ông đẹp và bí ẩn. Trò chơi cũ, vẫn còn có hiệu lực, trò chơi từ quyển sách văn học dân gian: Vào một sáng chủ nhật êm đềm, Heinrich Faust<sup>4</sup> gặp đôi Gretchen<sup>5</sup> trong nhà thờ văn hóa của một thành phố Đức nhỏ, và ông ngâm thơ của ông. Tôi có được phép không...

Một giờ sau đó, tôi ngồi trong chiếc ô tô nhỏ của một người phụ nữ Dresden đang sống lưu vong trong miền nam của vùng Baden, có mái tóc đỏ bồng chồn và đôi mắt mơ màng. Nếu bà ấy không nói thì tôi cũng không thể nghĩ rằng bà đến từ vùng Sachsen. Nó vang lên trong tai tôi như thể bà ấy thành thạo tiếng địa phương Alemannia một cách toàn hảo. Khi bà ấy nói về Thụy Sĩ, bà ấy còn chuyển sang tiếng Đức Thụy Sĩ nữa. Thụy Sĩ đã mở rất rộng cửa cho người nước ngoài, bà ấy nói. Bà lấy làm tiếc cho điều đó. Có một lần bà đã lái xe sang núi Alpes, và sau đó thì không bao giờ nữa. Toàn bộ nhân viên phục vụ ở đó đều nói tiếng địa phương vùng Sachsen.

"Phải có một đất nước, ít ra là một nước duy nhất, vẫn còn như nguyên thủy chứ."

Bà thật ra chỉ muốn cho tôi đi cùng một đoạn, nhưng bây giờ bà chạy lên núi, và từ ở trên đây bà chỉ cho tôi xem Thụy Sĩ và Đức và con sông Rhein. Đó là một ngày âm áp, có lẽ là ngày cuối cùng như vậy trước khi mùa đông đến. Bất chợt có một cái gì đó buồn bã xuất hiện, tôi cố kể một câu chuyện đùa thần học.

"Và nếu như tôi quỳ xuống trước mặt bà ngay bây giờ và tôn sùng bà, thì tất cả những cái này sẽ là của tôi?"

"Của tôi..."

Bà không cười, dường như bà ấy suy nghĩ rất nghiêm chỉnh, nhưng không phải về câu chuyện đùa, chỉ về cái từ cuối cùng.

"Nếu như tôi biết được đó là cái gì."

---

<sup>1</sup> Merci: cảm ơn (tiếng Pháp)

<sup>2</sup> Thánh vũ.

<sup>3</sup> Thánh Phanxicô thành Assisi (1181-1226), người thành lập dòng tu Phanxicô.

<sup>4</sup> Heinrich Faust là nhân vật chính trong các tác phẩm "Faust I" và "Faust II" của thi hào Goethe.

<sup>5</sup> Gretchen trong "Urfaust" và "Faust I" của Goethe là một người con gái trẻ được Faust yêu và tán tỉnh.

## Khách sạn tưởng nhớ

Tôi lại đi dọc theo sông Rhein. Nó làm cho tôi ngạc nhiên. Ở đây, nó dữ dội một cách đáng kinh ngạc, khi nó uốn lượn quanh những bờ đá và tìm con đường của nó trong lòng sông rộng lớn đầy đá của nó. Nếu như tôi tưởng tượng không có con đường cao tốc đang rì rầm ngay phía sau những cây sồi có dây thường xuân um tùm của cánh rừng ngập nước thì nó làm cho tôi nhớ đến những dòng sông đang óng ánh trong chuyến bay trên miền bắc Canada, ở tí phía dưới trong cảnh hoang vắng màu nâu. Một bức ảnh Đức, một lần không được thực hiện, xử lý, diễn giải toàn vẹn.

Tôi đến Freiburg vào một đêm lạnh giá. Trong chuyến tàu hỏa ngoại thành nhiều nữ sinh viên trong mũ len có búp đang đọc "Parzival"<sup>1</sup>. Khi tôi giả vờ làm như phải buộc lại dây giày, tôi có thể nhận ra được tựa của quyển sách kia mà họ đang lật

trang một cách khó hiểu – tài liệu được công bố của một hội nghị chuyên đề, "Nhưng linh hồn còn ở đâu?". Họ không hiểu được cả hai, không hiểu "Parzival" và cái công sở linh hồn liên ngành cũng không. Họ cười khúc khích và cùng nhau lắc đầu về ông giáo sư gàn của họ và danh sách tài liệu của ông, họ gọi ông là "bay bổng". Tôi thích cái từ đó.

Rõ ràng là ở Freiburg có một người đang bay bổng, một người không chơi bóng thấp, như cách nói thông thường được ưa chuộng. Một người có thể bay cao. Tôi rất muốn gọi to cả hai người trong mũ len có búp sặc sỡ rằng họ hãy vui mừng đi và hãy nắm lấy cái hạnh phúc được phép học hỏi ở một người như vậy đi. Nhưng tôi lo ngại rằng họ sẽ không hiểu tôi, chẳng nói gì và tiếp tục đi vào Freiburg như đi vào trong một kỷ niệm.

Tôi tìm được một phòng ngay trong trung tâm thành phố, không xa Nhà thờ Lớn. Khi tôi bước đến gần cửa sổ, tôi nhìn thấy đèn đường to đang cháy rực ở phía dưới trong các ngõ hẻm, và tôi nghe tiếng chuông điểm khắc, tiếng chuông điểm giờ, âm nhạc của một thành phố Đức cổ xưa có trường đại học.

Bức tranh biến đổi. Tuyết bắt đầu rơi, tôi nằm trên giường và nhìn tuyết rơi, chắc hẳn là tôi đã để mở cửa sổ, tuyết rơi vào bên trong, lúc đầu còn ít, rồi ngày một nhiều hơn. Khi tôi ngừng đầu lên, tôi thấy mình đang nằm dưới một lớp tuyết. Tôi sờ vào nó, để hát tung nó lên. Đó chẳng phải là tuyết. Đó là giấy mà tôi đang nằm ở dưới. Nó cứ rơi và rơi xuống và phủ kín cả người tôi. Giấy trắng, lá trắng, nó rơi xuống những năm 70.

Tờ truyền đơn rơi. Chúng rơi mỗi ngày trên nền đá của các học viện. Và khi có việc gì xảy ra trong thế giới ở bên ngoài mà làm cho chúng tôi xôn xao, thế là lá trắng lại rơi vào buổi sáng ngày hôm sau.

Tôi tới người ta đi hội thảo. Đó chỉ là một cuộc hội thảo duy nhất kéo dài bất tận. Nó có tên là "Cách mạng và làm cách mạng như thế nào" và được tổ chức trong giảng đường lớn trước 3000 sinh viên và nhiều hơn thế nữa. Họ ngồi hàng giờ trên ghế gấp cứng và ghi chép, khi một diễn viên du thuyết chính của những khóa trước trình bày về các luận bình phức tạp nhất và cao xa nhất. Nhưng thường thì các Danton và Lênin, Mao và Che lại được những người bắt chước tại chỗ đóng vai. Lúc đấy rất thô lỗ, thỉnh thoảng các cuộc đấu tranh luận bình lại chấm dứt bằng những cuộc chiến nhỏ trên sân khấu. Có lần máu mũi thật đã chảy, có lần một đốt xương ngón tay đã thay đổi vĩnh viễn vị trí của nó. Rồi ngày hôm sau lá trắng lại rơi rất dày.

Cuộc cách mạng, tự hào là không bàn về thời tiết như tấm áp phích phổ biến nhất của nó tuyên bố, cũng phụ thuộc vào mùa trong năm. Các học kỳ mùa hè tinh nghịch hơn, không nghiêm chỉnh chết người. Trong những mùa đông lạnh giá, việc có thể xảy ra là cuộc hội thảo bất tận được tổ chức vài ba ngày một lần và thỉnh thoảng là hằng ngày. Nhưng khi mùa đông tàn phai, khi tất cả rời ra, cái ngồi cạnh nhau trong những căn phòng cong vẹo, mạn đàm trong những seminar âm đạm – thì bệnh gút nhường chỗ cho phê bình từ trong các căn phòng và giường ngủ, và một phần chân điên khùng nhiều tuổi ulla vào trong những trái tim thềm khát.

Trong một mùa hè như vậy tôi đã nhìn thấy một cảnh lối bạch. Một người trong cái áo bành tô đen dài đến gót chân đứng ở vệ đường và để cho một đoàn biểu tình khổng lồ diễu hành đi ngang qua. Tóc đen của ông dài đến vai, bộ râu của ông đến ngực. Có 2 người phụ nữ đẹp không thể tưởng được đang đứng cạnh ông, một người ở bên trái của ông, một người ở bên phải của ông. Ông lúc nào cũng thích nét đẹp của cái lối bạch. Tôi còn nhớ ông đã xuất hiện với bộ com lê bằng nhung đen trong một quán sinh viên như thế nào, một đoàn học trò đầy mụn ở ngoại thành tháp tùng phía sau, huy hiệu Mao trên ve áo. Bây giờ ông đứng đó và đang cầm một cái gì đó trong bàn tay gơ cao lên. Quyển Sách Đỏ từ Trung Quốc. Ông dùng nó để vẫy chào đám

đông đang ngấn ra, và họ đang mang những tấm trải giường tự vẽ và những câu khẩu hiệu của họ đi ngang qua ông.

Rồi ông cởi bỏ cái áo bành tô Rasputin<sup>2</sup>, cạo râu và cắt tóc, đi ra nước ngoài, kiếm được nhiều tiền, và về nước như một người giàu có và trở thành một người xuất bản Đức. Những người khác trở thành diễn viên, họa sĩ, giáo sư, nhà văn nổi tiếng.

Tôi có tin vào cách mạng không? Trong những khoảng khắc nào đó tôi nhìn quanh những hàng ghế và thấy một lớp học trò siêng năng một cách đáng buồn cười đang ngồi và ghi chép trong giảng đường lớn. Tôi cũng nhìn thấy tôi ngồi ở đó. Khi tôi đứng ở phía trên, đã có những khoảng khắc của quyền lực. Cảm nhận được sự kháng cự của đám đông, niềm mong muốn của nó, xin hãy chinh phục nó, kéo dài và trì hoãn và cuối cùng chộp lấy nó, với một vài hòa âm hùng biện cứng rắn, nhanh nhẹn. Và thỉnh thoảng tôi đã cố gắng bí mật làm cho cách mạng đẹp hơn, bằng cách cố tình chỉ phân công nữ sinh viên đẹp đi rải truyền đơn. Nhưng cách mạng cho tôi biết rằng đừng nên làm như thế.

Sức hấp dẫn đàn ông, đó là những cái mà nó chào mời. *She makes you feel like a man*<sup>3</sup>. Hồi hộp khi xuất hiện dưới một cái tên khác trong một thành phố xa lạ - cái cảm giác đang mang một điều bí mật. Một nữ giáo sư tóc đen sử dụng bộ tóc giả màu vàng cho những lần xuất hiện như thế. Bà làm việc đó ở bên cạnh người yêu thầm kín của bà. *She made him feel like...*<sup>4</sup>

Điều đó còn chưa đủ cho một vài người. Họ tặng liều lượng. Nét sáng ngời buồn bã của tính không hợp pháp đã kéo họ ra khỏi những điều tầm thường của một đời sống sinh viên. Họ bước ra khỏi cái bóng tối này bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu mà họ muốn. Gõ cửa một người bạn thân ngay vào lúc giữa đêm. Bước vào ngôi biệt thự của một giáo sư đồng tình ủng hộ và nhìn về mặt nửa thần phục nửa hoảng sợ của ông ấy. Niềm vui chiến thắng, vào một buổi sáng nào đó tay cầm tờ báo tường thuật về một vụ cướp ngân hàng thành công trong một chuyến tàu điện đông người: Các người thấp kém, các người không hề biết là ai đang đứng cạnh các người đây!

Tôi có quen biết một người, một nữ sinh viên có mái tóc kiểu Nico<sup>5</sup>. Tôi đã phân công lá trắng cho cô. Vào một ngày nào đấy cô biến mất và nhiều tháng sau đó cô lại xuất hiện trên tấm áp phích truy nã được treo trong mỗi một chi nhánh bưu điện. Cuộc cách mạng có một bước ngoặt Hegel<sup>6</sup> đẹp. Các đồng chí đã hy sinh này đã đổi vũ khí của phê bình để lấy phê bình của vũ khí. Vì tất nhiên là cách mạng thúc giục hãy bước ra khỏi giảng đường, đi vào thế giới thật của những người hùng thật của nó. Phần lớn đã sợ hãi lùi bước ở ngõ ra, và người ta lại gặp nhau trong tiền sảnh của học viện vào ngày hôm sau, và nó lại được phủ kín bởi lá trắng.

Tôi nằm thao thức trong gian phòng Freiburg của tôi và nghĩ về những cái đã xa như mặt trăng. Tôi cần phải tức giận nó đến mức nào, cái khoảng thời gian đã mất đi này: nhiều, hoàn toàn không, một ít?

Có lần, vào một tối hè Berlin, tôi đã nghe được từ hồ thẹn. Một người trong số chúng tôi đã dùng nó, một người của ngày xưa. Ông ấy đã trở thành nhà ngoại giao, và chúng tôi trò chuyện về thời xưa, cái mà ngoài ra chúng tôi không bao giờ làm. Nhưng bây giờ, bên ly cà phê espresso ở Kurfürstendamm<sup>7</sup>, bất thành linh ông ấy nói: "Chúng mình rất ít khi nói về chuyện đó, vì chúng mình lấy làm hổ thẹn cho toàn bộ cái chuyện vớ vẩn đó."

Tôi đã suy nghĩ không hiểu mình có cảm nhận một cái gì đó giống như thế không, và đi đến kết luận rằng, có lẽ tôi chẳng khác những người lạc lối của những thời khác là bao. Tại sao lại có nhiều người đã không nói và vẫn không nói về những cuộc chiến mà họ thoát ra từ đó - vì họ hổ thẹn?

Điều đó không đúng. Họ không nói, vì sẽ chẳng có ai hiểu được những điều họ định nói là cái gì. Ngay chính họ cũng không còn biết nữa. Họ bị giam giữ trong một định luật khác, trong một hang động khác, và đến một lúc nào đó đơn giản là họ đã đứng dậy và bước ra.

---

<sup>1</sup> Parzival: thiên anh hùng ca, tác phẩm của nhà thơ Trung cổ Wolfram von Eschenbach.

<sup>2</sup> Grigori Efimovich Rasputin (1869-1916) nhà du hành thuyết giảng người Nga.

<sup>3</sup> Cô làm cho anh có cảm giác là một người đàn ông.

<sup>4</sup> Cô đã làm cho anh ấy có cảm giác...

<sup>5</sup> Nico, tên thật là Christa Päffgen (1938-1988): người mẫu, diễn viên và ca sĩ Đức.

<sup>6</sup> Georg Wilhelm Friedrich Hegel (1770-1831): triết gia người Đức, một trong những người sáng lập Chủ nghĩa Duy tâm Đức.

<sup>7</sup> Tên một con đường chính ở Berlin.

## Nhà thổ quê hương

Một người đàn ông nhỏ bé đi qua làng Wyhl am Kaiserstuhl. Ông dùng một thanh dài để đập lá đen trên những cây mận. Wyhl hoàn toàn yên lặng. Đường như nó đã hồi tỉnh lại trong mùa này, nhà trong ngõ hẻm chật hẹp nhích lại gần nhau hơn nữa, đây đó có một căn nhà đang được sửa chữa không hồi hả và không ồn ào, mèo chậm rãi lang thang trên đường phố, chúa tể của mùa này. Wyhl có mùi nhang. Tất cả đều chìm vào trong sương mù êm dịu. Núi Kaiserstuhl hóa trang. Nó đội tóc giả có rắc bột bằng sương. Nho đứng trời trụi trên sườn đồi.

Sau đây tôi đi tàu hỏa đến Kehl, một phụ nữ người Pháp ngồi đối diện với tôi. Bà ấy hút thuốc lá. Chồng bà là sĩ quan ở Donaueschingen, bà nói, và bà đang trên đường trở về quê hương, đến Perpignan, bà lạnh run ở đây.

"Nước Đức tôi tắm quá."

Bà ấy nói câu đó với giọng mà đàn ông Đức rất yêu thích, sắp đặt từng từ một như sắp đặt ly cốc trên bàn. Rồi đoàn tàu dừng lại ở Kehl, bà ấy đi tiếp, tôi xuống tàu. Ở đầu đây trên tường có một tấm bảng mang tên những người đã từ cái nhà ga biên giới này trốn sang miền nam nước Pháp trong thời Quốc xã, đi đến sự sống. Heinrich Mann<sup>1</sup> 1933. Sigmund Freud<sup>2</sup> 1938.

Tôi quãng hành lý của tôi vào trong một căn phòng dơ bẩn màu nâu ở ngay cạnh nhà ga, lên một trong 2 cái giường nằm liền nhau ở bên trong. Cửa sổ hướng ra đường tàu hỏa, nơi tàu và đường ray tạo những âm thanh cao chói tai suốt cả đêm. Có thể dễ dàng bước qua nhà thổ riêng của khách sạn ở phía bên kia của hành lang.

Xe tải đỗ trước khách sạn, taxi xếp ngũ trong cabin, và một xe buýt tối om. Khi đến gần, tôi nhìn thấy nó đã đầy người. Người taxi xếp quan sát tôi lang thang ở bên ngoài.

"Đi nào!", ông ấy gọi. "Lên xe đi thôi!"

Ông ấy không thể mừng rỡ được thật ra tôi muốn làm việc đó đến dường nào. Tôi biết buýt này – không phải chiếc xe buýt này, mà là tuyến xe buýt. Frankfurt-Barcelona, vẫn còn có nó. Lúc 19 tuổi, tôi đã leo lên một chiếc xe buýt như thế này ở phía sau Nhà ga chính Frankfurt, người Đức duy nhất trong số những thợ khách người Tây Ban Nha với những cái va ly đầy ắp của họ. Kehl thời đấy vẫn còn là biên giới nghiêm ngặt. Hoàng hôn phủ xuống vào một lúc nào đó trong nước Pháp, đêm đến ở trước Besançon, và khi tôi thức dậy thì tôi đã ngủ thấy miền nam. Một không khí khác. Ấm áp. Thơm mùi gia vị. Chúng tôi chạy xuyên qua cỏ xạ hương và muối.

Bác tài lái xe buýt nhắc lại lời mời.

"Nhanh lên, lên xe đi."

Tôi thật muốn làm điều đó vô cùng. Thửa đất tôi không có nhiều thời gian cho miền nam. Tôi mang theo một quyển sách màu xanh dày cộm mà tôi đã đọc nó trên cát của Tarragona, từng trang một, và khi tôi gấp nó lại sau 2 tuần thì gần như dòng nào trong tập đầu tiên của "Tur bản" cũng đều được gạch dưới và bên lề chi chít những lời bình.

Miền nam lại phải chờ đợi, tôi không bước lên xe. Tôi đã đi quá xa trên con đường đến một bãi cát khác, một tuần nữa thôi, và tôi sẽ đứng cạnh bờ sông, gần Hà Lan, ở kilômét 852 của sông Rhein.

Tôi bước vào quán của nhà thổ và tự thưởng cho mình một ly cà phê espresso. Người phụ nữ phục vụ ở quầy rượu dùng thìa uống trà múc bột bia ra khỏi ly và dùng ngón tay vuốt nó phẳng ra. Gã buôn thuốc phiện trẻ tuổi người vùng Maghreb trong bộ đồ toàn trắng dùng tay trái bóp nát một lon Cola, gã dùng ngón tay cái của bàn tay kia gõ liên tục vào chiếc điện thoại di động. Bất thành linh, một đoàn người châu Âu chen nhau vào trong tiền sảnh, nhưng có lẽ đó chỉ là nhân viên bình thường mà thôi. Họ còn kéo cả những va ly có bánh xe vào trong một cái khách sạn khôn cùng như thế này, Strasbourg đã bị những người giống như họ giữ hết chỗ và thêm vào đây là Kehl<sup>3</sup>. Họ gọi điện và chẳng hề quan tâm đến bất cứ một việc gì quanh họ. Một người Algérie nói: "Ce sont des barbares<sup>4</sup>." Nhưng ý anh ấy muốn nói những kẻ đã giết đi của anh ấy tại Algérie. Anh vỗ nhanh đôi bàn tay. Xắc, đầu rơi, bêu lên cọc.

Ngoài ra, anh ấy và bạn bè của anh ấy là những người khách duy nhất. Họ hút thuốc lá, trước mặt có bánh pizza trong những hộp giấy để mang đi và có tóc cắt ngắn giống như lính lê dương. Nhà thổ này có thể là hậu cảnh cho một nhà thổ Pháp vào thời vàng son của lính lê dương. Nhưng đổ trong ánh sáng nhân từ của đèn đỏ, tóc đỏ héo tàn, nịt tất đỏ trên da héo tàn.

Bà chủ đến bàn tôi. Chúng tôi nói chuyện nửa tiếng Pháp nửa tiếng Đức, bà ấy pha một ít giọng vùng Alsace. Tôi hỏi bà những người Algérie làm gì ở đây, đó là những người đàn ông trẻ đẹp, họ có thể tìm được bạn gái trong bất cứ một quán nhảy nào. Bà ấy lắc đầu. Non, non<sup>5</sup>, không phải thế. "Ở trong này có một ít gì đó giống như ở Algérie, có chị em và cô dì." Nhà thổ là một hang động quê hương đỏ lòm mờ cho con trai từ phương nam, một phương nam có đầu lia khỏi cổ.

---

<sup>1</sup> Heinrich Mann (1871-1950) nhà văn người Đức.

<sup>2</sup> Sigmund Freud (1856-1939) bác sĩ, nhà tâm lý học người Áo.

<sup>3</sup> Strasbourg là trụ sở của Quốc hội châu Âu, Kehl là thành phố Đức cạnh bên.

<sup>4</sup> Tiếng Pháp: "Đó là đồ mọi rợ."

<sup>5</sup> Tiếng Pháp "Không, không,"

## Thành phố thứ 60

Tôi rời đồng bằng phía bên này của sông Rhein và đến Pforzheim, nơi trời trong hơn, nhưng cũng lạnh hơn. Và cứng rắn hơn. Tôi đã nghe người ta nói rằng, cho đến những năm 60 nó đã là thành phố có nhiều triệu phú nhất sau Frankfurt và Baden-Baden.

Người ta không nhận ra được điều đấy. Khu vực dành riêng cho người đi bộ phơi bày hình ảnh của một thành phố tả tơi. Thiếu thốn đang đi lại giữa những công trình xây dựng nghèo nàn sau chiến tranh – những cái hộp giống như công sự, được bao ngoài bằng những tấm che công nghiệp hay bê tông trần trụi, xám trắng, đất son,

nâu nhạt. Thiếu thôn đủ loại. Thiếu đông. Thiếu hè. Thiếu tiền. Thiếu tim. Và cái tôi tệ nhất: Thiếu nơi để đến thỉnh cầu. Tại sao tất cả lại như thế, cái gì đã xảy ra? Tôi đang làm gì ở đây?

Những người mẹ quá trẻ, mặc quần áo quá hồng, quá béo, xỏ lỗ quá nhiều. Những người đàn ông để râu, già ngứa ở đáy quần, những người vợ nhỏ bé trùm khăn che mặt của họ ở phía sau họ 2 m. Những hình dáng lạnh cóng, kéo mũ trùm đầu, giống như nó mọc rễ ở đó vậy. Bụng trần con gái ngay trong mùa đông. Nhiều vãi in dấu như vậy, nhiều da in dấu như vậy.

Tôi đã quên bằng cái xăm mình quá lớn trên da và quần áo. Ở miền nam, ở rìa Bohemia và Bayern hay cạnh hồ Boden, gần như không có nó. Bây giờ lại có nó, như ở miền bắc và miền đông. Một cặp đã có tuổi, không in ấn, xỏ lỗ và xăm mình, đi qua khu vực của những dấu hiệu đã phát triển lên như chuyến thăm viếng từ một thời gian khác.

Đó là nơi chốn cho những người tận thế, và lại đúng vào mùa, tiếng leng keng Giáng Sinh giả nhân giả nghĩa từ những hang động giảm giá làm cho người ta phát rồ. Thiếu thôn lớn, nghèo nàn, cái nghèo tinh thần của Tây Đức. Cái khu vực dành riêng cho người đi bộ này đang gào thét đòi một người cuồng tín. Một người thuyết giáo với ánh lửa trong mắt và một từ đơn giản, mạnh mẽ. Ông ta sẽ đến, bây giờ tôi chắc chắn điều đó.

Ông ta đã ở đây – hay đó chỉ là người báo trước sự xuất hiện của ông ta? Lúc ban đầu, sau lần tận thế của Pforzheim, có một người đàn ông đã sống ở đây, người vào một ngày nào đó đã kêu gọi những người tin vào ông hãy rời bỏ quê hương của họ, cha mẹ của họ, bạn bè của họ, nghề nghiệp của họ, và đi theo ông – xa, đi xa, qua bên kia đại dương, đến một hòn đảo căn cứ ở nam bán cầu. Và họ đã làm điều đó. Họ đã theo nhà thuyết giáo Wilhelm Cordier đến Quần đảo Falkland và xa hơn nữa. Đến tận Patagonia<sup>1</sup>. Theo ông và từ ngữ đơn giản, đầy quyền lực của ông. Và sau đó, rất lâu sau đó, vào cuối đời của họ, khi người ta hỏi nguyên nhân thì họ trở nên lầm lì và nói rằng ông ấy đã tỏa sáng rất mạnh.

Người phụ nữ già, đau tim mà tôi muốn biết rằng tại sao bà lại đi theo ông ấy trong mùa hè 1954 suy nghĩ một lúc lâu, bà thở mệt nhọc, rồi bà nói trước khi bà ngạt thở và không thể nói tiếp được nữa: "Ông ấy đã gọi chúng tôi lại. Ông ấy đã giảng giải từ ngữ. Ông ấy đã giảng giải sách Phúc Âm đến mức lôi kéo được người khác."

Cordier dọn về Pforzheim năm 1947, lúc 30 tuổi. Ông đã là người lính, ông đã giết người. Ông trở về từ chiến tranh, và ông đi vào một thành phố đã bị chiến tranh hủy diệt. Cùng với vợ và những người con gái, ông dọn vào đồng đồ nát của một thành phố chết.

Mới 2 năm trước đó, vào ngày 23 tháng 2 năm 1945, vào một ngày mùa đông trong veo như ngày này, một đoàn máy bay ném bom đã xuất hiện trên Pforzheim vào lúc chiều tối, một dòng máy bay ném bom dài 90 km. Vào lúc ban ngày luôn có báo động phòng không, một vài chiếc máy bay xuất hiện tí trên trời cao, không có gì là nghiêm trọng. Báo động được dỡ bỏ vào lúc chiều tối, công nhân từ những nhà máy Pforzheim có thể trở về nhà trong làng của họ. Những người hạnh phúc.

Có 2 việc tụ lại với nhau vào chiều tối hôm ngày đó, cái danh sách và thời tiết. Pforzheim có trong danh sách những thành phố cuối cùng còn phải ném bom của Thống chế Không quân Harris, và các nhà dự báo thời tiết của Bomber Command<sup>2</sup> Anh đã báo cáo rằng sẽ có thời tiết tốt. Mệnh lệnh đã được ban hành, phi đoàn đã ở trên không.

Đề cứu vãn danh dự, đặc biệt là của người Mỹ, cần phải nói rằng trong suốt cả thời gian đó, trong khoảng thời gian mà Arthur Harris thực hiện kế hoạch của ông ta cho từng thành phố một, đã có nhiều người chống đối và đã có nhiều bàn cãi. Ác cảm

chống lại cách thức tiến hành chiến tranh tâm lý ở 1500°C của ông cũng đã trở dậy ngay trong cả những cấp bậc cao nhất, và ngay cả khi điều đó cũng chỉ là hướng đến mục đích, hoài nghi về hiệu quả quân sự của kế hoạch Harris, cố nhấn mạnh đến việc ném bom những mục tiêu quân sự, cũng không thể không nhìn thấy một sự ghê tởm cuộc chiến tranh mà Harris tiến hành. Các cuộc xung đột đi đến mức mà người này đã xin từ chức trong tháng 1 năm 1945.

Harris tiến hành một cuộc chiến tranh đặc biệt, song hành với cuộc chiến đang diễn ra, hay gặp phải nó và liên minh với nó, nhưng bao giờ cũng theo đuổi mục đích riêng: hủy diệt 60 thành phố. Vào tháng 10 năm 1944 ông đã đánh dấu hoàn thành 45 thành phố trong danh sách của ông. Bây giờ, khi có thể nhìn thấy được chiến tranh sẽ kết thúc, ông tranh đấu với giới lãnh đạo quân sự để được phép xóa sạch những thành phố còn lại. Những thành phố như Magdeburg, Halle, Leipzig, Dresden, Chemnitz, Breslau, Nürnberg, München, Koblenz, Karlsruhe và những gì còn lại của Berlin và Hannover.

Sau một vài dằng co và nhiều sửa đổi, cuối cùng danh sách của các bộ tham mưu riêng lẻ cũng được so sánh đối chiếu. Đầu tháng 2 năm 1945 thứ tự cũng đã được quyết định. Loạt ném bom rải thảm cuối cùng bắt đầu với Dresden vào ngày 13 tháng 2, và chấm dứt với Pforzheim. Thành phố có bất hạnh là vào lúc cuối cùng vẫn còn lọt vào trong danh sách – là thành phố thứ 15. Hay 60 nếu tính tổng cộng.

Tất nhiên là các nhà máy cơ khí chính xác, thí dụ như công nghiệp đồng hồ, đã chuyển sang sản xuất vũ khí. Vâng, đã có mục tiêu quân sự ở Pforzheim. Nhưng những cái bây giờ được đội máy bay xuất hiện trên bầu trời đánh dấu là những cái khác. Nó không phải là những mục tiêu nhất định. Hoàn toàn không có gì cụ thể. Nó là tất cả, cả thành phố.

Vào lúc 19 giờ 47 chiếc máy bay ném bom dẫn đầu phát đi những chỉ dẫn cuối cùng và tạm ngưng liên lạc vô tuyến với phi đoàn. Vào lúc 19 giờ 48 có báo động phòng không ở Pforzheim. Vào lúc 19 giờ 52, 12 chiếc Mosquitos đầu tiên đánh dấu vùng mục tiêu bằng cách ném pháo sáng đỏ. Ngay sau đó chiếc máy bay ném bom dẫn đầu xuất hiện trên bầu trời thành phố. Nó xem xét những điểm đánh dấu, cho là chúng đã được ném tốt, kết nối lại liên lạc, bay qua thành phố ở cao độ thấp, và phát lệnh, trong lúc vẫn còn bay vòng tròn.

Pháo sáng rơi đầu tiên. Những "cây Giáng Sinh", như người Đức ở trên mặt đất gọi chúng, đột ngột chiếu sáng ngời cả thành phố. Nhiều pháo sáng tiếp tục theo sau đó. Vàng và trắng đánh dấu khu ngoại thành, xanh thật ra mới là vùng mục tiêu. Khi nhìn từ trên không, sự kết liễu đang phô bày vẻ đẹp riêng của nó.

Vào lúc 19 giờ 53 viên phi công của một chiếc Lancaster đang bay đến – 1 trong số 362 chiếc – nhìn thấy mục tiêu. Anh ta gọi viên hoa tiêu lại. "Lại đây nhanh lên, Arthur, xem kìa!" Và Arthur nhìn. "Mục tiêu nằm ở phía trước chúng tôi, được bao quanh bởi pháo sáng vàng và mang đầy pháo sáng xanh. Đó là một vòng bằng vàng toàn hảo, có ngọc lục bảo lóng lánh ở giữa. Tôi không bao giờ quên được hình ảnh đó. Vài phút sau đấy chúng tôi chuyển sang tấn công."

Cuộc tấn công kéo dài 16 phút và 7 giây. Khoảng 20.000 người đã chết trong những giây phút này. Cái thành phố mà vào buổi chiều tối ngày hôm đó vẫn còn gần như toàn vẹn cho đến ngay trước 8 giờ, đã không còn tồn tại nữa vào lúc 10 phút sau 8 giờ. Những gì còn lại là các dấu vết cuối cùng còn sót lại của cuộc sống con người, như những mảnh vỡ mà các nhà khảo cổ học bắt gặp trong sa mạc. Kim loại có điểm nóng chảy trên 1000 độ đã chảy thành những cục to. Một gia đình bác sĩ, ra khỏi nhà trong khoảng 15 phút chết người đó, đã không còn tìm thấy gì khi quay trở về. Chỉ còn một vài cái đinh tán và cái gọng cong vẹo của một cái trâm cài áo. Đinh tán trên vòng cổ con chó của họ, trâm cài áo bà giúp việc mang trên người. Không có dấu vết

nào của bà ấy và của con chó. Viên đá quý trên cây trâm cũng không còn. Cháy tiêu tan. Bụi.

Nhiều nhà thuyết giáo đã đi khắp nước Đức sau cuộc chiến này. Và Cordier dọn từ Esslingen về Pforzheim, trở thành người lãnh tụ tinh thần của giới trẻ Tin Lành thành phố, bị nhà thờ ngờ vực quan sát và về mặt mình ông thấy rằng nó đã ngày càng suy đồi hơn và là cái mà ông ngày càng công kích trực tiếp hơn.

Ông công kích tất cả những gì đang bắt đầu xây dựng đất nước mới, toàn bộ đoàn người Đức dài đang trên đường từ những thành phố chết đi vào những vùng chỉ dành riêng cho người đi bộ. Những bài thuyết giảng của ông cũng được rải như truyền đơn. Chúng mang những tựa đề: "Thanh toán". "Babylon". "Bản tường thuật cho những người không muốn bị lừa gạt cuộc sống vĩnh cửu". "Giờ cuối cùng". "Lời tuyên bố cuối cùng cho những người trong thời của chúng ta."

"Ôi các nhà thần học! Ta không đến được với Kinh Thánh mà đến với các người.

Ôi những người viện cớ 'chỉ vinh danh Chúa Trời' để làm cho chính mình và con người say sưa bằng âm nhạc! Chính ta đã ở trong hàng ngũ của họ và yêu nồng cháy âm nhạc. Nhưng tất cả âm nhạc vĩ đại và tất cả những bài ca tôn giáo, là những bài ca của tông đồ Mátthêu về những nỗi khổ hình của Chúa Giêxu hay của Đấng Cứu Thế vân vân, đều là say sưa linh hồn, đối trá, chính là xúc phạm thánh thần. Chúng sẽ câm lặng khi Người đến.

Ôi tất cả nghệ sĩ, thợ vàng và thương gia!

Ôi những người đã làm Giêxu, Chúa của tất cả Thiên Chúa, trở thành một tông đồ đạo đức! Họ chỉ đóng dấu ấn tội lỗi và lôi vào giữa những gì xâm phạm đến đạo đức công dân – nhưng những gì xâm phạm đến lời nói của Giêxu thì người ta hoàn toàn không hề đếm xỉa đến. Vì thế mà con người, tuy có một mảnh vải trắng đạo đức công dân trước ngực, không thể tin rằng họ đã lạc lối. Chính ta đã ngồi trong những hàng ngũ tôn giáo và nhân dân đó và cùng giảng giải với họ về cái 'thế giới xấu xa'."

Ông đã giảng đạo như thế và nổi cơn thịnh nộ như Zarathustra<sup>3</sup> – một Zarathustra đã cải đạo, đang tức giận chính bản thân mình. Và để cho không còn gì, không còn bất cứ điều gì mà không được nói ra, ông trở nên quá rõ ràng. "Đó là tâm linh của Chúa Trời, dạy cho ta căm thù lối sống tầm thường và tất cả những đạo đức không đứng đúng vào chỗ của một trật tự trần thế theo ý của Chúa Trời. Tự nâng cao mình hơn một con người đã trở thành một điều ghê tởm cho ta. Đã là một con đường dài, cho tới khi cuối cùng ta tin rằng không có ai làm việc tốt cả, không có đến một người. Hôm nay ta biết rằng không có gì tốt đẹp sống trong ta cả."

Cordier cởi bỏ tất cả ràng buộc. Ông ly khai nhà thờ, và khoảng 130 người Pforzheim làm theo ông. Bây giờ ông cũng đi thuyết giảng ở những nơi lân cận, thuyết giảng một Kitô giáo không có nhà thờ, không có thần học. Và hoàn toàn từ bỏ tất cả những gì mà trái tim con người bám víu lấy.

Đó là cách thức của ông ngay từ lúc đầu. Trong những tháng đầu tiên ở Pforzheim, ông thu nhận một gia đình có người con mắc bệnh phổi. Ông không sợ bị lây nhiễm, ông chỉ sợ Chúa Trời. Căn hộ tạm thời của ông đã là điểm đến cho những người cần được giúp đỡ mọi thứ.

Khi ông mất việc, những người tin theo ông đã mang thực phẩm đến cho ông và gia đình ông. Láng giềng gặp vợ ông trong tầng hầm, là gian phòng bếp ăn cho gia đình của Cordier, đang vừa khóc vừa cuối người xuống cái chậu gỗ giặt áo cho 3 người con đang đứng xung quanh.

Cordier tìm được việc làm tại một mỏ đá, và ông kêu gọi những người tin theo ông hãy làm giống như ông, từ bỏ nguồn gốc lai lịch và làm những công việc thấp

kém. Nhiều người cũng đi vào mỏ đá, những người khác chọn những nghề chăm sóc bệnh nhân. Và họ dọn ra khỏi những ngôi nhà riêng của cha mẹ vừa mới được xây. Vì những người đến với ông không phải là người nghèo. Ít nhiều đó cũng là giới trẻ trung lưu của thành phố. Vài người đã đỗ bằng trung học với điểm xuất sắc, vài người đã học đại học và đã được chuẩn bị để một ngày nào đó sẽ tiếp quản cơ sở kinh doanh của cha mẹ. Phần lớn xuất thân từ gia đình tốt, như người ta nói, và đã có nhiều gia đình tốt. Pforzheim là xương đúc vàng của Đức, các huy chương của Thế vận hội ở Berlin năm 1936 đều được đúc tại đây.

Cha mẹ của những nam nữ thanh niên trẻ tuổi này tuyệt vọng. Họ xấu hổ và cố giữ bí mật, tới chừng nào vẫn có thể, rằng ngay chính họ cũng có một ca Cordier trong gia đình. Nhưng họ không thể làm gì được. Họ cảm thấy rằng họ không còn quyền hành gì với con cái của họ nữa. Cái mà họ cho là hệ quả duy nhất từ lần sụp đổ hoàn toàn – lao động và xây dựng như con đường tiến đến thịnh vượng và hạnh phúc –, lại là một điên rồ vật chất trong mắt của những người con trai và con gái của họ.

Người thì đứng như tê liệt trước đồng đồ nát của một thời kỳ trước đó, người thì lại ghé thăm một thời kỳ mới, cái thời kỳ bắt đầu xây dựng một thế giới lành lặn mới ngay giữa những đồng đồ nát một cách điên rồ. Cordier không nhìn thấy được phải sống hài lòng Chúa Trời như thế nào trong một đất nước sa đọa như thế này. Ý tưởng đi đến một đất nước xa xôi xuất hiện và luôn được bàn bạc.

Một Mùa Vọng của đầu những năm 50 là lần thúc đẩy cuối cùng. Doanh nhân thành phố trang hoàng cửa hàng của họ và chào mời khách hàng với một nỗ lực chưa từng có từ thời trước chiến tranh. Khắp mọi nơi là đèn quảng cáo với chủ đề Giáng Sinh của Kitô giáo. Các bài hát Giáng Sinh lanh canh leng keng từ những cái loa. Các Thánh Nicolas đi trong siêu thị và tặng quà cho trẻ con. Cái làm cho người này cảm động thì lại làm cho người kia chán ghét vì họ xem đó là sự thương mại hóa và nhạt bóng ngày Chúa Giê-xu ra đời. Đã đủ rồi.

Vào một ngày nào đó của năm sau, Cơ quan thống kê tiểu bang của Baden-Württemberg phát giác một hiện tượng kỳ lạ. Thiếu khoảng 150 người dân Pforzheim, phần lớn là người trẻ tuổi, nam cũng như nữ. Họ đã rời bỏ thành phố và có lẽ cũng đã rời bỏ đất nước mà không trình báo cảnh sát hay thông báo nơi ở mới. Họ đơn giản biến mất.

Từ Thụy Sĩ, Cordier và những người của ông đã đăng rao vặt trên tờ "Times" ở London, trong mục tìm việc. Họ tự chào mời họ – lao động cực nhọc, đơn giản của họ. Một thủy thủ trong một quán rượu ở London đọc được tin rao vặt này và báo cho Công ty Falkland Islands biết. Nhờ vậy mà có được lần tiếp xúc đầu tiên.

Cordier căn dặn những người tin theo ông không được kể lại kế hoạch bỏ trốn cho bất cứ ai. Vì thế mà các gia đình hoàn toàn bất ngờ. Họ không biết phải tìm kiếm con cái của họ ở đâu. Và những môn đồ Cordier còn ở lại Pforzheim nhất định im lặng, họ muốn đi theo những người kia ngay khi hoàn cảnh cho phép. Chỉ sau nhiều năm mới có một vài bức thư từ Nam Mỹ về đến Pforzheim.

Vào giữa những năm 70, có một người Đức đi khắp Patagonia, nhà làm phim người München Peter Gehrig. Ông đã nghe nói về những người biến mất và muốn quay một cuốn phim về họ. Trước nhất là ông muốn tìm Cordier.

Ông đến San Carlos de Bariloche ở miền tây của Argentina, một thành phố cạnh một cái hồ không xa biên giới với Chile, nơi những ngọn núi phủ tuyết, những con sông và hồ mang những cái tên cổ xưa theo ngôn ngữ Araucan và những cái tên mới mà những người Tây Ban Nha và người Đức đến định cư đã đặt cho nó một cách lộn xộn hoang dã. Lago Nahuel Huapi. Cerro Lopez. Cerro Otto.

Bariloche là một điểm nghỉ hè được giới giàu có ở Buenos Aires ưa chuộng, những người đến khí hậu núi cao để tránh cái nóng bức của mùa hè. Gehrig ở đó một thời gian và cố tìm kiếm tin tức về Cordier, người chắc chắn phải ở đâu đây trong vùng núi này. Không thành công. Nhưng cái mà ông tìm thấy được là khu kiều dân Paso Flores. Sống ở đây là những môn đồ Cordier đã chia tay với ông. Cordier đã cùng với 40 người trung thành tiếp tục đi sâu vào núi. Giờ đây ông phải khoảng chừng 60 tuổi.

Dẫn đầu khu kiều dân Paso Flores là 3 người đàn ông trẻ. Người ta nói rằng Cordier đã có quan hệ với nhiều phụ nữ trẻ tuổi – họ cứ bay đến ông – và cũng có con với họ. Rõ ràng là ánh tỏa sáng của ông vẫn còn chưa lụi tàn và những người đàn ông trẻ không còn chấp nhận cho ông sống chung với họ nữa. Nhưng bây giờ ông đang ở đâu thì họ không thể hay không muốn nói.

Gehrig có nghe nói về một nha sĩ, một người Đức được của Cordier tin cậy và sống ở đâu đây cạnh biên giới Chile. Ông đi vào lúc sáng sớm và tìm thấy ngôi nhà của ông nha sĩ. Ông bước vào và hỏi ông ấy rằng có biết gì về Cordier hay không. Ông nha sĩ nói rằng thỉnh thoảng ông có chữa răng cho người của ông ta nhưng ngay chính Cordier thì ông không biết.

Ngôi trên băng ghé cạnh lò sưởi là một người đàn ông có mắt xanh trong và gương mặt dày dặn gió sương, cái nón rom ở bên cạnh, và lạng lẽ chờ. Khi Gehrig hỏi chuyện ông nha sĩ rằng tại sao nhóm người đó lại nhút nhát đến như thế, liệu họ có dấu điểm điều gì không, thì người đàn ông tham gia câu chuyện. Không, ông ấy nói, ông cho rằng điều đó khó có thể, người Cordier sống xa lánh như vậy chỉ vì họ hàng ở Đức dồn ép họ. Rồi ông ấy bắt đầu nói, và ông ấy nói không giống như một người đang đau răng và sắp sửa được điều trị. Gehrig không thể tin rằng người này là một bệnh nhân nào đó hay là người tình cờ đến thăm. Ông nhìn ông ấy kỹ hơn. Người đàn ông không còn trẻ nữa, nhưng ông ấy thu hút. Ông ấy dễ gây cảm tình, một nét bình thân, như một người cha tỏa ra từ ông ấy.

"Thôi được", bây giờ người đàn ông nói. "Tôi là Wilhelm Cordier. Đi nào, chúng ta đi." Ông ấy đã chờ đợi Gehrig. Nhờ người của ông ấy trong thành phố mà ông ấy đã biết về cuộc tìm kiếm của người này.

Sau 2 giờ trong chiếc xe chạy trên mọi địa hình, nhiều tòa nhà xuất hiện – một làng nhỏ ở cạnh một cái hồ, ở độ cao trên 2000 mét. Một cái bàn to được đặt ở ngoài trời, ngồi cạnh đó là khoảng 30 người đàn ông, đàn bà và trẻ con và đang dùng bữa trưa. Cordier giới thiệu khách và mời ông dùng bữa. Còn có thêm 10 người nữa sẽ đến, ông nói, họ đang đi đốn gỗ hay làm việc khác. Không có điện, nhưng có không khí núi tuyết với pha trộn với mùi của những căn nhà bằng gỗ, và một tầm nhìn tuyệt đẹp đến dãy núi Andes.

Bây giờ Gehrig nghe được phần còn lại của câu chuyện. Thời đấy, những người Pforzheim đi tàu hỏa đến Genoa, từ đây lên tàu "Lavoisière" qua Đại Tây Dương đến Montevideo và từ Uruguay bằng "Fitzroy", một chiếc tàu ven biển, đi sâu xuống phía nam, đến Port Stanley trên Quần đảo Falkland. Rồi nhóm này tách ra. Vài người làm việc ở miền đông cho Công ty Falkland Islands; chính phủ thuộc địa thiết lập một trại ở Port Stanley cho những người còn lại. Họ thường được phân công nuôi cừu và xây đường.

Đề tài trong những cuộc họp vào lúc chiều tối thường là những điều thực tế từ trong cuộc sống khắc khổ của họ hơn là về thuyết giảng, và bao giờ cũng quanh câu hỏi làm sao có thể thống nhất được cả 3 nhóm – cả 2 nhóm trên Quần đảo Falklands và những người còn lại ở Pforzheim. Việc đó thành công năm 1959: Họ mua lại nông trại Paso Flores từ một người phụ nữ người Anh góa chồng, sau đó thêm một nông

trại thứ hai từ một người Áo. Với thời gian, hoàn cảnh bên ngoài và bất đồng ý kiến đã dẫn đến nhiều chia tách và thành lập mới tại nhiều nơi trong vùng.

Đúng là ở Paso Flores họ đã bị nhiều gia đình thúc giục trở về quê hương – một người cha có cửa hàng đồng hồ ở Pforzheim còn dọn đến gần khu kiều dân để thuyết phục cả hai người con của ông ấy. Và một vài người đã thật sự quay trở về Đức. Cordier không thể làm điều đó. Ông đã ở quá xa tất cả. Ở đây, ông sống cuộc sống của ông mà không bị quấy rầy, và ông sống cho Chúa Trời của ông. Ở đây ông là một người đàn ông đẹp, được vẽ bởi lao động và thời tiết. Ở quê hương ông chỉ là một hình nộm đuổi chim trong khu vực dành riêng cho người đi bộ.

---

<sup>1</sup> Vùng cực nam của châu Mỹ La tinh thuộc Argentina và Chile.

<sup>2</sup> Bộ tư lệnh máy bay ném bom.

<sup>3</sup> Nhà tiên tri thời Ba Tư cổ xưa.

## Ramstein

Tuyết rơi lát phát khi tôi đi đứng trên đường biên giới Pháp ở dọc theo rừng hướng về phía tây, ở rìa nam của vùng Pfalz, không lo âu, không suy nghĩ. Tuyết chơi đùa trên đường nhựa, bụi tuyết phủ kín tôi một cách dễ chịu. Con đường không phá rối sự yên tĩnh của tôi, vào cái ngày tháng 12 này hiếm có ô tô chạy trên đoạn đường giữa Lauterbourg và Wissembourg.

Tôi đến Wissembourg sau nhiều tiếng đồng hồ. Một vẻ căng thẳng quân sự nhất định nào đó của những thành phố nhỏ thuộc Pháp nổi bật trước mắt tôi – giàn cây trơ trụi, nơi họp chợ vuông vức, đứng thành hàng để điếm danh, di sản của cách mạng. Một thành phố nhà khung gỗ xinh đẹp vùng Alsace, đứng nghiêm người trước một hạ sĩ quan toàn hảo người Corse<sup>1</sup>.

Một chiếc ô tô dừng lại ngay sau biên giới Đức, người lái xe ngó ý cho tôi đi cùng. Tôi rất ngạc nhiên vì hiếm khi được như vậy, và nói rằng tại sao không.

Ông ấy là người Mỹ, đen thui, và ông ấy nghe một loại nhạc buồn, cứng rắn, hay. Trên gương mặt ông là một nét nghiêm nghị điềm tĩnh. Ông đang trên đường đến Ramstein, trở về doanh trại của ông. Chúng tôi chỉ nghe toàn loại nhạc của người da đen này và không hề nói một từ trong suốt chuyến đi đã kéo dài gần 2 giờ. Mãi đến khi chúng tôi nhìn thấy thành phố, ông ấy mới nhìn tôi.

"Ra chiến trường?"

Ông ấy gật đầu rất chậm chạp, ông gần như đang thương thức điều đó, nhận thức điều gì sẽ đến.

"Ngày mai?"

Ông không trả lời. Ông lại quên mọi thứ xung quanh. Ông đang chuẩn bị tinh thần để gặp gỡ cái chết, điều đấy hiện lên trên gương mặt của ông, đấy là cách ông nghe nhạc của ông. Ông không có mục đích trong chuyến lái xe cô đơn vừa rồi, nhưng ông đã cần nó và thêm vào đó là loại nhạc này và đất nước đầy tuyết ở bên ngoài, đất nước mà ngoài làn này ra ông chưa hề đi không có mục đích và cô đơn như vậy. Đối với ông, nó xa lạ với những cây thông và những đỉnh núi đá nhô cao của nó, ngồi trên đó là những cái đầu màu đỏ dầm mưa dãi nắng, những người không lò xa lạ và những vị vua của một câu chuyện kể xa lạ – bây giờ ông muốn nhìn tất cả thêm một lần nữa, để ghi nhớ và mang nó theo vào trong sa mạc và lấy nó ra trong một lúc một mồi hay khó khăn.

Cuối cùng chúng tôi đến một con đường dài, thẳng tắp và trông giống như chúng tôi đang lướt qua nước Mỹ. "Pentagon Car Sales". "X-mas". Dòng chữ "Pregnant?" bằng đèn neon nhấp nháy. Ramstein nhấp nháy. Một dàn đồng ca Phúc Âm hát trong rạp chiếu bóng của làng. Mỗi thứ 2, thứ 4 và thứ 6.

Ông ấy lại trở về nhà. Ông dừng xe lại, tôi bước xuống. Trước khi tôi đóng cửa xe, ông ấy cố nói đùa, một cái gì đấy với "nghỉ mát dưới ánh nắng mặt trời", và tôi cố cười. Một chiếc máy bay vận tải to bay qua ở cao độ thấp.

Một giờ sau đó tôi lại nghe thấy tiếng nhạc. Trong Mackenbach, một ngôi làng cách Ramstein không xa lắm, có một dàn nhạc đang tập trong một gian sảnh. Tôi hỏi thăm một người phụ nữ trên đường phố về dàn nhạc này. Bà mời tôi vào nhà rồi cho tôi xem một bức ảnh của cha bà lúc còn là một thanh niên trẻ tuổi ở Brooklyn. Bức ảnh chụp từ đầu của những năm 20.

Người Mỹ rất ngạc nhiên, bà nói, khi họ chiếm đóng các làng ở đây trong mùa xuân năm 1945 và được chào mừng bằng tiếng Mỹ tương đối tốt. Đó là làng của những người chơi nhạc dạo, và họ đã đi rất xa, khắp thế giới. Rất lâu trước khi người Mỹ mang đội đồng ca Phúc Âm vào trong rạp chiếu bóng làng của Ramstein, Ramstein đã mang nhạc của nó sang Mỹ. Cứ vào mỗi hè, các dàn nhạc từ vùng này bắt đầu đi. Vào giữa thế kỷ 19 các dàn nhạc đầu tiên đã vượt qua Đại Tây Dương.

Người phụ nữ cho tôi xem ghi chép của 4 nhạc sĩ. Họ đã xuống tàu trong mùa hè năm 1890. Từ New Jersey họ đã đi tàu hỏa đến Atlanta, để chơi nhạc vào mỗi buổi trưa trong sở điện tín, vào lúc *high noon*<sup>2</sup>. Sau đó đến Griffin – "một cái ổ không tốt", người biên sử của ban nhạc ghi chú – rồi tới Charleston. Chuyến đi trở thành một lần lưu diễn lớn trong các bang ở miền nam, Augusta, Chattanooga, Knoxville. Máu đã chảy trong Memphis. "Một thanh niên da trắng đã đâm dao vào bụng một người da đen ngay bên cạnh chúng tôi trước một quán rượu. Vào ngày 2 tháng 3 năm 1891 tôi thề rằng từ nay không bao giờ sang Mỹ nữa." Nhưng chỉ vài ngày sau đó họ lại trình diễn trong một buổi dạ hội tư nhân. "Ồ đó, trong lúc chúng tôi đang chơi nhạc, mấy đứa trẻ da đen hét thật to, đến phát sợ."

Thu nhập giảm trong thời gian ngập lụt lớn vào mùa xuân, và ban nhạc lên đường đến Texas. Ở Texarcana, người ta bắn nhau trong một lần biểu diễn, người tổ chức phải chạy trốn. Ở Dallas, họ chơi nhạc trong một nhà tù xây tròn có điểm thu hút chính là 2 người đàn bà da đen dính liền lưng với nhau. Trong Houston, người ghi chép bị bệnh sốt rét. Khi đứng lên được, ông mới biết rằng người ta đã lấy trộm mất ví tiền và cái đồng hồ Thụy Sĩ của ông.

Tiếp theo đó là chuyến lưu diễn ở Vịnh Mexico, thường 4 nhạc sĩ phải ở chung một phòng. Họ mừng Giáng Sinh giữa những người chơi bạc mà tất cả họ đều mang súng ngắn. Mãi sau 2 năm ban nhạc mới lên tàu thủy ở New York.

Một vài đồng nghiệp ở lại Mỹ, họ tìm được việc làm trong những dàn nhạc lớn, trở nên nghèo khó hay thành người tìm vàng. Nhưng phần lớn đều trở về quê hương, và với số tiền kiếm được ở Mỹ họ đã tậu nhiều ngôi nhà xinh đẹp. Người ta có thể dễ dàng nhận ra chúng, người phụ nữ nói, "đó là những căn nhà có đầu hồi nhạc sĩ". Chúng vẫn còn ở trong những ngôi làng, lớn hơn nhà của những người ở lại một ít, có chòm sao thiên cầm trên đầu hồi ở giữa như dấu hiệu của sự thịnh vượng mang tính âm nhạc và thông thạo thế giới. Bây giờ vài căn nhà đó được sĩ quan người Mỹ thuê lại để ở. Không loại trừ khả năng ông bà của họ đã quen nhau trong một lần biểu diễn nhạc của người Mackenbach trong St. Louis, Austin hay Texarcana.

Rồi tôi lại chỉ có một mình. Trên đường trở về biên giới tôi đi qua nhiều thung lũng đầy đá, có rễ của những cây cỏ thụ uốn lượn như rồng rắn ở bên trong, qua rừng có

thành trì màu đỏ nhô cao ra từ đó và những tảng núi đá màu đỏ mà không thể phân biệt được chúng với những thành trì.

Richard tím sù từ<sup>3</sup> đã bị giam trong thành Trifels không thể đánh chiếm được ở phía bên kia. Theo một bài ca do một tu sĩ St. Gallen chép lại, trước khi thiên niên kỷ đầu tiên chấm dứt, Gunther của Burgund đã đánh nhau với Walther của Aquitanien trong những khu rừng thuộc trường ca Nibelungen này để tranh đoạt kho báu của người Hung. Và trong một doanh trại sa mạc ở Lưỡng Hà có lẽ bây giờ đã có một người lính da đen đang nằm thao thức và mơ về những cây thông trắng với thành trì đỏ.

---

<sup>1</sup> Ý nói Napoléon Bonaparte.

<sup>2</sup> High noon: Giữa trưa (đúng 12 giờ).

<sup>3</sup> Richard tím sù từ tức Richard I (1157-1199) là vua của nước Anh, bị bắt giam trong thành Trifels để đòi tiền chuộc.

## Quán cà phê Thiên Thạch

Quang cảnh thay đổi ở phía bên kia của Pirmasens. Nếu các cánh rừng sa thạch đường như đây những bí ẩn thì bây giờ phải là hoàn toàn không có bí ẩn nào trong mọi tình huống. Thiếu nữ trẻ tuổi lại phô bày hình xăm và da trần của họ. Phụ nữ với y phục bằng da, trong những năm tháng tốt đẹp nhất của họ, tự treo trên thân mình những con gấu bằng nhung. Nhà thờ tự do và quán ăn nhanh châu Á tự tiết lộ cho tôi những giấc mơ vàng của chúng. Một xưởng sửa chữa ô tô gọi to, tên của nó là "Boxenstop". Những phong cảnh ít lộn xộn hơn rất nhiều đã nuông chiều tôi như thế đó. Các ngôi làng ở đây quay lưng ra đường, và với những mặt tiền đang tróc vữa và cửa sổ bị xây gạch che kín, chúng có một vẻ gì đó giống như ở phương nam, không còn hoàn toàn Đức nữa.

Bắt đầu từ Sarreguemines tôi đi dọc theo sông Saar – lại một con sông là biên giới. Tôi đã quên sông Saar, có nhiều sông biên giới hơn là tôi nghĩ. Oder, Neiße, một ít Donau, một ít Inn, rất nhiều Rhein – tiếp tục về phía bắc còn có sông Mosel – và bây giờ là sông Saar, nó không rộng, giống Neiße hơn là Oder.

Khi tôi từ Kleinblittersdorf ở bờ sông Đức đi bộ qua cầu vào Grosbliederstroff thuộc Pháp nằm đối diện – "jumelée avec Kleinblittersdorf"<sup>1</sup> – và thêm một vài bước đến con đường chính, tôi đứng trước "Café de la Paix"<sup>2</sup> như thường gặp. Và trước một tấm quảng cáo cho bia của địa phương. Nó có tên là "Thiên Thạch" – thật là trùng hợp ngẫu nhiên: hòa bình và thiên thạch. Cả hai cần phải hiệp lại với nhau. Cái này đã nằm trong cái kia rồi. "Cà phê Thiên Thạch", quán trọ của tôi lẽ ra phải có tên như vậy. Và cái tốt là "Café de la Paix" đã đóng cửa rồi, tuy rằng một thức nóng nào đó sẽ làm cho hòa bình cá nhân bên trong tôi tốt hơn.

Không có thì tôi cũng tìm được nó, tôi có mũ trùm đầu để làm gì. Tôi đội nó lên đầu và tiếp tục đi dọc theo sông, còn làm gì nữa. Sau nhiều tiếng đồng hồ tôi nghe tiếng âm ào trong không khí, không cao lắm ở phía trên tôi. Không phải máy bay chiến đấu, không có loại nào bay thấp như thế. Đó là cầu, nhiều cây cầu liên tiếp nhau, cầu trong mây – xe đang chạy tàng hình ở phía trên đó.

Tôi vẫn còn đi theo sông Saar. Ở bên kia có một ngôi biệt thự, nó quay cái cửa sổ to được chiếu sáng lại phía tôi, ở bên trong có một người đàn ông đang treo trang trí cho một cây Giáng Sinh thật đẹp. Tôi nhìn ông ấy một lúc và thường thức cái cảm nhận, đứng trước cái cửa sổ này, nằm ở bên kia sông không thể đến được. Khi

quay người lại, tôi nhìn thấy một thằng bé đang xịt một cây cột bê tông bên cạnh tôi. Nó chăm chú làm việc đó, giống như người đàn ông bên kia treo những quả cầu lên cây Giáng Sinh của ông ta. Nó chẳng hề để ý đến tôi. Nó cũng đội mũ trùm đầu.

Sau đó, tôi đi qua một khu nhà công nhân thời trước, nhà xưa với mặt tiền hẹp. Rất có thể là chúng đã từng xinh đẹp – niềm hãnh diện của công nhân luyện kim Dillingen –, bây giờ tất cả chúng đã bị làm biến dạng. Nhà đỗ xe bỏ vào trong đấy, cửa sổ có màn cuốn dựng làm chướng ngại vật. Lúc nào cũng có những chiếc ô tô nhỏ, đã làm cho chạy được nhanh hơn, lao ngang qua, nhạc cứng, nhanh vang ra từ bên trong.

Bà chủ của cái quán mà tôi muốn vào để sưởi ấm đang nằm sấp trên bàn và để cho một phụ nữ xoa bóp tấm lưng trần. Bà nhìn thấy tôi, đứng dậy, kéo áo len xuống, đi đến chỗ tôi và nói: "Ngày mai có mùa thoát y ở đây đấy, bắt đầu từ 17 giờ."

Vài người khách ngồi cạnh quây rượu, một vài công nhân đứng tuổi tả tơi, phụ nữ nhuộm tóc vàng. Có nhạc ồn ào. Một trong những người đàn ông không muốn chờ đến ngày mai. Ông đập một tờ tiền lên quây rượu.

"20 euro, nếu cả 3 em chịu cởi đồ ra. Nhưng mà phải cả ba."

Bà chủ quán lại tóc chiếc áo len lên ngay lập tức và phơi bộ ngực ra. Cô phục vụ phía sau quây rượu cười nhạo ông ấy và tiếp tục rót bia. Làm cho tôi khó chịu là người thứ ba có đôi mắt lão liên cũng được người đàn ông ga găm, một người khách như ông ấy. Bà ấy đang chờ xem sự việc diễn tiến ra sao, rình rập. Bà nhìn qua lại, hơi thờ dờ dập. Nếu như chẳng có gì xảy ra, bà ấy sẽ tiếp tục uống bia và yên lặng. Nếu tin hiệu được phát ra, bây giờ mọi việc đều được phép – bà ta sẽ tham gia.

Bà chủ quán chẳng hề mở miệng cười. Bà đã trải đời, không điều gì có thể dễ dàng gây ấn tượng cho bà. 20 euro, được thôi, bà sẽ giao hàng với giá đó, nhưng cũng không nhiều hơn. Nhanh chóng kéo áo len lên, nhanh nhẹn kéo nó xuống. Người nữ phục vụ không cần đến như thế. Cô ta còn quá trẻ để có thể làm việc này và cái quán thì quá tàn tạ. Nếu điều này trở nên quá ngu xuẩn, cô ấy sẽ đơn giản bỏ đi.

Nếu người ta cứ như 2 người kia thì sẽ không có cách mạng, không có quá lớn, không có tàn nhẫn. Nhưng thỉnh thoảng con người lại giống như người thứ ba. Rồi có thể sẽ xảy ra nhiều điều xảy ra trong một cái quán nhậu tàn tạ như thế này. Trong cả một đất nước.

Tôi sực nhớ lại một sự việc. Trong tháng 11 năm 1938, một đám đàn ông trẻ tuổi xông vào một trong những căn nhà khá giả ở quê tôi và lao vào giày của bà chủ nhà. Có nhiều giày. Một trong số họ chạy trở ra ngoài. Hắn quay lại với một khúc gỗ to, như hắn sẽ dùng để chẻ củi, và với một cái rìu. Hắn đặt khúc gỗ vào trong phòng, rồi hắn cầm lấy những chiếc giày Do Thái, đặt chúng lên trên đấy, từng chiếc một, và chặt nhỏ chúng ra.

Tôi đi ngang qua một nhà máy to khổng lồ, rỉ sét và đầy bồ hóng lúc vào trong Dillingen. Ông dẫn, cầu thang sắt, ống khói, lối đi, cầu, lò hơi. Khói trắng toát tỏa ra, từng đợt một, trắng hơn bầu trời xám màu tuyết. Những hình trụ nặng nề thoát ra trên đường ray từ bụng dưới của con quái vật khổng lồ. Không khí đang sôi và cháy ở phía trên của sắt thô đã hóa lỏng, tàn lửa bay tung tóe từ làn da sần sùi như hủi của nó. Giống như cái nhà máy là một sinh vật tự làm việc. Đàn ông đội mũ đứng chung quanh lửa nóng của những hình trụ mà nó đang thải ra và dường như họ chẳng phải làm gì ngoài việc chăm chú quan sát con quái vật khổng lồ đó, xem nó cử động và cuộn tròn và lê bước đi.

Câu nói cuối cùng trước khi tôi đặt lưng xuống ngủ là lời chỉ thị của bà chủ khách sạn khôn khéo người Đan Mạch, phải xuất hiện đúng giờ để điểm danh ăn sáng. "Chúng tôi là những người dậy sớm!" Và tôi đi ngủ như vậy. Nhưng tôi không ngủ

ngay được. Một câu nói khác cứ lớn vồn trong đầu tôi. Một người đàn bà ở bàn bên cạnh đã nói câu đó, trong quán pizza mà tôi đã vào ăn tối: "Thời nay người ta lúc nào cũng phải không đau đớn."

---

<sup>1</sup> Tiếng Pháp "Kết nghĩa với Klienblittersdorf".

<sup>2</sup> Tiếng Pháp "Quán cà phê Hòa bình".

## Người khách cuối cùng

Cuối cùng thì màu sắc của phương nam cũng đã ở lại phía sau. Màu đỏ ấm áp của những thành phố sa thạch, những mặt tiền được quét vôi bằng màu mặt trời của chúng. Sông Saar uốn cong vào trong đồi núi, những đồi núi trở thành đồi trũng nhỏ dần cuối cùng, rồi chằm dút. Diệp thạch là màu của đất nước ở phía bên kia của Porta Nigra<sup>1</sup>.

Một chiếc xe buýt chạy lên Prüm, lên vùng đất núi non gọn sóng, qua những ngôi làng có tên là Wintersdorf, Hohensonne và Newel. Chúng cứng rắn hơn những ngôi làng dưới thung lũng. Mặt trời cũng chiếu sáng ở trên vùng Eifel này, nhưng nó chỉ làm cho đá cứng rắn hơn, chứ không làm cho nó trở nên mềm mại như ở bên dưới cạnh dòng sông. Thiếu cái mờ ảo, cái phai nhạt của trường phái Ấn tượng. Khi một ngôi làng xuất hiện trên sườn núi, nó là một hình mẫu được vẽ rõ nét từ những mái nhà màu đen và vữa mặt tiền màu trắng lấp lánh.

Từ Prüm, tôi muốn đi bộ qua vùng núi Schnee-Eifel, đến biên giới Bỉ rồi đi xa hơn nữa. Một người đàn ông trên xe buýt chỉ đường cho tôi đi. Đầu tiên, tôi phải qua núi Kalvarien, nhưng trên đường lên núi tôi phải đi vòng qua một cái hồ khổng lồ, núi đã nổ tung sau chiến tranh. Người Pháp đã tích trữ đạn dược ở trong những đường hầm của nó, để cho nó Westwall<sup>2</sup>. Vào một buổi tối nào đó, chuông báo cháy kêu to rồi ngay sau đấy sườn núi đã nổ tung. Ông ấy giải thích cho tôi với một vẻ tự hào nhất định rằng cái hồ của Prüm là một trong những hồ nổ to nhất thế giới. Rồi ông lưu ý tôi rằng nó không phải là "Schnee-Eifel" như tôi nói. Tên đúng của nó là "Schneifel".

Schneifel! Tôi nhìn vào trong tấm bản đồ của tôi – thật sự là như vậy. Trước đây tôi không hề nhận ra. Tôi đã nhìn hàng chục lần và lúc nào cũng đọc là "Schnee-Eifel", thôi cứ cho nó là như vậy. Tôi không muốn biết gì về Schneifel cả. Tôi nói với ông ấy rằng tôi đến đây chỉ vì cái tên đó. "Eifel-tuyệt" nghe có vẻ giống như "báo tuyết", còn "Schneifel" nghe giống như một mồm nhọn đang bị ngạt mũi. Tôi sẽ không bao giờ đi qua một Schneifel.

Tôi có được tuyết và báo của tôi. Hay nó có tôi. Phần đầu của con đường dẫn qua đồng trống. Tôi nhìn thấy những ngọn đồi trắng và rìa tối của chúng – đó là những cánh rừng tôi đang đi đến. Trời bắt đầu rơi tuyết. Lúc đầu lát phất, rồi càng lúc càng dày hơn, thế giới bao la vừa rồi đã biến thành một vũ trụ mờ đục đang yên lặng xoay tròn. Trên và dưới, gần và xa đều tan biến đi.

Đến một lúc nào đó cánh rừng thu nhận tôi. Thịnh thoảng tôi đứng lại để lắng nghe tiếng kêu của một con chim ó buteo hay nhìn ngắm tuyết đang loạng choạng, và khi đến một ngã tư tôi nghe tiếng ồn của một động cơ đang tiến đến gần. Đó là một xe vận tải đi mọi địa hình, như những công nhân thường sử dụng. Người lái xe chờ gỗ. Ông ấy dừng lại và lộ đầu ra khỏi cửa sổ xe. Ông ấy có khuôn mặt của một người chạy trong rừng – gầy, dai nắng, đôi mắt linh hoạt – và đội một cái mũ da đã nhờn có vành rộng cắm một cái lông chim ó buteo. Ông ấy ngậm một ống điếu mà từ thời của

ông của tôi tôi không còn nhìn thấy nữa. Một cái có đầu dẹt, cháy đen và cán đã bị nhai nát.

"Thế nào – đi xe hay đi bộ?"

Tôi bước vòng qua xe và leo lên cửa. 2 cái cửa máy nằm trên băng ghế, tôi phải kẹp tôi vào giữa chúng, vừa xong là ông ấy bắt đầu chạy ngay lập tức. Động cơ ồn ào, tôi chỉ tay vào cái lông chim.

"Ó buteo?"

Người đàn ông gật đầu. Hè vừa rồi có nhiều chuột lắm, ông nói to, chúng nhảy loạn trên đồng khi ông lái máy thu hoạch chạy trên đó. "Điều đó với ó buteo làm việc như điên." Một con ó buteo đã bay vào cỗ máy của ông. Ông cười to.

"Tham lam!"

Ông nhấn ga. Rồi ông ấy thích thú nhìn tôi cực nhọc quẩn 2 cái cửa máy, chiếc xe cứ thế lao đi và nhảy lên trên những đường rãnh đã đóng băng. Bây giờ chúng tôi đến chân một sườn đồi dốc. Ông phanh xe lại, hất đầu qua phía sườn đồi và nhìn tôi thách thức.

"Tôi lái xe, anh chạy bộ. Xem ai lên trước!"

Tôi ngược nhìn lên sườn đồi. Nó là một đường trượt tuyết, thang máy chưa hoạt động. Đường dốc – dốc nhưng ngắn. Nếu đi xe người ta phải lái vòng qua cả ngọn đồi.

"Anh có cơ hội đấy."

Tôi để cái ba lô lại ở chỗ mấy cái cửa máy và bắt đầu chạy ngược lên đồi, và người đàn ông lao xe xuống con đường rừng. Ngay sau đó tôi biết mình đã sa vào chuyện gì. Dốc đứng và tuyết, quá nhiều. Chỉ sau một lúc ngắn tôi đã thở dốc. Và sau 50 m thì hơi thở dồn dập của tôi đã chuyển sang hỗn hển đứt đoạn, xì hơi đầy nước bọt. Tôi chậm lại, càng lúc càng chậm lại, đau ngực, mạch máu đầu đập thành thịch, tôi trượt ngã nhiều lần. Để tự đánh lạc hướng mình bằng con đau khác, tôi dùng 2 tay vơ đầy tuyết và ép nó lại với nhau thành một cục băng to. Tôi dùng cả 2 tay lẫn 2 chân để chạy và suýt tí nữa thì đã quăng thân mình xuống để nằm lại đó. Ông ấy đã lừa tôi. Tôi tưởng tượng cảnh ông ấy đứng ở trên đấy và đang ngoác miệng cười để chờ tôi. Schneifel trả thù, vì tôi đã khinh thường tên của nó.

Tôi bò lên dốc, tôi bò và bò. Cuối cùng thì nó cũng thoải mái dần, và sự việc đúng như tôi đã lo ngại. Khi đứng thẳng người lên, tôi nhìn vào một nụ cười toe toét.

"Lấy cái đó ra khỏi miệng đi!"

Ông ấy cầm lấy cái ống điếu và thông thả gõ tàn thuốc ra, đóm lửa chìm xèo xèo vào trong tuyết.

"Thôi đừng giận nữa", ông ấy nói, "báo chạy nhanh hơn."

"Báo? Tại sao lại là báo?"

"Người ta chỉ nói thế thôi. Tôi có quen một người lúc nào cũng nói như vậy. Đi nào, anh theo tôi về lại đường đi."

Tiếng ồn của động cơ chìm dần. Tôi lại chỉ còn một mình ở trong rừng và nghe tiếng kẽo kẹt của bước chân tôi. Chỉ còn hơi thở của tôi, vẫn còn có thể nghe rõ được, chứng minh cho tôi rằng tôi vừa mới cố chạy ngược lên một đường trượt tuyết và cố thắng được một chiếc xe chạy đường rừng.

Hoàng hôn buông xuống khi tôi đến được quán trọ đã nghe nói trước đó. Người ta thấp giọng kể lại với một nụ cười méo mó: Vâng, nếu ông muốn đến đấy – nhưng mà nó hơi đơn sơ đấy, tuy có vài người không thấy vậy là khó chịu. Và rất vắng. Có thể ông là người khách duy nhất đấy.

Tôi bước vào, và thật sự – tôi là người khách duy nhất. Ở trong này lạnh và hoàn toàn yên lặng. Tất cả các bàn đều không có người ngồi, ngoại trừ một bàn có bà

chủ đang ngồi trong tranh tối tranh sáng, một người phụ nữ gầy gàn như mảnh khảnh mang quần áo đen. Áo len đen, tất đen, váy đen và tóc đen. Bà mang một áo trắng dưới cái áo khoác.

Tôi không chắc có muốn ngủ qua đêm ở đây hay không, tôi nói, và bà lấy làm tiếc rằng không thể cho tôi một hy vọng nào khác. Không, hôm nay thì tôi không thể đi tiếp được nữa. Không có taxi trong vùng này, và nếu đi bộ thì phải cần nhiều tiếng đồng hồ mới tới được làng gần nhất.

"Nếu thế thì mọi việc đều đơn giản. Bà có phòng trống không?"

Đó là một câu hỏi thừa trong một ngôi nhà trống vắng. Bà chủ quán mỉm cười. Mãi đến bây giờ, khi đã rõ là tôi sẽ ở lại, bà ấy mới bật đèn và vặn sưởi lên. Tôi quẳng đồ đạc vào trong gian phòng bà ấy chỉ cho tôi rồi lại đi xuống phía dưới và tìm một bàn ngồi. Tờ thực đơn, một nửa tờ giấy được đánh máy với băng mực đã nhạt màu. Chỉ một vài món ăn được liệt kê trên đó, ngăn cách nhau với dấu bằng. Tôi đặt món cá hồi nâu, và bà chủ quán bày bộ dao nĩa ăn cá bằng bạc lên bàn. Khi nhìn thấy chúng, tôi biết rằng mọi việc sẽ tốt đẹp.

Tôi xin trà nóng, bà mang nó lại rồi đi vào bếp. Sau một lúc, mùi cá nướng thơm phức bay vào phòng, ngay sau đó bà dọn món cá nướng ra và mang đến một chai rượu vang. Bà tự chọn nó. Nó thuộc vào loại ngon của bà, bà nói, bây giờ bà không muốn để dành nó nữa. Bà đã kinh doanh cái khách sạn trong rừng này cả đời rồi, chẳng bao lâu nữa bà sẽ nghỉ, sắp tới đây thôi.

Khi bà rót rượu tôi nhìn thấy đôi bàn tay mạnh mẽ giống như đàn ông của bà. Bà lại ngồi xuống cạnh cái bàn mà tôi nhìn thấy khi mới vào, và trong khi tôi ăn món cá hồi tuyệt vời của bà và uống rượu vang của bà, bà kể về sự hoang vắng của vùng Eifel và về cuộc đời của bà.

Họ là 11 chị em. Bà không lấy chồng, một người chị của bà cũng không. Họ đã cùng nhau mua lại cái khách sạn trong rừng. Bây giờ người chị đã chết và bà chỉ còn một mình.

Bà chỉ tay vào tấm sắt lò sưởi ở trên tường – một di vật gia đình to lớn nặng nề từ thế kỷ 16. Nó treo ở đó giống như một bức tranh. Gia đình nông dân giàu có thời đấy thường hay sở hữu một cái giống vậy. Bà xuất thân từ một gia đình như vậy. Nhưng nhiều đứa cháu của bà không còn là nông dân nữa, tất cả đều là bác sĩ hay luật sư, và một người trở thành mục sư. Người đấy đã trao thư viện thần học lại cho bà khi sang nước Suriname.

Bà đã có nhiều khách nổi tiếng. Sĩ quan, đã từng chiến đấu trong vùng Ardennes, người Đức, nhưng cũng có cả người Mỹ. Ở đây trong quán trọ họ đã thảo luận nhiều đêm về tiến trình những trận đánh của họ, nhiều thập niên sau chiến tranh vẫn còn. Mặt trận trong vùng này dịch chuyển qua lại – trong làng quê của bà ở dưới chân vùng núi Eifel cũng vậy. Người Mỹ đã có ở đó khi chiến dịch Ardennes của người Đức bắt đầu.

Là phụ nữ trẻ tuổi, bà phải đi phục vụ, trong vùng núi Rhön, trong gia đình Todt. Người lãnh đạo tổ chức Quốc xã cùng tên đã có một ngôi nhà ở đó. Vào một ngày nào đó, trong năm cuối cùng của chiến tranh, bà đã chạy trốn và nhờ có nhiều may mắn mà về tới được làng của bà. Chẳng bao lâu sau đó người Mỹ nằm ở đấy và người Đức nã đạn vào làng.

Bà đứng dậy và đi đến chiếc tủ cạnh tường, lấy một quyển sách ra, một quyển sách dày và nặng, rồi đặt nó xuống bàn.

"Vật hiếm đấy."

Bà mở nó ra. Con trai của một sĩ quan quân đội Đức chứng minh trong đó rằng những phê bình của cha ông ấy về lực lượng SS là đúng, lực lượng thúc đẩy chiến dịch tuyệt vọng này. Ông ấy đã chứng minh điều đấy bằng nhiều văn kiện của các bộ

tham mưu và bằng nhiều sơ đồ trong lần in ấn tư nhân, số lượng in khoảng chừng như số trang – vài trăm.

Bà chủ quán thuật lại những đêm sôi nổi ồn ào cạnh những cái bàn này. Về người đại úy, hề nào cũng gặp người cần vụ lúc trước của ông ở đây, để nghỉ mát. Sau vài năm, người cần vụ xuất hiện trong chiếc Mercedes mới toanh, còn ngài đại úy của ông ấy vẫn chạy đúng một chiếc ô tô ngày càng rỉ sét hơn.

Và bà kể về tổ chức khủng bố RAF. Về thời của những vụ bắt cóc. Thời đấy cảnh sát đã vào rừng và lục soát các công sự của tuyến phòng thủ Westwall, người ta nghĩ rằng có Hans Martin Schleyer<sup>3</sup> ở trong một công sự đó. Ngày mai tôi sẽ đi ngang qua công sự này.

Và bà kể về một người Bỉ. Ông ấy sợ đến suýt phát điên, khi nhân viên điều tra của Cục hình sự liên bang Đức đến chỗ bà vào quán trọ – đến tìm ông ấy. Chiếc xe Volvo của ông ấy đã làm cho nhân viên điều tra nghi ngờ. "Ông ấy đứng run lẩy bẩy trước các nhân viên điều tra, trắng bệch như người chết. Ông ấy nghĩ họ tìm ông ấy." Chỉ có vài người biết rằng ông ấy là người cầm đầu nông dân dưới thời Quốc xã, trong vùng Eupen-Malmedy nói tiếng Đức ở bên kia biên giới. Người Bỉ đã tuyên án tử hình ông, và ông không bao giờ dám trở lại quê hương nữa. Một góa phụ địa chủ người Đức đã lấy ông ấy. Lấy chồng rẻ tiền hơn là một người quản lý, bà ấy nói.

Bà chủ quán rót thêm rượu. Rượu vang của bà ngon. Và nó giống như thể đất nước đang rót thêm rượu cho tôi, đất nước mà tôi đã đi gần vòng qua, như thể nó đang ngồi cạnh tôi và giữ tôi lại và vẫn còn muốn thức, như thể có những điều nhất định còn phải nói.

Tôi sẽ không đi tìm cái công sự đó vào buổi sáng ngày mai. Tôi cũng không chạm đến quyển sách dày cộm về trận đánh Ardennes. Tôi nhìn những cái ghế có màu vàng của đất son trên những cái chân bằng thép đã mệt mỏi của chúng. Mấy chiếc đèn nhựa đã từng có màu trắng. Ấm trà nhỏ có vẻ như đã trở thành dễ vỡ vì được sử dụng từ lâu, lâu lắm rồi. Phòng bắt lầu lạnh và rượu vang đã uống cạn.

Bây giờ đã đủ.

Bây giờ tôi nên đi. Tôi đã nhìn tất cả thêm một lần nữa, đã nghe tất cả thêm một lần nữa, tôi là người khách cuối cùng. Ai đó nên tắt đèn và khóa cửa, và để yên cho những bóng ma, khi họ bàn về những trận đánh ngày xưa của họ, nhiều đêm liền. Đã đủ rồi.

---

<sup>1</sup> Porta Nigra ("Cổng Đen") là cổng thành từ thời La Mã ở thành phố Trier thuộc Đức.

<sup>2</sup> Westwall: Hệ thống phòng thủ quân sự của nước Đức kéo dài 630 km từ biên giới Hà Lan cho đến biên giới Thụy Sĩ.

<sup>3</sup> Hans Martin Schleyer (1915 -1977), chủ tịch Liên đoàn chủ lao động Đức, chủ tịch Liên hiệp công nghiệp Đức đã bị tổ chức khủng bố RAF bắt cóc và giết chết trong tháng 9 năm 1977.

## Đêm Yên Lặng

Một làn gió tây lạnh buốt thổi vào mặt tôi. Mây đang cháy rực trên nước Bỉ, một tiếng chuông vang không ngưng. Tôi đi qua biên giới trên đồng trống. Làng Bỉ đầu tiên có tên là Krewinkel. Những ngôi làng vắng vẻ, dấu mình sâu trong một chỗ trũng, dưới gió. Tôi bước ra ở Ardenner Center. Nhiều người Đức trùm mặt dày cộm đang xếp sô cô la Bỉ vào trong cốp xe, như thể họ vẫn còn đang trên đường chạy trốn.

Tôi nhìn thấy một người đàn ông đâm vào cái máy đánh bạc. "Đồ dĩ thảo", ông hét to, "đồ vô dụng, đúng là đồ vô dụng, tao đánh cho mày hồng. Bệnh thần kinh ghê tởm. Tao đánh cho mày hồng", rồi ông ấy đánh rầm thật to. Ông nhăn tít, và ông xin ông chủ quán thêm một tờ nữa. Ông mang bộ quần áo trượt tuyết màu xanh nước biển, cái vòng tóc quanh chỗ hói dựng ngược cả lên. Người chủ quán nói: "Hermann oi là Hermann!", và đưa cho ông ta một tờ 10.

Tôi bất thành linh phải vội vã. Tôi đi tắt, xuyên qua một khu rừng Giáng Sinh. Cây thông cao, có phải như thế trong một bài ca hay không, cây thông cao, có cái gì ở đó. Rồi tôi lại bước ra gió, nó thổi ào ào qua đất trống. Xe chở gỗ chạy âm âm ngang qua, có hương nhựa trong không khí nhiều phứt liên, mây trôi đi nhanh.

Một người đàn ông lái xe đến Aachen. Ông cho tôi đi cùng và kể lại những chuyện buôn lậu từ con đường chúng tôi đang đi, một con đường có tên là Thang Trời. Ông chỉ tay ra ngoài cửa kính. Ở đó đã là Bỉ rồi – ngay bên đó có một ngôi làng Đức lúc trước chiến tranh, trẻ em đi bộ qua biên giới để đi học. Khi đàn áp trở nên gay ắt hơn, thỉnh thoảng người ta đã sắp xếp cho một vài trẻ em người Do Thái từ Köln hay Aachen có ở trong đó, khi qua Bỉ trở về nhà. Tiền công cho một đứa bé được mang lậu là một đồng vàng. Chỉ cần đi ra, đi ra!

Và ông tiếp tục kể, về những người buôn lậu cà phê liều lĩnh ở Aachen, đó là sau chiến tranh. Trên con đường này họ đã trộm chiếc xe của vua Bỉ đang chiêu đãi những người đi săn trong một cái quán – chúng tôi chạy ngang qua đấy. Những người buôn lậu được lính canh phòng biên giới chào và vẫy tay cho đi qua, với hàng hóa cho đến tận mũi. Sau đấy, người ta tìm thấy chiếc ô tô trong Aachen, nòng nặc mùi cà phê.

Chuyện kể, chuyện kể. Chúng chờ đợi bên cạnh đường và trong những ngôi làng. Aachen đầy huyền thoại, đầy di vật, đầy vật báu bằng bạc chạm nổi. Thật ra tôi có thể có đồng hành trong phần cuối của con đường, huyền thoại đồng hành. Tôi không thể. Tôi chọn cái khách sạn gần nhất cạnh nhà ga.

Tôi tiếp tục đi vào buổi sáng dưới một bầu trời xanh lạnh lẽo. Tôi đến Roermond trong Hà Lan, một thành phố với những cánh cửa nhà đẹp, được sơn màu xanh lá cây đậm. Những cái tay cầm bằng đồng thau nặng nề của nó nằm êm ái trong bàn tay. Một thềm muốn len vào trong tôi, đi qua một cánh cửa như vậy, đóng nó lại ở phía sau và ngồi vào bàn và chẳng phải làm gì khác ngoài việc ngắm một tia nắng: Nó nghiên nghiên chiếu vào ra sao, nó nâng một đất nước tươi sáng ra khỏi lục địa đen tối của hành lang ở cửa nhà vào ánh nắng ra sao, một tia nắng mà trong đó có hằng triệu đồng đồng nát bụi tí hon đang xoay tròn.

Tôi đã đánh mất tấm bản đồ của tôi, nó chắc hẳn đã nằm lại ở đâu đấy. Một người khách trong một cái quán, nó có tên là "De Lindeboom", vẽ cho tôi đường đi trên một tấm bia cứng để lót ly bia. Một cái không đủ, ông đặt một cái thứ nhì cạnh bên và tiếp tục vẽ ở trên đó. Với những tấm bia này trong tay tôi bắt đầu đi, tôi chỉ phải đặt chúng so le nhau một tí, ở nơi dấu bút bi chạm nhau. Chúng dẫn tôi ra khỏi thành phố, đi qua một Designer Outlet Center rộng lớn với máy pha cà phê espresso của Ý và máy khoan Đức, vào trong quang cảnh sông Mass bao la với những bầy vịt trời, thiên nga và thuyền của nó và nơi xa xôi đang quyên rũ của nó. Tôi muốn bay vào trong đó.

Đồng cỏ, trắng sương, lóng lánh trong ánh nắng mặt trời. Trong làng Asselt, ở cạnh một nhà nguyện có tên là Rozenkerk, tôi nhìn thấy hoa hồng đỏ đông cứng: như thủy tinh thôi. Sông Maas sáng màu xanh băng tuyết. Tất cả những cái đó làm cho tôi dễ chịu, nó lọc gạn và rửa sạch chuyến đi ra khỏi tôi.

Mấy tấm bia lót ly bia của tôi bảo tôi bây giờ phải rời sông Maas và đi con đường vào rừng. Khi tôi đến đấy và bắt gặp tấm biển "Xin cưới ngựa bên tay trái" thì tôi biết rằng tôi lại ở trong nước Đức.

Đêm và rồi lại đến ngày, và Xanten lạnh buốt. Những bài ca Giáng Sinh vang khắp mọi nơi. Những liên khúc Giáng Sinh bị làm biến dạng một cách đáng sợ. Càng nhanh hơn, càng máy móc hơn khi tôi càng đến gần mục đích hơn. Trong một quán ở gần lâu đài Moyland nó tẻ đến mức, một đoạn ngắt âm của Ihr Kinderlein kommet o Tannenbaum stille Nacht<sup>2</sup>, mà tôi lại phải chạy trốn vào trong cái lạnh giá.

Trong Kleve, ánh đèn Giáng Sinh đu đưa trong gió trên khu vực dành riêng cho người đi bộ. Chiếc tháp của Schwanenburg xuất hiện ở phía trên đó. Bây giờ tất cả đều trống rỗng và yên lặng, không còn nhìn thấy một người, nên được thấp lên trong nhà, năm năm xuống kiệt sức trong đêm nay.

Tôi đi bộ qua đồng ruộng và đồng cỏ trong ánh sáng ban ngày cuối cùng. Quạ bay lượn nhanh như cắt trên bầu trời dưới trăng rằm. Nó biến mất vào sau mây, và khi nó quay trở ra thì tôi bước lên đê. Cứ với mỗi bước chân, các chiếc tháp của thành phố ở bờ sông bên kia lại nhảy lên khỏi mặt đê một tí. Tôi chạy không ngừng đến những cánh đồng cỏ của sông Rhein. Đường như con đường mòn dẫn thẳng vào thành phố ở bên kia.

Khi tôi đứng trước nó, tôi nhìn thấy dòng sông. Nó đập và tràn vào bờ, không yên lặng như trong ký ức của tôi. Bờ cát ở bên trái, các hòn đá nằm bên phải. Không có tàu thuyền, không một tàu vận tải duy nhất. Chỉ có mặt trăng trên sông. Mắt tôi đau buốt. Tôi cúi mình xuống nước và nhúng đầu vào, và khi tôi ngẩng lên, tôi có cảm giác như tôi đang ở rất xa, và tất cả những gì đã đến chỉ xảy ra trong một giây.

---

<sup>1</sup> Hermann: Tên đàn ông Đức.

<sup>2</sup> "Ihr Kinderlein kommet", "O Tannenbaum", "Stille Nacht" là tựa của 3 bài ca Giáng Sinh tiếng Đức.